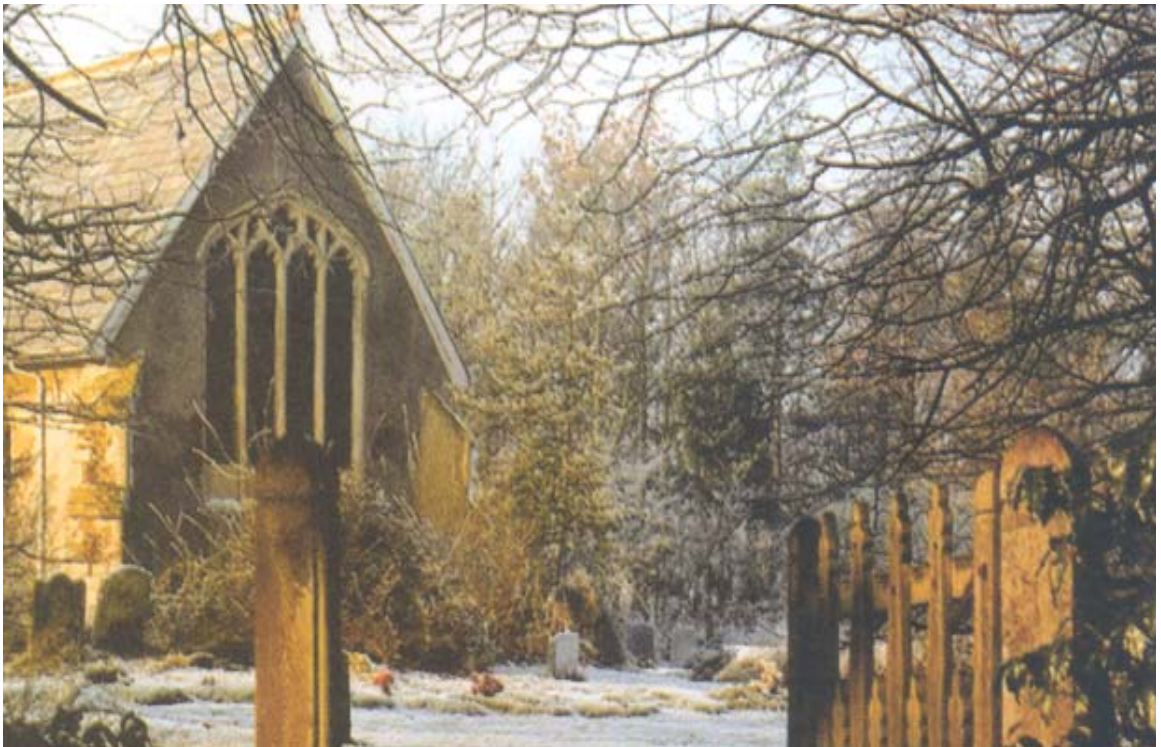


TRUYỆN NGẮN O. HENRY



VNTHUQUAN.NET, 2009.

Truyện ngắn O. Henry

Ái tình theo khẩu phần

Dịch giả: Nguyễn Việt Long

Xu hướng của đàn bà, - Giep Pitox nói, sau khi đã có một vài ý kiến bàn về vấn đề này, - thường hướng về phía mâu thuẫn. Đàn bà muốn cái mà các cậu không có. Cái gì càng có ít, đàn bà càng muốn nhiều. Họ thích lưu trữ các loại xuvonia về những sự kiện thực ra chẳng có trong đời họ. Cái nhìn một phía đối với sự vật không đội trời chung với bản tính đàn bà.

Tớ có một điểm dở bẩm sinh và được những chuyến du lịch phát triển lên, - Giep nói tiếp, mặt đăm chiêu nhìn cái bếp lò nằm lọt giữa đôi chân ghếch cao. - Tớ nhìn một số sự vật sâu hơn đa số mọi người. Tớ đã hít no hơi xăng, đã diễn thuyết trước đám đông hầu như tại tất cả các thành phố của Hoa Kỳ. Tớ mê hoặc người đời bằng âm nhạc, tài hùng biện, sự khéo léo của đôi tay và những thủ thuật ranh mãnh, đồng thời bán cho họ hàng kim hoàn thuốc men, xà phòng, thuốc mọc tóc và đủ thứ tạp nham khác. Trong lúc đi chu du, phần để giải trí, phần để chuộc tội, tớ đã nghiên cứu đàn bà. Muốn hiểu được một ả đàn bà, con người ta cần cả một đời, nhưng những mằm mòng kiến thức về nữ giới có thể đạt được, nếu ta dành cho nó mười năm nghiên cứu cần cù, kĩ lưỡng. Trong lĩnh vực này, tớ đã biết được rất nhiều điều bổ ích khi rao bán ở miền tây kim cương Braxin và đồ nhóm lửa đã được cấp bằng phát minh, - đó là sau chuyến đi Xavanna của tớ qua vành đai băng. Đạo ấy là thời kì phát đạt đầu tiên của bang Oclahôma. Thị xã Gatori mọc lên ở giữa bang

này, vùn vụt như thổi. Đó là một thị xã điển hình ra đời trong cao trào bùng nổ kinh tế: muốn tắm rửa phải xếp hàng, nếu bạn ngồi ăn trong tiệm lâu quá chục phút thì phải trả thêm tiền chỗ ngồi; còn nếu ngủ đất trong khách sạn, sáng ra xin cứ việc chi tiền như nghỉ biệt thự. Về quan điểm lẫn tư chất thì ở đâu tớ cũng thích tìm những chỗ đánh chén ngon lành nhất. Tớ tìm được một nơi hết sức vừa ý. Đó là một tiệm ăn căng bạt của một gia đình vừa mới mở. Gia đình ấy đến thị xã này theo vết chân sự bùng nổ kinh tế. Họ đã dựng gấp một ngôi nhà nhỏ vừa để ở vừa để nấu nướng và chằng thêm lều bạt áp vào ngôi nhà làm tiệm ăn. Lều này chằng đầy những tờ quảng cáo nhằm giành giật từ vòng tay tội lỗi của các biệt thự và khách sạn kẻ lữ hành mệt mỏi. “Hãy ném bánh quy nhà chúng tôi”, “Bánh rán nóng với xirô phong, những món bạn vẫn ăn từ thuở bé”, “Gà rán của chúng tôi lúc sống chưa đến tuổi cục tác” đây là những dòng chữ có nhiệm vụ kích thích sự tiêu hoá của khách ăn. Tớ mới bụng bảo dạ rằng cái thân xác tớ cần tọng một chút gì đó chiều nay tại chính tiệm ăn này. Sự việc diễn ra đúng như vậy. Chính tại đây tớ đã làm quen được với Mâymi Điugân.

Ông già Điugân - kiểu dân ăn không ngồi ở xứ Indiana, cao tới sáu bộ (1) - nằm trên ghế xích đu hồi tưởng lại vụ thất bát năm một tám linh sáu. Bà lão Điugân nấu bếp, còn Mâymi thì phục vụ khách.

Chỉ vừa trông thấy Mâymi, tớ đã hiểu ngay là cuộc tổng kê dân số đã phạm một sự nhầm lẫn. Ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đúng ra chỉ có một cô gái mà thôi! Mô tả nàng chi tiết thật là khó. Vóc nàng xấp xỉ một thiên thần, nàng có đôi mắt, lại còn điệu bộ nữa chứ. Nếu các cậu muốn biết nàng là người như thế nào, thì có thể tìm thấy cả một chuỗi xích, trải dài từ cầu Bruclin về phía tây đến tận trụ sở toà án ở

Caonsin Blaphơ, bang Indiana. Những người như nàng kiếm sống bằng cách làm việc ở các cửa hàng tiệm ăn, trong các nhà máy và văn phòng. Họ có gốc gác theo đường thẳng từ bà Eva, chẳng là họ đã giành được quyền làm đàn bà, còn nếu như các cậu dám đặt dấu hỏi về cái quyền ấy thì có khả năng ăn một cái tát ra trò. Họ là những người bạn tốt, họ trung thực và tự do, dịu dàng và táo tợn, và họ biết nhìn thẳng vào cuộc đời. Họ gặp gỡ mặt đối mặt với đàn ông và đã đi đến kết luận rằng đàn ông là giống sinh vật thảm hại. Họ đã đinh ninh rằng sự mô tả của đàn ông trong các tiểu thuyết đọc trên tàu hoả tựa như chàng hoàng tử trong cổ tích, chẳng hề được thực tế xác nhận. Đây, Mây-mi cũng là một cô gái như vậy. Toàn bộ con người nàng toát lên sức sống, sự vui vẻ và tính linh lợi, với khách thì mau mồm mau miệng: thật chết cười mỗi lần nghe nàng đáp. Tớ không ưa khai quật tận lòng sâu các cảm xúc cá nhân. Tớ vẫn theo cái thuyết cho rằng những mâu thuẫn và những mối tơ vò của cái bệnh có tên gọi là bệnh tương tự là những thứ cũng riêng tư giống như cái bàn chải đánh răng. Theo tớ, các bản tiểu sử những trái tim chỉ nên tìm vị trí cho mình bên cạnh các tiểu thuyết lịch sử về đời sống buồn gan trên các tạp chí dành cho việc rao tin. Vì thế xin các cậu thứ lỗi, nếu tớ không liệt kê ra đây danh sách đầy đủ của những tình cảm của tớ đối với Mây-mi.

Chẳng bao lâu tớ đã nhiễm thói quen thường xuyên có mặt ở quán vào những lúc ít người. Mây-mi tiến lại phía tớ, trong bộ áo dài đen và tạp dề trắng, miệng mỉm cười và nói: “Chào anh Giep, sao anh không đến đúng giờ đã định? Anh cố ý muợn để mọi người phải lo lắng hay sao? Gà rán - bít-tết - thịt lợn - dầu - trứng tráng - với - giăm-bông - ... Nàng gọi tớ là Giep, nhưng điều ấy tuyệt nhiên không có nghĩa gì

cả. Chẳng qua nàng cũng phải phân biệt người nọ với người kia mà thôi. Gọi thế thì vừa nhanh, vừa tiện. Tớ thường ăn hai bữa trưa và cố kéo dài chúng như ăn tiệc trong xã hội thượng lưu, nơi người ta đổi đĩa, đổi vợ và trao qua đổi lại những câu đùa giữa các lần nuốt. Mâymi chịu đựng tất. Có lẽ nào nàng lại làm ầm ĩ lên và bỏ mất một đôla chỉ vì người ăn không đến theo thời gian biểu đã định.

Ít lâu sau lại thêm một cậu chàng nữa tên là Eđ Côliê nảy ra cái thói tọng đồ ăn vào giờ trái khoáy. Vì có tớ và cậu ta mà giữa bữa ăn sáng với bữa ăn trưa và bữa ăn trưa với bữa ăn chiều đã bắc những cây cầu nối thường xuyên. Qnán ăn biến thành rạp xiếc với ba vũ đài, thành thử Mâymi hoàn toàn không còn thời gian nghỉ ở hậu trường nữa. Thằng cha Côliê đầy những thủ đoạn ma lanh. Hắn làm việc đâu như ở đội khoan giếng hoặc bảo hiểm, có quỹ mới biết được - tớ cũng chẳng nhớ ở đội nào. Hắn cũng khá về khoa ăn nói và dễ gây được thiện cảm. Tớ với hắn đã tạo ra trong quán một bầu không khí tình tự và thi đua. Mâymi giữ mình trên tầm cao vô tư và phân phối đều sự lịch thiệp đối với cả hai người chúng tớ, giống như chia bài ở câu lạc bộ ấy: một quân bài cho tớ, một quân bài cho Côliê, và một quân bài đặt cái. Trong ống tay áo không còn một quân bài nào cả.

Tất nhiên tớ với Côliê đã làm quen với nhau và thỉnh thoảng còn thù tạc với nhau trong bốn bức tường của lều quán. Không kể những trò khôn ranh, cậu ta gây được ấn tượng tốt và sự đối địch của cậu ta cũng rất ngộ.

- Tao thấy mày thích ngồi lì trong phòng tiệc sau khi khách đã tản về hết đấy nhé. - Có một lần tớ nói với Côliê để xem hắn đối đáp như thế nào.

- Ủ, - Côliê nói, về tư lự. - Sự ồn ào cảnh chen vai thích cánh làm thần kinh nhạy cảm của tao khó chịu.

- Thần kinh tao cũng thế, - tớ nói - À, cô bé cũng khá đấy chứ nhỉ?

- À, thì ra thế, - Côliê bật cười. - Nếu mày đã nhắc đến điều đó, thì tao xin báo để mày rõ là cô bé gây được ấn tượng không phải là khó chịu đối với thần kinh thị giác của tao.

- Cô ấy làm tao thích mắt lắm, - tớ nói. - Tao đang tán nó đây. Nói để mày biết.

- Tao sẽ rất trung thực, - Côliê nói. - Nếu như ở các hiệu thuốc có bán đủ dịch vị, tao sẽ cho mày một châu cho mày tha hồ bị bội thực để đạt được cái đích mới thôi.

Thế là bắt đầu cuộc đua nước rút của chúng tớ. Quán ăn cung ứng liên tục. Mâymi phục vụ chúng tớ, vui vẻ, dễ thương và lịch sự. Thần ái tình và người nấu bếp ở quán Điuگان làm việc cật lực.

Một ngày tháng chín tớ đã rủ Mâymi đi chơi với tớ sau bữa ăn tối, khi cô ấy dọn dẹp xong. Chúng tớ đi dạo một tí rồi ngồi lên những khúc gỗ ở khu vực cuối thành phố. Dịp may như thế chắc còn lâu mới có, nên tớ đã thổ lộ hết những gì mình muốn nói. Rằng kim cương Braxin và đồ nhóm lửa đã được cấp bằng phát minh là nguồn thu nhập của tớ, đủ để đảm bảo ấm no cho cả hai, rằng cả hai thứ ấy dù sao cũng không thể cạnh tranh được với ánh mắt của một nàng, rằng họ Điuگان cần phải đổi sang họ Pitox, nếu không đổi thì xin giải thích lý do.

Thoạt đầu Mâymi chẳng nói gì cả. Sau đó bỗng nàng rùng rùng toàn thân. Thế là tớ nghe được những điều bổ ích. Nàng nói:

- Anh Giep ạ, em rất tiếc là anh đã nói ra. Em cũng mến anh, em mến anh nhiều lắm, nhưng trên đời này sẽ chẳng có người đàn ông nào

em lấy làm chồng đâu và sẽ chẳng bao giờ có cả. Anh có biết trong con mắt em, đàn ông là cái thứ gì không? Đó là nắm mỡ, là nắm mỡ để chôn bít-tết, thịt lợn kho, gan xào, trứng tráng với giấm-bông. Trong tâm khảm em đã in đậm hình ảnh của họ như thế. Em đã thử chống lại cảm giác ấy, nhưng không tài nào chống được. Nghe nói các cô gái khen hết lời chồng chưa cưới của mình, em không hiểu nổi. Đàn ông, cái cối xay thịt và chạn đựng thức ăn đều gây ra ở em những cảm giác giống nhau. Có lần em đi xem kịch, nhìn thấy một diễn viên mà các cô gái đều chết mê chết mệt. Em ngồi xem mà nghĩ bụng, không hiểu anh ta thích loại bít-tết nào - còn tái, chín vừa hay đã rán già và loại trứng nào - còn lòng đỏ nhùng nhùng hay đã luộc nhừ, chỉ có bấy nhiêu thôi. Không, anh Giep ạ. Em sẽ không bao giờ lấy chồng. Để mà toàn trông thấy anh ta sáng đến ngồi ăn, đến trưa lại quay về ăn, rồi cuối cùng lại vác mặt về ăn tối, chỉ ăn, ăn, ăn ấy à...

- Nhưng mà, Mâymi này, - tớ bảo, - cái đó rồi sẽ qua. Tại em đã làm công việc này nhiều quá đấy thôi. Nhất định rồi em sẽ lấy chồng. Đàn ông không phải bao giờ cũng chỉ ăn.

- Còn em thì lúc nào cũng quan sát thấy họ ăn. Không, em sẽ nói cho anh biết em sẽ làm gì. - Mâymi bỗng tràn đầy cảm hứng, đôi mắt nàng sáng lên. - Ở Têri Hot có một cô gái tên là Xiudi Phoxơ, bạn gái em. Cô bạn ấy làm ở quán điểm tâm ngay nhà ga. Em cũng đã làm hai năm ở tiệm ăn chỗ ấy. Xiudi còn kinh tởm đàn ông hơn, bởi vì những người đàn ông ra ga ăn bao giờ cũng vội cuống vội cuống. Họ vừa tán tỉnh vừa nhồm nhoàm nhai cùng một lúc. Khiếp! Em với Xiudi đã quyết rồi. Chúng em sẽ dành dụm tiền, khi nào đủ sẽ tậu một ngôi nhà nhỏ và năm acơ (2) đất. Chúng em đã để ý đến một

khoảnh đất. Chúng em sẽ sống với nhau và sẽ trồng hoa viôla. Em khuyên người đàn ông nào phàm ăn tục uống đừng nên đến gần trang trại của chúng em dưới một dặm.

-Ồ, thế chẳng lẽ các cô gái không bao giờ... -tờ cất tiếng. Nhưng Mâymi đã dứt khoát cắt ngang.

- Không, không bao giờ. Họ chỉ nhăm nháp gọi là đôi chút thôi.

- Anh thì cho rằng kẹo...

- Lạy trời, anh hãy nói sang chuyện khác đi, - Mâymi đáp.

Như tờ đã nói, kinh nghiệm này đã chứng minh cho tờ rằng bản tính đàn bà đời đời hướng tới những ảo ảnh và ảo tưởng. Hãy lấy nước Anh mà xem -bít-tết đã tạo nên nó, nước Đức thì do xúc-xích đẻ ra, còn chú Sam hùng mạnh như ngày nay là nhờ bánh rán và gà rán. Nhưng các cô thiếu nữ có tin điều ấy đâu. Họ cho rằng tất cả là do Séchxpia, Rubinxten và đội khinh kị binh của Thêđo Rudôven làm nên.

Tình thế của tờ thì ai mà chẳng nản lòng. Không thể có chuyện cắt đứt Mâymi được. Thế nhưng cứ nghĩ đến việc phải từ bỏ thói quen ăn uống xưa nay thì tờ lại buồn nấu ruột. Tờ đã nhiễm phải cái tật ấy từ sớm quá. Hai mươi bảy tuổi đời mà tờ đã mù quáng lao đầu vào thảm họa và ngã theo tiếng gọi mê hoặc của con quái vật khủng khiếp là thực phẩm. Thay đổi muộn quá rồi. Tờ đã trở thành loại nhai lại hai chân hết phương cứu vãn. Có thể đánh cuộc bằng món tôm hùm với món bánh rán, cuộc đời tờ thế là đi đứt vì cái thói ấy.

Tờ tiếp tục ăn ở quán Điuگان, hi vọng Mâymi rủ lòng thương. Tờ tin vào tình yêu chân chính và nghĩ rằng nếu nó thường đã phải chống chọi lại với sự vắng mặt của một bữa ăn thịnh soạn thì biết đâu, nó sẽ biết chống chọi lại với sự có mặt của chính bữa ăn ấy. Tờ vẫn tiếp

tục chịu sự điều khiển của tật xấu tai hại, nhưng mỗi lần tở bỏ một miếng khoai tây vào mồm trước mặt Mâymi là tở cảm thấy có lẽ mình đang chôn vùi những hi vọng ngọt ngào nhất của bản thân.

Côliê hình như cũng ngỏ lời với Mâymi và cũng nhận được câu trả lời tương tự. Ít ra thì có một hôm hẳn chỉ gọi một tách cà phê và một mẩu bánh lương khô rồi ngồi nhấm nháp miếng bánh hết như một tiểu thư khuê các trước đó đã nếm thịt bò xào bắp cải dưới bếp. Tở liền bắt chước và cũng chỉ gọi cà phê và bánh lương khô. Kể cũng lấu cá đấy chứ hả? Ngày hôm sau, hai đứa lại lặp lại như thế. Ông già Điu-gân từ bếp lên bưng cái món đãi các của chúng tở.

- Các cậu mắc chứng ăn không ngon hả? - Bác ấy hỏi với giọng của người cha, tuy không phải không có sự châm biếm. - Tôi đã đổi con Mâymi xuống bếp rồi, cho nó nghỉ ít lâu. Phục vụ bàn này cũng không vất vả, không ảnh hưởng lắm đến bệnh thấp khớp của tôi.

Tở với Côliê đành phải quay trở lại với những thứ thực phẩm nặng dạ dày. Lúc ấy tở bỗng phát hiện ra mình ăn ngon miệng kinh khủng, đúng là “ngồi ăn núi lở”. Tở ăn đến nỗi nếu có bước qua ngưỡng cửa vào gặp Mâymi lúc ấy thì nàng sẽ căm ghét tở lắm. Sau đó tở phát hiện ra mình đã trở thành nạn nhân của một mảnh khoé đầy bóng bở và đề tiện mà Ed Côliê đã sắp ranh bẫy tở. Tở với hẳn ngày nào cũng đi uống lai rai trong thành phố để làm dịu bớt cơn đói. Cái thằng xỏ lá ấy đã mua chuộc gần chục gã phục vụ, thế là những gã này đã rót vào từng cốc rượu uytxki của tở một lượng đáng kể thứ chất cay làm từ táo kích thích sự ngon miệng do hãng Anacôn sản xuất. Nhưng còn trò bịp cuối cùng mà hẳn định chơi tở, còn khó quên hơn nhiều. Một hôm không thấy Côliê lộ mặt đến quán nữa. Một người quen chung có nói rằng buổi sáng hẳn đã rời bỏ thành phố. Như vậy là kẻ

thù duy nhất của tớ chỉ là tấm bảng món ăn. Vài ngày trước khi đi biệt tăm, Côliê đã tặng tớ hai chai uytxki hảo hạng, tuồng như là của người anh họ ở Kentocki gửi cho hần. Bây giờ tớ có cơ sở để nghĩ rằng thứ uytxki ấy hầu như chứa toàn món chất cay Anacôn là từ táo kích thích sự ngon miệng. Tớ vẫn tiếp tục ngón hàng tấn thực phẩm. Trong con mắt Mâymi, hơn bao giờ hết, tớ vẫn là loài hai chân chuyên nhai lại.

Khoảng một tuần sau khi Côliê mất hút, có một đoàn triển lãm trưng bày của lạ đến thành phố và ở trong một lều bạt gần đường sắt. Một buổi chiều tớ ghé vào chỗ Mâymi, thì bà mẹ nàng bảo với tớ rằng Mâymi cùng đứa em trai là Tômat đã đi xem triển lãm rồi. Việc này lặp đi lặp lại tuần ba lần. Chiều thứ bảy tớ lại bắt gặp Mâymi đi xem triển lãm về. Tớ bèn rủ nàng ngồi lại một lát. Nàng đã thay đổi hần. Đôi mắt dịu dàng hơn và long lanh sáng. Thay vì một Mâymi Đlugân chỉ chực trốn chạy khỏi tính tham ăn của giới đàn ông, đi chăm sóc hoa viôla, trước mặt tớ là một Mâymi đáp ứng được với dự liệu của Chúa trời và cực kì thích hợp với việc sưởi lòng trong ánh kim cương Braxin và những đồ nhóm lửa đã được cấp bằng phát minh.

- Chắc là em đang bị lôi cuốn rất nhiều vì cái triển lãm chưa từng có về các sinh vật kì diệu và lạ mắt? - Tớ hỏi.

- Dù sao cũng giải trí được ạ. - Mâymi đáp.

- Rồi em sẽ phải đi tìm sự giải trí để thoát khỏi sự giải trí ấy, nếu ngày nào em cũng đi xem.

- Đừng nổi nóng lên thế, anh Giep! Chẳng qua em chỉ muốn bứt khỏi những ý nghĩ về bếp núc.

- Những sinh vật kì diệu ấy không ăn à?

- Không phải tất cả. Một số bằng sáp.

- Đừng có dính vào đấy là được. - Tớ nói nặng tuy không có ẩn ý gì, chẳng qua quen mồm mà thôi.

Mâymi đỏ mặt. Tớ chẳng hiểu ra làm sao nữa. Trong lòng tớ bùng lên một hi vọng là bằng sự chung thủy của mình tớ sẽ làm nhẹ bớt tội ác khủng khiếp của cánh đàn ông là công nhiên nhồi nhét thực phẩm vào cơ thể. Mâymi loáng thoáng nói đến các vì sao, trong những ngôn từ lịch sự nhất. Tớ cũng hứng chí tán về sự kết giao của những con tim, về tổ ấm gia đình sưởi bằng tình yêu chân chính và những đồ nhóm lửa đã được cấp bằng phát minh. Mâymi lắng nghe không nhăn mặt, thế là tớ đã bụng bảo dạ “Chú mày đã làm nhẹ được sự căm ghét trùm lên những kẻ phạm ăn tục uống rồi đấy! Chú mày đã giảm được lên đầu con rắn ẩn trong lọ nước chấm rồi đấy!”.

Chiều thứ hai tớ lại mò đến Mâymi. Nàng với cậu em trai lại đi xem triển lãm các vật kì diệu mất rồi.

“Lạy trời cho bốn mươi lăm hà bá quơ cái triển lãm ấy đi cho rồi! - Tớ rửa. - Trời đánh thánh vật đời đời cái triển lãm ấy! Amen! Ngày mai ta phải đích thân đến đấy xem có cái chết tiệt gì mà hấp dẫn thế. Chả lẽ một con người được tạo hoá sinh ra để thừa kế đất đai, lại có thể bị mất người yêu thoát đầu vì thìa đĩa, rồi sau đó vì một cái triển lãm mà vé vào cửa chỉ có mười xu?”

Chiều hôm sau, trước khi đi xem triển lãm, tớ tạt vào nhà Mâymi và được biết nàng không có nhà. Lần này nàng không đi với Tômat, vì cậu này đã đón tớ ngay trên bãi cỏ trước lều quán để gạ tớ.

- Anh Giep, anh sẽ cho em gì nào, nếu em nói chuyện này cho anh nghe?

- Cái gì đáng giá thì anh sẽ cho.

- Chị Mâymi phải lòng kì quan ở triển lãm rồi. Em chẳng thấy thích.

Nhưng chị ấy lại thích. Em đã nghe lỏm được họ nói chuyện với nhau. Em nghĩ chắc anh thích nghe. Anh Giep này, hai đũa đối với anh có nhiều quá không? Ở trong thành phố có bán một khẩu súng, em muốn...

Tớ lục túi và đổ vào mũi cho Tômat một đồng xu bạc. Tin Tômat báo như dao đâm vào tớ, khiến ý nghĩ của tớ chao đảo mất một lúc. Rót tiền lẻ cho Tômat, tớ mỉm cười một cách ngớ ngẩn, mà trong lòng tan nát. Tớ nói giọng nửa ngố nửa pha trò.

- Cảm ơn Tômat... cảm ơn... em nói cái kì quan... ấy à? Nó có gì đặc biệt, cái của quái dị ấy, hả Tômat?

- Đây này, - Tômat vừa nói vừa lôi từ trong túi ra tờ chương trình bằng giấy vàng khè và dúi vào mũi tớ. - Anh ta là vô địch thế giới về nhện đói. Chắc là vì thế mà chị Mâymi cứ bám lấy anh ta. Anh ta không ăn gì cả. Anh ta sẽ nhện đói bốn mươi chín ngày. Hôm nay là ngày thứ sáu... Anh ta đây này.

Tớ nhìn dòng chữ mà ngón tay Tômat chỉ vào: "Giáo sư Eđuađô Côliêri".

- À! - Tớ thốt lên thán phục. - Giỏi thật, Eđ Côliê. Xin chịu ông cái khoản nhanh trí. Nhưng tôi không nhường cô gái cho ông đâu, hiện tại nàng chưa phải là kì quan phụ nhân.

Tớ rảo bước đến ngay triển lãm. Khi tớ tiến vào lối cửa sau thì có một người nào đó thò đầu ra như con rắn, đứng thẳng chân lên và lao thẳng đến tớ như chú ngựa muxtang. Tớ tóm ngay cổ người đó và quan sát kĩ dưới ánh sao. Đó là giáo sư Eđuađô Côliêri mặc quần áo của giống người, với nổi tức giận trong một con mắt và sự sốt ruột trong con mắt kia.

- Hêlô, kì vậy! - Tớ nói. - Đợi một chút nhé, để tao ngắm mày cái nào.

Chà chà, làm kì quan của thế kỉ chúng ta, hoặc là của lạ từ đảo Boocnê thích thật! Thế trong chương trình người ta tôn xưng cho mày cái tên gì?

- Giep Pitơx này, - Côliê nói khe khẽ. - Thả tao ra, không thì tao nện mày bây giờ. Tao đang vội chết đi được đấy. Bỏ tay ra!

- Nhẹ nhàng nào, nhẹ nhàng nào, Eđi, - tớ nói, tay vẫn giữ chặt cổ áo anh chàng. - Cho phép một người bạn cũ chiêm ngưỡng mày cho thoả đã. Mày bày ra trò này phải nói là đại bọm đấy, con ạ, nhưng chớ có to mồm về chuyện đấm nhau: mày không thích hợp với việc ấy đâu. Cái tối đa mà mày có bây giờ - đó là sự táo tợn kha khá với cái dạ dày rỗng.

Tớ đoán không nhầm, hấn yếu như sên. Hấn lên tiếng:

- Giep ơi, tao sẵn sàng tranh cãi với mày về chủ đề này bao nhiêu hiệp cũng được, chỉ cần tao có nửa tiếng luyện tập và một thời bít-tết diện tích hai bộ vuông để luyện. Tổ sư đưa nào sáng tạo ra nghệ thuật nhịn ăn! Hãy xích nó lại đời đời cách cái giếng không đáy chứa toàn bít-tết nóng sốt chỉ hai bước chân! Tao bỏ cuộc đấu đây, Giep ạ. Tao đào ngũ đây. Mày sẽ tìm thấy nàng Điu-gân trong lều: nàng đang ngấm một xác ướp sống và một con lợn bác học ở đấy. Nàng thật là một cô gái kì diệu, Giep ạ. Lẽ ra tao đã thắng trong cái trò này, nếu như chịu được trạng thái không ăn uống thêm một thời gian nữa.

Mày phải thừa nhận rằng đường đi nước bước của tao trong trò tuyệt thực này đã được suy tính để hoàn toàn có khả năng thành công.

Tao đã tưởng như thế. Người ta bảo tình yêu lay chuyển cả núi non.

Cứ tin tao đi, đấy chỉ là lời đồn sai lệch... Không phải tình yêu, mà là hồi chuông gọi đi ăn buộc núi non phải rung chuyển. Tao yêu Mây-mi Điu-gân. Tao đã trải qua sáu ngày nhịn ăn để chiếm được tình cảm

của nàng. Suốt thời gian này tao chỉ có một lần xơi một miếng, đó là lúc tao đẩy cái thằng xăm đầy mình và giật của nó miếng bánh xanđuych để ăn. Ông chủ cúp sạch lương của tao. Nhưng tao đến đây không phải vì mấy đồng lương, mà là vì cô gái ấy. Vì nàng tao có thể hiến dâng cuộc đời, còn vì miếng thịt lợn rán tao sẽ hiến dâng tâm hồn bất tử của mình. Đó là một cực hình, Giep ạ. Cả tình yêu, cả sự nghiệp, cả gia đình, cả tôn giáo, cả nghệ thuật, cả tinh thần yêu nước đều chỉ là những lời nói suông trống rỗng, khi con người ta đói. Ed Côliê tâm sự với tớ bằng giọng lâm li. Chẩn đoán bệnh rất dễ: những đòi hỏi của trái tim cậu ta và những đòi hỏi của dạ dày đang xung đột với nhau, và phái hậu cần đã thắng. Quả thực, tớ luôn thấy mến Côliê. Tớ lục tìm một câu an ủi nào đó, nhưng chẳng tìm thấy câu nào thích hợp cả. Côliê nói tiếp:

- Bây giờ mày hãy thương tao mà để cho tao đi. Số phận đã giáng cho tao một đòn nên thân, nhưng bây giờ tao sẽ giáng cho đồ ăn thức uống một đòn mạnh hơn. Tao sẽ khua sạch tất cả các tiệm ăn trong thành phố. Tao sẽ ngâm mình ngập đến thắt lưng trong món thịt philê và sẽ tắm trong trứng tráng với giăm-bông. Thật kinh khủng khi một người đàn ông phải đến nước từ bỏ một cô gái chỉ vì cái ăn. Thật còn tệ hơn cái anh chàng tên gì nhỉ? Ixav, kẻ đã bỏ cả bản quyền tác giả vì một con lồi. Đó là một điều khủng khiếp. Xin lỗi mày nhé, tao đang ngửi thấy mùi giăm-bông rán ở phía xa xa, nên đôi chân tao đang thúc giục tao băng về hướng đó.

- Chúc mày ăn ngon miệng, Côliê ạ. - Tớ nói - Nhưng đừng có giận tao nhé. Trời sinh ra tao cũng là một đứa phàm ăn nên tao thông cảm với nỗi đau khổ của mày.

Đúng vào phút ấy mùi giăm-bông rán đã bay đến trên đôi cánh của

gió trời. Nhà quán quân nhin ăn chếp miệng rồi phi nước đại về phía có mời ăn.

Tiếc rằng các vị văn hoá xưa nay vẫn quảng cáo về ảnh hưởng thần diệu của tình yêu và lãng mạn không nhìn thấy cảnh này! Thì đây, Eđ Côliê, một con người tinh tế, đầy khôn ngoan mưu mẹo. Vậy mà cậu ta đã bỏ một cô gái, đang làm chúa tể trái tim cậu ta và nhảy sang địa hạt của dạ dày trong cuộc truy tìm cái ăn hèn kém. Đó là cái tát đối với các thi sĩ, là sự nhạo báng chủ đề câu khách nhất của văn chương. Cái dạ dày rộng là đối trọng tốt nhất đối với một con tim tràn trề tình cảm.

Tất nhiên tớ hết sức quan tâm đến việc Mâymi mù quáng tin vào mảnh khoé của Côliê đến mức nào. Tớ bước vào trong lều, nơi tổ chức cái triển lãm có một không hai đó, thấy Mâymi ở đó. Dường như nàng ngạc nhiên, nhưng không để lộ sự lúng túng.

- Hôm nay ngoài phố thật là một buổi tối tuyệt vời. - Tớ lên tiếng. - Mát mẻ dễ chịu làm sao, còn tất cả các vì sao thì đứng sòng hàng theo một trật tự tuyệt vời. Em có muốn nhờ toạ vào những sản phẩm phụ của cái vương quốc loài vật này để đi dạo với một con người bình thường chưa có tên trong chương trình được không?

Mâymi e dè né sáng một bên, và tớ hiểu điều đó có nghĩa là gì. Tớ bèn nói:

- Ôi, anh nói điều này ra với em quả là không dễ chịu, nhưng cái vật kì diệu chỉ nuốt không khí mà sống của em đã chuồn rồi. Hấn vừa mới bò ra khỏi lều bằng lối cửa sau. Bây giờ hấn đã hoà nhập làm một với cái phần háu ăn của nhân loại ở trong thành phố.

- Anh một số chỉ anh Eđ Côliê phải không? - Mâymi hỏi.

- Đúng thế. Nhưng điều đáng buồn nhất là hấn lại bước lên con

đường tội lỗi. Anh đã gặp hấn ngoài lề, và hấn đã tuyên bố với anh về ý định tiêu diệt số thực phẩm dự trữ của thế giới. Buồn không thể tả được, khi thần tượng của em đã bước khỏi bụi danh dự để biến thành một con châu chấu đi tìm cái ăn.

Mâymi nhìn thẳng vào mắt tớ không rời cho đến khi làm tắc tị những ý nghĩ của tớ.

- Anh Giep, nói những điều ấy thật không giống với con người anh chút nào. Anh đừng có đem anh Eđ Côliê ra làm trò cười. Một con người có thể làm những điều buồn cười, nhưng không vì thế mà anh ta trở nên buồn cười trong đôi mắt của cô gái bởi lẽ vì cô, anh ta làm những điều buồn cười ấy. Những người như Eđ ít khi gặp được lắm. Anh ấy từ bỏ ăn uống chỉ cốt làm vừa lòng em. Em thật tàn nhẫn và bội bạc, nếu như sau việc này lại đối xử không tốt đối với anh ấy.

Còn anh, anh có gan làm những việc hi sinh như thế không?

- Anh biết, - tớ nói, sau khi hiểu nàng ngả về hướng nào. - Anh đã có phốt rồi. Anh chẳng thể làm gì được nữa. Vết chàm của kẻ phạm ăn đã đóng lên trán anh. Bà Eva đã định trước điều này khi nghe lời con rắn (3). Thật là tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Hiển nhiên anh là nhà vô địch thế giới về ăn.

Tớ nói với giọng cam phận, nên Mâymi cũng mềm lòng chút ít.

- Quan hệ của em với anh Eđ Côliê rất tốt, - nàng nói, - cũng như với anh thôi. Em cũng đã trả lời anh ấy như trả lời anh: đối với em, không có chuyện hôn nhân đâu. Em chỉ thích gặp gỡ, chuyện phiếm với anh ấy. Em cảm thấy dễ chịu vô cùng mỗi khi nghĩ rằng có một người không bao giờ sờ đến dao và đĩa chỉ vì em.

- Thế em không yêu anh ta à? - Tớ hỏi hết sức không đúng chỗ. - Em không có tí ý định nào muốn trở thành kì quan phụ nhân à?

Điều này với ai chả có thể xảy ra. Tất cả chúng ta đôi khi đều vượt quá phạm vi những lời nói có suy nghĩ thấu đáo. Mâymi khoác lên mặt một nụ cười mát mẻ, trong đó có bao nhiêu đường thì cũng có bấy nhiêu băng và nói bằng giọng hết sức lịch sự.

- Anh Pitox, anh không có quyền đặt cho em những câu hỏi như vậy. Trước tiên anh hãy nhịn ăn bốn mươi chín ngày để giành được cái quyền ấy đã, rồi sau có thể em mới trả lời anh.

Vậy là, ngay cả khi Côliê, bằng sự thèm ăn của mình, không còn ngáng trở tới nữa, thì triển vọng quan hệ riêng của tới với Mâymi cũng không khá lên. Rồi công việc ở Gator cũng chẳng ra làm sao cả.

Tới đã ở đó quá lâu. Kim cương Braxin mà tới bán đã dần dần kém đi, còn đồ nhóm lửa thì đứt khoát không chịu cháy những khi trời ẩm.

Trong công việc của tới bao giờ cũng có cái giây phút mà ngôi sao may mắn bảo tới: "Hãy chuyển sang thành phố lân cận". Hồi đó tới du ngoạn trên chiếc xe ngựa có mui để khỏi bỏ sót các thị trấn nhỏ, thế là sau đó mấy hôm tới thắng ngựa và đánh xe đến chào Mâymi. Tới chưa bỏ cuộc đâu. Tới chỉ định đến Oclahôma Xity có công chuyện độ một hai tuần, sau đó sẽ trở về và tiếp tục mở các cuộc tấn công Mâymi.

Các bạn có thể hình dung được không, - tới đến nhà Điugân thì thấy Mâymi ở đó, kiều diễm trong bộ áo dài xanh, và ở cửa có cái hòm của nàng. Hoá ra là cô bạn của nàng tên là Lotti Ben làm nghề đánh máy ở Têri Hot, thứ năm tới sẽ đi lấy chồng và Mâymi sẽ đi một tuần để tham dự lễ cưới ấy. Mâymi đang mong một xe hàng chở nàng đến Oclahôma. Tới khinh bỉ nhìn chiếc xe rồi xung phong nhận chở hàng. Bà mẹ Điugân thấy chẳng tội gì phải từ chối cả, - vì chở hàng xưa nay vẫn phải mất tiền mà lại, - nên nửa tiếng sau tới đã cùng Mâymi

ngồi trên chiếc xe có bộ díp nhẹ và nhắm hướng phía nam lên đường.

Buổi sáng hôm ấy thật đáng khen hết chỗ nói. Làn gió nhẹ thổi hây hây, cây cỏ hoa lá toả hương, những chú thỏ con vểnh đuôi chạy qua đường cho thêm phần vui nhộn. Cặp ngựa hồng Kentucky của tớ hướng thẳng về phía đường chân trời; đến nỗi chói hoa cả mắt, khiến lắm lúc tớ phải quay mặt. Không nhìn đường chân trời căng tựa dây phơi quần áo, Mây-mi phấn khởi ra mặt, nàng bô lô ba la như trẻ con, nào chuyện về ngôi nhà cũ, nào những trò nghịch ngợm thời đi học, nào những thứ nàng yêu thích, nào những cô ả đáng ghét nhà Giôn-xơn ở ngay phía đối diện, nơi quê hương nàng, bang Indiana. Nhưng tịnh không một lời nào về Ed Cô-liê, về ăn uống và những đề tài khó chịu đại loại như vậy.

Khoảng gần trưa thì Mây-mi mới phát hiện ra giỏ đồ ăn mà nàng định mang theo, đã nằm lại ở nhà. Tớ không phản đối chuyện lớt dạ tí ti, nhưng Mây-mi không tỏ ra một chút khó chịu nào về chuyện nàng chẳng có cái ăn, nên tớ cũng nín lặng. Đây chính là điểm chốt của vấn đề, nên tớ tránh nói động đến bất cứ đồ ăn dưới bất cứ dạng gì. Tớ xin rọi chút ánh sáng vào sự việc tớ bị lạc đường trong hoàn cảnh nào. Đường không rõ ràng, bị cỏ che lấp nhiều, mà bên cạnh tớ là Mây-mi, người đã thu tóm hết tâm trí và sự khôn ngoan của tớ. Điều này có thể biện hộ được hay không thì tùy các bạn xem xét. Chỉ có điều là tớ bị lạc đường, và trong cảnh chạng vạng, đáng lẽ phải ở Oclahôma rồi, thì chúng tớ lại lẩn quẩn trên địa giới nào đó, trong lòng khô của một con sông còn chưa khai thông, mà mưa đang quất vào người. Ở một bên, giữa đầm, chúng tớ nhìn thấy một căn nhà gỗ trên gò khô. Xung quanh cỏ mọc cùng những loài cây hiếm. Ngôi nhà

nhuộm vẻ buồn bã gọi thương cảm. Theo sự đề chừng của tớ thì hai đứa chúng tớ phải nấu mình qua đêm ở đó. Tớ giảng giải cho Mâymi nghe, và nàng dành quyền quyết định cho tớ. Nàng không tỏ ra nôn nao lo lắng, và không làm mình làm mẩy ra dáng khổ ải như đa số những người phụ nữ khác nếu ở vào địa vị ấy, mà chỉ nói: “Thôi được”. Nàng biết rằng nào ai muốn cơ sự này.

Ngôi nhà không có người ở. Trong đó có hai phòng trống. Ngoài sân có một nhà kho nhỏ ngầy xưa vẫn nhốt súc vật. Trên gác xép còn ít củ khô từ năm ngoái. Tớ dẫn ngựa vào gian nhà kho cho chúng ăn một ít củ khô. Lũ ngựa nhìn tớ bằng cặp mắt buồn bã, dường như chờ đợi sự xin lỗi. Chỗ củ khô còn lại thì tớ ôm thành từng bó vào nhà làm nơi ngả lưng. Tớ cũng mang kim cương Braxin và đồ nhóm lửa, vì cả hai thứ ấy không thể chống chọi được tác dụng phá hoại của nước.

Tớ với Mâymi ngự toạ trên sàn, trên nệm gồi lấy từ trên xe xuống. Tớ dùng cả đồng đồ nhóm lửa, vì đêm ấy trời lạnh. Nếu tớ phán đoán đúng thì toàn bộ sự việc trên khiến Mâymi lấy làm thích thú. Đối với nàng, đó là một cái gì đó mới lạ, một vị trí mới từ đó mà nhìn cuộc đời. Nàng cười nói huyền thuyên, và đồ nhóm lửa của tớ cháy không sáng rực bằng đôi mắt nàng. Tớ có mang theo bên người bao thuốc lá, nên về phần mình, tớ cảm thấy tớ như chàng Adam trước khi mắc tội. Cả hai chúng tớ đúng là đang ở trong vườn Địa Đàng xưa tốt đẹp. Đâu đó trong đêm tối là con sông Xiôn chảy dưới mưa, và vị thiên thần cầm thanh kiếm lửa còn chưa treo tấm biển “Cấm đi trên cỏ”. Tớ mở hộp ra lấy cho Mâymi đeo lên người nào nhẫn, nào vòng, nào dây chuyền, hoa tai, thắt lưng và khánh hình trái tim. Nàng lấp la lấp lánh như một nàng công chúa triệu phú cho mãi đến khi má rực

hồng và nàng đòi có gương đến suốt phát khóc.

Đêm đến, tớ sửa soạn cho Mâymi một chiếc giường tuyệt vời trên sàn bằng gỗ khô, áo khoác của tớ và chặn từ xe đem xuống, rồi khuyên nàng ngủ lưng. Còn tớ thì ngồi ở căn phòng khác hút thuốc, lắng nghe mưa rơi và nghĩ đến chuyện biết bao sự khó nhọc đổ xuống đầu con người ta khoảng bảy chục năm trước khi anh ta được mai táng.

Gần sáng có lẽ tớ hơi thiếp đi, bởi vì mắt tớ đã nhắm tít lại, mà khi mở ra thì trời đã sáng và trước mặt tớ là Mâymi, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ, quần áo thơm mát, với đôi mắt sáng lên niềm vui cuộc đời.

- Hê lô Giep, - nàng thốt lên. - Em thấy đói rồi đấy! Giá em được ăn... Tớ chăm chú nhìn nàng. Nụ cười biến khỏi khuôn mặt nàng và nàng ném vào tớ cái nhìn đầy khinh thị lạnh lùng. Thế là tớ bật cười và lại nằm lăn ra đất cho dễ chịu hơn. Tớ thấy vui nhộn kinh khủng. Về bản tính và gien di truyền thì xưa nay tớ là thằng hay cười thượng hạng, nhưng lúc này tớ cười ngắt, vượt xa mức thường. Khi tớ đã cười chán chê, Mâymi ngồi quay lưng lại phía tớ và toàn thân chứa đầy cảm giác tự tôn.

- Đừng giận, Mâymi, - tớ lên tiếng. - Anh không thể nào nhịn cười được. Em chải đầu buồn cười quá. Giá như em được trông thấy...

- Đừng có kể chuyện cổ tích ở đây, - Mâymi nói giọng lạnh lùng và quyền uy. - Tóc em đâu vào đấy chỉnh tề cả. Em biết anh cười cái gì rồi. Nhìn này, anh Giep, - nàng vừa nói vừa ghé nhìn qua kẽ hở giữa các súc gỗ căn nhà ra ngoài trời.

Tớ mở ô cửa sổ nhỏ bằng gỗ và nhìn ra. Toàn bộ con sông đã chìm cả dưới nước và cái gò mà trên đó có ngôi nhà chúng tớ đang ở, đã biến thành hòn đảo, vây quanh là dòng nước lũ vàng điên cuồng

rộng tới một trăm yat. Mưa vẫn trút xuống. Chúng tớ chỉ còn cách ngồi đây đợi một chú chim bồ câu đem cành ôliu tới.

Phải công nhận rằng trò chuyện và giải trí ngày hôm đó mang rất một vẻ ảm đạm. Tớ ý thức được rằng Mâymi lại chuốc cho mình cái nhìn hết sức một chiều đối với sự vật, nhưng tớ không đủ sức thay đổi cái nhìn ấy. Bản thân tớ thì rạo rức một mong muốn được ăn. Những ảo ảnh thịt băm và những giấc mộng giảm-bông không buông tha tớ và lúc nào tớ cũng nghĩ thầm: “Nào, bây giờ mi sẽ đánh chén cái gì đây, hả Giep? Mi sẽ gọi món gì đây khi người phục vụ đi đến?”. Tớ chọn cho mình những món ăn ưa thích nhất trong thực đơn và hình dung ra cái giây phút chúng được đặt lên bàn trước mặt tớ. Có lẽ điều này xảy đến với tất cả những ai đói còn đói cào. Họ không thể tập trung ý nghĩ vào cái gì khác ngoài cái ăn. Hoá ra, cái chủ yếu nhất không phải là sự bất tử của tâm hồn, cũng không phải là hoà bình thế giới, mà là một cái bàn ăn xinh xắn với cái bát ăn, nước chấm giả kiểu Uxtơ và chiếc khăn ăn để lau những vết cà phê trên khăn trải bàn. Tớ ngồi bàn thần nhai đi nhai lại, than ôi, chỉ những ý nghĩ của mình và tranh luận kịch liệt với chính bản thân mình về việc tớ sẽ ăn loại bít-tết nào - với nấm hương hay là theo kiểu con cháu những người Âu sang châu Mỹ vẫn ăn. Mâymi ngồi đối diện vẻ trầm ngâm, đầu tì xuống cánh tay. “Khoai tây thì cứ rán theo kiểu quê, - tớ nhủ thầm, - còn bánh cuốn thì cứ tráng lên chảo. Cũng trên cái chảo ấy sẽ rán chín quả trứng”. Tớ lục kĩ các túi xem vô tình có còn sót lại củ lạc hay vài hạt ngô nào không?

Sang đến buổi chiều thứ hai, dòng sông càng dâng cao, mưa vẫn đổ xuống. Tớ nhìn sang Mâymi và bắt gặp trên mặt nàng nỗi buồn vẫn thường hiện lên trên mặt các cô gái khi đi ngang qua quầy bán kem.

Tớ biết rằng cô nàng tội nghiệp của tớ đang đói, có lẽ lần đầu tiên trong đời. Nàng có cái nhìn ưu tư thường gặp ở phụ nữ khi đi ăn trưa hơi muộn hoặc khi cảm thấy đằng sau váy bị tuột cúc.

Có lẽ đã đến mười một giờ rồi. Chúng tớ ngồi trong gian nhà xơ xác, mặt lảm lì và lặng im thin thít. Tớ cố xua đuổi khỏi đầu những hình ảnh ăn uống, nhưng chúng cứ trôi dạt về đúng chỗ cũ trước khi tớ kịp xích chúng vào chỗ khác. Tớ nghĩ đến tất cả những món cao lương mỹ vị đã từng được nghe kể. Tớ chìm đắm trong suy nghĩ về những năm tháng niên thiếu và với sự hồ hởi, sùng bái, tớ hồi tưởng bánh bích-quy tằm mật và xúc-xích chấm nước mắm. Sau đó tớ đi dọc những năm tháng cuộc đời, dừng lại ở những quả táo tươi và táo ươn, ở bánh rán và xirô phong, ở cháo ngô, ở gà con quay kiểu Vơgini, ở ngô luộc, thịt lợn băm viên và ở bánh khoai lang, và kết thúc bằng món ragu Brunxuych là đỉnh cao của tất cả những thứ ngon lành, vì nó chứa tất cả những thứ ngon lành.

Người ta thường bảo trước mắt người sắp chết đuối hiện ra toàn bộ cuộc đời. Cũng có thể. Vậy thì khi con người ta đói, trước mắt người đói hiện lên bóng ma của tất cả các món ăn anh ta đã ném trong đời. Và anh ta sáng tạo ra những món ăn mới có thể đem lại vinh quang danh giá cho người đầu bếp. Giá có ai cất công thu thập những lời trăng trối của những kẻ chết đói thì hẳn sẽ phát hiện thấy trong những lời ấy có ít tình cảm, nhưng được cái dồi dào tư liệu cho một cuốn sách dạy nấu ăn in đến triệu bản bán cũng hết.

Nhiều phần chắc là những tư duy bếp núc đã hoàn toàn ru ngủ trí óc tớ. Bất giác tớ thốt lên thành lời với một người hầu bàn tưởng tượng:

- Hãy cắt cho dày dày một chút và rán tai tái thôi, sau đó đổ trứng vào - sáu quả nhé.

Mâymi quay đầu lại ngay. Đôi mắt nàng sáng lên và nàng mỉm cười rồi nói líu tíu:

- Còn tôi thì ba quả trứng rán vừa chín với khoai tây. Ài chà, được thế thì còn gì bằng, anh Giep nhỉ. Em sẽ gọi thêm món cơm gà rán, món kem...

- Nhẹ thôi! - Tớ cắt ngang. - Thế còn bánh gan gà, thận xô-tê, lại cả cừu non rán...

- Ôi, - Mâymi ngắt lời tớ, toàn thân run lên, - với nước chấm cay...

Cả xalát với thịt gà tây, cả quả ôliu, cả dâu nữa...

Cứ như vậy trong suốt mười phút chúng tớ duy trì cuộc đối thoại cao lâu này. Chúng tớ vòng đi vòng lại trên con đường huyết mạch rồi rẽ vào tất cả các nhánh đường con của đề tài ăn uống, do Mâymi dẫn đường, vì nàng rất có tri thức về các loại danh mục đồ ăn, và những món ăn mà nàng gọi tên càng làm tăng sự thèm khát của tớ. Có cảm tưởng Mâymi đã hoà nhập được với thực phẩm ăn uống và nàng nhìn cái thói háu ăn tội nghiệp ít khinh bỉ hơn so với trước đây.

Sáng ra, chúng tớ thấy nước đã rút. Tớ thắng ngựa và cả hai lên đường, lần theo bùn lầy cho tới khi gặp được con đường khi trước. Chúng tớ chỉ đi lạc mất vài dặm và hai tiếng sau đã ở Oclahôma. Vật đầu tiên chúng tớ dõi mắt thấy trong thành phố là tấm biển lớn của một tiệm ăn, thế là chúng tớ phóng ngay tới. Tớ ngồi vào bàn với Mâymi, giữa chúng tớ là dao, đĩa, đĩa ăn, còn trên gương mặt nàng không phải là sự khinh bỉ, mà là nụ cười, một nụ cười đối và đáng yêu.

Tiệm ăn mới bày biện rất khá. Tớ trích đọc cho người phục vụ rất nhiều dòng trong tờ thực đơn, khiến anh ta ngó ra ngoài xe ngựa của tớ, bắn khoăn không rõ còn bao nhiêu người nữa sẽ chui ra từ xe

vào đây.

Chúng tớ ngồi như vậy và người ta bắt đầu bưng các món ra. Đó quả là một bữa tiệc cho mười hai quan khách, vả lại chúng tớ cảm thấy mình cũng đúng là bằng mười hai quan khách. Tớ nhìn qua bàn sang Mâymi và nở nụ cười vì sự nhớ ra một điều. Mâymi nhìn bàn ăn như một cậu bé nhìn chiếc đồng hồ có khoá vặn đầu tiên của mình. Sau đó nàng nhìn thẳng vào mặt tớ, và hai giọt lệ to ứa lên trong mắt nàng. Người phục vụ đi xuống bếp lấy thêm món ăn bổ sung.

- Anh Giep ơi, - Mâymi dịu dàng cất tiếng, - em thực là một con ngốc. Em đã nhìn mọi thứ không đúng. Trước kia em chưa bao giờ phải chịu cảnh này. Đàn ông ngày nào cũng phải chịu cảnh đói, phải không anh? Họ to khỏe là thế, họ làm công việc nặng nhọc là thế, cho nên họ ăn không phải để trêu tức những cô ả phục vụ ngốc nghếch, phải không anh? Đã có lần anh nói... nghĩa là... anh đã hỏi em... anh muốn... Vậy thì, anh Giep ơi, nếu anh còn muốn... thì em sẽ rất sung sướng... em muốn có anh luôn ngồi đối diện với em bên bàn. Giờ thì hãy cho em ăn thêm một chút gì nữa, mau lên, anh nhé.

*

* *

- Như tớ đã bảo các cậu, - Giep Pitox kết thúc câu chuyện, - đàn bà thỉnh thoảng cần phải thay đổi quan điểm của họ. Một cảnh mãi cũng làm họ phát chán - nếu vẫn cảnh cái bàn ăn, cái bồn rửa mặt hoặc cái máy khâu. Hãy cho họ sự đa dạng một chút: một chút du lịch, một chút nghỉ ngơi, một chút hờn dỗi nũng nịu xen với những bi kịch nội trợ, một chút vuốt ve âu yếm sau cảnh om sòm trong gia đình, một

chút xao xuyến và lảng nhãng nói dai, và xin cam đoan với các cậu là hai bên cùng có lợi.

Chú thích:

(1) 1 bộ (foot) = 30,48 cm

(2) 1 acơ (acre) = 0,4 hecta

(3) Nhắc đến sự tích trong Kinh Thánh, khi Eva nghe lời xui của con rắn, cùng chồng ăn trái cây thiện ác và bị Chúa trời trừng phạt khiến con cháu về sau chịu nhiều đau khổ.

O. Henry

Bạn hữu ở San Rosario

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác Friends in San Rosario

Chiếc tàu xuôi miền Tây đến San Rosario về đúng giờ, lúc 8 giờ 20 sáng. Một người đàn ông mang một túi da dày bước xuống tàu và đi nhanh về khu phố chính của thị trấn. Có vài hành khách cũng xuống tàu ở San Rosario, nhưng họ lừ đừ đi đến nhà ăn của công ty hỏa xa hoặc quán San Rosario, hoặc nhập bọn với những người nhà rồi đứng quanh sân ga.

Người đàn ông với chiếc túi da bước đi với điệu bộ cả quyết. Ông có dáng người thấp nhưng mạnh mẽ, với mái tóc nhẹ và cắt gọn, gương mặt cương nghị và nhẵn nhụi, và đôi kính gọng vàng trông xông xáo. Ông ăn mặc lịch sự theo thời trang miền Đông lúc bấy giờ. Tư thái của ông lộ một sức mạnh điềm đạm nhưng có ý thức dè dặt, nếu không nói là tư cách của một người có thẩm quyền thật sự.

Sau khi đã đi qua ba dãy phố, ông đến giữa khu thương mại của thị trấn. Nơi đây, một con đường quan trọng cắt ngang con đường chính, tạo nên khu trung tâm sinh hoạt và thương mại của San Rosario. Nhà bưu điện nằm ở một góc phố. Hiệu thời trang

Rubensky's nằm ở một góc kia. Người khách lạ bước vào tòa nhà ngân hàng mang tên First National Bank of San Rosario, vẫn không chậm bước cho đến khi ông đứng đằng trước quầy thủ quỹ. Ngân hàng mở cửa lúc chín giờ, và nhân viên đã đến, mỗi người đang chuẩn bị cho công việc của mình. Người thủ quỹ đang xem qua thư tín khi nhận thấy người khách lạ đứng trước quầy.

Anh nói gọn:

-Ngân hàng mở cửa lúc chín giờ.

Anh không tỏ ý gì trong giọng nói, vì anh đã thường phải nói như thế với những người đến sớm kể từ khi San Rosario quy định giờ làm việc của ngân hàng trong thị trấn.

Người kia nói trong giọng lạnh lùng, nghiêm nghị:

-Tôi biết rõ việc ấy. Anh có thể vui lòng nhận danh thiếp của tôi không?

Người thủ quỹ kéo khung cửa sạch bong phía trong cánh song qua một bên, và đọc:

J.F.C Nettleswick

Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

-Ồ...à...xin mời ông vào trong, ông...à...Nettleswick. Ông đến lần đầu...không biết mục đích của ông, dĩ nhiên. Xin ông đi vòng qua đây.

Nhà thanh tra nhanh nhẹn bước vào khu thánh địa của ngân hàng, và ông Edlinger, thủ quỹ - một người trung niên cương nghị, kín đáo và có kỷ cương, tuần tự giới thiệu ông với các nhân viên.

Ông Edlinger nói:

-Tôi đang chuẩn bị tiếp Sam Turner sắp trở lại. Sam là người thanh tra chúng tôi trong bốn năm qua. Tuy vậy, tôi nghĩ ông sẽ thấy chúng tôi làm ăn đàng hoàng, xét theo quy định chặt chẽ của ngành ngân hàng. Không có trong tay nhiều tiền mặt, nhưng có thể vượt qua cơn sóng gió, thưa ông, qua cơn sóng gió.

Với giọng cả quyết, trang trọng, nhà thanh tra nói:

-Ông Turner và tôi được ông Chánh thanh tra chỉ thị thay đổi nhiệm vụ cho nhau. Ông ấy đang thanh tra khu vực cũ của tôi ở Illinois và Indiana. Xin vui lòng cho tôi xem qua tiền mặt trước.

Perry Dorsey, nhân viên giao dịch, đã xếp tiền mặt trên mặt quầy cho nhà thanh tra xem xét.

Anh biết số tiền chính xác theo từng cent, và anh không có gì phải sợ hãi, nhưng vẫn hồi hộp và bối rối. Mọi nhân viên của nhà băng cũng thế. Tư thái của nhà thanh tra có vẻ gì đấy lạnh lùng và nhanh nhẹn, kém thân thiện và cả quyết, đến nỗi sự hiện diện của ông dường như là một lời kết án. Ông có vẻ là người không bao giờ nhầm lẫn hoặc bỏ qua sai phạm.

Ông Nettleswick cầm lấy những xấp tiền và đếm với cử động thoăn thoắt, gần như là tung hứng. Rồi ông xoay tròn cốc đựng bột nước về phía mình và đếm từng tờ giấy bạc. Những ngón tay trắng, thon của ông múa lượn như nhà nhạc sĩ tài ba trên những phím đàn dương cầm. Từ những đầu ngón tay nhanh nhẹn, ông đổ những đồng tiền vàng trên cái quầy với một tiếng choang, và kêu lanh canh khi lướt trên mặt đá hoa cương. Không khí tràn đầy những số lẻ của tiền tệ khi ông làm việc với những đồng năm mươi và hai mươi cent. Ông cho người mang đến cái cân, và ông cân từng bao đựng bạc từ

cái tủ sắt. Ông tra hỏi Dorsey về các mẫu chứng từ - vài ngân phiếu, phiếu thu, từ này giao dịch trước – với sự lễ độ không thể trách cứ được, nhưng với vẻ gì đầy trọng yếu một cách kỳ bí trong tư thái cứng nhắc của ông, đến nỗi mặt người thủ quỹ đỏ bừng và giọng nói trở nên lắp bắp.

Nhà thanh tra mới nhập cư khác hẳn Sam Turner. Sam luôn đi vào ngân hàng với tiếng thét, phân phối những điều xì gà, và kể cho mọi người nghe những mẫu chuyện ông vừa mới biết được khi đi công tác. Cách ông chào hỏi Dorsey luôn luôn là “Này Perry! Vẫn chưa từ bỏ quỹ đen, tôi thấy mà!”. Cách Turner đếm tiền mặt cũng khác. Ông mân mê các gói tiền với vẻ mệt mỏi, rồi đi vào tủ sắt và đá qua các túi đựng bạc. Thế là xong. Còn mấy đồng 50, 25 và 10 cent? Ông không để ý đến. Khi người ta mang đến cho ông những đồng tiền này, ông bảo: “Chuyện nhỏ không phải dành cho tôi”. Nhưng đấy chỉ vì Turner là dân Texas, là bạn chí thân của ông chủ tịch ngân hàng, và quen biết Dorsey từ thuở anh này còn là em bé.

Khi nhà thanh tra đang đếm tiền mặt, Thiếu rá Thomas D. Kingman – mà mọi người gọi là “Thiếu tá Tom”, đánh chiếc xe của ông do một con ngựa nâu xám già kéo đến cửa hông, và đi vào bên trong. Ông thấy nhà thanh tra đang bận rộn với tiền bạc và, đi vào “chuồng ngựa nhỏ”, theo cách ông gọi, nơi bàn làm việc của ông được rào chung quanh, ông bắt đầu xem qua thư từ gửi tới cho ông.

Trước đấy, một tình tiết nhỏ đã xảy ra khiến ngay cả đôi mắt sắc bén của nhà thanh tra cũng không nhận ra. Khi bắt đầu công việc ở quầy

tiền mặt, ông Edlinger đã nháy mắt đầy ngụ ý với Roy Wilson, anh tổng thư văn trẻ, và khẽ gật đầu về hướng cửa chính. Roy hiểu, nhắc lấy chiếc mũ và nhàn nhã bước ra, với quyển sổ thu tiền kẹp trong cánh tay. Khi đã ra đến bên ngoài, anh đi thẳng đến ngân hàng Stockmen's National. Ngân hàng này đang chuẩn bị mở cửa. Chưa có thân chủ nào xuất hiện.

Nhà thanh tra sáng giọng:

-Mọi tiền mặt đều đúng.

Ông vọt đến người kế toán trưởng mục cá nhân và, sau vài phút lật qua những trang sổ cái và những bảng cân đối tài chính, thỉnh thoảng ông nói:

-Anh cân đối sổ sách của anh bao lâu một lần?

Người kế toán trưởng mục cá nhân lập cập, tự hỏi mình sẽ đi tù mấy năm:

-À...mỗi tháng một lần.

-Được.

Nhà thanh tra quay sang anh kế toán trưởng mục cơ quan, đã chuẩn bị mọi bảng kê khai của các ngân hàng nước ngoài và bảng điều chỉnh. Mọi thứ đều đúng cách. Rồi đến phần cuống của các chứng chỉ ký gửi. Soạt – soạt – tốt! Được rồi. Xin cho xem chứng từ chi vượt trội. Cảm ơn. Những hồi phiếu ngân hàng không ký tên, cho xem kế tiếp. Được rồi.

Rồi đến phiên người thu ngân, và ông Edlinger, bình thường thông dong, giờ xoa cánh mũi và lau đôi tròng kính đầy lo lắng trước hàng

loạt câu hỏi tới tấp về việc lưu hành, lợi nhuận trước khi chia, bất động sản của ngân hàng, và thành phần chủ nhân các cổ phiếu. Bây giờ Nettleswick cảm thấy có một người cao lớn đứng nghe ngệ trên anh – một người đàn ông sáu mươi tuổi, thô kệch và còn trảng kiết, với bộ râu xù xì hoa râm, một mảng tóc xám, và một đôi mắt xanh chăm chăm trực diện với đôi tròng kính khủng khiếp của nhà thanh tra.

Anh thủ quỹ giới thiệu:

-À...đây là thiếu tá Kingman, chủ tịch của chúng tôi..., đây là...à...ông Nettleswick.

Hai người đàn ông của hai tư cách hoàn toàn khác hẳn bắt tay nhau. Một người là sản phẩm của cung cách thẳng thắn, phương pháp chuẩn mực và công việc nghiêm túc. Người kia là một phong thái gì đấy phóng khoáng hơn, cao rộng hơn, và gần với thiên nhiên hơn. Tom Kingman không bao giờ rập theo khuôn mẫu nào. Ông đã từng kinh qua các nghề đánh lừa, chăn bò, kiểm lâm, vào quân ngũ, làm cảnh sát, đãi vàng, và làm chủ trại bò. Bây giờ, khi ông là chủ tịch ngân hàng, các bạn hữu của ông từ các đồng cỏ, trên các yên ngựa, trong lều và dọc đường mòn thấy ông vẫn không có gì thay đổi. Ông đã tạo dựng sản nghiệp khi bò Texas có giá cao, và thành lập nên First National Bank of San Rosario. Dù với con tim phóng khoáng và tính rộng lượng thiếu cần trọng đối với bạn hữu cũ, ngân hàng của ông vẫn phát triển, vì thiếu tá Tom hiểu nhân viên của ông cũng rõ như ông hiểu biết về bò. Trong những năm gần đây, nghề nuôi bò bị suy thoái, nhưng ngân hàng của ông thiếu tá là một trong số ít cơ sở

không bị lỗi lẫn nhiều.

Nhà thanh tra rút ra chiếc đồng hồ, nói nhanh:

-Và bây giờ, phần cuối cùng là những khoản cho vay. Xinh vui lòng cho xem.

Ông đã xem xét qua First National với tốc độ gần như là kỷ lục – nhưng vẫn theo cách chu đáo, như trong mọi việc ông làm. Ngân hàng có hệ thống điều hành thông suốt và trong sạch, nên đã giúp nhiều cho công việc của ông. Chỉ có một ngân hàng khác trong thị trấn. Chính phủ trả ông 25 đô la cho mỗi ngân hàng ông kiểm tra. Ông có thể xem xong các khoản cho vay và thanh toán trước thời hạn trong vòng nửa giờ đồng hồ. Nếu thế, sau đấy ông có thể thanh tra ngay ngân hàng kia, rồi bắt kịp chuyến tàu lúc 11 giờ 45, chuyến duy nhất trong ngày cho chặng đường về. Nếu không, ông phải qua đêm và ngày Chủ nhật trong cái thị trấn miền Tây không có gì là vui thú này. Vì thế mà ông Nettlewick đang vội vã.

Trong âm giọng trầm, kết hợp tiếng lè nhè của miền Nam với giọng mũi đầy âm điệu miền Tây, Thiếu tá Kingman nói:

-Xin mời ông theo tôi. Chúng ta cùng xem qua các sổ sách đó. Không ai trong ngân hàng này rành về mấy giấy tờ này như tôi. Một vài tài khoản có phần chập choạng, một vài thứ thiếu tổ chức mà không có chứng từ, nhưng họ đều thanh toán đủ khi tới hạn.

Hai người ngồi xuống bên bàn làm việc của chủ tịch. Trước nhất, nhà thanh tra xem qua như chớp các chứng từ, cộng các con số, thấy ăn khớp với các khoản vay ghi trong sổ cân đối hàng ngày. Nhà thanh tra có vẻ như lòng sục đây đó giống một con chó săn đang chạy tìm lồi mồn. Cuối cùng, ông gạt qua một bên đồng tài liệu trừ một ít giấy

tờ mà ông xếp thành một chồng thẳng thớm trước mặt, và bắt đầu bài diễn từ khô khan, trịnh trọng:

-Thưa ông, tôi thấy rằng tình trạng tài chính của ngân hàng ông là rất tốt, xét qua vụ mùa thất bát và cơn suy thoái của ngành nuôi bò trong bang ông. Việc ghi chép sổ sách dường như được thực hiện một cách chính xác và đúng thời biểu. Khoản nợ của ông chỉ ở mức khiêm tốn, và có khả năng chỉ tạo một mức thâm hụt nhỏ. Tôi muốn đề xuất ông thu về những khoản cho vay lớn, và chỉ cho vay với hạn kỳ sáu mươi hoặc chín mươi ngày cho đến khi tình hình được hồi phục. Và bây giờ, có một việc nữa, rồi tôi sẽ chấm dứt việc thanh tra ngân hàng ông. Đây là 6 hồ sơ cho vay gộp lại lên đến khoảng 40.000 đô la. Các khoản vay này được thế chấp, theo mệnh giá, bởi một số công trái, phiếu nợ, cổ phiếu, vân vân, với trị giá 70.000 đô la. Những hồ sơ này không có chứng từ thế chấp đi kèm. Tôi đoán ông lưu những chứng từ ấy trong két sắt hoặc hầm lưu trữ. Xin ông cho phép tôi được xem qua.

Đôi mắt xanh nhạt của Thiếu tá Tom quay nhìn viên thanh tra không chớp. Ông trả lời với giọng nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng:

-Thưa ông, trong két sắt hoặc hầm lưu trữ không có các chứng từ này. Tôi đã lấy đi tất cả. Ông có thể quy trách nhiệm cho chính cá nhân tôi về việc này.

Nettlewick cảm thấy kích động một chút. Ông đã không nghĩ sẽ có việc này. Ông đã tìm ra một lối về thềm thang khi chuyển đi sẵn đang gần hồi kết thúc. Ông thốt lên: “À!”, ngưng một chút, rồi tiếp tục:

-Xin ông giải thích tường tận hơn được không?

Ông thiếu tá lặp lại:

-Tôi đã lấy đi tất cả chứng từ thể chấp. Không phải cho tôi sử dụng riêng, nhưng để giúp một người bạn cũ trong cơn nguy hiểm. Xin ông hãy đến đây, rồi chúng ta sẽ trao đổi thêm.

Ông dẫn nhà thanh tra đi vào căn phòng riêng ở phía sau, và đóng cánh cửa lại. Có một bàn làm việc, một bàn nhỏ, và nửa tá ghế bọc da. Trên tường là đầu một con bò đực với cặp sừng dài. Bên đối diện treo thanh gươm kỵ binh cũ mà ông mang ở Shiloh và đồn Pillow.

Kéo một chiếc ghế cho Nettleswick, thiếu tá ngồi bên cánh cửa sổ, nơi ông có thể thấy nhà bưu điện của ngân hàng Stockmen' s National.

Ông không nói ngay, và Nettleswick cảm thấy cần có lời cảnh báo chính thức để phá tan bầu im lặng.

Nettleswick bắt đầu:

-Ông nên biết rằng, lời tuyên bố của ông, vì ông đã không cải chính gì, biểu hiện một vấn đề hệ trọng. Và ông hẳn cũng hiểu rằng nhiệm vụ của tôi bắt buộc tôi phải làm gì. Tôi sẽ trình diện Cao ủy Hợp Chúng Quốc và...

Thiếu tá Tom khoát tay:

-Tôi biết, tôi biết. Ông không nên nghĩ tôi làm chủ một ngân hàng mà lại không biết gì về những bộ luật và tu chính án của Nhà nước về nghiệp vụ ngân hàng! Ông cứ làm nhiệm vụ của ông. Tôi không xin ân huệ gì cả. Nhưng, tôi đã nhắc đến một người bạn của tôi. Tôi rất muốn ông nghe tôi kể về Bob.

Nettleswick ngồi thoải mái trong chiếc ghế của ông. Sẽ không có chuyện ông rời San Rosario ngày hôm nay. Ông sẽ đánh điện cho Chánh Thanh tra Tiền tệ, ông sẽ tuyên thệ trên tờ trát do Cao ủy Hợp Chúng Quốc ký để bắt giữ Tom Kingman, có lẽ ông sẽ được lệnh

đóng cửa ngân hàng vì lý do làm thất lạc thể chấp. Đây không phải là cái tội đầu tiên nhà thanh tra tìm ra. Một đôi lần việc thanh tra của ông đã gây ra những cảm xúc khuấy động kinh khủng khiến bầu không khí yên tĩnh của văn phòng ông bị nổi sóng. Ông đã từng nhìn những chủ ngân hàng quỳ xuống mà van xin như phụ nữ để có một cơ hội – khoảng thời gian một giờ đồng hồ - để bỏ qua một lỗi lầm duy nhất. Ông đã mục kích một người thủ quỹ tự bắn vào mình ở bàn làm việc ngay trước mặt ông. Không ai trong bọn họ có thái độ điềm tĩnh và tự trọng như ông già miền Tây cứng cỏi này. Nettleswick nghĩ ít nhất nên lắng nghe nếu ông ta muốn nói. Với khuỷu tay chống lên thành ghế, nhà thanh tra ngân hàng chờ đợi nghe lời tự thú của ông chủ tịch First National Bank of San Rosario.

Thiếu tá Tom bắt đầu, với giọng có phần kể cả:

-Khi một người là bạn hữu của ông trong bốn mươi năm, và đã kinh qua đất, lửa, nước và bão tố, khi ông có thể cho anh ấy một ít ân huệ, ông sẽ muốn cho.

(Nhà thanh tra thầm nghĩ: “Biến thủ cho hắn 70.000 đô trị giá thể chấp”)

Ông thiếu tá tiếp tục, nói chậm rãi và rõ ràng, và cũng trầm ngâm, như thể mọi ý nghĩ của ông là về quá khứ thay vì hiện tại khẩn trương.

Chúng tôi là dân chăn bò với nhau, Bob và tôi, và chúng tôi cùng đi khai thác vàng và bạc ở Arizona, New Mexico và phần lớn California. Cả hai chúng tôi đều trải qua cuộc chiến năm 611, nhưng dưới quyền

chỉ huy khác nhau. Chúng tôi cùng chiến đấu bên nhau chống lại bọn da đỏ và bọn ăn trộm ngựa, chúng tôi cùng chịu đói khát trong nhiều tuần ở một căn chòi trên vùng núi Arizona lúc ấy ngập dưới lớp tuyết dày nhiều thước, chúng tôi cùng chần dất gia súc với nhau khi gió thổi mạnh đến nỗi sét không đánh xuống được. Thế đấy, Bob và tôi đã cùng trải qua thời kỳ gian khổ kể từ khi chúng tôi gặp nhau lần đầu tại lán trại của ông già Anchor-Bar. Và trong thời gian này, chúng tôi thấy hơn cả cần thiết nên giúp đỡ nhau thoát ra khỏi cảnh khổ khó. Trong thời kỳ đó, người ta cần gắn bó với bạn hữu của mình mà không đòi hỏi đáp trả gì cả. Có lẽ ngày kế đến, ông sẽ cần hấn để tự vực mình lên và giúp chống chọi một đám da đỏ Apaches, hoặc buộc ga-rô phía trên vết cắn của một con rắn chuông và phi ngựa đi mua whisky. Vì thế, nghĩ cho cùng, đó là có qua có lại, và nếu ông không hết lòng với bạn hữu của mình, ông sẽ cảm thấy xấu hổ khi cần đến anh ấy. Nhưng Bob là một người sẵn lòng làm quá sức mình. Anh không bao giờ dừng ở giới hạn.

Hai mươi năm trước, tôi là cảnh sát trưởng vùng này, và tôi cử Bob làm phụ tá cho tôi. Đó là trước khi phong trào chăn nuôi bò rộ lên mà chúng tôi tham gia vào. Tôi là cảnh sát trưởng và nhân viên thu thuế. Tôi đã kết hôn, vợ chồng tôi có một trai một gái – lên bốn và sáu tuổi. Chúng tôi có một ngôi nhà tiện nghi gần tòa án, nội thất do chính quyền hạt trang bị, không phải trả tiền thuê, và tôi đang tiết kiệm được tiền. Bob làm hầu hết công việc hành chính. Cả hai chúng tôi đã qua những lúc gay cấn, đầy những chuyên án trộm đạo và nguy hiểm, và kể cho ông biết, kể cũng tuyệt vời trong những đêm được nghe mưa gió đập vào cửa kính, cảm thấy ấm cúng, an toàn và tiện

nghi, và biết rằng mình có thể thức dậy buổi sáng, được cạo râu, có người gọi mình bằng “ông”. Thế là, tôi có người vợ và những đứa con tuyệt vời, và anh bạn thân giao của tôi cùng tôi vui hưởng những thành quả đầu đời và áo sơ mi trắng, và tôi nghĩ tôi đang có hạnh phúc. Đúng vậy, trong thời gian này tôi được hạnh phúc.

Ông thiếu tá thờ dài, bắt chợt nhìn ra cửa sổ. Nhà thanh tra ngân hàng thay đổi thế ngồi, và kê cằm của ông ta lên bàn tay kia. Ông thiếu tá tiếp tục.

Một mùa đông, tiền thu thuế của hạt chuyển về quá nhanh đến nỗi trong cả tuần tôi không có thời gian để mang tiền thuế nộp cho ngân hàng. Tôi chỉ dồn các ngân phiếu vào một cái hộp xì-gà và tiền mặt vào một cái bao, rồi cho vào một két sắt của văn phòng cảnh sát trưởng.

Tôi làm việc quá sức trong tuần lễ đó, và gần như bị ngã bệnh. Thần kinh tôi bị căng thẳng, và giấc ngủ của tôi thường không giúp cho tôi khỏe hơn. Ông bác sĩ định bệnh theo một tên khoa học nào đó, và tôi phải dùng thuốc. Và vì thế, thêm vào những việc khác, tôi đi ngủ mà đầu óc còn nghĩ đến số tiền đó. Không phải có lý do để lo lắng, vì cái két sắt thuộc loại tốt, và chỉ có tôi và Bob biết con số kết hợp của ổ khóa. Vào buổi sáng thứ Bảy, tôi đến cơ quan như thường lệ. Cái két sắt còn được khóa, và số tiền đã biến mất. Tôi gọi Bob, và kêu mọi người đến tòa án để thông báo việc mất trộm. Tôi chợt nhận thấy Bob có vẻ khá điềm tĩnh, dù việc này liên quan đến cả hắn và tôi.

Hai ngày trôi qua mà chúng tôi không có manh mối gì. Đây không thể

là vụ trộm, vì cái két sắt đã được mở theo đúng con số kết hợp. Thiên hạ hẳn đã bắt đầu bàn tansm vì có một buổi tối, Alice – vợ tôi – chạy vào cùng đứa con trai và con gái, dậm chân, quắc mắt lên và kêu gào “Mấy đứa độc ác vu cáo, Tom...Tom” rồi ngất xỉu, tôi lay tỉnh cô, dần dà cô hồi tỉnh, và cô gục đầu xuống, khóc và khóc lần đầu tiên kể từ khi cô tiếp nhận cái tên và vật chất Tom Kingman. Rồi Jack và Zilla – hai đứa nhỏ - tụi nó luôn luôn như là hai con cọp con chạy đến Bob và leo trèo lên cả người anh ta mỗi khi được phép đi đến tòa án. Tụi nó đứng lấy chân đá giày của tụi nó, và rúc lại với nhau như gà gô bị khiếp đảm. Lần đầu tiên tụi nó bị xô xuống bóng tối của cuộc đời. Bob đang ngồi làm việc ở bàn giấy, rồi anh đứng dậy và đi ra ngoài mà không nói một lời. Lúc ấy bồi thẩm đoàn đang trong thời gian hội họp, và sáng hôm sau Bob đến trình diện họ, tự thú là anh đã trộm số tiền. Anh bảo là anh đã nương nó ở sông bài phé. Trong vòng 15 phút, họ đã ký trát và phái tôi đi bắt người mà tôi đã thân thiết hơn là ngàn anh em ruột thịt trong cả ngàn năm.

Tôi thi hành trát bắt, rồi tôi nói với Bob, chỉ trở:

-Đây là nhà tôi, đây là văn phòng tôi, trên kia là Maine, xa nữa là California, và phía kia là Florida – và đó là tầm di chuyển của anh cho đến khi toàn án họp xét xử. Anh ở dưới quyền tôi tạm giữ, và tôi nhận trách nhiệm. Anh cứ ở đây khi anh muốn.

Anh có vẻ lơ đãng:

-Cảm ơn Tom. Tôi đã có ý nghĩ hy vọng anh sẽ không giam tôi lại. Tòa án sẽ họp ngày thứ Hai, nên nếu anh không nề hà, tôi sẽ thơ thẩn quanh văn phòng cho đến ngày đó. Tôi muốn xin anh một ân huệ, nếu không phải là quá đáng. Nếu thỉnh thoảng anh cho hai đứa nhỏ ra sân vườn chơi đùa thì tôi sẽ rất vui.

Tôi trả lời:

-Sao lại không được? Tôi sẵn lòng cho phép tội nó, kể cả anh nữa.
Và cứ đến nhà tôi, như từ bấy lâu nay.

Ông Nettleswick, ông thấy đó, ông không thể có bạn hữu là kẻ trộm đạo, nhưng ông cũng không thể biến một người bạn thân thành một tội nhân, cả hai việc trong một lúc.

Nhà thanh tra không trả lời. Lúc ấy, tiếng còi tàu rú lên khi đầu máy chạy vào ga. Đây là con tàu chạy trên khổ đường hẹp dẫn vào San Rosario từ hướng Nam. Ông thiếu tá đồng tai lắng nghe một khoản khắc, và nhìn vào mặt đồng hồ của ông. Con tàu trên khổ đường hẹp đã đến đúng giờ - 10 giờ 35. Ông thiếu tá tiếp tục.

Thế là Bob nướng nấu trong văn phòng, đọc báo và hút thuốc. Tôi cử một anh phụ tá khác thế chỗ anh, và sau một thời gian, sự kích động ban đầu của vụ việc đã dần hạ xuống.

Một ngày, khi chỉ có hai chúng tôi trong văn phòng, Bob tiến đến chỗ tôi đang ngồi. Anh có vẻ nghiêm nghị và buồn buồn – cùng một vẻ khi anh thức cả đêm trông chừng bọn da đỏ hoặc lừa gia súc.

Anh nói:

-Tom, còn khó hơn cả việc xua đuổi dân da đỏ, khó hơn cả việc nằm trên sa mạc đá núi lửa cách nguồn nước bốn mươi dặm, nhưng tôi sẽ cố trụ đến cùng. Anh đã biết đó là cung cách của tôi. Nhưng nếu anh chỉ cần ra hiệu cho tôi một cái: “bob, tôi hiểu”, thì tôi sẽ cảm thấy dễ chịu nhiều.

Tôi lấy làm ngạc nhiên:

-Bob à, tôi không hiểu anh muốn nói gì. Dĩ nhiên, anh biết là tôi sẽ

làm bất cứ việc gì có thể làm được dưới ánh mặt trời này để giúp anh. Nhưng anh khiến tôi phải thất vọng.

Bob chỉ trả lời:

-Được rồi, Tom.

Và anh trở lại với tờ báo anh đang đọc và hút một điếu xì-gà khác.

Vào cái đêm trước ngày tòa án nghị sự, tôi hiểu ra anh muốn nói gì. Tôi đi ngủ với cùng cảm giác đó trở lại, đầu nhẹ tênh, bồn chồn. Tôi thiếp đi vào khoảng nửa đêm, Khi tôi bừng tỉnh, quần áo xốc xếch, trong một hành lang của tòa án. Bob đang nắm lấy một cánh tay tôi, bác sĩ gia đình của tôi nắm lấy tay bên kia, và Alice đang lay người tôi, khóc rầm rức. Cô đã đi gọi bác sĩ nhà tôi tới mà tôi không biết, và khi ông tới họ thấy chiếc giường trống không và tôi đã đi đâu mất, nên bắt đầu đi tìm.

Ông bác sĩ nói:

-Mộng du.

Tất cả chúng tôi quay trở về căn nhà, và ông bác sĩ kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện ly kỳ về những việc lạ lùng người bệnh đã làm trong tình trạng như thế. Tôi cảm thấy lạnh sau chuyến đi ra ngoài, nên khi vợ tôi đi ra khỏi phòng được một lúc, tôi mở cánh cửa tủ quần áo trong phòng và lôi ra một tấm dạ. Theo sau là cái túi tiền, tang vật của vụ trộm mà theo đó Bob sẽ bị xét xử và kết án vào buổi sáng hôm sau.

Tôi thét lên và mọi người hiện diện đều thấy tôi ngạc nhiên quá đỗi:

-Làm thế nào mà mấy con rắn chuông mang được nó vào đây?

Bob biết ngay. Anh nói, với vẻ mặt cố hữu:

-Tôi thấy anh mang nó vào đây. Tôi đã nhìn anh mở cái két sắt và lấy

nó ra, rồi tôi lên theo dõi anh. Tôi nhìn qua cửa sổ và thấy anh giấu nó trong cái tủ quần áo.

-Vậy thì, cái thằng chó sói bị trùm mền, cắt tai, đầu ngu như cừu, tại sao anh lại nhận tội?

Bob trả lời đơn giản:

-Bởi vì tôi không biết lúc ấy anh đang mê ngủ.

Tôi thấy anh liếc nhìn qua cửa phòng của Jack và Zilla, và lúc đó tôi hiểu ra giá trị của bạn hữu theo cách nhìn của Bob.

Thiếu tá Tom ngừng nói, và lại ngoài nhìn qua cửa sổ. Ông trông thấy một nhân viên nào đấy của Ngân hàng Stockmen's National tiến đến và kéo tấm màn màu vàng xuống cả chiều dài khung cửa sổ lớn, mặc dù với vị trí của mặt trời việc này không cần thiết.

Nettlewick ngồi thẳng dậy. Ông đã lắng nghe một cách kiên nhẫn câu chuyện của ông thiếu tá, nhưng không chú ý lắm. Ông nghĩ dân miền Tây này có tình cảm quá cường điệu. Họ không có vẻ gì là dân làm ăn chính hiệu. Họ cần được bảo vệ chống lại ảnh hưởng xấu của bạn hữu. Hiển nhiên là ông thiếu tá đã đi đến kết cục của câu chuyện. Và những điều ông kể chẳng đi đến đâu cả.

Nhà thanh tra nói:

-Tôi xin hỏi, ông có gì thêm để đề cập trực tiếp đến vấn đề những thế chấp trùu tượng ấy không?

Thiếu tá Tom thành linh quay lại, đôi mắt xanh của ông lóe sáng đến nhà thanh tra:

-Những thế chấp trùu tượng hờ ông? Thưa ông, ông có ý gì?

Ông móc từ trong túi áo choàng một xấp giấy gấp lại, được cột bằng một sợi dây cao su, ném vào tay của Nettlewick, và đứng dậy:

-Ông sẽ thấy đây là những thế chấp, thừa ông, mọi công trái, phiếu nợ, cổ phiếu. Tôi đã lục ra từ những hồ sơ trong khi ông đang đếm tiền mặt. Ông hãy tự mình xem xét và so sánh.

Ông thiếu tá dẫn đường trở lại vào phòng ngân hàng. Nhà thanh tra đi theo sau, kinh ngạc và hoang mang, tức tối. Ông cảm thấy ông đã bị biến thành nạn nhân của cái trò gì đấy không hẳn là chơi khăm, nhưng đã đặt ông vào hoàn cảnh của người bị lừa gạt, bị khai thác, rồi bị vứt bỏ, mà ông không hề biết cái trò này là như thế nào. Cũng có lẽ vị thế quan cách của ông đã bị tung hứng một cách bất kính. Nhưng ông không có gì làm bằng chứng. Viết một báo cáo chính thức về vụ việc sẽ là chuyện lố bịch. Và, qua cách nào đấy, ông có cảm tưởng ông sẽ không bao giờ được biết thêm về vụ việc hơn là những gì ông được biết bây giờ.

Lạnh lùng và máy móc, Nettleswick kiểm tra các văn tự thế chấp, thấy phù hợp với giấy tờ, cầm lấy chiếc túi đen, và đứng lên để từ giả.

Ông hướng tia nhìn khinh khỉnh qua đôi tròng kính đến thiếu tá Kingman:

-Tôi có thể nói rằng những lời tuyên bố của ông – những lời tuyên bố sai lạc của ông mà ông đã không hạ mình giải thích – xem ra không đi vào vấn đề, dù là việc làm ăn hoặc là chuyện lừa gạt. Tôi không hiểu nổi những động lực hoặc hành động như thế.

Thiếu tá Tom nhìn qua ông nghiêm trọng và không phải là thiếu thiện cảm.

-Anh con trai à, có rất nhiều chuyện trong vùng đồng nội, trên đồng cỏ, trên những vực núi, mà anh không thể hiểu được. Nhưng tôi

muốn cảm ơn anh đã lắng nghe câu chuyện chán ngắt của một ông già lẩm lòi. Dân già Texas tội tôi khoái kể về mấy cuộc phiêu lưu và các bạn hữu, và người nhà của tội tôi đã từ lâu biết cách bỏ chạy khi tội tôi bắt đầu với câu “Ngày xưa ngày xưa”, nên tội tôi đành phải tóm lấy người lạ đi đến gần cổng nhà mình.

Ông thiếu tá mỉm cười, nhưng nhà thanh tra chỉ lạnh nhạt cúi đầu, và nhanh chóng đi ra khỏi tòa nhà ngân hàng. Họ nhìn thấy ông đi chéo qua phố theo một đường thẳng và bước vào ngân hàng Stockmen's National.

Thiếu tá Tom ngồi xuống bàn làm việc của ông, và từ trong túi áo vét rút ra lá thư Roy đã trao cho ông. Ông đã đọc qua một lần, nhưng trong hấp tấp, và bây giờ, với vẻ gì đấy như lấp lánh trong đôi mắt, ông đọc lại lần nữa:

Tom thân mến,

Tôi nghe có một con chó săn của chú Sam tìm đến bạn, như vậy có nghĩa là ta sẽ bắt giữ hắn trong ít giờ, có thể vậy. Bây giờ, tôi muốn nhờ bạn giúp vài việc cho tôi. Bọn này chỉ có 2.200 đô trong nhà băng, và luật quy định phải có 20.000. Chiều hôm qua tôi đưa Ross và Fisher 18.000 để mua đám bò Gibson đó. Không đầy 30 ngày, họ sẽ thu được 40.000, nhưng như vậy sẽ không làm số tiền mặt đẹp hơn dưới mắt tên thanh tra. Bây giờ, tôi không thể trình cho hắn mấy tờ giấy cầm cố đó, vì chỉ toàn là giấy lộn mà không có bất cứ bóng dáng cầm cố nào, nhưng bạn biết rõ là Pink Ross và Jim Fisher là hai đứa da trắng ngon lành nhứt mà Thượng đế đã tạo ra, và tội nó sẽ chơi đảng hoàng. Bạn còn nhớ Jim Fisher – hắn là người đã bắn tên chia bài ở El Paso đó. Tôi đã điện cho ngân hàng của Sam Bradshaw

xin gửi cho tôi 20.000, và số tiền sẽ đến trên chuyến tàu lúc 10:35. Bạn không thể để tên thanh tra đến được 2.200 và đóng cửa bạn. Tom, bạn phải giữ hẩn lại. Giữ hẩn. Giữ hẩn nếu cần phải trói hẩn lại và ngồi trên đầu hẩn. Trông chừng cái cửa sổ sau khi tàu đã đến, và khi bọn tôi nhận được tiền, bọn tôi sẽ kéo tấm màn cửa xuống để báo hiệu. Đừng cho hẩn thoát trước. Tôi tin cậy nơi bạn, Tom ạ.

Bạn già – Bob Buckly. Chủ tịch Stockmen's National.

Ông thiếu tá bắt đầu xé bức thư làm nhiều mảnh vụn và ném vào cái sọt rác. Ông cười khúc khích một cách hài lòng.

Ông lẩm bẩm, măn nguyện:

-Cái thằng già chần bò lộn xộn liều lĩnh! Vậy là đã trả ơn cho bạn phần nào đối với cái việc bạn đã làm cho mình trong văn phòng cảnh sát trưởng hai mươi năm trước.

Chú thích

1. Cuộc nội chiến Nam-Bắc của Mỹ, bắt đầu năm 1861.

O. Henry

Căn phòng đủ tiện nghi

Một số người sống trong một quận gạch đỏ dưới phía đông của thành phố luôn luôn thiếu ổn định, mãi trôi giạt, lang thang. Tuy vô gia cư, họ vẫn có hàng trăm chỗ ở. Họ nhảy từ phòng cho thuê này qua phòng khác (phòng nào cũng đủ tiện nghi nội thất), luôn trong cảnh lông bông, lông bông về chỗ trú ngụ, lông bông về tâm hồn và tư tưởng. Họ ca hát “Tổ ấm gia đình” trong điệu dân ca Mỹ rộn ràng, họ mang đồ tể nhuyển trong một cái thùng đáng lẽ chỉ để đựng đồ linh tinh, dây leo làm cảnh quán quanh cái mũ rộng vành ta thường thấy trong các bức họa, một cái cây nhỏ là cây bóng mát.

Vì thế, những ngôi nhà của quận này, với hàng nghìn nhân khẩu, có hàng nghìn câu chuyện để kể, đương nhiên, phần lớn đều vô vị, nhưng sẽ là điều lạ lùng nếu ta không thể tìm ra một vài bóng ma trong đám dân cư lông bông này.

Một buổi tối, một thanh niên lượn vòng, bấm chuông những toà nhà màu đỏ đỏ nát này. Đến toà nhà thứ mười hai, anh đặt túi hành lý lép kẹp trên bậc thềm, lau cái trán đã lấm đầy bụi. Cái chuông phát ra âm thanh khe khẽ và xa xôi trong những chiều sâu nào đấy hun hút, trống rỗng.

Một người đàn bà đi ra cửa. Bà làm anh liên tưởng đến một con sâu bệnh hoạn, háo ăn háo uống đã đục khoét cả một cái quả chỉ chừa lại vỏ cứng và bây giờ đang lo kiếm khách trọ nào đấy có thể xoi được, để lấp đầy chỗ hổng. Anh hỏi bà có phòng trống cho thuê hay không.

Bà trả lời, tiếng phát ra từ cổ họng, cổ họng dường như được lót lông thú:

- Mời vào. Tôi có tầng ba, phía sau, đã trống một tuần nay. Anh muốn xem không?

Người thanh niên theo bà đi lên cầu thang. Một luồng ánh sáng nhợt nhạt không rõ phát ra từ đâu lấp bốt những khoảng tối trong các hành lang. Họ bước không một tiếng động nào trên một tấm thảm mà cái khung cửu dật của nó hẳn phải không dám nhìn nhận nó nữa.

Dường như tấm thảm đã trở nên một loài thực vật, trong bầu không khí nặng không hề có ánh mặt trời, nó đã bị thoái hoá thành một lớp địa y lùm xùm hay rêu lan tràn mọc từng mảng đến tận cầu thang, nó trơn nhớt dưới chân như là một chất hữu cơ. Ở mỗi chỗ ngoặt của cầu thang là những hốc lõm trên tường. Có lẽ một loại cây cỏ nào đó đã từng mọc trong đấy. Nếu đúng thế, hẳn mấy cây cỏ đó đã tàn lụi trong bầu không khí hôi hám. Có thể có những bức tượng của các vị thánh đã được đặt ở đấy, nhưng ta có thể suy luận dễ dàng là ma quỷ đã lôi họ qua bóng tối xuống những vực sâu có trang bị đồ đạc trần tục ở phía dưới.

Bà chủ nói qua cổ họng được lót lông thú:

- Phòng này đây. Phòng này tốt lắm. Ít khi trống. Mùa hè vừa rồi có người đứng đắn thuê - không gây rắc rối gì cả, lại còn trả tiền trước. Nước ở cuối hành lang. Sprowls và Mooney đã thuê ở đây ba tháng.

Họ diễn trên sân khấu văn nghệ tạp kỹ. Cô B'retta Sprowls - chắc ông có nghe nói đến cô ấy - À, mà đây chỉ là tên sân khấu - trên tủ quần áo ngay đây là nơi họ treo giấy hôn thú, có đóng khung vàng hoàng. Vòi ga ở đây, có nhiều tủ quần áo, ông thấy đấy. Ai cũng thích phòng này. Không mấy khi trống.

- Bà có nhiều nghệ sĩ sân khấu thuê phòng ở đây không?

- Họ đến rồi đi. Giới sân khấu có thuê một số phòng ở đây. Đúng thế, ông ạ, nơi đây là quận sân khấu. Máy diễn viên không bao giờ ở lâu một chỗ nào cả. Một số có thuê ở đây. Vâng, họ đến rồi đi.

Anh thanh niên nhận thuê phòng, trả trước một tuần. Anh bảo anh cảm thấy mệt và muốn nhận phòng ngay. Anh đếm tiền. Bà chủ bảo phòng đã sẵn sàng, ngay cả khăn lau và nước đều sẵn sàng. Khi bà chuẩn bị ra ngoài, anh thanh niên hỏi câu hỏi anh đã có trên đầu môi cả nghìn lần:

- Có một cô gái trẻ - Cô Vashner, cô Eloise Vashner - bà có nhớ cô đã đến thuê ở đây không? Rất có thể cô hát trên sân khấu. Da trắng, tầm vóc trung bình, với tóc vàng kim đo đỏ và một bốt sẫm gần lông mày bên trái.

- Không, tôi không nhớ tên. Giới sân khấu thay đổi tên liên tục cũng như họ thay đổi phòng. Họ đến rồi đi. Không, tôi không nhớ tên này. Không. Luôn luôn là không. 5 tháng điều tra liên tục rồi không tránh khỏi vô vọng. Bỏ rất nhiều thì giờ ban ngày để hỏi han mấy ông bầu, nhân viên đại diện, trường kịch nghệ, ban hợp xướng. Ban đêm trà trộn trong số khán giả của các sân khấu từ những nhà hát đầy ngôi sao đến các phòng ca nhạc hạ cấp. Anh, người yêu cô nhất trần đời, đã cố công tìm kiếm cô. Anh chắc chắn là từ khi cô biến khỏi nhà, thành phố thênh thang bao quanh toàn là nước này chứa chấp cô ở

đâu đấy, nhưng nó như là một vũng lầy khủng khiếp, luôn luôn xoáy động, không có nền chắc chắn, các vật thể nổi hôm nay bị chìm lấp ngày mai trong bùn nhớt.

Căn phòng đủ tiện nghi nội thất đón người khách mới nhất với tia sáng đầu tiên của lòng hiếu khách giả tạo, một thái độ chào đón tất bật, hốc hác, máy móc như là nụ cười đặc biệt của một ả giang hồ. Sự thoải mái hiện đại đến từ ánh sáng phản chiếu từ đồ nội thất rậm rạp, tấm nệm thêu xơ xác của cái phô-tơ và hai chiếc ghế, tấm gương soi toàn thân rẻ tiền đặt giữa hai cửa sổ, từ một hai khung ảnh sổ sàng và khung giường bằng đồng đặt ở góc phòng.

Người khách trọ ngồi ngả người trên ghế, bất động, trong khi căn phòng, hoang mang trong ngôn từ như thể là một phòng trọ trong Tháp Babel, cố gắng thuyết minh về chức năng cho thuê đa dạng của nó.

Cái tấm thảm với lắm mùi khác nhau, hình chữ nhật thêu hoa, giống như hòn đảo vùng nhiệt đới bao quanh bởi một vùng biển là tấm lót sàn vậy bản, phòng lên chỗ này, tụt xuống chỗ nọ. Trên bức tường dán giấy màu tươi sáng là những tấm hình đi theo những người vô gia cư từ nhà này đến nhà nọ. Những góc cạnh đạo mạo một cách khắc khổ của cái bệ lò sưởi bị che phủ một cách tồi tệ trong cái màn cửa theo một thời trang, bị kéo xệch dúm dó về một bên cứ như là tấm vải choàng của vũ nữ ba lê vùng rừng già Amazon ở Nam Mỹ. Trên cái bệ là xác một con tàu chong chơ được mang vào bờ khi một cánh buồm may mắn mang chúng đến bến cảng tươi mát - một hai bình hoa vô duyên, ảnh của mấy diễn viên, một lọ thuốc, vài lá bài tây lác lõng khỏi cỗ bài.

Khi bản mặt mã trở nên rõ ràng từ chữ này qua chữ khác, những dấu hiệu nhỏ nhoi còn sót lại sau cuộc diễu hành của những người khách trọ trong căn phòng đủ tiện nghi nội thất trở nên có ý nghĩa. Cái khoảnh khắc thăm xớ xác trước cái bàn phấn bảo rằng những người phụ nữ dễ thương đã đến hàng đoàn. Những dấu tay bé tí trên bức tường nói đến những tù nhân nhỏ tuổi cố lần mò tìm đường ra ánh nắng và không khí. Một vết bản vương vãi, toả ra như cái bóng của một bom bùng nổ, là chứng tích của một cái cốc hay chai va vào, tung toé ra lên tường chắt đưng bên trong. Trên mặt gương soi toàn thân là tên người “Marie” viết nghệch ngoạc bằng kim cương. Dường như lần lượt những khách trọ trong căn phòng đủ tiện nghi đã trút ra cơn giận dữ - có lẽ không thể chịu nổi vẻ lạnh lùng hào nhoáng rẻ tiền của nó - và đem tất cả cuồng nhiệt ra phá phách. Bàn ghế tủ giường bị đổ gọt và trầy trụa, cái ghế bành bị móp méo vì máy lò xo bung ra, trông như là con quái vật khủng khiếp đã bị sát tử trong cơn quần quai loạn cuồng. Một cơn quấy động nào đấy lộ liễu hơn đã sứt cái bề lò sưởi đi một lát lớn. Mỗi thanh gỗ sàn tạo một mảng riêng rẽ và kêu thét như là trong cơn đau đớn riêng biệt của từng cá thể. Có vẻ khó tin là những người có thời từng gọi căn phòng này là “nhà” lại có ác ý gây ra bao đau thương như thế cho căn phòng. Và tuy nhiên, có thể là bản năng do ý niệm về “nhà” bị lừa gạt - vốn đã tồn tại một cách đui mù sau cơn giận dữ đầy bất bình đối với cơn phần nộ của những người ở trọ. Nếu ta là chủ một túp lều, ta vẫn quét dọn, trang hoàng và giữ gìn nó.

Anh khách trẻ ở trọ, gọn người trong ghế, để những ý tưởng như thế lướt qua êm ái trong đầu anh, trong khi những âm thanh và những mùi hương - đều có đủ tiện nghi nội thất - lan toả vào căn phòng. Anh

nghe trong một căn phòng tiếng khúc khích và chuỗi cười vang buông thả không kiềm chế, trong những phòng khác một giọng độc thoại trách mắng, tiếng xúc xắc lanh canh, tiếng ru con và một tiếng khóc sụt sùi, tầng trên là tiếng đàn banjo gầy đầy nhiệt tình. Ở đâu đấy có những cánh cửa đóng sầm; cái thang máy kêu thét không ngừng, một con mèo rên rỉ thảm hại trên hàng rào sân sau. Và anh thở hơi thở của toà nhà - hương vị ẩm lạnh hơn là một mùi - vị nồng nồng lạnh lẽo, mốc meo như thể từ những hố ngầm dưới đất pha trộn với hương sực nức của véc-ni và đồ gỗ mục nát đã lên nấm mốc.

Và thành linh, khi anh ngả người như thế, mùi hoa mignonette ngọt dịu tràn ngập căn phòng. Mùi hương dường như đến theo một cơn gió thoảng, với sự chắc chắn, thơm tho và khẳng định thành một hương vị khác có sự sống. Và người con trai thốt lên: “Gì thế, hờ em yêu?” như thể là có tiếng gọi anh, rồi anh đứng bật dậy, nhìn chung quanh. Mùi hương nồng nàn bám lấy anh và bao quanh lấy anh. Anh dang cả hai tay ra đón nó, mọi tri giác của anh trong nhất thời đều bị hoang mang, trộn lẫn. Làm thế nào một mùi hương có thể gọi được anh? Chắc chắn, đấy phải là một linh hồn. Nhưng mà, có phải đấy là một âm thanh đã chạm đến anh, đã ve vuốt anh?

“Nàng đã ngủ ở phòng này”, anh thốt lên và bật người ra để níu lấy một ít, vì anh biết anh có thể nhận ra cái gì đấy dù nhỏ nhất nhất thuộc về nàng hay cái gì đấy nàng đã chạm tay đến. Mùi hương mignonette này, mùi hương nàng vẫn yêu thích và biến thành mùi của riêng nàng, đã từ đâu đến?

Căn phòng đã được dọn dẹp một cách cầu thả. Vương vãi trên chiếc khăn mỏng dính đây cái bàn phấn là khoảng nửa tá kim cài tóc -

những người bạn thầm kín, khó phân biệt nhau của giới phụ nữ, thuộc phái yếu, với cảm hứng vô hạn và một thể ngôn ngữ không thể truyền thông được. Anh bỏ qua những món này, hiểu rõ chúng hoàn toàn thiếu khả năng chứng minh ai là ai. Khi lục lọi trong mấy ngăn kéo của cái bàn phấn, anh tìm thấy một khăn tay nhỏ bị vứt bỏ, nhàu nát. Anh áp nó vào mặt mình. Nó có mùi cây vôi voi nồng nặc xức xược, anh ném nó xuống sàn nhà. Trong một ngăn kéo khác anh tìm ra vài cúc áo, một tờ chương trình nhà hát, một thẻ cầm đồ, hai mẫu kẹo đường, một lô cuốn sách nói về cách đoán mộng. Trong ngăn kéo cuối cùng là một kẹp tóc bằng vải sa-tanh đen, khiến anh dừng tay, vội bốc lấy nó, giữa băng giá lạnh và lửa nóng cháy. Nhưng cái kẹp tóc cũng chỉ là loại trang sức của nữ giới, khiêm tốn, thông thường và vô nhân cách, không nói lên được điều gì.

Và rồi anh lùng sục khắp phòng như con chó săn đánh hơi con mồi, lướt qua bức tường, bò trên hai chân và hai tay để xem xét từng góc kẹt của tâm trái sàn phập phồng sục sạo cái bệ lò sưởi và mấy cái bàn, màn cửa, màn treo, cái tủ nhỏ ở góc phòng, để tìm kiếm một dấu vết sinh động, dù anh không thể nhận ra là nàng đã ở bên anh, xung quanh anh, tựa vào anh, ở trong anh, bên trên anh, bám lấy anh, âu yếm với anh, gọi anh qua mọi cảm nhận tính tế hơn, đến nỗi ngay những giác quan đơn sơ nhất của anh cũng nhận được tiếng gọi. Một lần nữa, anh trả lời: “Vâng, em yêu!”, và quay người, đôi mắt rùng rục, để nhìn vào khoảng không, vì lẽ anh không thể nhận ra bóng hình, màu sắc tình yêu và đôi vòng tay mở rộng trong mùi hương của hoa mignonette. Ôi, Chúa ơi! mùi hương ấy đến từ đâu và từ bao giờ mùi hương có tiếng nói để kêu gọi? Thế là anh lần mò xung quanh.

Anh vùi mình trong các kẽ ngách và góc kẹt và tìm thấy nút chai và những điều thuốc lá. Anh bóp chúng bẹp gí trong khinh rẻ. Nhưng có lúc anh tìm thấy trong một nếp gấp của tấm trải sàn nhà một điều xì-gà đã hút dở và anh lấy chân chà nó với tiếng càu nhàu sắc lạnh. Anh sàng lọc cả căn phòng từ đầu này sang đầu kia. Anh tìm thấy những chứng tích lật vật đáng chán và hạ cấp của nhiều khách trọ lãng tử, trong khi không thấy dấu vết nào của một người có thể đã thuê phòng ở đây, người mà linh hồn dường như lảng vảng quanh đây.

Và rồi anh nghĩ đến bà chủ nhà. Anh chạy từ căn phòng bị ma ám xuống mấy bậc thang, đến một cánh cửa có khe nứt toả sáng ra ngoài. Bà chủ nhà ra mở cửa. Anh cố gắng trấn áp nỗi xúc động. Anh van nài:

- Bà có thể cho tôi biết, ai đã thuê căn phòng đó trước khi tôi đến?
- Vâng, thưa ông. Tôi có thể cho ông biết lần nữa. Đây là Sprowls và Mooney, như tôi đã nói. Tôi nói cô B'retta Sprowls trình diễn ở các nhà hát, nhưng thực ra là bà Mooney. Nhà của tôi nổi tiếng là đứng đắn. Giấy hôn thú, có đóng khung, treo vào cái đinh bên trên.
- Cô Sprowls là người như thế nào - ý tôi muốn nói về ngoại hình?
- Sao cơ? Tóc đen, thưa ông, thấp người, tròn trĩnh, với khuôn mặt trông khôì hài. Họ đã đi ngày thứ ba tuần rồi.
- Và trước họ, ai đã ở đây?
- Sao cơ? Đây là một ông làm nghề khuôn vác. Ông ta đi mà còn thiếu tiền thuê phòng một tuần. Trước ông là cô Crowder và đứa con của cô ấy, họ ở bốn tháng. Trước nữa là ông Doyle, tiền phòng do các đứa con trả. Ông thuê trong sáu tháng. Đây là một năm nay, trước nữa thì tôi không nhớ.

Anh cảm ơn bà và cúi đầu trở về phòng. Căn phòng đã chết. Hương thơm cho nó sự sống đã không còn nữa. Mùi hương hoa mignonette đã ra đi. Thay vào đấy là mùi cũ kỹ, nặng nề của đồ đạc lên mốc meo, của bầu không khí ngọt ngào như là trong kho hàng.

Hy vọng tàn rụi đã làm cạn kiệt mọi niềm tin của anh. Anh ngồi nhìn chăm chăm ngọn đèn ga vàng vọt. Rồi anh đi đến cái giường và xé tấm vải giường ra thành từng dải nhỏ. Dùng cái sống của một con dao, anh nhét từng dải vào từng khe hở của các cửa sổ và cánh cửa chính. Khi mọi chỗ đã được lèn chặt, anh tắt ngọn lửa, mở vòi ga hết mức, rồi lên nằm một cách thoải mái trên giường.

*

Đấy là đêm bà McCool cảm thấy thèm bia. Thế là bà đi lấy một lon đến ngồi bên bà Purdy, tại một góc cô tịch dưới tầng hầm nơi các bà chủ nhà tụ họp và nơi con sâu tham lam ít khi chết đói. Bà Purdy nói, qua một vòng tròn bọt bia li ti:

- Tối nay tôi đã cho thuê được căn phòng trên tầng ba. Một anh thanh niên đến thuê. Anh ta đi ngủ cách đây hai giờ rồi.

Bà McCool nói với lòng thán phục:

- Thật à, bà Purdy? Bà tài lắm mới có thể cho thuê loại phòng như thế.

Và McCool thì thầm, đầy vẻ bí ẩn, thêm câu hỏi:

- Thế thì bà có nói cho anh ta biết không?

Bà Purdy nói, cổ họng càng như được lột thêm lông thú dày nhất:

- Có phòng là phải trang bị để cho thuê. Tôi không nói cho anh ấy biết bà McCool ạ.

- Bà nói đúng lắm, có cho thuê phòng thì những người như chúng ta mới sống được. Bà có đầu óc kinh doanh độc đáo lắm. Nhiều người

có thể từ chối căn phòng đó nếu họ biết là đã có khách tự tử và nằm chết trên cái giường trong đấy.

- Như bà nói, chúng ta phải lo kiếm sống.

- Thật vậy bà ạ. Đúng một tuần trước tôi đã giúp bà trải lại tấm lót sàn. Một cô gái xinh xắn mảnh dẻ tự tử bằng ga thấp đèn - cái cô có khuôn mặt nhỏ nhắn đấy, bà Purdy.

Bà Purdy đồng tình nói nhưng pha chê bai:

- Cô ấy có thể được xem là đẹp, như bà nói, nếu không có cái bớt trên lông mày bên trái. Dừng thêm bia đi, bà McCool.

O. Henry

Cánh cửa màu lục

Giả sử bạn đang đi dọc theo Phố Broadway sau bữa ăn tối, với mười phút để thưởng thức điều xì-gà trong khi bạn đang phân vân giữa việc cứu nguy một thảm trạng và làm một việc gì đấy nghiêm túc theo cách trong các vở hài kịch nhớ nhăng. Thành linh có một bàn tay đặt lên vai bạn. Bạn quay lại để nhìn vào đôi mắt mê hồn của một phụ nữ xinh đẹp tuyệt trần với những kim cương và lông chồn Nga. Người phụ nữ vội dúi vào tay bạn một cái bánh bơ thật nóng, rút ra một cái kéo nhỏ xíu, cắt đi cái nút thứ hai trên áo choàng của bạn, thốt lên “Hình bình hành!”, rồi chạy băng qua đường, ngoái đầu lại một cách kinh hãi.

Đấy là cả một sự phiêu lưu. Liệu bạn có chấp nhận không? Chắc là không. Bạn hẳn sẽ ngượng chín cả người, ném ngay mẩu bánh xuống và tiếp tục đi trên Phố Broadway, lần dò tìm cái nút áo bị mất. Bạn sẽ phản ứng như thế, trừ phi bạn thuộc số ít người không hề thấy mệt mỏi trong việc theo đuổi tinh thần phiêu lưu.

Con người phiêu lưu đích thực không bao giờ có nhiều. Mấy người phiêu lưu được kể trong sách truyện phần lớn là dân thương mại với

những phương pháp mới được khám phá. Họ theo đuổi những gì họ thèm muốn - những bộ lông thú bằng vàng, những cốc chén linh thiêng, những người yêu quý phái, kho báu, vương miện và tiếng tăm. Con người phiêu lưu đích thực đi không có mục đích, không tính toán, để sẵn sàng gặp gỡ và chào đón một định mệnh vô hình nào đấy.

Con người phiêu lưu nửa vờ – can đảm và hào nhoáng – thì có nhiều. Từ những cuộc Viễn chinh Thập tự (1) đến Palisades (2), họ đều làm giàu nghệ thuật về lịch sử và tiểu thuyết cũng như làm giàu cho việc buôn bán tiểu thuyết lịch sử. Nhưng mỗi người trong bọn họ đều theo đuổi một giải thưởng, nhắm vào một cái đích, vung một cái rìu, chạy một cuộc đua, khắc một cái tên – vì thế mà họ không phải là những người đích thực theo đuổi phiêu lưu.

Rudolf Steiner là một người phiêu lưu đích thực. Có rất nhiều buổi tối anh đi ra ngoài để kiếm tìm những gì bất ngờ và thần kì. Đối với anh, điều lí thú nhất trong cuộc sống là cái gì đấy đang chờ đợi anh ở ngã rẽ trước mặt. Đôi lúc cái tật sẵn sàng thách thức định mệnh đã lôi anh vào những tình huống quái dị. Hai lần anh đã phải ngủ đêm tại bót cảnh sát; hết lần này đến lần khác anh là nạn nhân của bọn lừa đảo thần tình và đâm thuê chém mướn; có lúc anh bị mất đồng hồ và tiền bạc chỉ vì một vụ phỉnh phờ. Nhưng với tính hăng say không hề suy giảm, anh vẫn chấp nhận kéo dài thêm bằng thành tích phiêu lưu rôm rả của mình.

Một buổi tối, Rudolf tản bộ dọc theo hè đường trong một khu phố cổ của thành phố. Hai dòng người chật ních hai bên hè phố, một dòng hối hả trở về nhà sau công việc, dòng kia ra khỏi nhà để đi ăn uống trong những nhà hàng sáng trưng như thể được thắp bằng cả nghìn

ngọn nển. Anh thanh niên thích phiêu lưu trẻ trung đang ngập tràn vui thú, bước đi với dáng vẻ thâm trầm, ngắm nhìn cùng khắp. Ban ngày, anh là nhân viên tiếp thị cho một cửa hiệu bán đàn dương cầm. Khi anh đang đi, những âm thanh giống như là do hai hàm răng đánh lập cập phát ra từ một khung kính khiến anh chú ý (với một ngàn ngại) quan sát một nhà hàng phía trước mặt, nhưng rồi khi nhìn kĩ lại anh thấy bảng hiệu đèn điện của một phòng nha khoa đặt ở trên cao kế đấy. Một anh chàng da đen khổng lồ, ăn mặc kì quái với một áo choàng vải móc màu đỏ, cái quần màu vàng và một cái mũ cát kết kiểu quân đội, đang kín đáo phân phối những tấm thiệp cho người đi đường nào muốn nhận lấy.

Rudolf đã quá quen với cánh tiếp thị nha khoa kiểu này. Bình thường anh không muốn nhận một tấm thiệp tiếp thị nào cả. Nhưng lần này anh chàng da đen gốc Phi Châu dúi tấm thiệp vào tay anh một cách khéo léo đến nỗi Rudolf phải nhận mà mỉm cười khen cho cái tay kĩ xảo.

Khi Rudolf đi được vài bước, anh lơ đãng liếc nhìn tấm thiệp. Anh ngạc nhiên, lật tấm thiệp qua lại, rồi nhìn lần nữa với cả sự chú tâm. Một mặt của tấm thiệp hoàn toàn trống, mặt kia chỉ vờn vện các chữ viết tay bằng bút mực: “Cánh Cửa Màu Lục”. Và rồi Rudolf trông thấy, chỉ cách anh vài bước phía trước, một người đàn ông ném một tấm thiệp xuống đất. Rudolf nhặt lên. Đây là một tấm thiệp in tên và địa chỉ một nha sĩ, liệt kê mọi dịch vụ trám răng, bịt răng, chỉnh răng vầu, vân vân, và những hứa hẹn đặc biệt về kĩ thuật “không đau”. Anh nhân viên tiếp thị với tính thích phiêu lưu dừng bước tại một góc phố và suy ngẫm. Rồi anh băng qua bên kia đường, đi ngược trở lại một dãy phố, băng trở lại bên này đường, và nhập vào dòng người lũ

lượt. Giả vờ không hề để ý đến anh chàng da đen, anh ra về lơ đãng nhận tấm thiệp trao cho mình. Cách mười bước, anh kiểm tra tấm thiệp. Vẫn cũng là những chữ viết tay bằng bút mực y như tấm thiệp đầu tiên: “Cánh Cửa Màu Lục”. Có ba, bốn tấm thiệp được vớt trên đường từ từ những người đi trước và sau anh. Mấy tấm thiệp này đều đưa mặt trống lên trên. Anh nhặt hết lên, lật qua để xem. Tất cả đều mang dòng chữ in quảng cáo cho ông nha sĩ. Ít khi nào thần Phiêu Lưu phải kêu gọi Rudolf Steiner - một tín đồ trung thành - đến hai lần.. Nhưng hôm nay thì đúng là hai lần. Thế là cuộc phiêu lưu bắt đầu.

Rudolf bước chậm chậm trở lại chỗ anh chàng da đen đang đứng gần, hai hàm răng đánh lập cập. Lần này, khi anh đi qua, anh không nhận được một tấm thiệp nào nữa. Dù với bộ trang phục quái đản, anh da đen vẫn ra dáng vẻ tôn quý man rợ theo thiên nhiên, chìa tấm thiệp cho vài người, cho phép vài người khác đi qua mà không hề phiền nhiễu đến. Cứ mỗi nửa phút, anh lại cất tiếng khàn khàn hát những câu không ai hiểu nổi ý nghĩa theo cách ồm ộp của mấy lơ xe và giàn đồng ca hợp xướng. Không những anh ta không muốn trao tấm thiệp nào, nhưng đối với Rudolf cả tấm thân hộ pháp đen lù lù hình như lộ vẻ lạnh lùng, gần như đến mức khinh thường miệt thị. Cái nhìn làm nhà phiêu lưu đau nhói như là bị ong đốt. Anh nhận ra trong sự cáo buộc im lặng có lời kêu gọi đến anh. Dù gì những chữ viết tay bí ẩn kia có ý nghĩa gì chẳng nữa, người da đen đã hai lần chọn anh trong dòng người bát nháo để trao cho tấm thiệp ấy. Và bây giờ người da đen có vẻ như lên án anh thiếu tinh thần và chí khí để lao vào cuộc đánh đố.

Đứng ra ngoài dòng người bát nháo, anh trai trẻ dò xét một cách

nhANH chóng tòa nhà mà anh cho là cuộc phiêu lưu của anh sẽ xảy ra trong đấy. Tòa nhà cao năm tầng. Một nhà hàng chiếm lấy tầng hầm. Tầng trệt, giờ đã đóng cửa, xem chừng là hiệu bán mũ mắNG hay hàng lông thú. Tầng thứ hai theo tám biển chữ đèn điện cho biết, là phòng nha sĩ. Trên nữa là một dãy phố lố nhố những bảng hiệu viết bằng vài ngôn ngữ khác nhau – nơi cư ngụ của mấy thầy bói xem chỉ tay, thợ cắt may, nhạc sĩ, và bác sĩ. Cao thêm nữa, những vải màn cửa và mấy chai sữa tươi đặt trên bệ cửa sổ chỉ định khu vực gia cư.

Sau khi đã có kết luận cho cuộc điều tra của mình, Rudolf nhanh nhẹn bước lên các nấc thang xây bằng đá dẫn vào tòa nhà. Anh tiếp tục bước lên một cầu thang trải thảm, và dừng lại khi đã lên đến trên cùng. Hai dòng khí đốt cháy leo lét soi đường hành lang dài, một ở xa bên phải, một gần hơn bên trái. Anh nhìn về phía ánh sáng gần hơn và thấy, trong vùng lập loè, một cánh cửa màu lục. Anh ngần ngừ một lúc, và rồi anh dường như trông thấy cái nhếch môi cười khinh miệt của anh chàng Châu Phi với trò tung hứng mấy tấm thiệp. Thế là anh bước thẳng đến cánh cửa màu lục và đưa tay lên gõ. Trong khi chờ đợi là khoảng thời gian đo lường nhịp thở hào hển của cuộc phiêu lưu đích thực. Có thể không có phiêu lưu gì cả sau cánh cửa màu lục này! Có thể là dân cờ bạc đang sát phạt nhau; mấy tay anh chị đang giăng bẫy với bao trò ma mãnh; giai nhân đang độ yêu đương bất cần đời và thế là muốn tìm của lạ; mối hiểm nguy, cái chết, tình yêu, nỗi thất vọng, trò cợt nhả - bất kì việc gì cũng có thể đáp lại tiếng gõ táo bạo.

Có tiếng sột soạt bên trong, rồi cánh cửa từ từ mở ra. Một người con gái tuổi chưa đến hai mươi đứng đấy, mặt xanh xao, chân run lẩy

bấy. Cô buông tay khỏi nắm cửa, người đông đưa một cách yếu ớt, đưa một tay lần mò. Rudolf đỡ lấy cô gái, đặt cô lên một cái ghế bành đã nhạt màu đặt dọc theo chân tường. Anh đóng cánh cửa lại và liếc nhìn một vòng quanh căn phòng mù mờ do một ngọn đèn khí đốt. Anh nhận thấy phòng có vẻ gọn ghẽ, nhưng trông rất nghèo nàn. Cô gái nằm thiêm thiếp, như là bất tỉnh. Rudolf nhìn quanh phòng, hồi hộp đợi chờ một nòng súng chĩa vào mình. Phải lặn nặn nhân trên một cái thùng phuy – không, không, đây là để cứu nạn nhân khỏi bị chết đuối. Anh lấy cái mũ của mình quật cho cô gái. Anh thành công, vì anh lỡ đập vành mũ vào sống mũi của cô, và cô mở mắt ra. Và rồi người trai trẻ nhận thấy khuôn mặt cô chính là phần còn thiếu sót trong số các chân dung thân cận trong trái tim anh. Đôi mắt xám, chân chất, sống mũi nho nhỏ, cong ra ngoài một cách hồn nhiên; mái tóc nâu, những sợi cong xoắn như các râu ria của một dây đậu - tất cả dường như là sự kết thúc đúng cách và là phần thưởng cho mọi chuyến phiêu lưu tuyệt vời của anh. Nhưng khuôn mặt thì gầy gò và xanh xao.

Cô gái nhìn anh một cách từ tốn, rồi mỉm cười. Cô hỏi yếu ớt:

- Tôi đã ngất đi phải không? Ai lại không như thế? Ông thử nhin đôi trong ba ngày xem sao!

Rudolf thốt lên, đứng phắt dậy:

- Trời ơi! Cô chờ tôi trở lại.

Anh chạy vụt ra khỏi cánh cửa màu lục, lao xuống mấy bậc cầu thang. Trong vòng hai mươi phút anh trở lại, dùng chân đá vào cánh cửa để cô gái ra mở. Cả hai tay anh ôm đầy mọi thứ mua từ cửa hiệu thực phẩm và nhà hàng. Anh đặt hết lên bàn – bánh mì và bơ, thịt nguội, bánh ngọt, bánh trái cây, đồ chua, sò biển, một con gà nướng,

một chai sữa tươi, có cả trà.

Anh hào hển:

- Thật là điên rồ mà không ăn uống gì cả. Cô phải chấm dứt cái trò đánh cuộc về kết quả bầu cử ăn thua theo lối tuyệt thực như thế này. Giờ thì bữa ăn tối đã sẵn sàng.

Anh dìu cô gái xuống chiếc ghế gần cái bàn và hỏi:

- Có cốc uống trà không?

- Trên cái kệ gần cửa sổ.

Khi anh quay lại với cái cốc, anh thấy cô đang bắt đầu nhai một quả dưa chuột muối khổng lồ mà cô rút ra từ mấy cái túi giấy với trực giác không nhầm lẫn của phụ nữ. Mắt cô rạng sáng. Anh đành lấy quả dưa chuột từ tay cô, cười lớn, và rót sữa vào đầy cốc. Anh ra lệnh:

- Cô uống thứ này trước, rồi cô có thể uống ít trà, rồi có thể ăn một cánh gà. Cô có thể ăn đồ chua ngày mai nếu cô thật khoẻ. Và bây giờ, nếu cô cho phép tôi là khách của cô, chúng ta sẽ cùng nhau ăn bữa tối.

Anh kéo một chiếc ghế khác. Cốc trà làm đôi mắt cô rạng rỡ hơn và mang lại ít hồng hào cho cô. Cô bắt đầu ăn ngấu nghiến như là một con thú rừng đã nhịn đói lâu ngày. Dường như cô xem sự hiện diện của người trai trẻ và việc anh giúp đỡ là điều tự nhiên. Không phải là cô xem nhẹ những quy ước; chỉ có điều là cơn ngặt nghèo đã cho phép cô bỏ qua mọi điều giả tạo cho con người. Nhưng dần dần, với sức lực được phục hồi, một ít quy ước cũng đến, và cô kể cho anh nghe hoàn cảnh của mình. Đây là hoàn cảnh thường gặp như hàng nghìn trường hợp khác, thông thường đến nỗi thành phố phải ngáp dài khi chứng kiến – hoàn cảnh của một cô gái làm chân bán hàng nhận đồng lương tồi tệ, đồng lương càng bị hụt đi do những món tiền

“phạt” để cửa hiệu có thêm lợi nhuận; hoàn cảnh của đau yếu khiến ngày công bị cắt; và hoàn cảnh của việc mất chỗ làm, mất đi niềm hy vọng, và rồi - tiếng gõ của nhà phiêu lưu trên cánh cửa màu lục.

Nhưng đối với Rudolf, câu chuyện nghe như là thiên anh hùng ca thần thoại Hy Lạp, hay như những nỗi đoạn trường. Anh than cho cô:

- Cứ nghĩ đến việc cô phải trải qua những cảnh như vậy...

Cô đáp một cách nghiêm trọng:

- Có những việc khác còn dữ tợn hơn nữa.

- Và cô không có thân nhân hay bạn bè trong thành phố này sao?

- Không có ai cả.

Sau một chút ngập ngừng, Rudolf nói:

- Tôi cũng cô đơn trên thế gian này.

- Tôi lấy làm vui được nghe như vậy.

Cô nói tiếp ngay sau lời anh, và vô hình dung cô làm anh vui khi nghĩ rằng cô đã chấp nhận hoàn cảnh thương đau của anh.

Thình lình hai mí mắt cô sụp xuống và cô thở dài nặng nề:

- Tôi thấy buồn ngủ quá, mà lại cảm thấy dễ chịu lắm.

Rudolf đứng dậy, với lấy cái mũ.

- Thế thì tôi phải từ giã cô. Sau một giấc ngủ dài cô sẽ khoẻ ra.

Anh đưa tay ra, cô bắt tay anh và nói “xin chào anh”. Nhưng đôi mắt cô ánh một câu hỏi thật hùng hồn, thật thẳng thắn và thống thiết khiến anh phải đáp lại bằng lời nói.

- À, tôi sẽ trở lại ngày mai để xem tình trạng của cô ra sao. Cô không thể tổng khứ tôi dễ dàng được đâu!

Và rồi, tại cánh cửa, như thể là cách anh đến với cô kém quan trọng hơn việc anh đã đến, cô hỏi:

- Tại sao anh gõ cửa phòng tôi?

Anh nhìn cô, nhớ đến mấy tấm thiệp, và bất chợt cảm thấy đau nhói vì ghen tức. Ngộ nhớ các tấm thiệp ấy rơi vào tay những kẻ cũng có óc phiêu lưu như anh? Anh quyết định thật nhanh là không cho cô biết sự thật. Anh sẽ chẳng bao giờ cho cô biết là anh đã chủ động kiếm tìm do cơn hoạn nạn đã thúc đẩy cô. Anh nói:

- Một nhân viên điều chỉnh đàn dương cầm của công ty tôi ngụ trong toà nhà này. Tôi nhằm lẫn gõ cửa phòng cô.

Cái anh ta nhìn thấy cuối cùng sau cánh cửa màu xanh là đôi mắt của cô.

Đến đầu cầu thang anh dừng lại, đưa mắt tò mò nhìn quanh. Rồi anh đi dọc hành lang đến tận cùng, rồi anh đi trở lại, lên tầng lầu trên và tiếp tục xem xét trong nỗi hoang mang. Mọi cánh cửa anh thấy trong toà nhà đều sơn màu lục.

Anh vừa đi xuống cầu thang vừa phân vân. Anh chàng Châu Phi tuyệt diệu vẫn còn đứng đấy. Rudolf đối diện anh với tấm thiệp trên tay.

- Anh có thể cho tôi biết tại sao anh trao cho tôi hai tấm thiệp này và ý nghĩa là như thế nào?

Anh chàng da đen cười toe toét dễ dãi và tỏ lộ tài quảng cáo cho nghề nghiệp bậc thầy của anh ta. Anh chỉ tay về phía xa:

- Đằng kia kìa, sếp. Nhưng em e sếp đến quá muộn rồi.

Nhìn theo tay anh chỉ, Rudolf thấy trên cánh cửa vào một nhà hát cái biển đèn điện sáng choang cho một vở kịch mới, “Cánh Cửa Màu Lục”. Anh chàng da đen nói:

- Em nghe nói vở kịch này hay độc đáo. Nhân viên đoàn kịch thuê em một đô la để phân phát mấy tấm thiệp của họ cùng với thiệp của ông nha sĩ. Em có thể đưa cho sếp tấm thiệp nha sĩ được không?

Tại góc phố nơi Rudolf đang cư ngụ, anh dừng lại để uống một cốc bia và hút một điếu xì-gà. Khi anh bước ra với điếu xì-gà cháy trên môi, anh cài nút áo choàng lại, kéo cái mũ ngược về sau và nói một cách mạnh dạn với cột đèn ở góc phố:

- Bạn ạ, tôi tin rằng bàn tay của Định Mệnh đã chìa ra để dẫn tôi đến tìm nàng.

Trong những tình huống như thế này, đây cũng là kết luận vững chắc chấp nhận Rudolf Steiner vào hàng ngũ những môn đồ đích thực của Lãng Mạn và Phiêu Lưu.

Chú thích:

(1): *Tiếng Anh: “crusades”, những cuộc viễn chinh trong các thế kỷ 11-13 của các nước Kỵ Tô giáo Châu Âu để giành quyền kiểm soát thánh địa Jerusalem khỏi tay người Thổ Nhĩ Kỳ đạo Hồi.*

(2): *Thắng cảnh hùng vĩ, gồm những vách và cột đá dựng đứng xen kẽ những vực sâu dọc bờ sông Hudson, đông nam thành phố New York, được xếp hạng là Công viên Quốc gia.*

O. Henry

Câu chuyện tình lẻ

Lúc tôi xuống tàu ở thị trấn Nashville thuộc bang Tennessee thì trời đang mưa , một màn mưa màu xám kéo dài lê thê . Vì mệt nên tôi đi thẳng về khách sạn . Trong hành lang khách sạn , một người đàn ông to lớn nặng nề cứ đi đi lại lại . Có một cái gì đó trong cách đi của con người này làm tôi nghĩ đến con chó đói đang đánh hơi tìm khúc xương . Hắn có bộ mặt phì nộn , đỏ gay với cặp mắt thiếu ngủ . Hắn tự giới thiệu là Wendwood Caswell , thiếu tá Wendwood Caswell , xuất thân từ một gia đình danh giá ở miền Nam . Caswell kéo tôi vào phòng khách lớn của khách sạn , la lối gọi người bồi bàn . Hắn gọi rượu cho cả hắn và tôi . Vừa uống hắn vừa không ngớt lời giới thiệu về hắn , về gia đình hắn và về gia đình vợ . Hắn nói vợ hắn giàu lắm . Hắn thọc tay vào túi áo khoác lấy một nắm những đồng tiền ra khoe với tôi . Đến lúc ấy thì tôi đã chán hắn đến tận cổ . Tôi chào hắn rồi về phòng .

Từ cửa sổ khách sạn nhìn ra ngoài tôi thấy đường phố chìm trong im lặng , mặc dù lúc ấy mới là 10 giờ . " Thật là một nơi yên tĩnh " . Tôi tự nói với mình khi đã chuẩn bị lên giường nằm . " Đúng là một thị trấn buồn tẻ tầm thường của miền Nam " .

Tôi cũng là người miền Nam nhưng bây giờ tôi ở miền Bắc , làm phóng viên cho một tạp chí lớn . Ông chủ bút phái tôi đi Nashville vì tạp chí có nhận được mấy tập truyện và thơ của một tác giả ở Nashville tên là Asilea Adea . Người biên tập rất thích những tác phẩm của bà nên người ta yêu cầu tôi ký với bà một hợp đồng , theo đó bà sẽ chỉ viết riêng cho tạp chí của chúng tôi thôi .

Sáng hôm sau đúng 9 giờ sáng , tôi ra khỏi khách sạn để đi tìm bà Adea . Lúc đó trời vẫn còn mưa . Tôi vừa bước chân ra ngoài thì đã gặp ngay bác đánh xe Seezer . Bác là một người đàn ông da đen đã có tuổi , thân hình to lớn , mái tóc màu xám kiểu cách . Bác Seezer khoác một chiếc áo kỳ quái , tôi chưa từng thấy bao giờ . Chiếc áo này rất dài , lúc còn mới hẳn phải là màu xám và trước đây chắc phải là áo của một viên sĩ quan . Bây giờ thì mưa , nắng và thời gian đã làm cho nó mang đủ các thứ màu vẫn thấy trên cầu vồng . Chiếc áo chỉ còn có mỗi một khuy . Cái khuy màu vàng và to vừa bằng đồng 50 xu . Bác Seezer đứng cạnh cỗ xe ngựa , bác mở cửa xe và nói rất nhã nhặn :

- Mời Ngài lên xe , tôi sẽ đưa Ngài đến bất cứ đâu trong thị trấn này .
- Tôi muốn đến nhà số 8 - 61 phố Hoa Nhài .

Tôi nói và định bước lên xe .

Người đánh xe giữ tôi lại :

- Sao Ngài lại đến chỗ ấy ?
- Đến chỗ ấy thì việc gì tới anh ?

Tôi bực mình nói .

Bác Seezer đầu dụi , mỉm cười :

- Thưa không . Nhưng chỗ ấy là một nơi hẻo lánh của thị trấn này .

Tôi chỉ đưa Ngài đến đó rồi xin đi ngay thôi .

Số 8 - 61 phố Hoa Nhài đã từng là một ngôi nhà đẹp . Còn bây giờ thì nó trở thành cổ lỗ và đang chết dần chết mòn . Tôi xuống xe .

- Xin Ngài cho 2 đô la .

Bác Seezer nói .

Tôi trả bác hai tờ giấy bạc 1 đô la . Lúc đưa tiền cho bác , tôi để ý thấy một tờ bị rách ở giữa và được dán lại bằng miếng giấy màu xanh . Tờ bạc còn bị mất một góc ở phía trên , bên phải .

Asilea tự mở cửa cho tôi . Bà trạc 50 tuổi . Mái tóc trắng chải ngược ra phía sau làm nổi rõ khuôn mặt nhẹ nhàng nhưng mệt mỏi . Bà mặc một bộ đồ màu vàng nhạt . Bộ đồ đã cũ nhưng rất sạch . Asilea dẫn tôi vào phòng khách . ở giữa phòng kê một chiếc bàn đã mòn , ba cái ghế tựa và một chiếc tủ sofa cũ màu đỏ . Bà mời tôi ngồi vào bàn và chúng tôi bắt đầu câu chuyện . Tôi nói với bà về đề nghị của tạp chí , còn bà tự giới thiệu mình . Bà xuất thân từ một gia đình danh giá ở miền Nam , cha bà làm nghề hội thẩm . Asilea Adea kể với tôi rằng bà chưa bao giờ cấp sách đến trường . Các cụ thân sinh đã thuê thầy tư về dạy cho bà học tại nhà .

Kết thúc câu chuyện , tôi hẹn hôm sau sẽ mang hợp đồng đến ký rồi đứng dậy cáo từ . Đúng lúc ấy có tiếng gõ nhẹ vào cánh cửa phía sau . Asilea Adea khẽ xin lỗi rồi đi vào mở cửa . Chỉ một lát sau bà đã quay ra . Trông bà trẻ lại tới 10 tuổi , đôi mắt long lanh , hai gò má ửng hồng .

- Anh phải uống với tôi một chén trà rồi hãy đi .

Bà nói rồi cầm chiếc chuông nhỏ để trên bàn khẽ lắc . Một bé gái da đen chừng 12 tuổi chạy ra . Asilea Adea mở chiếc ví nhỏ và cũ lấy ra một tờ giấy bạc 1 đô la . Tờ giấy bạc được dán lại bằng một miếng giấy xanh và bị mất góc trên bên phải . Đó chính là tờ giấy bạc tôi đã

trả cho bác Seezer .

- Intes , sang cửa hàng ông Baker mua cho bác 25 xu chè và 10 xu đường , nhanh lên nhé .

Đứa bé gái chạy ra khỏi phòng theo lối cửa sau . Chúng tôi nghe thấy tiếng cánh cửa khép lại . Tiếp theo đó là tiếng kêu của đứa bé . Tiếng nói của nó chìm trong sự giận dữ của một người đàn ông . Asilea đứng dậy . Bà đi ra ngoài , mặt không hề đổi sắc . Tôi nghe thấy tiếng đàn ông cục cằn lẫn với tiếng nói nhỏ nhẹ của bà . Rồi tiếng cánh cửa đập mạnh và bà quay trở lại :

- Xin anh thứ lỗi , cuối cùng thì ngay cả đến chén trà tôi cũng không mời anh được . Bà nói . Hình như ông Baker cũng hết chè bán rồi . Chắc nó sẽ mua được chè cho cuộc gặp ngày mai .

Chúng tôi chào nhau rồi tôi quay về khách sạn .

Trước bữa ăn cơm chiều , thiếu tá Wendwood Caswell tìm tôi . Tôi không làm sao tránh được hắn . Hắn cứ nài tôi uống rượu bằng được . Hắn móc ở trong túi ra hai tờ giấy bạc 1 đô la . Lại một lần nữa tôi nhìn thấy tờ giấy bạc 1 đô la rách được dán một miếng giấy màu xanh và bị mất một góc . Đó cũng chính là tờ giấy bạc tôi đã trả cho bác Seezer . Thằng cha này lạ thật ! Tôi cứ phân vân mãi không hiểu bằng cách nào mà Caswell lại có được tờ giấy bạc này .

Sáng hôm sau , bác Seezer đợi sẵn tôi ở bên ngoài khách sạn . Bác đưa tôi đến nhà bà Adea và đồng ý chờ cho đến khi chúng tôi làm việc xong . Bà Adea trông không được khỏe . Tôi giải thích cho bà nghe về bản hợp đồng rồi bà ký ngay . Lúc định đứng dậy , nét mặt bà bỗng biến sắc , bà xỉu đi rồi ngã vật xuống sàn nhà . Tôi vội đỡ bà dậy rồi dìu bà lên nằm trên chiếc ghế sofa cũ màu đỏ . Tôi chạy ra cổng gọi bác Seezer vào giúp . Bác chạy vội xuống phố và 5 phút

sau quay lại cùng với bác sỹ . Ông bác sỹ khám cho bà Adea rồi quay sang nói với bác đánh xe người da đen .

- Bác Seezer , ông nói , bác chạy sang bảo nhà tôi đưa cho một ít sữa và mấy quả trứng nhanh lên .

Rồi ông quay sang tôi :

- Bà ấy thiếu ăn , ông nói , bà ấy còn nhiều bạn bè và họ đều muốn giúp đỡ bà ấy . Nhưng bà Caswell rất giữ ý và chỉ chịu nhờ vả có mỗi mình ông già da đen đó thôi . Ông ấy từng là nô lệ của gia đình bà .

- Bà Caswell ? Tôi nói giọng đầy ngạc nhiên . Tôi tưởng bà ấy là Asilea Adea chứ ?

- Trước khi lấy Wendwood Caswell , ông bác sỹ nói . Cách đây 20 năm bà ấy đã từng là Asilea Adea . Chồng bà ấy là một con sâu rượu hoàn toàn vô dụng . Lão ta cướp của vợ đến đồng xu mà bác Seezer san sẻ cho bà .

Lúc ông bác sỹ đi rồi , tôi lại nghe thấy tiếng của bác Seezer ở phòng bên cạnh :

- Hẳn lại cướp tất cả số tiền hôm qua con đưa cho bà rồi à ?

- ừ , tôi nghe thấy tiếng của Asilea trả lời rất khế , lão lấy cả hai tờ . Tôi liền đi vào đưa cho Asilea Adea 50 đô la . Tôi nói đó là tiền của tạp chí gửi . Rồi bác Seezer đưa tôi trở lại khách sạn .

Khoảng vài giờ đồng hồ sau , trước bữa cơm chiều , tôi ra ngoài đi tản bộ một lúc . Đến trước một cửa hàng , tôi thấy có đám đông đang bàn tán chuyện gì đó rất ồn ào . Tôi bèn rẽ vào cửa hàng . Thiếu tá Caswell đang nằm sòng sượt trên sàn . Hắn đã chết . Người ta tìm thấy hắn nằm bất tỉnh ở ngoài phố . Hắn bị giết trong một cuộc ẩu đả . Đúng là tay hắn vẫn còn nắm rất chặt . Khi tôi bước lại gần cái xác thì bàn tay phải của Caswell bỗng duỗi ra . Có cái gì đó rơi xuống và

lăn đến cạnh chân tôi . Tôi giẫm một bàn chân lên . Sau đó , tôi cúi xuống nhặt cái vật ấy bỏ vào túi áo .

Người ta nói một tên ăn cắp đã giết Caswell . Họ bảo Caswell khoe với mọi người là hắn có 50 đô la . Nhưng khi tìm thấy cái xác thì trên người hắn chẳng còn xu nào .

Sáng hôm sau , tôi rời Nashville . Lúc tàu chạy ngang qua sông , tôi lấy trong túi áo ra cái vật hôm qua rơi khỏi bàn tay đã chết của Caswell . Tôi ném nó xuống dòng sông đang chảy lững lờ phía dưới . Đó là một chiếc khuy áo . Chiếc khuy màu vàng . Chiếc khuy cuối cùng trên áo khoác của bác Seezer .

O. Henry

Cây xương rồng

Điều quý nhất của thời gian là nó chỉ thuần tương đối. Theo sự nhất trí chung, phần lớn những hồi tưởng được dành cho người đang bị thì thụp rơi xuống nước và ta không nói quá là con người có thể duyệt lại toàn bộ cuộc tình chỉ trong thời gian ngắn ngủi khi họ cởi đôi găng tay.

Đây là việc Trysdale đang làm, khi anh đứng bên chiếc bàn trong căn phòng độc thân anh thuê. Trên mặt bàn là một cây xanh trồng trong một cái lọ bằng đất nung đỏ. Cây này là một loài xương rồng, với những chiếc lá dài thông, liên tục đong đưa theo ngọn gió nhẹ nhất trong cửa chỉ lả lùng dường như ra dấu hiệu gì đấy.

Anh bạn của Trysdale, anh trai của cô dâu, đứng kế bên cái tủ bát đĩa, đang phàn nàn vì phải uống rượu một mình. Cả hai đang mặc bộ quần áo dự lễ.

Trong khi Trysdale đang chậm rãi cởi những cúc găng tay, đầu óc anh nhanh chóng và đau xót hồi tưởng lại những giờ vừa trôi qua. Dường như khứu giác của anh vẫn còn đượm mùi hương từ những lẵng hoa xếp đầy đặc trong nhà thờ và trong tai anh vẫn còn vang tiếng rầm rì của hàng nghìn giọng hát, tiếng xào xạc của trang phục

giòn cứng và dai dẳng một cách cố chấp nhất, những lời ê a của vị mục sư đang buộc đời cô vào người khác mà không ai gỡ ra được. Như thể do thói quen của đầu óc anh ta, từ khía nhìn chung cục vô vọng này, anh vẫn cố gắng hết mức để đi đến lời lý giải tại sao và làm thế nào anh đã mất cô. Bị một thực tế không thể dung hoà giáng cho anh một cú thô bạo, anh bất ngờ thấy mình đối diện với cái mà từ xưa đến giờ anh chưa bao giờ giáp mặt - cái bản ngã sâu thẳm, nguyên sơ và giản đơn của anh. Anh đã thấy mọi lớp nhung y của trò giả vờ và kiêu kỳ mà anh đã mặc giờ biến thành giẻ rách của tính ngông cuồng. Anh rùng mình với ý nghĩ rằng, từ trước đến giờ, trong con mắt của thiên hạ, trang phục của anh hẳn có vẻ nghèo nàn và tả tơi. Tính phù phiếm và tật hay dối gạt! Đây là những điểm yếu của anh. Và riêng cô thì không bao giờ như thế! Nhưng tại sao...

Khi cô đi chậm rãi giữa hai hàng ghế dẫn đến bục làm lễ, anh cảm thấy một nỗi đặc thảng thập hèn, chán ngán vốn vẫn thường nâng đỡ anh. Anh đã tự nhủ là vẻ nhột nhạt của cô là do ý nghĩ cô dành cho một người nào khác chứ không phải cho người cô sẽ trao cuộc đời. Nhưng ngay điều an ủi tệ hại này cũng không giữ được lâu. Vì lẽ, khi anh thấy cô thoáng ngược lên nhìn, một tia nhìn trong sáng cô dành cho người đoạt được cô, tự anh biết rằng anh đã bị quên lãng. Có một lần, cô đã gửi lên anh cùng tia nhìn này. Thực ra, sự lừa dối của anh đã vỡ vụn, mọi chống đỡ đều không còn. Thế thì tại sao cuộc tình lại chấm dứt? Không có bất hoà giữa hai người, không có gì cả. Cả nghìn lần anh đã duyệt lại trong tâm trí anh sự việc xảy ra trong những ngày cuối cùng trước khi mọi chuyện đều bị đảo lộn. Cô luôn khẳng khẳng muốn tung anh lên mây xanh và anh đã chấp nhận việc này với vẻ huy hoàng. Hương hoa cô dâng lên thật ngọt

ngào, thật khiêm tốn (anh tự nhủ như thế), đầy tính trẻ con và đầy vẻ tôn thờ và (có lần anh đoán chắc như thế) thật thành khẩn. Cô đã gán ghép cho anh, đến mức gần như siêu nhiên, mọi đức tính và mọi xuất chúng và mọi tài năng, rồi anh đã hấp thụ việc hiến dâng như thể cây cối sa mạc thu lấy những giọt mưa mà không chắc sẽ nở hoa hay kết trái.

Trysdale hồi tưởng lại rõ ràng một kỷ niệm đỉnh cao về tính tự kiêu của anh - đầy ngu xuẩn nhưng hối tiếc thì đã muộn.

Đây là vào một buổi tối khi anh mời cô lên mây xanh và chia sẻ sự vĩ đại của mình. Giờ thì anh quá đau đớn nên không muốn nhớ lại nhiều về vẻ đẹp đầy thuyết phục của cô tối hôm ấy - mái tóc lượn sóng buông thả, mãnh lực lôi cuốn dịu dàng và trinh nguyên của những tia nhìn và lời nói của cô. Trong khi chuyện trò với nhau, cô nói:

- Và Thuyền trưởng Carruthers đã cho em biết là anh nói tiếng Tây Ban Nha như người bản xứ. Tại sao anh giấu em một tài năng như thế? Có việc gì mà anh không biết không?

- Thực ra, Carruthers là một anh dốt. Chắc chắn là anh (Trysdale) đã mang tội (đôi lúc anh như thế) thốt lên trong câu lạc bộ của anh một câu châm ngôn nào đấy bằng tiếng Tây Ban Nha mà anh đã moi ra từ mấy thứ hồ lớn trên bìa sau các quyển từ điển. Carruthers, vốn là một trong những người ngưỡng mộ anh hết mình, chính là người đã phóng đại việc phô trương cho một óc thông thái đáng nghi ngờ.

Nhưng hỡi ôi! Hương hoa từ lòng ngưỡng mộ của cô đã trở nên quá ngọt và quá bốc! Anh để cho lời gán ghép lan truyền ra mà không đính chính. Không phản đối gì cả, anh đã cho phép cô choàng quanh vầng trán anh cái vòng miện giả hiệu về nền uyên bác Tây Ban Nha.

Anh đã để cái vòng miện xoắn xít mềm dịu tô điểm cho cái đầu thích chinh phục của anh, mà không cảm thấy có những gai nhọn đang châm chích và sau này sẽ xuyên thủng cả anh.

Cô thật là vui tươi, then thùng và dè dặt làm sao ấy! Cô đã vùng vẫy như con chim bị đánh bẫy khi anh đã đem mọi thứ trọng đại của anh ra đặt dưới chân cô! Anh đã có thể đoán chắc, và giờ anh vẫn đoán chắc mà không nhầm lẫn, là cô đã chấp nhận anh. Chỉ có điều cô không thể trả lời trực tiếp cho anh, vì cô còn e thẹn. Cô bảo: “Ngày mai em sẽ gửi anh câu trả lời” và anh, kẻ chiến thắng buông thả tự tin, đã mỉm cười ban cho cô quyền được trễ hạn.

Ngày kế, anh nóng nảy trông chờ câu trả lời của cô. Đến trưa, anh nài ngựa của cô đến gõ cửa phòng anh, rồi để lại cây xương rồng lạ lùng trong cái bình đất nung đỏ. Không hề có tờ thư hay lời hay lời nhắn, chỉ có chiếc thẻ cột vào cây xương rồng mang một danh từ ngoại ngữ man di hoặc là một tên thực vật. Anh đã chờ cho đến tối, nhưng vẫn không nhận được câu trả lời của cô. Tự ái to phồng và tính phù phiếm bị thương tổn khiến anh không muốn đến tìm cô. Hai ngày sau, họ gặp lại nhau trong một bữa ăn tối. Họ chào hỏi nhau theo cách bình thường, nhưng cô nhìn anh, ngừng thở, cắn khoăn, giận dữ. Anh lịch sự khẳng khái chờ nghe cô giải thích. Với tính nhạy cảm của phụ nữ, cô đoán ra ý anh, rồi trở nên lạnh lùng như băng tuyết. Từ ngày ấy, họ rời xa nhau dần. Anh đã có lỗi chỗ nào? Lỗi thuộc về ai? Giờ trở nên khiêm tốn, anh tìm kiếm câu trả lời giữa những hoang tàn của việc tự thổi phồng.

Tiếng nói của người thanh niên kia tọc mạch chen vào luồng hồi tưởng:

- Nay, Trysdale, có chuyện gì vậy? Cậu có vẻ đau khổ cứ như chính

cậu là chú rể thay vì chỉ đóng vai phù rể! Nhìn tờ đây này, một món phụ tùng khác, đã đi hai nghìn dặm suốt từ Nam Mỹ trên một chiếc tàu đầy tởi và gián để nhắm mắt làm ngơ sự hy sinh - hãy nhìn xem tội lỗi tờ chất nhẹ như thế nào trên hai vai! Tờ chỉ có một đứa em gái và giờ nó đã đi. Này, uống tí gì đi để xoa dịu lương tâm của cậu.

- Tờ không muốn uống gì trong lúc này, cảm ơn.

Anh bạn đi đến gần anh, tiếp tục:

- Rượu cô-nhắc của cậu tồi quá. Ngày nào đấy chạy xuống Punta Redonda để gặp tờ và thử mấy thứ ông già Garcia mang lậu vào. Chuyến đi đáng công lắm. A này! Gặp lại cố nhân ở đây! Cậu đào đâu ra cây xương rồng này thế, Trysdale?

- Món quà từ một người bạn. Có biết loài cây này không?

- Biết rõ lắm chứ! Nó thuộc miền nhiệt đới. Có hàng trăm cây mọc quanh Punta. Tên nó ghi trên cái thẻ đây này. Có biết một chữ Tây Ban Nha nào không, Trysdale?

Trysdale đáp, với bóng ma cay đắng của một nụ cười:

- Không. Đây là tên Tây Ban Nha à?

- Đúng thế. Dân bản xứ mừng tưởng là những chiếc lá của nó vươn dài để ra hiệu cho ta. Họ gọi nó bởi tên này - Ventomarme. Tên có nghĩa là "Hãy đến mang tôi đi".

O. Henry

Chiếc lá cuối cùng

Trong một quận nhỏ phía đông Washington, các con đường chạy ngoằn ngoèo một cách điên dại, cắt quãng thành những dải nhỏ gọi là “vùng”. Những “vùng” này lọt thỏm trong những góc và đường cong lạ kì. Một con đường cắt ngang với chính nó một, hai lần. Một họa sĩ đã có lần khám phá là con đường có thể có giá. Ví dụ như khi một nhân viên thu ngân cầm hoá đơn của màu vẽ, giấy và vải, sau khi đi dọc theo đường này bỗng thấy mình đã đi vòng lại chỗ cũ mà không hề thu được một xu nào cả!

Thế nên đám họa sĩ chẳng bao lâu đã kéo đến phường Greenwich, săn lùng phòng cho thuê có cửa sổ thông ra hướng bắc, góc mái kiểu thế kỷ 18, gác lửng kiểu Hà Lan, và giá thuê lại rẻ. Sau đấy họ mang vào vài lọ hộp kim thiếc, một hai cái chảo nấu ăn đã chiến, và thế là một “quần cư” thành hình.

Hai cô Sue và Johnsy cùng thuê chung một căn phòng đơn giản ở tầng trên cùng của một toà nhà ba tầng lụp xụp. “Johnsy” thực ra là tên thân mật của California. Họ đã gặp nhau tại một hiệu ăn trên đường Số Tám, và khám phá ra là họ có những sở thích tương đồng

về nghệ thuật, rau diếp xoắn trộn dấm, và thời trang với tay áo giám mục. Thế là họ cùng thuê chung một căn phòng.

Đây là vào tháng 5. Vào tháng 11, có một kẻ ngoại nhập mang theo giá lạnh nhưng vô hình, mà các bác sĩ gọi là Viêm Phổi, rình rập trong “quần cư”, móng vuốt giá băng quét vào đây đó. Tên giặc đã ngang nhiên hoành hành khu phía đông, hạ gục nhiều nạn nhân, nhưng hắn chỉ mới đặt chân chậm chậm qua các lối ngõ như bàn cờ của mấy “vùng” nhỏ hẹp phủ đầy rêu.

Bạn sẽ không xem Thần Viêm Phổi như một quân tử già đầy hào hiệp. Người con gái nhỏ vốn đã mất máu vì những trận gió ở California thì lẽ ra không đáng cho một kẻ bất tài già nua bận tâm đến. Nhưng hắn đã tấn công Johnsy. Thế là cô nằm bẹp, không mấy cử động, trên chiếc giường sắt, xuyên qua khung cửa sổ kiểu Hà Lan nhìn ra bức tường trơ trụi của căn nhà gạch kế bên.

Một buổi sáng, vị bác sĩ đầy bận rộn mời Sue ra hành lang. Ông đang vẫy cái nhiệt kế thăm bệnh để mực thủy ngân trong đó hạ xuống.

- Cơ may khỏi bệnh của cô ấy áng chừng chỉ một phần mười. Và cơ may này là tùy vào việc cô ấy có ý chí muốn sống hay không. Với cách con bệnh chỉ ngóng chờ công ty mai táng đến thì sách thuốc nào cũng vô dụng. Cô bạn nhỏ của cô đã bị ám ảnh là cô ấy sẽ không qua khỏi. Cô ấy có ý định gì không?

- Chị ấy... chị ấy muốn có ngày nào đó vẽ tranh phong cảnh vịnh Naples.

- Vẽ tranh à? Thật là điên rồ! Cô ấy có bận tâm nặng nề về việc gì không, chẳng hạn về một người đàn ông nào đó?

Cô Sue khịt mũi:

- Một người đàn ông à? Một người đàn ông thì có thể... mà không, bác sĩ ạ, không có chuyện như thế.

Vị bác sĩ nói:

- Thế thì là do cô ấy quá yếu rồi. Tôi sẽ cố làm mọi cách mà khoa học cho phép. Nhưng mỗi khi cơn bệnh của tôi bắt đầu nhằm tính số lượng xe trong chuyến đưa đám của họ thì xem như hiệu lực của thuốc men chỉ còn một nửa. Nếu cô có cách khiến cho cô ấy hồi hân cô về thời trang mùa đông thì tôi có thể đoán chắc cơ may là một phần năm, thay vì là một phần mười.

Sau khi vị bác sĩ đi khỏi, Sue đi vào phòng vẽ và khóc cho đến khi cái khăn giấy Nhật toi tả thành bột giấy. Rồi cô đường bệ đi vào phòng của Johnsy với cái giá vẽ, miệng huýt sáo một điệu dân ca Mỹ rộn ràng.

Johnsy vẫn nằm bẹp, xem chừng không động đậy chút nào dưới tấm vải giường, mặt hướng về cái cửa sổ. Sue ngưng huýt sáo, nghĩ là bạn mình đang ngủ. Cô sắp xếp giá vẽ và bắt đầu dùng viết và mực để vẽ hình minh họa cho một truyện để đăng trong một tạp chí. Trong khi các họa sĩ trẻ tuổi phải dọn đường cho Hội Hoạ bằng cách vẽ tranh cho truyện ấy để dọn đường cho Văn Chương. Khi Sue đang phác họa cái quần bánh bao và gọng kính một tròng của một anh hùng (một tay cao bồi bang Idaho), cô nghe một tiếng nho nhỏ, lặp lại vài lần.

Cô đi vội đến bên mép giường. Johnsy đang mở mắt, nhìn ra cửa sổ, và đang đếm, đếm ngược: “mười hai”, và ít lâu sau: “mười một”, và sau đấy “mười”, rồi “chín”, rồi “tám” và “bảy” gần như liền nhau.

Sue nhìn chăm chú bên ngoài cửa sổ. Có gì ở ngoài đấy đâu mà đếm? Chỉ có một khoảng sân trống buồn nản, và bức tường trơ trụi

của một căn nhà gạch xa hơn chừng mười thước. Một dây thường xuân thật già cỗi, gốc vắn vẹo mục nát, leo đến giữa bức tường gạch. Ngọn gió thu lạnh đã làm rơi rụng đám lá, phơi bày các nhánh gần như trơ trụi bám vào mấy mảng gạch vụn vỡ. Sue hỏi?

- Cái gì vậy hở bồ?

Johnsy nói, gần như thì thầm:

- Sáu. Bây giờ rơi nhanh quá. Ba ngày trước còn gần cả trăm, đếm muốn mỏi đầu. Nhưng giờ thì dễ rồi. Thêm chiếc nữa. Giờ chỉ còn lại năm.

- Năm cái gì, nói cho Sue của bồ nghe nào!

- Năm chiếc lá. Trên cây thường xuân. Khi chiếc lá cuối cùng rụng thì mình cũng sẽ ra đi. Mình đã biết như thế ba ngày nay rồi. Bác sĩ không nói cho bạn biết à.

Sue cầu nhàu, với giọng khinh miệt cao quý.

- Ô hay! Mình chưa bao giờ nghe có chuyện điên khùng như vậy. Mấy cái lá thường xuân thì có liên hệ gì đến việc bồ khỏi bệnh đâu nào? Và bồ vẫn thích cái cây này, cô nàng hư đốn ơi! Đừng có ngốc nghếch. Sáng nay ông bác sĩ nói với mình là cơ may của bồ khỏi bệnh hẳn... xem ông ấy nói gì nào... ông ấy nói cơ may chính xác là mười trong một! Đấy cũng bằng với cơ may chúng mình có ở New York để đón tàu điện hay đi qua một toà nhà mới. Bây giờ ăn một tí cháo, rồi mua ít rượu vang porto cho cô bé đang bệnh, và thịt lợn cho chính tác giả ăn.

Johnsy vẫn dán mắt ra ngoài cửa sổ:

- Không cần phải mua rượu vang. Thêm một chiếc nữa. Không, mình không muốn ăn cháo. Thế là còn có bốn. Mình muốn xem chiếc lá cuối cùng trước khi trời tối. Khi ấy mình cũng sẽ ra đi.

Sue nghiêng mình trên cô:

- Johnsy ơi, bồ có thể hứa nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ khi mình làm việc được không? Ngày mai mình phải đi giao mấy bức vẽ. Mình cần ánh sáng, nếu không mình phải kéo rèm xuống.

Johnsy hỏi, giọng lạnh tanh:

- Bạn có thể vẽ trong phòng kia được không?

- Mình muốn ở kề bên bồ. Hơn nữa, mình không muốn bồ cứ nhìn mãi mấy chiếc lá thường xuân vô duyên đó.

- Cho mình biết khi nào bạn làm xong, vì mình muốn xem chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Mình chán chờ đợi rồi. Mình chán suy nghĩ. Mình muốn buông xuôi tất cả, và thả người trôi xuống, xuống nữa, như là một trong mấy chiếc lá mệt mỏi kia.

Johnsy nhắm mắt lại, mặt tái nhợt, nằm yên như la một cái tượng bị sập đổ.

- Ráng ngủ đi. Mình muốn kêu ông Behrman lên để ngồi mẫu cho mình vẽ một ông thợ mỏ già cô độc. Mình chỉ đi một phút. Đừng cựa quậy cho đến khi mình trở lại.

Ông già Behrman là một họa sĩ sống ở tầng trệt bên dưới phòng của họ. Ông đã quá sáu mươi, và có một chòm râu rậm như ông Moses hiện thân trên bức điêu khắc của Michael Angelo. Behrman là cả một sự thất bại trong nghệ thuật. Trong bốn mươi năm ông vung vãi chiếc cọ mà không hề chạm gần đến vạt áo của Người Tình. Ông luôn luôn muốn vẽ nên một kiệt tác, nhưng chưa bao giờ bắt đầu. Trong vài năm nay ông không vẽ được gì ngoại trừ thỉnh thoảng ít nét quấy quá cho giới thương mại và quảng cáo. Ông kiếm tiền chút đỉnh bằng việc ngồi làm mẫu cho các họa sĩ trẻ trong quần cư khi họ không muốn trả theo giá của người mẫu chuyên nghiệp. Ông uống

rượu gin lu bù, và vẫn nói đến kiệt tác sắp đến của ông. Còn lại thì Behrnam là một ông già nhỏ thó nhưng dữ tợn, hay chửi như té tát người nào tỏ ra yếu đuối, và xem mình như là con chó giữ nhà để bảo vệ cho hai họa sĩ trẻ sống ở tầng trên.

Sue tìm gặp Behrman khi ông nong nặc mùi rượu dâu trong căn phòng nhỏ tối tù mù. Trong một góc là cái giá vẽ với khung vải trống trơn, suốt hai mươi lăm năm vẫn chờ đợi đường nét đầu tiên của một kiệt tác. Cô nói cho ông nghe về chuyện hảo huyền của Johnsy, về việc cô nàng – quả thật nhẹ tênh và mỏng manh như một chiếc lá - sẽ trôi đi khi sự bám víu của cô vào trần thế vốn đã yếu sẽ yếu thêm. Ông già Behrman, với cặp mắt đỏ sòng sọc, lớn tiếng kinh thường và chế diễu cho những điều tưởng tượng ngốc nghếch:

- Khốn khổ! ở đời sao lại có người ngu xuẩn muốn chết vì mấy cái lá rụng từ một dây leo vô duyên như vậy? Tao chưa bao giờ nghe có chuyện này. Không tao sẽ không ngồi làm mẫu cho một đứa ả nửa ngu ngốc như mày. Tại sao mày lại để ý tưởng khủng điên đầy đi vào đầu của nó? Ôi dào, cái con nhỏ Johnsy khốn khổ!

- Chị ấy đang yếu lắm, và cơn sốt làm cho đầu óc chị ấy trở nên bệnh hoạn đầy những mơ tưởng kỳ quái. Được rồi, nếu ông không muốn ngồi làm mẫu cho tôi cũng được. Nhưng tôi nghĩ ông là một ông già xấu tính – già vô tích sự.

Ông Behrman tru tréo lên:

- Mày đúng là đàn bà! Ai bảo tao không muốn ngồi làm mẫu? Đi lên đi. Tao sẽ đến. Cả nửa giờ đồng hồ rồi tao đã nói là tao sẵn sàng ngồi. Trời ơi! Đây không phải là chỗ cô Johnsy có thể nằm bẹp dưỡng bệnh được. Một ngày nào đấy tao sẽ vẽ nên một kiệt tác, và bọn mình sẽ rời đi nơi khác. Trời ơi! Đúng là phải như thế.

Johnst đang ngủ khi họ lên. Sue buông cái rèm cửa xuống, ra dấu bảo Behrman đi vào phòng kia. Trong đấy, xuyên qua khung cửa sổ họ nhìn dây thường xuân với nỗi lo sợ. Rồi họ nhìn nhau một lúc, không nói lời nào. Một cơn mưa giá lạnh đang ập xuống dai dẳng, pha cùng với tuyết. Trong chiếc áo xanh cũ kỹ, Behrman ngồi làm mẫu, giả làm một thợ mỏ ẩn cư, ngồi trên một cái ấm lật ngược giả làm một tảng đá.

Khi Sue thức giấc vào buổi sáng sau giấc ngủ kéo dài một giờ, cô thấy Johnsy đang vô hồn nhìn cái rèm màu sậm đã buông xuống.

Johnsy thì thào:

- Kéo rèm lên. Mình muốn nhìn.

Sue mệt mỏi làm theo bạn.

- Nhưng xem kìa! Sau trận mưa vui dập và những cơn gió xoáy dữ tợn suốt một đêm dài, vẫn còn một chiếc lá thường Xuân dựa trên bức tường gạch. Đây là chiếc lá cuối cùng. Vẫn còn có màu xanh thẫm gần cuống, nhưng với phần rìa te tua pha màu vàng của sự tàn tạ, chiếc lá vẫn dũng cảm bám vào cái cành cao dăm bảy mét cách mặt đất.

Johnsy nói:

- Đây là chiếc lá cuối cùng. Mình nghĩ chắc chắn nó đã rụng đêm qua. Mình nghe tiếng gió. Nó sẽ rụng hôm nay, và mình sẽ chết cùng lúc với nó.

Sue nghiêng khuôn mặt tóp của cô kề cận cái gối:

- Cưng ơi là cưng! Nếu cưng không nghĩ đến chính bản thân cưng thì nên nghĩ đến mình đây. Mình sẽ làm được gì chứ?

Nhưng Johnsy không trả lời. Nỗi cô đơn cùng cực nhất trên thế gian là một linh hồn chuẩn bị tiếp tục cuộc hành trình bí ẩn, xa thẳm. Điều

mộng tưởng dường như đã ảnh hưởng cô mạnh mẽ hơn khi những dây nổi buộc cô với tình bạn và với trần thế đã bị lơi lỏng.

Ngày dần trôi, và dù qua khoảng không xám xịt, họ vẫn thấy chiếc lá đơn độc bám vào cuống của nó, dựa vào bức tường. Và rồi, khi màn đêm buông xuống, gió bắc lại thổi, trong khi mưa vẫn đập vào các cửa sổ, chảy ồ ạt xuống theo rìa mái nhà kiểu Hà Lan.

Khi đã có đủ ánh sáng buổi tinh sương, Johnsy, con người vô cảm, lại ra lệnh kéo cái rèm xuống.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đấy.

Johnsy nằm một hồi lâu nhìn nó. Và rồi cô gọi Sue, đang quây nôi cháo ga trên cái bếp ga. Cô nói:

- Mình là đứa hư, Sue à. Có cái gì đó đã khiến chiếc lá vẫn ở đấy để cho thấy mình quả là độc ác. Muốn chết là một cái tội. Bây giờ bồ có thể mang cho mình chút cháo, và ít sữa pha chút rượu vang porto, và... không, mang trước cho mình cái gương soi cầm tay, rồi chèn ít cái gối quanh mình, rồi mình sẽ ngồi lên để xem bồ nấu nướng.

Một giờ sau, cô nói:

- Sue à, một ngày nào đấy mình sẽ vẽ cảnh vịnh Naples.

Ông bác sĩ đến vào buổi xế chiều, và khi ông trở ra Sue có cơ để đi ra ngoài hành lang. Ông nắm lấy bàn tay gầy, run rẩy của Sue đặt trong tay ông.

- Cơ may ngang bằng. Với công chăm sóc tận tụy của cô, cô sẽ thắng. Và giờ tôi phải đến thăm một ca khác ở tầng dưới. Người bệnh là Behrman – tôi nghĩ chừng đâu là một họa sĩ. Cũng viêm phổi. Ông ta già cả, yếu đuối, cơn bệnh lại là cấp tính. Không có hi vọng gì, nhưng tôi sẽ đưa ông đến bệnh viện để được thoải mái hơn.

Ngày kế, ông bác sĩ bảo Sue:

- Cô ấy qua khỏi cơn nguy rồi. Cô đã thắng. Bây giờ chỉ cần dinh dưỡng và chăm sóc – chỉ có thể thôi.

Buổi chiều ấy, khi Johsy đang đan một cái khăn quàng len màu lam thật đậm và xem vẽ rất vô dụng, Sue đến bên giường cô, đặt cánh tay quanh cô và cũng quanh mấy cái gối.

- Mình có chuyện này nói cho bồ biết, cái con chuột trắng ời. Ông Behrman qua đời hôm nay ở bệnh viện vì chứng viêm phổi. Ông ấy nhuộm bệnh chỉ trong có hai ngày. Người gác đàn tìm thấy ông sáng ngày đầu tiên trong căn phòng tầng dưới, ngất xỉu với cái chân đau đớn. Đôi giày và quần áo ông ấy bị ướt cả, lạnh như nước đá. Họ không thể hiểu nổi ông đã đi đâu trong một đêm kinh hoàng như thế. Và rồi họ tìm thấy cái đèn bão, vẫn cháy, và một cái thang đã bị rời khỏi nơi cất giữ, vài cây cọ rơi tả, và nghiên màu mới ít màu xanh và vàng, bồ nhìn ra ngoài cửa sổ xem, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng trên bức tường đấy. Bồ có đặt nghi vấn tại sao nó không bao giờ bay lất phất khi có gió thổi không? Cưng ời, đó là kiệt tác của ông Behrman đấy - ông đã vẽ nó đúng vào đêm chiếc lá cuối cùng rơi rụng.

O. Henry

Chuyện một tờ báo

Người dịch: Ngô Vĩnh Viễn

8 giờ sáng, nó còn chưa ráo mực in đã nằm trên quầy bán báo của Giuxeppi. Với tính ranh ma của hạng người như hắn, Giuxeppi đi tán gái ở góc phố đối diện để mặc khách tự lấy báo, chắc hắn là hắn dựa vào cái thuyết có liên quan tới giả định về cái nòi được chú ý quá nhiều.(1)

Theo tục lệ và ý đồ của nó, tờ báo đặc biệt này vừa là một nhà giáo dục, một người hướng dẫn, một người khuyên răn, lại là một chiến sĩ, một cố vấn đại gia và một vade mecum(2).

Trong nhiều cái đặc sắc của nó có thể chọn ra ba vài xã thuyết. Một bài, lời lẽ giản dị mộc mạc nhưng ngời sáng, nhằm vào các bậc cha mẹ và những nhà giáo, chê trách việc đánh đập để trừng phạt trẻ con.

Bài thứ hai là một bài cảnh cáo có tính chất lên án, nhiều ý nghĩa gửi cho một tay thủ lĩnh nghiệp đoàn nổi tiếng đang sắp sửa xúi giục những người theo mình gây ra một cuộc bãi công rắc rối.

Bài thứ ba là một lời kêu gọi hùng hồn đòi phải ủng hộ và giúp đỡ lực lượng cảnh sát về mọi mặt ngõ hầu tăng cường lực lượng của nó với

tính cách là những người bảo vệ và phục vụ công chúng.

Ngoài những bài trách cứ và yêu sách quan trọng này đối với cái kho tinh thần công dân tốt, còn có một phương thuốc nhiệm màu hoặc một thứ biện pháp khôn ngoan của biên tập viên phụ trách mục “tâm tình” trình bày về một trường hợp đặc biệt về một thanh niên phàn nàn về lòng sắt đá không chuyên của một cô gái mà anh ta yêu, dạy anh ta làm cách nào để chinh phục được cô gái.

Trên trang sắc đẹp, lại có lời giải đáp đầy đủ cho một thiếu nữ muốn được khuyên nhủ để có được mắt sáng, má hồng và vẻ mặt xinh đẹp.

Một tin khác đòi hỏi phải có một sự hiểu biết đặc biệt, là một “việc riêng” vắn tắt, được viết như sau:

“Giấc thân yêu, tha lỗi cho em. Hẹn anh đúng 8h 30 sáng nay gặp em ở góc phố Mêđixơn và phố thứ...Ta ra đi vào đúng ngọ.

Người hối lỗi”

Lúc 8h, một thanh niên nét mặt phờ phạc, mắt hừng hực như sốt vì lo lắng, đi ngang qua quầy bán báo của Giuxeppi quăng 1 xu nhặt lấy tờ báo trên cùng. Một đêm không ngủ đã khiến anh trở thành kẻ dậy muộn. 9h đã phải đến sở làm việc mà trong khoảng thời gian từ giờ đến đó còn phải cạo râu, còn phải uống chóp nhoáng một tách cà phê nữa.

Anh ghé vào hiệu cắt tóc rồi lại hấp tấp ra đi. Anh đút tờ báo vào túi, thầm nghĩ đến giờ ăn trưa sẽ đọc. Tới góc phố gần đó, tờ báo rơi khỏi túi anh, lôi theo cả đồng gang tay mới. Đi được ba dãy nhà, không thấy đôi gang đâu anh bực tức lộn trở lại.

Đúng tám rưỡi, anh tới góc phố chỗ đôi gang và tờ báo nằm lẫn lóc trên mặt đất. Nhưng thật lạ lùng, anh bỗng quên phắt đi cái mà anh

trở lại tìm kiếm. Anh đang nắm lấy hai bàn tay nhỏ nhắn, chưa bao giờ anh nắm chặt đến thế và nhìn vào đôi mắt hồi hận màu nâu, niềm vui sướng rộn lên trong lòng anh.

-Giấc thân yêu – cô gái nói – em biết là anh sẽ đến đây đúng giờ mà. “Chẳng hiểu cô ấy định nói gì – anh thầm nghĩ – nhưng không sao, không sao hết”

Một cơn gió mạnh từ phía tây xô tới, hất tờ báo khỏi vỉa hè, mở tung nó ra và bốc nó lên bay lộn trên không sang phố bên. Ngược đường phố ấy, anh thanh niên đã viết thư cho biên tập viên của mục “tâm tình” hỏi xin một công thức để chinh phục cô gái mà anh mê say đang dong cương một con ngựa hồng bất kham, kéo một chiếc xe độc mã hai bánh.

Cơn gió đùa nhả bùng lên ập tờ báo đang bay vào mặt chú ngựa hồng bất kham. Con ngựa lồng lên biến thành một vệt màu hồng pha lẫn màu đỏ của bánh xe đang quay tít, kéo dài qua bốn dãy nhà. Rồi cái vòi nước máy đóng vai trò của nó trong công cuộc sáng thế và chiếc xe độc mã biến thành dóm diêm như thể đã được an bài từ trước, còn anh chàng xà ích thì nằm chết lạng trên đường nhựa trước một toà nhà giàu có nào đó

Người ta vội chạy ra khiêng anh ta ngày lập tức vào trong nhà. Một người phụ nữ tự làm gối cho anh ta kê đầu và bắt chập những ánh mắt tò mò, cô ta cúi xuống nói: “Ôi, đúng là anh rồi Bôby; bao giờ cũng chỉ có anh thôi. Anh không thấy thế sao? Nếu em có mệnh hệ nào thì em không sống được và...”

Nhưng đang cơn gió to thế này, chúng ta phải mau mau theo sát tờ báo của chúng ta.

Viên cảnh sát Ô Brai bắt lấy tờ báo như là một nhân vật nguy hiểm

cho giao thông. Những ngón tay chuối mẩn của hắn chậm chạp vuốt thẳng lại những tờ báo toí tả. Hắn đang đứng cách cổng sau của quán ăn Xendơn Ben vài bước. Hắn khó nhọc đánh vần đề bài báo “Báo chí đứng hàng đầu trong cuộc vận động ủng hộ cảnh sát”.

Nhưng, suýt! Tiếng tên phụ trách quầy rượu Đany lọt qua khe cửa: “Này Maiko, một cốc nhỏ phần ông bạn già đây.”

Sau những cột báo thân tình mở rộng, viên cảnh sát Ô Brai nhanh nhẹn nhận lấy cốc rượu “thứ thiệt”. Rồi hắn hùng dũng, tỉnh táo và khoẻ khoắn bước đi làm nhiệm vụ. Ước gì ông chủ bút có thể tự hào nhìn thấy cái kết quả tinh thần, cái kết quả theo đúng nghĩa của chữ đã ban phước cho công sức của ông ta.

Viên cảnh sát Ô Brai gấp tờ báo lại, vui vẻ gửi nó vào nách một chú bé đi ngang qua. Chú bé tên là Giôngy và chú mang tờ báo về nhà. Chị chú bé là Gladi, chính cô ta viết thư cho biên tập viên trang “sắc đẹp” để hỏi về phương thuốc nhiệm màu để có thể thực hiện được về sắc đẹp. Chuyện ấy đã từ mấy tuần trước rồi và cô đã thôi không tìm câu trả lời nữa. Cô đang mặc áo để đi lên phố để mua ít dải viền. Bên trong váy cô dính hai mảnh giấy báo của Giôngy mang về. Khi cô đi tiếng sột soạt nghe y như tiếng sột soạt của đồ thật.

Ra đến ngoài phố cô gặp nhà Brao ở tầng dưới và dừng lại nói chuyện. Cô gái nhà Brao tái mặt. Chỉ có thứ lựa năm đô một thước mới tạo được thứ âm thanh cô ta nghe thấy khi Gladi cất bước. Cô gái nhà Brao héo hon cả người vì ghen tị, nói vài tiếng hằn học rồi bỏ đi, môi mím chặt.

Gladi tiếp tục đi về phía đại lộ. Giờ đây, mắt cô ta sáng long lanh như nước nguồn. Sắc hồng tươi phớt trên đôi má cô, một nụ cười thoải mái, tể nhị và đầy sinh khí biến đổi bộ mặt của cô. Cô đẹp hẳn lên.

Giá mà khi ấy bà biên tập viên trang sắc đẹp nhìn thấy cô lúc ấy. Hình như lời giải đáp của bà ta trên báo có nói đến việc trau dồi tình cảm đối với mọi người để làm cho nét mặt thô xấu trở thành hấp dẫn. Tay cầm đầu nghiệp đoàn – mà lời huấn thị trịnh trọng và đanh thép của bài xã thuyết trên báo nhằm vào là bố của Gladi và Giôngy. Ông ta nhặt những mảnh báo còn lại của tờ báo mà Gladi đã tước mất để làm ra cái thứ thuốc để làm ra tiếng sột soạt của lụa. Mắt ông ta không trông thấy bài xã thuyết mà lại bắt gặp một trò đồ khéo léo, có bề ngoài lừa dối vẫn thường làm say mê cả kẻ ngây ngô lẫn người khôn ngoan.

Ông vội xé lấy nửa trang báo, chiếm lấy cái bàn, cây bút chì và tờ giấy rồi miệt mài với trò chơi ấy.

Ba giờ sau, sau khi đợi ông ta uống công tại một điểm đã định, các thủ lĩnh khác, bảo thủ hơn tuyên bố và quyết định tán thành hoà giải, như thế là tránh được cuộc đình công với những hậu quả nguy hiểm của nó. Những số báo sau đó, với giọng của kèn đồng đã nhắc đến bằng chữ in màu, tố cáo thắng lợi của tờ báo đối với những mưu đồ đã dự tính của tay cầm đầu nghiệp đoàn.

Những mảnh còn lại của tờ báo thiết thực cũng kiên trì chứng tỏ hiệu lực của nó.

Khi Giôngy đi học về, chú đã tìm một chỗ khuất để bỏ những cột báo đã xé rời ra khỏi bên trong quần áo, nơi chúng được phân bố khéo léo để bảo vệ một cách có kết quả những khu vực thường bị trừng phạt ở nhà trường tiến công vào. Giôngy học ở trường tư và đã có chuyện lôi thôi với thầy giáo, như đã nói, trong số báo sáng hôm đó, có một bài xã thuyết xuất sắc chống lại việc đánh đập để trừng phạt và không còn nghi ngờ gì nữa, nó đã phát huy tác dụng.

Sau chuyện này, còn ai dám hoài nghi sức mạnh của báo chí?

Chú thích

(1) Theo ngôn ngữ, "watched pot never boils" (theo nghĩa đen: để ý đến nồi thì nồi không sôi) có nghĩa là càng mong thì càng lâu đến.

(2) Sổ tay, sách tóm tắt vật luôn mang theo mình (tiếng latin)

O. Henry

Chuyến phà nhớ nhàng

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

The ferry of unfulfillment

Chàng từ Nome¹ đứng ở góc phố, vững như cẩm thạch, giữa cơn sóng triều nhân loại trong giờ tan tầm. Gió và mặt trời miền Bắc cực đã nhuộm anh đỏ-hồng. Mắt anh vẫn còn giữ ánh xanh biếc của những băng sơn.

Anh lạnh lẹn như một con chồn, rắn chắc như miếng thịt nai rừng, to rộng như là ánh quang Bắc cực. Anh đứng đấy, đắm chìm trong dòng thác của những âm thanh đổ ập vào anh – tiếng then thét của tàu vượt, xe cộ kêu lanh canh, tiếng lộp cộp của những bánh xe không có cao su, mọi loại phản âm thanh của mấy anh đánh xe ngựa và tài xế xe tải đang liên thoảng. Và như thế, với bụi vàng anh đãi đổi ra được con số vui nhộn một trăm nghìn, với những chiếc bánh và nước rượu cất trong một tuần ở Gotham khiến lười anh trở nên đặng chat, Chàng từ Nome thở dài để đặt chân lần nữa đến Chilkoot, lối thoát khỏi vùng đất của những con đường ồn ào và bánh táo nướng Biển Chết.

Trên Đại lộ Số Sáu, cùng với dòng người nhập nhạng, vội vã, nói cười, mắt sáng, tiến đến Nàng từ Sieber-Mason's. Chàng từ Nome nhìn và thấy, đầu tiên, là cô đẹp một cách tối cao theo quan niệm của anh về cái đẹp, và kế tiếp, là cô di chuyển đúng y như một chiếc xe trượt do chó kéo lướt đều trên mặt tuyết bằng phẳng. Cảm giác thứ bà của anh là một khẳng định bất chợt rằng anh thật khát khao muốn cô là của riêng anh. Những anh chàng đến từ Nome đều có quyết định chóng vánh như thế. Hơn nữa, anh đang trên đường đi trở lên miền Bắc, nên quyết định nhanh không phải là kém cần thiết.

Có cả nghìn cô gái từ trung tâm bách hóa vĩ đại của Sieber-Mason trôi dọc trên hè đường, khiến cho việc lèo lái của đàn ông trở nên nguy hiểm. Nhưng Chàng từ Nome, chung thủy với cô, với quả tim nhức nhối đã được cô hồi sinh, lao vào dòng người phái đẹp, đi theo cô. Xuống đến Đường Số Hai Mươi Ba, cô lướt nhanh nhẹn, không nhìn qua bên nào. Mái tóc nâu mềm của cô được buộc chỉnh tề, cái eo lịch sự và cái juýp đen thẳng thớm nói lên hùng hồn đôi đức tính – khiêu thẩm mỹ và tính chi li. Chàng từ Nome, bị tiếng sét ái tình, đi theo sau cô vài chục bước.

Cô Claribel Colby, Nàng từ Sieber-Mason's, thuộc về nhóm hải hành buồn, được biết đến như là những người đi đi về về Jersey. Cô bước vào phòng đợi của bến phà, lên các bậc thang, và với ít bước chạy nhanh nhẩu, bắt kịp chuyến phà vừa bắt đầu rời bến. Chàng từ Nome bắt kịp cô trong ba bước nhảy, và cũng kịp sát theo sau cô xuống chiếc phà. Cô Colby tìm một băng ghế khá cô đơn phía ngoài buồng hành khách tầng trên. Đêm không lạnh, và cô muốn tránh xa

khỏi những cặp mắt tò mò cùng những ngôn từ dai dẳng của các hành khách. Hơn nữa, cô rất mệt mỏi, sật sù vì thiếu ngủ. Đêm trước, cô đã tham dự buổi dạ hội hàng năm của Câu lạc bộ Số 2 của Bạn hàng Cá bán sỉ Khu Đông, vì thế cô chỉ ngủ có ba giờ đồng hồ.

Công việc ngày hôm nay đã quá chộn rộn. Các khách hàng đã quá khó tính, một ông khách còn rầy rà cô đến nơi đến chốn vì cô không còn hàng để bán, cô bạn thân nhất, Mamie Tuthill, làm lơ cô vì đã đi ăn trưa với cô Dockery ấy.

Nàng từ Sieber-Mason's có thái độ thanh thản, dịu dàng, đặc tính thường thấy ở một cô tự lập đi làm ăn lương. Đây là đặc tính rất hợp với người con trai định tán tỉnh cô. Rồi cô có những nỗi khát khao được ổn định trong một mái ấm và một con tim nào đấy, để được an ủi, và để nép vào cánh tay khỏe mạnh nào đấy, rồi nghỉ ngơi, nghỉ ngơi. Nhưng cô Claribel Colby cũng đang buồn ngủ hết mức.

Đi đến là một anh chàng khỏe mạnh, da nâu, ăn mặc cầu thả với bộ quần áo tốt nhất anh có thể mua được, và chiếc mũ trong tay. Chàng từ Nome nói, giọng kính trọng:

-Cô ạ, xin lỗi tôi đã bắt chuyện với cô, nhưng tôi...tôi...nhìn thấy cô trên đường, và...và...

Nàng từ Sieber-Mason's ngược lên nhìn với vẻ lạnh lùng nhất:

-À, ra thế! Không hiểu có cách nào xua đuổi những kẻ quấy rầy như anh không? Tôi đã thử đủ mọi cách, từ việc ăn hành sống và dùng kim cài tóc. Đi chỗ khác chơi đi anh Hai!

Chàng từ Nome phân trần:

-Cô ạ, tôi không phải hạng người như thế - thật đấy, tôi không phải. Như tôi đã nói, tôi đã thấy cô trên đường, và tôi vì quá mong mỏi được quen biết cô đã không dặng dưng đi theo cô. Tôi sợ tôi sẽ không bao giờ thấy cô nữa trong cái thành phố lớn này trừ khi tôi được tiếp chuyện với cô, vì thế tôi đã làm như vậy.

Cô Colby nhìn anh một thoáng trong ngọn đèn mờ của chiếc phà. Không, anh ta không có cái cười gian xảo hoặc vẻ khoe khoang trơ trẽn của một tên chuyên hại đời con gái. Có thể cũng hay hay để nghe chút ít anh chàng muốn nói năng gì.

Cô nói, đưa một bàn tay che cái miệng ngáp với vẻ lịch sự phớt lờ:

-Anh có thể ngồi xuống và - coi chừng – đừng lộn xộn, nếu không tôi sẽ kêu tiếp viên.

Chàng từ Nome ngồi xuống bên cô. Anh ngưỡng mộ cô hết mức. Hơn cả ngưỡng mộ. Cô có đúng những cử chỉ anh đã tìm kiếm vô vọng ở một phụ nữ. Liệu rồi cô sẽ mến anh không? À, để xem việc này. Anh phải cố làm mọi cách trong khả năng của anh để đạt được mục đích, bằng cách nào đấy.

Anh nói:

-Tên tôi là Blayden – Henry Blayden.

Cô gái hỏi, nghiêng qua anh, với vẻ trêu chọc nhẹ nhàng:

-Có chắc anh không phải là Smith2 đấy chứ?

Anh tiếp, với giọng nghiêm trang lo lắng:

-Tôi xuống từ miền Nome. Tôi thu vón được rất nhiều bụi trên ấy, và mang xuống đây.

Cô khúc khích, theo đuổi cách điệu cột hờ hững:

-À, ra thế! Anh hẳn là thành viên trong đoàn diễn vở nhạc kịch White Wings. Tôi nghĩ là tôi đã trông thấy anh ở đâu đấy.

-Cô đã không thấy tôi khi tôi nhìn thấy cô.

-Tôi chưa từng nhìn đàn ông con trai trên đường phố.

-Tôi nhìn cô, và trước đây tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái gì khác đẹp dù chỉ bằng phân nửa.

-Tôi có thể giữ tiền thôi được không?

-Vâng, tôi nghĩ được. Tôi nghĩ cô có thể giữ tất cả những gì tôi có. Tôi nghĩ tôi là loại đàn ông cô cho là thô kệch, nhưng tôi có thể rất tốt với bất kỳ ai tôi mến. Tôi đã trải qua một thời lùm bụi khổ sở, nhưng tôi đã vượt qua. Tôi đã quét được mấy nghìn lượng bụi khi tôi ở trên ấy.

Cô Colby thốt lên, ngụ ý thương cảm:

-Trời đất! Đây hẳn phải là nơi bẩn thỉu lắm.

Và rồi hai mắt cô nhắm lại. Tiếng nói của chàng từ Nome đều đều trầm trầm trong sự nghiêm chỉnh cao độ. Hơn nữa, có chuyện nào đáng chán hơn là về mấy câu chửi và việc quét bụi? Cô ngả đầu tựa lên bức tường.

Chàng từ Nome nói tiếp, càng thêm nghiêm trang, đều đều:

-Cô ạ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy ai mà tôi mến như cô. Tôi biết cô chưa thể nghĩ về tôi như thế ngay lúc này, nhưng cô có thể cho tôi một cơ hội được không? Xin cô cho tôi quen biết cô được không, để liệu xem tôi có thể làm cho cô mến tôi không?

Mái đầu Nàng từ Sieber-Mason's trượt nhẹ nhàng, rồi tựa trên vai anh. Giấc ngủ ngọt ngào đã trùm lấy cô, và cô đang chộn rộn mơ đến

buổi dạ hội Trợ lý Bán hàng Cá bán sỉ.

Anh chàng lịch sự từ Nome vẫn giữ hai tay trên người anh. Anh tin là cô đã ngủ, tuy thế anh đã quá khôn ngoan nên không cho động tác này là sự đầu hàng. Anh cảm thấy hứng khởi và sượng thỏ, nhưng anh xem mái đầu tựa lên vai anh như là tiên khởi khuyến khích, như là dấu hiệu khởi đầu cho thành công của anh, không nên bị lợi dụng.

Một mảnh hợp kim lẫn lộn vào khiến niềm thỏa mãn vàng của anh bị giảm sút giá trị. Liệu anh đã nói quá nhiều về tài sản của mình không? Anh muốn cô mền anh chỉ vì anh mà thôi.

-Cô ạ, tôi muốn nói là cô có thể tin tôi. Cả một vùng Klondite từ Juneau đến Thành phố Circle và xuống dọc chiều dài sông Yukon, người ta đều biết tôi. Có nhiều đêm nằm trong tuyết nơi tôi đã làm việc như một nô lệ trong ba năm, tôi tự hỏi bao giờ có thể có người mền tôi. Tôi không muốn dành riêng cho tôi tất cả bụi này. Tôi đã nghĩ một lúc nào đấy tôi sẽ gặp một người mà tôi mền, và tôi đã gặp hôm nay. Có tiền thì thật là hay đấy, nhưng có được tình yêu của một người mình mền nhất thì càng tốt nữa. Cô ạ, nếu cô kết hôn với một người, cô muốn anh ấy có gì?

-Tiền mặt!

Tiếng nói sắc và vang phát ra từ đôi môi cô Colby, chứng tỏ là trong giấc mơ, cô đang đứng sau cái quầy trong trung tâm bách hóa vĩ đại của Sieber-Mason's.

Mái đầu của cô thành linh gục ngang xuống. Cô tỉnh dậy, ngồi thẳng lên, dụi hai mắt. Anh chàng đến từ Nome đã bỏ đi.

Cô Colby nói:

-Ra thế! Mình nghĩ rằng mình đã ngủ gục. Không rõ cái anh White Wings này giờ ra sao!

Chú thích

- 1. Thành phố của Bang Alaska, nhìn ra eo Biển Bering (bên kia bờ là Nga), thời ấy có rất nhiều vàng dưới dạng “bụi” trong các thung lũng và đáy sông, hiện đã được khai thác hết.*
- 2. Smith là tên rất thông thường của người Anh, Mỹ. Ý cô gái nói anh không phải bịa ra tên thông thường để dấu tên thực.*

O. Henry

Con người hai mặt

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh: The marionettes

Anh cảnh sát đang đứng tại ngã tư giữa Đường Số 24 và một con hẻm tối tăm, nơi tàu điện vượt trên đường ô tô. Đã là hai giờ sáng, thời khoảng của màn đêm lạnh lẽo, lâm râm, không ai giao du với ai, kéo dài cho đến sáng.

Một người đàn ông, trong áo choàng dài, với chiếc mũ kéo sụp về đằng trước, mang vật gì đấy trong tay, đi nhẹ nhàng nhưng nhanh nhẹn ra khỏi con hẻm. Anh cảnh sát bước đến ông với sự nghiêm túc, cùng vẻ tự tin của một quyền hạn có ý thức. Với giờ giấc này, con hẻm nổi tiếng với những chuyện khả nghi, đáng điều hấp tấp của người bộ hành, cái món gì đấy ông đang mang-tất cả dễ gộp thành “những tình huống khả nghi” cần được công quyền làm sáng tỏ.

“Nghi can” dừng lại, kéo chiếc mũ về phía sau, để lộ ra trong ánh đèn điện nhấp nháy một gương mặt không cảm giác, trơn tru với một sống mũi khá dài và đôi mắt đen, đăm đăm. Ông thọc một tay mang

găng vào áo choàng, rút ra một tấm danh thiếp trao cho anh cảnh sát. Anh đưa lên ánh đèn, đọc cái tên “Charles Spencer James, Bác sĩ Y khoa”. Địa chỉ thuộc về một khu đáng kính như thế trấn áp ngay cả tính tò mò. Anh cảnh sát liếc xuống vật người đàn ông mang trên tay – một chiếc hộp y khoa sang trọng bằng da, màu đen, với đường viền bạc – và thấy nó phù hợp với nghề nghiệp ghi trên tấm thiếp. Anh cảnh sát bước qua một bên, với giọng thân mật bề trên:

-Được rồi, bác sĩ ạ. Tôi được lệnh phải cẩn thận hơn. Gần đây có nhiều vụ trộm cướp. Khổ với đêm thế này khi ra đường. Không lạnh lắm, nhưng... ẩm ướt.

Khẽ gật đầu trang trọng và sau vài lời đồng ý với anh cảnh sát về thời tiết, bác sĩ James tiếp tục bước đi. Ba lần trong đêm ấy, cảnh sát tuần tra đã chấp nhận tấm danh thiếp và chiếc hộp y khoa như là bằng chứng cho con người và mục đích lương thiện. Nếu ngày hôm sau có anh cảnh sát nào muốn kiểm tra thêm – miễn là anh đừng đến sớm quá, vì bác sĩ James dậy muộn – anh sẽ thấy cũng tấm danh thiếp ấy được gắn trên một khung cửa sang trọng; cũng vị bác sĩ này, điềm đạm, ăn mặc chỉnh tề, trong phòng mạch trang bị đầy đủ; và sẽ nghe lời xác minh của những người xung quanh về một công dân lương thiện, một người gắn bó với gia đình, một sự thành công trong nghề nghiệp trong hai năm ông sống ở đây.

Vì thế, nếu có một nhà bảo vệ sự an bình vì quá năng nổ muốn xem xét bên trong chiếc hộp y khoa này, anh sẽ vô cùng ngạc nhiên. Vì món đầu tiên mà anh thấy là một bộ đồ lễ tinh xảo của một “anh chích”. Thêm những món này nọ được thiết kế và chế tạo đặc biệt – các chìa khóa, mũi khoan và dùi đục bằng thép tôi cứng nhất – đủ

sức ăn sâu vào thép như con chuột gặm mẩu pho mát, và mấy cái kẹp có thể kéo cánh cửa một két sắt ra nhẹ nhàng như nha sĩ nhổ một cái răng. Trong một cái túi ở mặt trong chiếc hộp là một ống hóa chất nitroglycerine, chỉ còn phân nửa. Dưới bộ đồ lễ là dăm tờ giấy bạc nhàu nát và vài đồng tiền vàng, tất cả gồm tám trăm ba mươi đô la.

Trong nhóm rất nhỏ bạn bè, bác sỹ James còn được biết đến với danh hiệu “The Swell Greek” – Người Hy Lạp xuất sắc. Phân nửa cái tên kỳ bí này là do phong thái trầm tĩnh và thượng lưu của ông, phân nửa kia chỉ một nhà lãnh đạo, nhà quy hoạch, người mà nhờ vào vị thế và địa chỉ uy tín, nắm đầy đủ thông tin theo đây có thể định những kế hoạch và chuyển làm ăn táo bạo. Trong băng đảng nhỏ này, có hai thành viên khác là Skitsie Morgan và Gum Decker, đều là hai “anh chích” lành nghề, có thêm Leopold Pretzfelder, buôn bán nữ trang ở trung tâm thành phố, người giúp tiêu thụ “hang” do bộ ba thu được. Tất cả đều là bạn tốt và trung tín với nhau, không hề ba hoa, luôn luôn kiên định.

Chuyến làm ăn đêm ấy xem như không đáng công khó nhọc của băng đảng. Một cái két sắt kiểu cũ hai ngăn với khóa bên hông, trong một văn phòng tồi tàn của một công ty buôn bán quần áo rất giàu, đáng lẽ phải cung ứng nhiều hơn hai nghìn năm trăm đô la trong đêm thứ bảy này. Nhưng bọn ba người chỉ được có thế, và theo thói quen, họ chia đồng đều tại chỗ. Họ hi vọng có có được mười đến mười hai nghìn đô. Nhưng một trong những người chủ đã quá cổ hủ: ngay khi chiều xuống ông đã mang về nhà phần lớn số tiền trong

hộp đựng áo sơ mi.

Bác sĩ James đi ngược lên Đường Số 24 lúc ấy đang vắng người. Ngay cả dân đi xem hát, vốn thường xem quân này như nơi trú ngụ, đã đi ngủ thừ lâu. Cơn mưa phùn đã tích tụ trên mặt đường; từng vũng nước đọng giữa các hòn đá nhận ánh đèn và phản chiếu lại, vỡ vụn thành hàng trăm nghìn mảnh lỏng bong. Một ngọn gió ẩm ướt và giá lạnh hắt ra từ giữa các ngôi nhà.

Khi vị bác sĩ đều nhịp bước quanh góc một ngôi nhà gạch cao, cánh cửa trước mở toang, và một bà người da đen chạy rầm rập theo những bậc thang xuống đường. Bà lảo lảo những tiếng rớt rít như không tự nói với mình, thói quen của dân da đen khi có một mình và đối đầu với quỷ dữ. Bà trông giống như lớp gia nhân người miền Nam – lảo lỏi, quen thuộc, trung thành cứng cỏi; vóc dáng bà biểu hiện điều đấy – to béo, tề chỉnh, mang tạp dề, mang khăn tay. Chạy nhanh ra khỏi ngôi nhà im lìm, bà xuống đến bậc thang cuối cùng vừa lúc bác sĩ James đi đến. Đầu óc của bà chuyển mọi năng lượng từ âm thanh qua hình ảnh, bà im bật, dán tay lên chiếc hộp của ông bác sĩ:

-May phước quá! Ông có phải là bác sĩ không ạ?

Bác sĩ James dừng chân:

-Vâng, tôi là bác sĩ y khoa.

-Vậy mời ông bác sĩ làm ơn vô thăm bệnh cho ông Chandler. Ông bị lên cơn đau tim hay là cái gì đó. Ông nằm như chết. Cô Amy biểu tui đi tìm bác sĩ. Có Trời biết già Cindy này tìm ở đâu, nếu không có ông bác sĩ đi qua đây. Cô Amy, thiệt là tội nghiệp...

Bác sĩ James đặt chân lên bậc thềm:

-Dẫn đường cho tôi nếu muốn tôi làm nhiệm vụ bác sĩ.

Bà da đen dẫn ông vào ngôi nhà, lên một tầng cầu thang lầu trái thăm dầy. Lên hết tầng thứ hai, người dẫn đường hào hển đi đến một cánh cửa và mở ra.

-Cô amy, tui mời bác sĩ tới nè.

Bác sĩ James đi vào phòng, khẽ cúi chào người phụ nữ đứng bên cạnh giường. Ông đặt chiếc hộp y khoa trên một chiếc ghế, cởi áo choàng ra, ném nó phủ lên chiếc hộp và thành ghế, rồi tiến đến thành giường với vẻ tự tin trầm tĩnh. Một người đàn ông đang nằm gần đấy, song soài sau khi ngã xuống – một người đàn ông mặc bộ quần áo giàu có theo thời trang bấy giờ, chỉ có đôi giày là được cởi ra, nằm im lìm như chết. Bác sĩ James toát ra một sức mạnh trầm lặng. Nhất là phụ nữ, luôn bị phong thái trong phòng mạch của ông hấp dẫn. Đây không phải là thái độ mềm mỏng của một pháp sư thời thượng, nhưng là phong thái từ tốn, chắc nịch, cung cách của năng lực đối đầu với số phận. Trong đôi mắt nâu, đăm đăm và long lanh của ông có mãnh lực thu hút; đánh về thăm quyền chuyên môn trong trầm tĩnh của khuôn mặt cạo chĩnh tề, hợp với vai trò của một người mà con bệnh có thể thổ lộ bí mật và nhận sự an ủi. Đôi lúc, khi đến thăm với tư cách nghề nghiệp thứ nhất của ông, phụ nữ có thể cho ông biết họ đã dấu kim cương ở đâu để phòng trộm đạo.

Với con mắt lạnh nghề, đôi mắt của bác sĩ James không cần đảo qua lại nhưng cũng nhận ra vẻ lịch sự và chất lượng đồ đạc trong căn phòng. Các món đều đắt giá. Cùng với cái nhìn thoáng qua, ông cũng nhận ra ngoại hình của người phụ nữ. Cô nhỏ nhắn, không đến hai mươi. Gương mặt cô xinh xắn, tuy bị che phủ (bạn có thể nói như thế) bởi vẻ u uất lâu ngày hơn là chuyện buồn lo bất ngờ. Trên trán

cô là một vết bầm mà mắt chuyên môn của ông bác sĩ nhận ra là chi mới xảy ra trong vòng sáu giờ đồng hồ. Các ngón tay của Bác sĩ James sờ lên cổ tay người đàn ông. Đôi mắt ông có ý dò hỏi người phụ nữ. Cô trả lời, với âm giọng miền Nam:

-Tôi là bà Chandler. Chồng tôi thỉnh thoảng bị bệnh chùng mười phút trước khi ông tới. Anh ấy bị mấy cơn đau tim lúc trước – có khi bị nặng lắm.

Dường như bộ quần áo khuya sang trọng của người đàn ông và giờ giấc khuya khoắt khiến cô giải thích tiếp:

-Anh ấy đi...ăn tối về,tôi nghĩ vậy.

Bác sĩ James bây giờ hướng sự chú ý về người bệnh. Trong bất cứ nghề nào của ông, ông đều chú tâm hết mực vào cái “ca” hoặc “phi vụ” của ông.

Người bệnh tuổi khoảng ba mươi. Gương mặt anh mang vẻ táo bạo và phóng đãng, nhưng không thiếu nét cân đối cùng những dáng vẻ sành điệu và đam mê. Thoang thoảng mùi rượu vang đổ trên quần áo.

Vị bác sĩ mở áo vạt tong ông ra, rồi với một con dao nhỏ rạch chiếc áo sơ mi một đường từ cổ áo xuống đến thắt lưng. Ông đặt tai lên vị trí quả tim, chăm chú lắng nghe. Khi ông đứng dậy, ông nói:

-Nhồi van tâm thất trái.

Câu nói chấm dứt với vẻ không chắc chắn. Ông lại cúi xuống nghe một hồi lâu, và lần này ông kết luận:

-Suy tâm thất trái.

Ông nói, với giọng trầm tĩnh vốn thường xoa dịu nỗi âu lo:

-Thưa chị, có khả năng là...

Khi ông từ từ quay lại nhìn người phụ nữ ông thấy cô ngã xuống, tái nhợt, bất tỉnh, trong vòng tay của bà quản gia người da đen.

-Khổ quá! Khổ quá! Bộ ông trời muốn hại cháu gái của Dì Cindy hay sao? Cầu trời tru đất diệt cái đứa nào muốn hại cổ, cái đứa làm cho cổ khổ, cái đứa –

Bác sĩ James ngắt ngang, đưa tay giúp đỡ hộ tấm thân đã mềm nhũn:

-Nâng hai chân cô lên. Phòng cô ở đâu? Cần đặt cô nghỉ trên giường. Người đàn bà hát mặt về phía một cánh cửa:

-Đằng kia kìa, thưa ông bác sĩ. Đó là phòng cô Amy.

Họ mang cô đến đấy, đặt cô nằm trên giường. Mạch của cô yếu, nhưng đều đặn. Từ cơn bất tỉnh cô không tỉnh lại, mà chìm luôn vào giấc ngủ mê mệt.

Ông bác sĩ nói:

-Cô ấy chỉ mệt thôi. Ngủ là liều thuốc tốt. Khi cô tỉnh dậy, cho cô uống tí rượu ấm, thêm một quả trứng nếu cô dùng được. Làm thế nào mà cô ấy bị vết thương trên trán như thế?

-Cổ sơ ý, ông bác sĩ. Thiệt tội nghiệp, cổ té – mà không phải, ông bác sĩ.

Giọng điệu của bà thành linh trở nên khinh bỉ:

-Già Cindy này không muốn nói láo cái chuyện lòi thoi. Ảnh gây ra đó, ông à. Cầu Trời ra tay - nhưng mà không, Cindy hứa với cổ không nói. Cô Amy bị thương trên đầu đó, thưa bác sĩ.

Bác sĩ James bước đến cây trụ đèn với cái bong đang cháy sáng, vặn nhỏ xuống. Ông ra lệnh:

-Bà ở đây với cô ấy, giữ yên tĩnh cho cô ấy ngủ. Nếu cô ấy thức dậy,

cho uống tí rượu. Nếu thấy cô yếu thêm thì cho tôi hay. Có điều gì
đấy lạ lùng trong việc này.

-Còn có chuyện quái chiêu hơn trong nhà này.

Nhưng ông bác sĩ đã nhắc bà giữ yên tĩnh, với tính cương quyết ít
thấy, với giọng tập trung mà ông vẫn thường xua đuổi cơn sợ hãi.

Ông đi ra, nhẹ nhàng đóng cánh cửa lại rồi đi trở vào phòng
kia. Người đàn ông trên giường vẫn chưa cử động nhưng hai mắt đã
mở. Môi anh mấp máy như muốn nói gì đấy. Bác sĩ James cúi xuống
để lắng nghe. Người bệnh chỉ có thể thì thào: “Số tiền! Số tiền!”

Ông bác sĩ hỏi nhỏ, nhưng rành rọt:

-Anh có nghe tôi nói không?

Cái gật đầu yếu ớt.

-Tôi là bác sĩ, chị gọi tôi đến. Tôi được nghe giới thiệu anh là
Chandler. Người anh khá yếu. Anh không nên để bị phản kích hoặc
buồn khổ gì cả.

Đôi mắt người bệnh dường như muốn ra hiệu. Ông bác sĩ cúi xuống
để cố bắt những tiếng rất nhỏ:

-Số tiền...Số tiền hai mươi ngàn đô...tiền của cô ấy...

-Số tiền ở đâu? Trong ngân hàng phải không?

Đôi mắt tỏ dấu hiệu là không phải. Giọng nói càng trở nên yếu ớt
thêm:

-Bảo cô ấy... hai mươi ngàn đô... của cô ấy...

Đôi mắt người bệnh đảo quanh căn phòng.

Giọng Bác sĩ James nghiêm nghị như thể muốn khai thác bí mật từ
người đàn ông với trí óc đang suy sụp:

-Anh đã để tiền ở đâu đấy phải không? Trong phòng này phải không?

Ông bác sĩ nghĩ ông đã thấy ý công nhận trong đôi mắt đờ đẫn. Mạch

của người bệnh dưới các ngón tay ông mỏng manh như sợi tơ. Đến đây, bản năng của ngón nghề kia trỗi dậy trong đầu óc và long dạ của ông. Ông quyết định nhanh chóng – trong cái nghề nào ông cũng nhanh chóng như thế - là phải tìm ra nơi cất giữ món tiền, với giá một mạng người có tính toán.

Ông rút ra một tập giấy nhỏ, nguệch ngoạc ít chữ một công thức pha chế món thuốc nào đấy thích hợp nhất đối với người bệnh, theo khả năng nghề nghiệp cho phép. Ông đi đến cửa phòng kia, khe khẽ gọi bà quản gia, đưa toa thuốc cho bà, bảo bà đi đến một hiệu y dược để mua loại thuốc ghi trên toa. Khi bà đã đi, cầu nhàu một mình, ông bác sĩ bước đến bên giường cô gái. Cô vẫn ngủ say, mạch có phần rõ hơn, vàng trán mát ngoại trừ nơi có vết bầm, có chút ẩm ướt. Nếu không bị quấy rầy, cô có thể ngủ hàng mấy giờ. Ông tìm thấy chiếc chìa khóa, ông dùng nó khóa cánh cửa lại sau khi ông bước ra.

Bác sĩ James nhìn đồng hồ của ông. Ông có thể có nửa giờ cho riêng mình, vì bà quản gia khó lòng về kịp trong thời gian ấy. Rồi ông đi lấy một cái vò, cho một ít nước vào đấy, và một chiếc cốc vại thủy tinh rỗng. Ông mở chiếc hộp y khoa, lấy ra cái ống nhỏ chứa nitroglycerine – chất “dầu” theo như mấy bạn giang hồ của ông gọi. Ông nhỏ chất lỏng hơi sánh, vàng nhạt vào cái lọ. Ông lấy ra một ống tiêm, gắn một kim tiêm vào đấy. Cẩn thận đo dung lượng từng ống theo những vạch đo bên ngoài, ông đang pha giọt kia với gần nửa cốc vại nước.

Hai giờ đồng hồ trước, bác sĩ James đã dùng cùng cái ống tiêm để bơm cùng loại hóa chất, nhưng không pha loãng, qua một lỗ khoan vào ổ khóa của cái két sắt. Với một tiếng nổ nhỏ, ông đã phá hủy cơ

chế kiểm soát sự vận hành của cái ổ khóa. Bây giờ ông dùng cùng cách thức ấy với ý đồ phá tung bộ máy một cơ thể - để tiêu hủy con tim của nó, và mỗi cơn sốc là để đoạt được món tiền hiện ra tiếp theo sau đấy. Cùng một cách thức, nhưng với mục đích khác nhau. Trong khi cách kia là sức mạnh dữ dội, cách này êm thấm hơn, bằng bàn tay không kém chết chóc nhưng được nhung gấm che đậy. Vì giọt hóa chất trogn chiếc cốc vại và trong cái ống tiêm ông đã cẩn thận rút lên bây giờ trở thành dung dịch glonoine, một chất kích thích tim rất mạnh. Vài chục phân khối có thể mở toang một cánh cửa kết sắt, chỉ bằng một lượng ít hơn năm mươi lần ông có thể làm ngưng hẳn cơ chế tinh vi vừa một mạng sống con người. Nhưng không phải làm ngưng lập tức. Ý đồ không phải là như thế. Trước hết là phải vực sự sống lên, gây hưng phấn mạnh mẽ cho mọi cơ quan và chức năng. Quả tim sẽ đáp ứng một cách dững cãm theo cơn kích thích chết người; máu trong các tĩnh mạch sẽ nhanh chóng trở về cái nguồn của nó. Nhưng, bác sĩ James đã biết rõ, sự kích thích tột độ trong cơn bệnh tim như thế này chắc chắn đem lại một cái chết, cũng chắc chắn như cái chết do một phát súng trường. Khi các động mạch đã bị nghẽn, lại bị quả tim bơm mạnh thêm máu vào do ảnh hưởng từ thứ “dầu” của giới đạo chích, chúng sẽ trở thành “đường cấm”, và suối nguồn của sự sống sẽ ngừng chảy.

Ông bác sĩ vạch trần ngực bệnh nhân đã mê man. Với thao tác dễ dàng và khéo léo, ông tiêm dung dịch hóa chất vào những bắp cơ xung quanh vùng tim. Đúng theo thói quen của cả hai cái nghề, ông cẩn thận lau khô mũi kim, luồn vào đáy sợi dây kim loại mỏng để kim không bị nghẽn khi không dùng đến. Trong vòng ba phút, Chandler

mở mắt ra và, với giọng yếu ớt nhưng rõ ràng, hỏi ai đã chăm sóc anh. Một lần nữa, bác sĩ James giải thích về sự hiện diện của ông. Người bệnh hỏi:

-Vợ tôi đâu?

-Chị ấy đang ngủ, vì mệt và lo âu. Anh muốn đánh thức chị không, ngoại trừ...

-Không...cần. Cô ấy sẽ không..., cảm ơn, đừng làm phiền cô ấy...vì tôi...

Tiếng nói của Chandler bị ngắt quãng bởi hơi thở quá gấp gáp, gấp gáp do bị một con quái vật nào đó thúc đẩy. Bác sĩ James kéo một chiếc ghế đến bên giường. Không nên để ai quấy rầy. Ông nói với giọng trầm trầm, chân thật của cái nghề kia:

-Ít phút trước, anh có đề cập đến món tiền gì đấy. Tôi không muốn chen vào chuyện riêng của anh, nhưng tôi có bổn phận khuyên anh là lo lắng khiến anh khó khỏi bệnh. Nếu anh có thể thổ lộ chuyện...để giúp tâm tư anh được thanh thản về chuyện...hai mươi nghìn đô la – tôi nghĩ đấy là con số anh nói – thì anh nên nói cho tôi nghe.

Chandler không thể lắc đầu được, nhưng có thể hướng đôi mắt về người nói:

-Tôi có nói...món tiền...ở đâu không?

-Không, anh nói tôi không nghe rõ, tôi chỉ đoán là anh lo lắng về món tiền. Nếu nó ở trong căn phòng này...

Bác sĩ James ngừng lại. Có phải ông đã thấy người bệnh chớp mắt rồi thoáng hiện ánh nghi ngờ trên nét mặt vì đã hiểu ra ý đồ của ông? Liệu ông có tỏ ra quá sốt sắng không? Liệu ông có nói quá nhiều không? Nhưng câu kế tiếp của Chandler đã vấn hồi sự tự tin của ông:

-Nó phải ở đằng kia...nhưng có phải ở trong...cái két...kia?

Với đôi mắt, anh chỉ đến một góc phòng. Bây giờ ông bác sĩ mới nhìn thấy một cái két sắt nhỏ ở đấy, bị tấm màn cửa sổ che đi một nửa. Ông đứng dậy, nắm lấy cổ tay người bệnh. Mạch nhảy dồn dập, nhưng với chút ít ngắt quãng ngắn – triệu chứng đe dọa. Ông bác sĩ nói:

-Giơ tay lên.

-Bác sĩ biết...tôi không cử động được.

Ông bác sĩ bước nhanh về cánh cửa hành lang, mở ra, nghe ngóng. Tất cả đều im lìm. Không chần chừ gì nữa, ông đi đến cái két sắt, xem xét. Kiểu cổ lỗ và đơn giản, chỉ tạo thêm chút ít an toàn đối với gia nhân ngửa tay. Với tài khéo léo của ông, đây chỉ là món đồ chơi. Xem như món tiền đã nằm sẵn trong tay ông. Với các món đồ lè, ông có thể mở cái két trong hai phút. Với cách khác, có lẽ chỉ một phút. Ông quỳ xuống sàn, ép tai vào cái ổ khóa két hợp, xoay từ từ cái chốt. Đúng như ông đã đoán, chỉ có một số khóa. Cái tai thính của ông bắt được một tiếng “cách” nhỏ, rồi ông theo đấy mà xoay cái chốt lại. Ông mở toan cánh cửa.

Phía trong cái két trống rỗng, ngay cả một mẩu giấy cũng không có. Bác sĩ James đứng dậy, bước trở lại cái giường. Một màn sương mù dày đã bao phủ lông mi của người bệnh, nhưng có một nụ cười giấu cợt trên đôi môi và đôi mắt. Anh nói một cách mệt nhọc:

-Tôi chưa từng thấy...con người hai mặt...trộm đạo và y khoa. Cái két hợp¹ có đáng tiền không, hử bác sĩ thân yêu?

Tài năng của bác sĩ James chưa bao giờ bị thử thách đến thế. Trần

ngập trong hoàn cảnh khô hạn quỷ quái, nạn nhân rơi vào tình trạng cảm thấy vừa buồn cười lẫn mệt nhọc, mà vẫn cố duy trì tính tự tôn và đầu óc sáng suốt.

-Ông tỏ ra quá...lo lắng...đến tiền. Nhưng nó không bao giờ...bị ông đe dọa...bác sĩ thân yêu à...Nó được an toàn...tuyệt đối an toàn. Nó đều ở...trong tay...bọn tổ thức cá cược. Hai chục nghìn...tiền của Amy. Tôi nường ở trường đua...thua tất. Tôi tệ hại, ông ăn trộm, xin lỗi, bác sĩ à, nhưng tôi chơi đàng hoàng. Tôi không ngờ...lại có ngày gặp...một tên đốn mặt mạ vàng như bác sĩ, xin lỗi, tên trộm này...Nếu ông cho nạn nhân, xin lỗi, bệnh nhân này một hớp nước, thì có vi phạm...đạo đức nghề nghiệp...của băng đảng ông không?

Bác sĩ James mang đến cho anh cốc nước. Anh uống không được bao nhiêu. Phản ứng của chất thuốc mạnh mẽ đã xảy đến từng đợt như sóng vỡ. Nhưng trí óc đang hấp hối của anh đang cố sức lần nữa:

-Cờ bạc...bét nhè...bùn xỉn...tôi làm hết, nhưng chưa bao giờ làm...bác sĩ kiêm trộm cắp!

Ông bác sĩ không muốn buông thả mình theo câu trả lời nào cho những châm chọc nhức nhối. Ông cúi xuống thấp để bắt lấy tia mắt của Chandler đang nhanh chóng sánh đặc, ông chỉ vào căn phòng của cô gái đang ngủ với cử chỉ nghiêm khắc khiến người bệnh phải cố gượng hết sức tàn nghiêng đầu nhìn. Anh không thấy gì, nhưng anh bắt được những tiếng sắc lạnh của ông bác sĩ, những âm thanh cuối cùng anh nghe trong đời:

-Tôi chưa bao giờ...đánh đập phụ nữ.

Hai người đối mặt nhau như thế - một kẻ sát nhân kiêm trộm đạo, đứng bên nạn nhân của hắn; kẻ kia còn hạ cấp hơn tuy phạm luật nhẹ hơn, nằm đấy, bị phỉ nhổ, trong căn nhà của cô vợ đã bị hắn hành hạ, bị tan nát cuộc đời, bị ruồng bỏ - một tên là con hổ, tên kia là chó sói; mỗi tên đều miệt thị sự độc ác của tên kia, và từ căn bã bùn lầy mỗi tên đều cố tỏ ra mình đạt tiêu chuẩn cao quý – tiêu chuẩn theo cung cách hành động nếu không phải theo danh dự con người.

Câu trả đũa của bác sĩ James hắn đã đánh trúng vào những gì còn sót lại của hồi hận và nam tính; đấy là phát súng ân huệ. Một màu đỏ vì xấu hổ lan cả khuôn mặt, hơi thở nhẹ dần và, chỉ với chút xiu cử động, Chandler thoát trần. Theo sát sau hơi thở cuối cùng là bà quản gia người da đen, mang thuốc trở về. Với bàn tay nhẹ nhàng vuốt trên mi mắt đã khép kín, bác sĩ James báo cho bà tin buồn. Không phải với nỗi khổ đau mà chỉ do thói quen di truyền cận kề với cái chết khiến bà sực sật, rồi vẫn với giọng cố hữu:

-Vậy là bây giờ có bàn tay ông Trời sắp đặt. Ông Trời xét xử người có tội, phù hộ độ trì người khổ đau. Giờ ông Trời đã phù hộ ta. Cindy này đã tận tụy hết mức mà không có lợi lộc gì.

-Theo tôi hiểu, bà Chandler không có tiền phải không?

-Tiền hả, ông bác sĩ? Ông có biết tại sao cô Amy bị té và yếu ớt như vậy không? Bị bỏ đói đó, bác sĩ à. Trong nhà này hôm rày không có thứ gì ăn ngoại trừ ít miếng bánh vụn. Mấy tháng trước cô đem nhẫn với đồng hồ của cô đi bán. Căn nhà này, với thảm đỏ và bàn viết bóng láng, đều là đi thuê, mà cái tên đó cứ căn nhẫn hoài về tiền thuê. Quỷ thần, xin lỗi, ông Trời thật là có mắt.

Sự im lặng của ông bác sĩ khuyến khích người đàn bà tiếp tục. Qua những lời lẽ lộn xộn, ông dần dà hiểu ra. Câu chuyện xưa như trái đất, câu chuyện về ảo ảnh, ngang tang, đại họa, tàn nhẫn và tự trọng. Dần dần ông nhìn ra các hình ảnh – quang cảnh một ngôi nhà lý tưởng tận miền Nam xa xôi, một cuộc hôn nhân với hối tiếc nhanh chóng, một mùa trong năm trôi qua không hề có hạnh phúc mà chỉ đầy những bê tha và hành hạ, và, cuối cùng, khoản tiền do di chúc để lại nhưng bị tên chồng lòng lang dạ sói thu giữ và tiêu phí trong hai tháng vắng mặt khỏi nhà, rồi đến một đêm khuya hấn lét về say khướt. Chen vào đấy là tình thương giản đơn, nhẫn nhục, thuần khiết của bà quản gia người da đen, luôn luôn theo chân cô chủ không sờn bước để cùng nhau chịu đựng mọi nỗi niềm cho đến lúc cuối.

Khi cuối cùng bà ngưng lại, ông bác sĩ hỏi bà trong nhà có whisky hoặc thứ rượu gì khác không. Bà cho biết còn nửa chai cô-nhắc của tên chó sói uống dở dang. Ông bảo bà:

-Pha ít rượu như tôi đã nói. Đánh thức cô chủ dậy, cho cô ấy uống, rồi bá otin cho cô ấy biết.

Khoảng mười phút sau, bà Chandler bước vào, được nâng đỡ trong vòng tay của Cindy, trông khá hơn sau giấc ngủ và chút rượu ấm. Bác sĩ James đã lấy một tấm vải đậy cái thân người trên giường. Cô đảo đôi mắt tang tóc qua đây một lần, tia nhìn nửa sợ hãi, nép mình thêm vào người che chở cho cô. Đôi mắt cô khô và sáng. Nỗi đau buồn dường như đã đến cùng cực. Không còn nước mắt, cảm giác tự nó đã tê liệt.

Bác sĩ James đứng gần cái bàn, ông đã mặc lại áo choàng, chiếc mũ và cái hộp y khoa trên tay. Gương mặt ông trầm lặng, không cảm giác – nghề nghiệp đã khiến ông không còn xúc cảm đối với đau khổ của con người. Chỉ có đôi mắt nâu của ông biểu lộ niềm thông cảm kín đáo theo nghề nghiệp. Ông nói từ tốn và ngắn gọn là, vì đã quá khuya và không còn có thể giúp gì được, ông sẽ gửi người đến lo những thủ tục cuối cùng. Ông chỉ vào cái kết sắt với cánh cửa mở toang:

-Còn một việc để kết thúc, chị Chandler ạ. Chồng chị, trước khi qua đời đã biết mình không qua khỏi, nên cho tôi biết con số của khóa kết hợp, nhờ tôi mở cái kết sắt này. Trong trường hợp chị cần dùng nó, chị nên nhớ con số bốn mươi một. Xoay ít vòng về phía tay phải, rồi xoay về tay trái một lần, dừng lại ở số bốn mươi một. Anh ấy không cho phép tôi đánh thức chị, dù phút cuối đã gần kề. Anh ấy bảo trong kết sắt anh ấy có một món tiền, không lớn lắm, nhưng đủ để chị thực hiện lời yêu cầu cuối cùng của anh. Đây là: chị nên trở về ngôi nhà cũ của chị, và sau đấy, khi thời gian đã giúp chị nguôi ngoai, chị hãy tha thứ cho những tội lỗi của anh ấy.

Ông chỉ về cái bàn, trên đấy là một xấp giấy bạc xếp thẳng thớm, với hai chồng đồng tiền vàng.

-Món tiền ở đây, tám trăm ba mươi đô. Tôi xin để lại danh thiếp, trong trường hợp chị cần tìm đến tôi sau này.

Thế là, cuối cùng anh đã nghĩ đến cô, một cách nhân hậu. Quá muộn! Tuy thế, lời nói dối đã nhóm lại trong cuộc đời cô một tia lửa dịu dàng cuối cùng khi cô nghĩ tất cả đã thành tro bụi. Cô khóc òa lên

“Rob! Rob!”. Cô quay người, nép vào lòng bà quản gia trung hậu, với những dòng nước mắt pha loãng nỗi thảm sầu. Trong những năm về sau, lời dối trá của tên sát nhân tỏa sáng như một ngôi sao nhỏ trên nắm mồ của tình yêu, an ủi cô, nhận được sự tha thứ - như thế cũng tốt dù đã có xin tha thứ hay không.

Được an ủi vãn về như một đứa trẻ, với niềm cảm thương lấp bắp từ bà quản gia, cuối cùng cô ngẩng đầu lên, nhưng ông bác sĩ đã ra đi.

O. Henry

Con người phóng đãng

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh: The dissipated jeweler

Bạn sẽ không tìm thấy cái tên Thomas Keeling trong danh bạ thành phố Houston. Bây giờ có thể có, nếu ông Keeling đã không đóng cửa cơ sở làm ăn của ông khoảng một tháng trước và dời đi nơi khác. Ông Keeling dời đến Houston khoảng thời gian ấy và mở một văn phòng thám tử tư nhỏ. Ông cung ứng dịch vụ thám tử theo cung cách khiêm tốn. Ông không có tham vọng cạnh tranh với hang Pinkerton, nhưng thích làm việc trong những lĩnh vực ít rủi ro hơn.

Nếu một ông sếp muốn kiểm tra những thói quen của người thư ký, hoặc một bà vợ muốn nhòm ngó ông chồng quá trắng hoa, ông Keeling là người lĩnh nhiệm vụ. Ông là người trầm tĩnh, chăm chỉ với nhiều lý thuyết. Ông đọc các tác giả Gaboriau và Conan Doyle, và hy vọng một ngày ông sẽ có vị trí cao hơn trong nghề của mình. Ông giữ một chân thấp kém trong một văn phòng thám tử lớn ở miền Đông, nhưng vì chậm được đề bạt, ông quyết định dời đến miền Tây, nơi mà nghề nghiệp ông ít bị cạnh tranh hơn.

Trong vài năm ông đã dành dụm được 900 đô mà ông ký gửi trong két sắt của một thương gia do một người bạn ở Houston giới thiệu. Ông thuê một căn phòng nhỏ ở tầng lầu, trên một con đường hẻo lánh, treo một tấm biển cho biết loại dịch vụ, rồi vùi đầu vào trong mấy mẩu chuyện Sherlock Holmes của Doyle trong khi chờ thân chủ tìm đến.

Một thân chủ đến gặp ông sau ba ngày ông khai trương văn phòng vốn chỉ có một mình ông. Đây là một phụ nữ trẻ, khoảng 26 tuổi. Cô người mảnh mai, khá cao, ăn mặc lịch sự. Cô mang một khăn che mặt mỏng, và vén lên trên chiếc mũ rơm sau khi đã ngồi xuống ghế. Cô có gương mặt thanh tú, tao nhã, với đôi mắt xám khá linh động, và cử chỉ có phần lo lắng.

Cô nói, với giọng ngọt ngào nhưng có phần buồn rầu:

-Thưa ông, tôi đến tìm ông vì ông là người tương đối xa lạ, và tôi không thể bàn chuyện riêng tư với những người bạn của tôi. Tôi muốn ông theo dõi những hành động của chồng tôi. Mặc dù nhục nhã phải khai sự thật, tôi e rằng anh ấy không còn yêu thương tôi nữa. Trước khi tôi kết hôn với anh ấy, anh say mê một cô gái trẻ có liên hệ với gia đình nơi anh ở trọ. Chúng tôi đã cưới nhau được năm năm và sống rất hạnh phúc, nhưng gần đây cô gái trẻ đã dời đến Houston, và tôi có lý do để tin rằng anh ấy đang chú ý đến cô. Tôi nhờ ông theo dõi sát sao theo cách có thể được những hành động của anh ấy và báo cáo với tôi. Tôi sẽ đến đây cách hai ngày một lần theo giờ định trước để biết những gì ông đã phát hiện ra. Tên tôi là

bà R—, và chồng tôi là người có tiếng tăm. Ông ấy có một hiệu kim hoàn nhỏ ở đường -- . Tôi sẽ chi trả xứng với dịch vụ của ông, và đây là 20 đô để bắt đầu.

Người phụ nữ trao cho ông tờ giấy bạc, và ông tiếp nhận một cách thờ ơ như thể những việc như thế này là chuyện bình thường, rất thường trong nghề nghiệp của ông. Ông cam đoan với bà rằng ông sẽ thực hiện ý muốn của bà một cách trung thành, và yêu cầu hai ngày sau bà trở lại lúc bốn giờ chiều để nghe báo cáo đầu tiên.

Ngày kế, ông Keeling dò hỏi về những điều liên quan đến công tác. Ông tìm ra hiệu kim hoàn, và đi vào giả vờ nhờ siết lại bộ phận thủy tinh trong chiếc đồng hồ đeo tay của ông. Chủ cửa hiệu, ông R—, khoảng 45 tuổi, có tư thái trầm tĩnh và cách thức làm việc rất chăm chỉ. Cửa hiệu nhỏ, nhưng bán hàng loại tốt và có nhiều chủng loại kim cương, nữ trang và đồng hồ. Hỏi han thêm thì được biết rằng ông R— là người có tư cách đứng đắn, không bao giờ uống rượu, và luôn luôn làm việc bên quầy nữ trang của ông.

Ngày hôm ấy, ông Keeling lơ đãng trong vài giờ quanh cánh cửa của hiệu kim hoàn, và cuối cùng nỗ lực của ông được đền đáp khi ông thấy một phụ nữ trẻ, ăn mặc lòe loẹt với mái tóc đen, đôi mắt huyền, bước vào cửa hiệu. Ông Keeling nhàn nhã đi đến gần cánh cửa nơi ông có thể quan sát những gì xảy ra bên trong. Người phụ nữ bước một cách tự tin đến phía sau hiệu kim hoàn, dựa vào mặt quầy và trò chuyện thân mật với ông R—. Ông đứng dậy, và hai người trao đổi nho nhỏ với nhau trong vài phút. Cuối cùng, ông chủ kim hoàn trao cho cô ít tiền đồng, mà ông Keeling nghe tiếng leng

keng khi cô đón nhận vào lòng bàn tay. Rồi người phụ nữ đi ra và bước nhanh về cuối phố

Thân chủ ông Keeling trở lại văn phòng ông theo đúng hẹn. Cô bồn chồn muốn biết liệu ông có thấy điều gì giúp mình chứng cho sự nghi ngờ của cô. Ông thám tử thuật cho cô nghe những gì ông đã thấy. Sau khi nghe ông mô tả người phụ nữ trẻ đi vào hiệu kim hoàn, cô nói:

-Đúng là nó rồi. Cái đứa vô liêm sỉ, thật cả gan! Và như thế là Charles còn đưa tiền cho nó. Nghĩ mà xem, chuyện đã xảy ra đến thế này!

Người phụ nữ cầm chiếc khăn tay chấm đôi mắt theo cách bị xúc động.

Ông thám tử hỏi:

-Bà R—, bà muốn như thế nào trong việc này? Bà muốn tôi dò hỏi đến đâu?

-Tôi muốn tận mắt nhìn đủ bằng cứ để thuyết phục điều mà tôi nghi ngờ. Tôi cũng muốn có nhân chứng, để tôi có thể làm đơn xin ly dị. Tôi không muốn tiếp tục cuộc sống như thế này.

Rồi cô trao cho ông tờ giấy mười đô.

Hai ngày sau, khi cô trở lại văn phòng ông Keeling, ông báo cáo:

-Chiều nay tôi đến hiệu kim hoàn với lý do vụn vặt. Cô ấy đã đến đấy, nhưng không ở lại lâu. Trước khi đi, cô ấy nói: “Charles, chúng mình sẽ dùng bữa ăn nhẹ vui nhộn tối nay như anh đề nghị, rồi chúng mình sẽ trở về cửa hiệu mà trò chuyện trong khi anh làm xong cây kim gài đính kim cương mà không bị ai quấy rầy”. Bà R— ạ, tôi nghĩ

tối nay sẽ là dịp tốt để bà chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa chồng bà và đối tượng khiến chồng bà điên đảo, và tâm tư bà sẽ mãn nguyện được biết vụ việc ra thế nào.

Người phụ nữ kêu lên với đôi mắt lấp lánh:

-Khốn khiếp! Anh ấy bảo tôi rằng anh ấy sẽ có việc quan trọng phải làm cho xong tối nay. Và đây là cách anh ấy sử dụng thì giờ mà không có tôi!

Ông thám tử nói:

-Tôi đề nghị bà ẩn mình trong cửa hiệu để bà có thể nghe những gì họ nói, và khi bà đã rõ chuyện bà có thể gọi nhân chứng vào cho họ đối diện với ông ấy.

Cô đáp:

-Ý kiến hay. Tôi nghĩ có một ông cảnh sát, mà gia đình chúng tôi quen biết, có nhiệm vụ tuần tra khu vực xung quanh cửa hiệu. Do nhiệm vụ, ông ấy sẽ có mặt trong khu vực này vào buổi tối. Tại sao ông không đến gặp ông ấy, giải thích về vụ việc và khi tôi đã nghe đủ bằng chứng, ông dẫn ông ấy đến để cả hai ông làm nhân chứng?

Ông thám tử nói:

-Tôi sẽ trình bày với ông ấy, và thuyết phục ông ấy giúp chúng ta. Xin bà trở lại đây trước khi trời tối, để chúng ta có thể dàn xếp đặt bẫy họ.

Ông thám tử đi săn lùng người cảnh sát và giải thích cho ông biết tình hình. Nhà bảo vệ pháp luật nói:

-Buồn cười thật. Tôi không hề biết ông R— là con người phóng đảng. Nhưng rồi, ta không bao giờ hiểu rõ về ai được. Thế là bà vợ ông muốn bắt quả tang ông tối nay. Xem nào, bà muốn ẩn mình trong

cửa hiệu và nghe họ nói gì. Có một căn phòng nhỏ phía sau cửa hiệu, nơi ông R— chất than và bao bì cũ. Dĩ nhiên là cánh cửa giữa bị khóa, nhưng nếu ông có cách đưa bà qua cánh cửa này, bà có thể ẩn mình đâu đấy. Tôi không muốn dính dáng đến những chuyện như thế này, nhưng tôi thông cảm với bà. Tôi và bà quen nhau từ thuở còn bé nên tôi không nề hà gì mà không giúp bà làm điều bà muốn. Vào khoảng chạng vạng tối hôm ấy, thân chủ của nhà thám tử đi vội vã đến văn phòng của ông. Cô ăn mặc giản dị trong màu đen và đội một chiếc mũ tròn màu sẫm và khuôn mặt được bao phủ bởi một tấm mạng. Cô giải thích:

-Nếu Charlie có trông thấy tôi, anh ấy sẽ không nhận ra tôi.

Ông Keeling và người phụ nữ đi bộ dọc con đường đối diện hiệu kim hoàn, và khoảng tám giờ tối cô gái trẻ mà họ đang quan sát bước vào cửa hiệu. Ngay sau đấy, cô đi ra cùng ông R—, ôm lấy cánh tay ông, và họ bước đi vội vã, hẳn là về phía nhà hàng để ăn tối.

Nhà thám tử cảm thấy cánh tay người phụ nữ kề bên ông run rẩy. Cô nói:

-Khốn khiếp! Anh ta nghĩ tôi đang vô tư trông chờ anh ta ở nhà trong khi anh ta đang lả lướt với con ranh điệu nghệ đầy mưu đồ ấy. Ôi, hạng đàn ông phản bội!

Ông Keeling đưa người phụ nữ đi qua một hành lang mở dẫn đến sân sau của hiệu kim hoàn. Cánh cửa của căn phòng sau không được khóa, và họ cùng bước vào.

Bà R— nói:

-Trong nhà kho, gần cái quầy làm việc của chồng tôi là một cái bàn rộng, với khăn trải bàn phủ xuống đến sàn nhà. Nếu tôi có thể chui xuống dưới cái bàn này, tôi có thể nghe mọi điều họ nói với nhau.

Ông Keeling lấy ra một chum chìa khóa vạn năng và trong vài phút đã tìm ra một chìa có thể mở cánh cửa đi vào hiệu kim hoàn. Một ngọn đèn khí đốt được vặn thật thấp.

Người phụ nữ bước vào bên trong và dặn dò:

-Tôi sẽ gài chốt cửa bên trong, và tôi muốn ông đi theo dõi chồng tôi và cô ấy. Nhìn xem họ có ăn tối với nhau không, và nếu có, khi họ bắt đầu trở về, ông trở về đây báo tin cho tôi hay bằng cách gõ cánh cửa ba lần. Sau khi tôi đã nghe đủ câu chuyện họ nói với nhau, tôi sẽ mở chốt cửa, và chúng ta sẽ đối diện với cặp tội phạm. Tôi có thể cần ông bảo vệ tôi, vì tôi không biết họ có thể làm gì tôi.

Nhà thám tử nhẹ nhàng bước ra ngoài và đi theo ông chủ kim hoàn cùng cô gái. Chẳng bao lâu sau ông thấy họ đã chọn một phòng ăn riêng trong một nhà hàng và gọi thức ăn tối. Ông nán lại ở đấy cho đến khi họ trở ra, rồi vội vã quay trở về hiệu kim hoàn, bước vào căn phòng phía sau, và gõ cánh cửa ba lần.

Vài phút sau, ông chủ kim hoàn cùng cô gái bước vào, và nhà thám tử trông thấy ánh sáng soi rõ hơn qua một kẽ nứt trên cánh cửa. Ông có thể nghe hai người chuyện trò với nhau một cách thân mật và không ngừng nghỉ, nhưng không thể nghe ra họ đang nói những gì. Ông rón rén vòng ra ngoài con đường, nhìn qua khung cửa sổ, và có thể thấy ông R— đang làm việc ở cái quầy của ông, trong khi cô gái tóc đen ngồi kế bên và trò chuyện với ông.

Ông Keeling nghĩ ông sẽ cho họ thêm ít thời gian, rồi ông đi dọc theo con đường. Người cảnh sát đang đứng ở góc phố.

Nhà thám tử cho ông hay rằng bà R— đang ẩn mình trong hiệu kim

hoàn, và mưu kế đang diễn tiến tốt đẹp. Ông nói:

-Bây giờ tôi lui về phía sau, để chuẩn bị sẵn sàng khi bà ấy cho họ sập bẫy.

Người cảnh sát bước trở lại cùng ông, và nhìn qua khung cửa sổ.

Ông nói:

-Xem chừng họ đã dàn hòa với nhau tốt đẹp trở lại. Còn người phụ nữ kia đâu?

Nhà thám tử ngạc nhiên:

-Sao thế? Cô ta đang ngồi kế bên ông ấy.

Người cảnh sát thêm:

-Tôi đang nói đến cái cô mà ông R— dẫn đi ăn tối.

Nhà thám tử nói:

-Tôi cũng thế.

Người cảnh sát phân trần:

-Dường như anh đã nhầm lẫn. Anh có biết người ngồi cạnh ông R— là ai không?

-Đấy là người đi ăn tối với ông ấy.

-Đấy là bà vợ của ông R—. Tôi quen biết bà ấy đã mười lăm năm rồi.

Nhà thám tử há hốc:

-Thế thì, ai—? Chúa ơi, thế thì ai đang ẩn mình dưới cái bàn?

Ông Keeling bắt đầu đá cánh cửa của hiệu kim hoàn. Ông R— bước ra và mở cửa. Người cảnh sát và nhà thám tử bước vào.

Nhà thám tử hét lên:

-Khám xét dưới cái bàn, nhanh lên.

Người cảnh sát vén tấm khăn trải bàn lên và lôi ra một chiếc áo đen, một tấm mạng che mặt và một bộ tóc giả phụ nữ.

Ông Keeling chỉ đến người phụ nữ trẻ có đôi mắt đen đang nhìn họ

với vẻ kinh ngạc tốt độ, hỏi:

-Bà đây có phải là v-v-vợ của ông không?

Ông chủ kim hoàn đáp:

-Chắc chắn rồi. Bây giờ, làm ơn giải thích ông làm cái quái gì mà khám xét dưới mấy cái bàn của tôi và đá cánh cửa của tôi?

Người cảnh sát bắt đầu nhận định tình hình:

-Để xem xét giả chân

Các nhẫn kim cương và đồng hồ bị mất trị giá lên đến 800 đô, và ngày hôm sau ông Keeling thanh toán hóa đơn.

Tối hôm ấy, họ giải thích mọi việc cho ông chủ kim hoàn hiểu, và một giờ sau ông Keeling ngồi trong văn phòng của mình xem qua tập ảnh của những tên lừa đảo. Cuối cùng ông đã tìm ra một bức ảnh, ông dừng tay lật tìm mà vô đầu bứt tóc. Dưới tấm ảnh của một anh trai trẻ có gương mặt mịn màng với những đường nét thanh tú, là câu mô tả như sau:

“JAMES H. MIGGLES, bí danh Simon Lừa, bí danh Quả phụ khóc, bí danh Kate bịp, bí danh Jimmy Xoáy, kẻ lừa đảo và trộm cắp. Thường giả dạng phụ nữ. Ăn nói rất khéo và nguy hiểm. Bị truy nã ở Kansas City, Oshkosh, New Orleans và Milwaukee.”

Vì thế mà ông Thomas Keeling không tiếp tục dịch vụ thám tử tư ở Houston.

O. Henry

Cú sốc trường giả

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh :The shocks of dooms

Vẫn có tầng lớp quý tộc trong số các khu công viên và những người vô gia cư vô nghề nghiệp sử dụng các công viên này làm nơi ăn chốn ở riêng tư. Vallance chỉ cảm nhận như thế chứ không biết rõ, nhưng khi anh bước ra ngoài khỏi thế giới của anh đi xuống dòng đời bát nháo, hai chân anh đưa anh thẳng đến quảng trường Madison.

Non nớt và khắc khổ như con gái học trò – đây là nói đến học trò lớp cao – ngọn gió đầu tháng Năm đang thổi một cách dè xẻn qua cây cối đang đâm chồi nảy lộc. Vallance cài lại cúc áo choàng, đốt điều xì-gà cuối cùng của anh, ngồi xuống một băng ghế. Trong vòng ba phút, anh cảm thấy có phần tiếc rẻ. Rồi thì anh lần mò tất cả túi trong túi ngoài mà không tìm ra một xu teng nào cả. Anh đã trả lại căn phòng mà anh đang thuê. Các món nội thất bị dùng để xiết một vài món nợ nào đấy. Quần áo của anh, ngoại trừ bộ mà anh đang mặc, đã bị anh giúp việc tịch thu để trừ vào tiền lương chưa trả. Khi anh ngồi như thế, cả thành phố không hề có một chiếc giường cho anh đặt mình xuống ngủ, hoặc một con tôm hùm luộc hoặc một khoản

tiền taxi hoặc là một đóa hoa cắm chượng để cài lên ve áo, trừ phi anh ăn chục bạn bè của anh hoặc là có trò giả vờ dối trá nào đấy. Thế là anh phải chọn giải pháp công viên.

Tất cả những việc này là do một ông chú đã từ chối quyền thừa kế của anh, giảm chu cấp tiền túi của anh từ mức độ rộng rãi xuống con số không. Và tất cả đấy là do đứa cháu trai của ông đã cãi lời ông về việc liên quan đến một cô gái. Cô này không đi vào câu chuyện kể ở đây – vì thế, vị độc giả nào đang hăm hở trông chờ thì được cảnh báo là không nên đọc tiếp. Có một người cháu khác, thuộc một nhánh khác trong gia tộc, người đã có thời được xem như có triển vọng kế thừa, được xem như là sáng giá và được sủng ái. Rồi thì, vì không thấy có hy vọng gì, anh ta đã biến mất từ lâu. Giờ người ta đang săn lùng anh ta, để phục hồi và đưa anh vào cương vị cũ. Thế là Vallance cảm thấy mình vĩ đại như ma vương ở vực thẳm sâu nhất, cuối cùng rồi gia nhập đám quỷ rách rưới tả tơi trong khu công viên nhỏ.

Ngồi ở đấy, anh dựa ngửa ra sau, cười ra một luồng khói thuốc bay lên những nhánh cây la đà. Việc anh bị thành linh cắt đứt mọi sợi dây của đời sống đã mang lại cho anh sự phấn chấn không tốn kém, hồi hộp, gần như sảng khoái. Anh thấy đúng như là cảm giác của người lái khinh khí cầu khi cắt rời cái dây và để cho quả cầu bay đi.

Đã gần đến mười giờ. Không còn mấy người nán lại ở các băng ghế. Những người ngụ cư ở công viên, dù đã chiến đấu can trường với khí trời se lạnh mùa thu, lại quá chậm chạp chống lại tiền đạo lạnh

lễo mùa đông.

Rồi có một người ngồi gần vòi phun nước đứng dậy, đi đến ngồi kế bên Vallance. Anh ta không trẻ và cũng không già, những phòng cho thuê đã ướp anh mùi ẩm mốc, dao cạo và lược đã bỏ rơi anh, trong anh rượu đã được vô chai và đóng nút. Anh xin một que diêm, đấy là nghi thức của những người ngồi trong công viên giới thiệu về mình, rồi anh bắt đầu chuyện trò.

Anh bảo Vallance:

-Anh không phải là người thường xuyên ở đây. Khi tôi nhìn quần áo đặt may là tôi biết ngay. Anh chỉ ghé qua đây trên đường đi qua công viên. Anh không phiền hà cho tôi trò chuyện với anh một chút chứ? Tôi cần có ai đấy. Tôi sợ, tôi sợ lắm. Tôi đã nói như thế với hai, ba kẻ vô công rồi nghề đăng kia. Họ bảo tôi điên. Này, để tôi nói anh nghe, cả ngày hôm nay tôi chỉ ăn có một ít mẩu bánh và một quả táo. Sáng ngày mai, tôi sẽ được kế thừa ba triệu, và cái nhà hàng anh nhìn thấy đằng kia sẽ trở nên quá nghèo hèn không đáng cho tôi bước vào. Có lẽ anh không tin tôi phải không?

Vallance cười:

-Không hề gì cả. Hôm qua tôi ăn trưa ở đấy. Tối nay tôi không thể mua nổi một cốc cà phê đáng giá 5 cent.

-Anh trông không giống bọn tôi ở công viên này. À, tôi đoán sự đời là như thế. Chính tôi đã từng có thời phong lưu – đấy là năm năm về trước. Điều gì đã khiến anh đến nông nổi này?

-Tôi...à, tôi bị mất việc.

-Địa ngục trần gian, cái thành phố này! Một ngày anh ăn uống ở bên Tàu, ngày kế anh ăn uống với đồ sứ Tàu – mấy món đồ sứ nứt nẻ. Tôi đã qua mọi cảnh khốn cùng. Trong năm năm qua, tôi chỉ khá hơn

bọn hành khát một chút. Tôi được nuôi lớn lên trong cảnh xa hoa, không cần làm gì cả. Này anh...tôi không nề hà gì mà không kể cho anh nghe...tôi cần thổ lộ cho ai đấy, anh thấy chứ, vì tôi, tôi sợ lắm. Tên tôi là Ide. Chắc anh không ngờ ông già Paulding, một trong mấy triệu phú ngụ tại Riverside Drive, là ông chú của tôi, phải không? Ông đúng là chú tôi đấy. Có thời gian tôi ở với ông ấy, lúc ấy tôi muốn có bao nhiêu tiền cũng được. À này, anh có đủ tiền trả ít rượu không anh...à, tên anh là gì?

-Dawson. Không, rất tiếc phải nói là tôi đã cạn túi.

-Cả tuần nay tôi sống trong một tầng hầm chứa than ở phố Divison, với một tên lừa đảo tên Morris, biệt danh "Blinky". Tôi không biết đi đâu khác. Hôm nay khi tôi đi ra ngoài, một ông cầm mấy thứ giấy tờ gì đấy đến tìm tôi. Tôi cứ nghĩ đấy là cớm, nên đến tối tôi mới dám mò về. Ông ấy để lại một bức thư cho tôi. Đấy là từ một luật sư nổi tiếng ở trung tâm thành phố tên là Mead. Tôi đã thấy biển hiệu văn phòng ông ở phố Ann. Paulding muốn tôi lại là đứa cháu hoang tàn của ông – muốn tôi trở về để lại làm người thừa kế của ông và đốt tiền của ông. Tôi sẽ đến văn phòng luật sư lúc mười giờ sáng ngày mai để trở về với cương vị của tôi – người kế thừa ba triệu, anh Dawson ạ, với 10.000 tiền túi mỗi năm. Và...tôi sợ, tôi sợ lắm.

Anh vô gia cư nhảy đồng lên, đưa hai tay run rẩy ôm lấy đầu. Anh ôm lấy đầu và rên rỉ cuồng loạn.

Vallance nắm lấy cánh tay anh ta, kéo anh ngồi xuống băng ghế. Anh ra lệnh với vẻ gì đấy như là khinh miệt:

-Anh im đi. Người ta có thể ngỡ là anh đã đánh mất một gia tài, thay vì được thừa hưởng một gia tài. Anh sợ gì thế?

Ide co rúm lại và run lẩy bẩy trên băng ghế. Anh nín lấy tay áo

Vallance, và ngay cả trong ánh sáng mờ mờ của Broadway, anh chàng bị truất quyền thừa kế vẫn thấy trên long mày của người kia những giọt mồ hôi lóng lánh do nỗi kinh hãi lạ lùng nào đấy đã chất ra.

-Tại sao à? Tôi sợ sẽ có chuyện gì đấy xảy ra cho tôi trước giờ sáng mai. Tôi không rõ là chuyện gì đấy ngăn cản tôi nhận số tiền thừa kế. Tôi sợ một cây to sẽ đổ xuống người tôi...tôi sợ một chiếc ô tô sẽ cán lên người tôi, hoặc là một tảng đá từ trên một tòa nhà rơi xuống đầu tôi, hoặc là sự cố gì đấy. Trước đây tôi chưa từng sợ như thế này bao giờ. Cả trăm buổi tối tôi đã từng ngồi trong công viên vững như thạch bàn mà không rõ bữa điểm tâm kế tiếp sẽ từ đâu đến. Nhưng bây giờ lại khác hẳn. Tôi yêu tiền, anh Dawson ạ, tôi cảm thấy hạnh phúc tuyệt trần khi tiền chảy qua giữa mấy ngón tay tôi, thiên hạ đang cúi gập người trước mặt tôi, với âm nhạc và hoa và quần áo sang trọng đầy rẫy chung quanh. Nếu tôi biết tôi không có gì cả, tôi không màng. Tôi cảm thấy hạnh phúc ngay cả khi ngồi đây với áo quần rách rưới và dạ dày lép kẹp, nghe tiếng nước róc rách từ cái vòi phun nước và ngắm nhìn mấy chiếc xe ngựa sang trọng chạy trên đại lộ. Nhưng bây giờ tiền của lại ở trong tay tôi – gần như thế - và tôi không thể chịu được thời gian chờ đợi trong mười hai giờ đồng hồ, anh Dawson ạ, tôi không thể chịu được. Có cả năm mươi chuyện có thể xảy đến với tôi...tôi có thể trở thành đui mù...tôi có thể lên cơn đau tim...ngay tận thế xảy ra trước khi tôi có thể...

Ide đứng bật dậy, hét lên một tiếng inh ỏi. Thiên hạ ngồi quanh đấy xao động, bắt đầu nhìn anh. Vallance nắm lấy cánh tay anh, dỗ dành:

-Anh đi dạo một vòng, cố trấn tĩnh lại. Không có gì phải phấn khích hoặc sợ hãi. Sẽ không có gì xảy đến với anh cả. Đêm nay cũng

giống như mọi đêm khác.

-Được rồi. Anh Dawson, anh ở đây với tôi – anh là người bạn tốt của tôi. Anh đi dạo với tôi một chút. Trước đây tôi chưa bao giờ hoảng loạn như thế này, mà đây là tôi đã từng chịu nhiều cú kinh hoàng. Anh bạn già, anh có thể xoay sở được ít thứ gì để ăn không? Tôi nghĩ rằng thần kinh tôi quá yếu nên không thể làm hành khát được. Vallance dẫn người đồng hành của anh lên gần đến Đại lộ Số Năm, rồi đi về hướng Tây dọc theo các đường Ba Mươi về phía Broadway. Anh bảo: “Chờ tôi ở đây trong vài phút”, rồi để Ide đứng chờ trong bóng tối ở một nơi yên tĩnh.

Anh bảo người đứng ở quầy:

-Jimmy, có một tên khốn khổ đang đứng bên ngoài, bảo là hấn đói, mà có vẻ đúng thế. Bạn biết họ sẽ làm gì nếu bạn cho tiền họ. Làm cho anh ta một ít bánh mì dồn thịt, rồi tôi đảm bảo hấn sẽ phải ăn.

-Được, ông Vallance. Chắc họ không giả vờ đâu. Không thích thấy ai bị đói kém.

Anh gói phần thức ăn hào phóng vào một tấm giấy lau miệng.

Vallance mang ra cho người đồng hành của anh. Ide ăn ngấu ngiến.

Anh ta nói:

-Cả năm nay tôi chưa có bữa ăn nào ngon đến thế này. Dawson, anh không ăn một tí à?

-Cảm ơn, tôi không đói.

-Chúng ta sẽ trở về công viên Square. Ở đấy mấy tên cớm sẽ không phiền nhiễu ta. Tôi sẽ để dành phần bánh và thịt nguội này cho bữa ăn sáng. Tôi không ăn nữa, tôi sợ tôi sẽ bị bệnh. Giả sử đêm nay tôi bị vọp bẻ hoặc chuyện gì đấy, rồi sẽ chẳng bao giờ được sờ đến món tiền ấy nữa. Còn đến mười một giờ đồng hồ mới đến lúc gặp

ông luật sư ấy. Dawson, anh sẽ không bỏ tôi mà đi chứ? Tôi sợ có gì đấy xảy ra. Anh không phải đi đâu hết, phải không?

-Không, tôi không đi đâu cả đêm nay. Tôi sẽ bên anh ở băng ghế công viên.

-Anh có vẻ điềm tĩnh quá, nếu đúng như anh nói với tôi. Tôi nghĩ một người vừa bị mất một việc làm trả lương khá thì phải vò đầu bứt tóc.

Vallance cười:

-Tôi đã kể cho anh nghe rồi. Tôi vẫn nghĩ là một người đang chờ đón một gia tài ngày hôm sau đáng lẽ phải cảm thấy thoải mái và trầm lặng.

Ide triết lý:

-Dù sao cách con người đón nhận sự việc kể cũng kỳ khôi. Băng ghế của anh ở đây, Dawson, sát bên cái băng của tôi. Ở đây anh không bị ánh sáng chiếu vào mắt. Này, Dawson, khi tôi về nhà, tôi sẽ xin ông già viết thư giới thiệu anh với ai đấy để nhận anh vào làm. Tối nay anh đã giúp tôi rất nhiều. Tôi không nghĩ tôi sẽ qua khỏi đêm nay nếu không có anh.

-Cảm ơn. Ở đây anh ngủ ngồi hay là nằm?

Trong nhiều giờ, Vallance nhìn xuyên qua các cành lá, hazy như không nháy mắt, trông lên các vì sao, lắng nghe tiếng vó ngựa gõ sắc lẹm trên mặt biển trắng nhựa về phía nam. Đầu óc anh vẫn linh hoạt nhưng mọi cảm giác của anh đã im lìm. Mọi cảm xúc dường như đã bị xóa tan. Anh cảm thấy không hối tiếc, không sợ hãi, không đau đớn hoặc khó chịu. Ngay cả khi anh nghĩ về cô gái, đấy như thể là một cư dân ngụ trên một trong những vì sao xa tắp anh đang ngắm nhìn. Anh nhớ đến những trò hề phi lý của người bạn đồng hành và cười nhẹ, tuy thế vẫn có ý cợt đùa. Chẳng bao lâu sau, đội

quân những xe goòng giao sữa hàng ngày đã biến cả thành phố thành một mặt trống mà theo đấy họ đều nhịp bước. Vallance thiếp ngủ trên băng ghế công viên không có chút tiện nghi nào.

Vào mười giờ sáng hôm sau, cả hai đứng trước cánh cửa văn phòng Luật sư Mead trên phố Ann.

Khi sắp đến giờ hẹn, thần kinh của Ide chưa bao giờ bị giao động đến thế, và Vallance không đành bỏ mặc anh ta làm mối cho những mối nguy hiểm mà anh ta kinh sợ.

Khi cả hai bước vào văn phòng, Luật sư Mead ngõ ngàng nhìn họ. Ông và Vallance là bạn cũ. Sau câu chào hỏi, ông quay sang Ide, lúc ấy mặt đang tái nhợt, chân run lẩy bẩy trước cơn khủng hoảng sắp xảy ra. Ông nói:

-Anh Ide, tôi qua tôi đã gửi lá thư đến địa chỉ của anh. Sáng nay tôi nghe nói là anh không có mặt ở đấy để tiếp nhận lá thư. Đây là để báo tin cho anh rõ rằng ông Paulding đã xét lại ý định của ông về việc cho anh hưởng quyền thừa kế. Ông ấy đã quyết định không làm như thế, và muốn anh hiểu rằng sẽ không có sự thay đổi nào trong mối liên hệ giữa ông ấy và anh.

Ide thỉnh linh không còn run rẩy nữa. Gương mặt anh trở lại hồng hào, anh đứng thẳng người lên. Cầm anh vươn ra phía trước một tí, mắt anh rạng sáng lên. Một tay anh chỉnh lại chiếc mũ đã nhàu nát, tay kia vươn ra về phía ông luật sư. Anh thở một hơi dài, rồi cười phá lên một cách nhạo báng. Anh nói lớn, rõ ràng:

-Bảo ông già Paulding là ông có thể chơi với quỷ sứ.

Rồi anh quay người đi ra khỏi văn phòng với bước chân vững chãi và nhanh nhẹn.

Luật sư Mead mỉm cười. Ông từ tốn:

-Tôi rất vui anh đã đến đây. Ông chú của anh muốn anh trở về nhà lập tức. Ông ấy nhìn nhận là ông đã có quyết định quá hấp tấp, và muốn nói là mọi việc sẽ như là...

Luật sư ngưng bật, và lớn tiếng kêu người thư ký:

-Adams! Mang cho một cốc nước. Ông Vallance đã bất tỉnh.

O. Henry

Dấu vết của Bin Đen

Một người gầy lêu đêu, khoẻ mạnh, mặt đỏ rục, có cái mũi khoằm của tướng Oenlinhton, đôi mắt đã đỏ lại được đôi lông mi đỏ hoe tôn lên làm cho đỏ như cội, ngồi trên sân ga Lôt Pinôtx, hai chân đung đưa. Ngồi bên cạnh là một người to béo, trầm tư, đáng buồn, hình như họ là bạn thân của nhau. Họ mang dáng dấp của những người mà cuộc đời như một cái áo khoác mặc được cả hai mặt - mặt nào cũng là trái được.

- Không gặp cậu đến bốn năm nay rồi, Ham ạ, - người ủ rũ nói. - Cậu đi những đâu thế?

- Bang Têchdát, - người mặt đỏ nói. - Ở Alaxka lạnh lắm, còn ở Têchdát tôi thấy ấm áp. Tôi sẽ kể cậu nghe về một vụ nóng mà tôi đã trải qua ở đó.

*

* *

Vào một buổi sáng, tôi xuống xe tốc hành bên một hồ chứa nước và để mặc cho xe đi tiếp không cần có tôi. Chỗ đây là một trang trại nhà cửa nhiều hơn ở thành phố Niu-Yooc. Chỉ có điều người ta xây cách

xa nhau khoảng hai chục dặm để có ngồi ăn thì nhà khác không người thấy mùi, còn hơn là chỉ xây cách cửa nhà ông hàng xóm một tí.

Chẳng thấy đường sá gì cả, vì vậy tôi đành phải cuốc bộ qua đồng quê. Cỏ mọc lún mắt cá chân và cây mexkit mọc trồng như một vườn đào. Trông hết như cơ ngơi của một nhà quý tộc, nên lúc nào ta cũng có cảm tưởng bị đàn chó xồ ra đớp. Phải đi mất đến hai mươi dặm tôi mới nhìn thấy một căn nhà nhỏ, to độ bằng một nhà ga nổi.

Dưới gốc cây trước cửa nhà có một người nhỏ bé mặc áo sơ mi trắng và bộ quần áo lao động màu nâu, cổ thắt một chiếc khăn tay màu hồng.

“Xin chào”, tôi nói. “Có gì cho uống, tiền thù lao hay một công việc cho một người khách tương đối lạ hay không?”

“Ồ, xin mời vào”, người đó nói, giọng nghe tao nhã. “Xin mời ngồi xuống cái ghế đẩu kia. Tôi không nghe thấy có tiếng ngựa”.

“Còn xa”, tôi nói. “Tôi đi bộ đến đây. Tôi không muốn phiền ông, nhưng giá ông cho tôi xin xô nước thì tốt quá”

“Trông anh bẩn ghê”, ông ta nói, “mà việc thu xếp để tắm thì...”

“Tôi chỉ cần nước để uống thôi”, tôi nói. “Ồ, bụi bặm bên ngoài, ngại gì”.

Ông ta lấy cho tôi độ một môi nước ở trên cái bình đồ treo lưng lửng, rồi nói tiếp:

“Ông cần có việc làm à?”

“Tạm thời thôi”, tôi nói. “Nơi này kể cũng khá vắng vẻ đấy nhỉ?”

“Đúng vậy”, ông ta nói. “Đôi lúc, người ta nói, có đến hàng tuần cũn không có một mống nào qua lại. Tôi mới ở đây có một tháng nay. Tôi mua cái trang trại này của một người định cư cũ. Ông ta muốn chuyển xa hơn nữa về phía tây”.

“Rất hợp với tôi”, tôi nói. “Yên tĩnh và an trí đôi lúc cũng tốt cho con người ta đấy. Nhưng tôi cần một việc làm. Tôi biết phục vụ bar, các mỗ muối, giảng bài, phát hành cổ phiếu, đám bốc ở hạng trung, và chơi đàn pianô”.

“Anh biết chẵn cừu chứ?”, viên chủ trại nhỏ bé hỏi.

“Ý ông muốn hỏi tôi đã chẵn cừu chưa chứ gì?”, tôi hỏi.

“Anh có biết chẵn không? Nghĩa là quản lí đàn cừu ấy?”, ông ta nói.

“Ồ”, tôi nói, “tôi hiểu ra rồi. Ý ông muốn nói là xua chúng và sửa chúng như chó côi sửa chứ gì.Ồ, tôi làm được”, tôi nói. “Thực ra tôi chưa bao giờ đi chẵn cừu cả, nhưng qua cửa ô tô cũng thường hay nhìn thấy chúng nhai hoa cúc, trông không có gì dữ tợn cả nhỉ!”.

“Tôi thiếu một người chẵn cừu”, viên chủ trại nói. “Đừng có bao giờ trông cậy gì được người Mêhicô đâu. Tôi chỉ có hai đàn cừu thôi. Buổi sáng anh đưa khoảng tám trăm con đi chẵn cho tôi, có đáng mấy. Tôi trả anh hai mươi đôla một tháng và bao thêm cả ăn uống. Anh ở trong trại lều trên đồng cỏ với đàn cừu. Anh thổi nấu lấy, nhưng tôi cho người mang củi và nước đến cho anh. Công việc cũng chả có gì là vất vả”.

“Tôi đồng ý”, tôi nói. “Tôi xin nhận việc đó, dù cho tôi có phải quàng quanh trán một vòng hoa, tay bám vào cái gậy, mặc quần áo thụng và chơi kèn ống như những người chẵn cừu trong các bức ảnh”.

Vậy là đến sáng hôm sau, viên chủ trại nhỏ bé giúp tôi dẫn đàn cừu từ bãi quây đến gặm cỏ bên sườn đồi nhỏ trên đồng cỏ cách đấy độ hai dặm. Ông ta dạy tôi nhiều điều, nào là đừng có để từng đám cừu tách khỏi đàn, nào là đến trưa phải đưa chúng về máng nước để uống nước.

“Tôi sẽ cho xe chở lều bạt, các đồ để cắm trại và thức ăn đến cho

anh vào trước lúc trời tối”, ông ta nói.

“Được”, tôi nói. “Mà đừng có quên thức ăn đấy, cả các đồ cắm trại nữa. Nhớ mang cả lều nhé. Tên ông là Zôlicophơ phải không?”.

“Tên tôi là”, ông ta nói, “là Henri Ogđen”.

“Ồ, vậy là ông Ogđen”, tôi nói. “Tên tôi là Pecxivan Xanh Cole”.

Tôi chăn đàn cừu được năm ngày ở trang trại Chikitô, lông cừu thấm cả vào lòng tôi. Con người mình sống hầu như gần với thiên nhiên.

Tôi trở nên cô đơn hơn cả con dê của Cruxô (1). Tôi đã từng gặp bao người bạn đường thú vị hơn những con cừu đó. Tối tối tôi lừa chúng về bãi quây và nhốt chúng ở đó, rồi nấu ăn, có bánh ngô, thịt cừu và cà phê, sau đó vào nằm ngủ trong một cái lều to bằng cái khăn trải bàn, nghe chó sói sủa và chim đớp muỗi hót quanh lều. Đến buổi tối của ngày thứ năm, sau khi tôi đưa lũ cừu đất tiền mà tẻ nhạt đó vào bãi quây, tôi đi về khu nhà trại và bước vào cửa.

“Ông Ogđen”, tôi nói, “tôi và ông cần phải đánh bại với nhau. Lũ cừu cũng làm đẹp cho phong cảnh và giúp làm nên những bộ quần áo lông trị giá tám đôla cho con người đấy, nhưng để chuyện trò tâm đầu ý hợp, thì chúng chỉ ngang hàng những vật vô tích sự. Nếu ông có bộ bài hay cờ, hay sách thì mang ra đây cho chúng ta hoạt động trí óc một tí. Tôi phải làm một việc gì đó về mặt trí tuệ, dù chỉ là đấu trí, với ai đó”.

Tay Henri Ogđen này là một chủ trại kì quái. Hắn ta đeo nhẫn và một cái đồng hồ vàng to bự, cổ đeo cà vạt cẩn thận. Bộ mặt hắn lúc nào cũng trầm tĩnh và cặp kính kẹp ở mũi lúc nào cũng bóng loáng. Có một lần ở Muxcôghi tôi đã nhìn thấy một kẻ ngoài vòng pháp luật bị treo cổ vì đã giết chết sáu người, tên này trông giống hệt hắn ta.

Nhưng tôi lại còn biết một cha cố ở Ackandat, anh mà nhìn cứ tưởng

đấy là ông anh hấn. Dù gì cũng mặc xác hấn; điều tôi cần là muốn có bạn cùng chung vui, dù là thánh thần hay là những kẻ tội lỗi không còn hi vọng hoán cải cũng mặc, không phải cừu là được.

“Ồ, ông Xanh Cole”, hấn nói, đặt quyển sách đang đọc xuống. “Tôi nghĩ lúc đầu anh thấy hơi cô độc đấy. Mà tôi cũng không chối rằng tôi cũng thấy đơn điệu. Anh đã lừa cừu vào bãi quây cả rồi phải không? Không lạc mất con nào đấy chứ?”

“Chúng bị nhốt nghiêm ngặt như là một ban hội thẩm xử một tên giết nhà triệu phú”, tôi nói. “Và tôi sẽ quay lại ngay, trước khi cô y tá có qua lớp đào tạo đến”.

Vậy là Ogden tráo bài và chúng tôi cùng chơi. Năm ngày năm đêm ở ngoài trại chăn cừu qua đi tựa như một tiếng còi ô tô trên đường Brôtuây. Lúc tôi thắng ván to, tôi cảm thấy hồi hộp như mình thắng đến hàng triệu đôla ở Toriniti. Rồi hấn có vẻ hơi thoải mái nên ngồi kể chuyện về người đàn bà trên toa xe lửa làm tôi cười đến năm phút.

Điều đó chứng tỏ đời đâu có phải là cái gì tuyệt đối. Người ta mà nhìn đủ thứ chán mắt quá thì chẳng buồn quay đầu lại nhìn ngôi biệt thự bừng sáng ánh đèn trị giá đến ba triệu đôla hoặc ngắm biển Adriatic. Nhưng cứ để hấn ta đi chăn cừu một vụ đi, và ta sẽ thấy hấn ta cười đến vỡ bụng trước bài ca “Tối nay lệnh giới nghiêm không ban hành”, hay thoả thích chơi bài với các bà các cô.

Dần dà Ogden lôi ra một bình rượu buôcbông, và thế là đàn cừu bị lãng quên hấn.

“Anh có nhớ đã đọc các báo cách đây một tháng”, hấn nói, “về một vụ tổng tiền trên tàu thuộc Công ty Xe lửa K.T. không? Nhân viên an ninh của chuyến tàu bị bắn lủng cả vai và mất khoảng mười lăm

ng nghìn đôla. Người ta đồn chỉ có một người hành động”.

“Hình như tôi có nhớ”, tôi nói, “nhưng những chuyện như thế xảy ra thường xuyên đến nỗi chẳng bao giờ ở lại lâu trong đầu người Têchdát. Thế họ có đuổi theo và tóm được tên ăn cướp không?”.

“Hắn chạy thoát”, Ogden nói. “Và hôm nay tôi vừa đọc đến tin nói các viên cảnh sát đã truy lùng hắn ta đến tận nơi xó xỉnh này. Hình như tiền mà tên cướp cướp được đều là loại tiền phát hành lần đầu tiên của Nhà băng quốc gia Thứ hai của thành phố Expinôda. Người ta đã theo dõi dấu vết xem tiền đó được tiêu ở đâu, dấu vết ấy đưa họ theo lối này”.

Ogden rót thêm rượu và đẩy cái chén đến chỗ tôi.

“Tôi thiết nghĩ”, tôi nói, sau khi uống một hơi cạn chút rượu ngon tuyệt vời, “tên cướp tàu hoả nào mà không chạy xuống ăn náu ở đây một thời gian ngắn thì chẳng khôn ngoan chút nào. Một trang trại nuôi cừu bây giờ là nơi ăn náu tuyệt nhất đấy. Ai ngờ được một kẻ đầu trâu mặt ngựa lại ở chỗ những con chim hót, đàn cừu và những đám hoa dại này cơ chứ? Nhân tiện đây”, tôi nói, nhìn khắp lượt H. Ogden, “người ta có tả diện mạo tên khùng bố đơn thương độc mã đó không? Nét mặt hắn ra sao, cao hay thấp, béo hay gầy, răng như thế nào, quần áo kiểu gì, họ có in những cái đó trên báo không?”.

“Ồ, không”, Ogden nói, “không ai nhận được mặt hắn ta vì hắn ta đeo mặt nạ. Nhưng họ biết tên cướp đó tên là Bin Đen, vì hắn luôn hành động một mình, và vì hắn đánh rơi chiếc khăn tay trên chuyến tàu tốc hành có ghi tên hắn trên đó”.

“Tôi cũng đồng ý với Bin Đen là nên chạy về các khu trại nuôi cừu. Đố ai tìm được hắn ta”.

“Người ta treo giải một nghìn đôla nếu ai bắt được hắn đấy”, Ogden

nói.

“Tôi không cần loại tiền ấy”, tôi nói, nhìn thẳng vào mặt người chủ cừu. “Một tháng ông trả cho tôi hai mươi đôla là đủ rồi. Tôi cần nghỉ ngơi, vả lại tôi có thể dành dụm đến khi đủ tiền để trả tiền tàu đi Techxakana, nơi bà mẹ goá bụa của tôi đang sống. Nếu Bin Đen”, tôi nói tiếp, nhìn Ogđen đầy ý nghĩa, “mà đi theo con đường này, giả dụ cách đây độ một tháng và mua một trang trại nuôi cừu và...”.

“Câm họng đi”, Ogđen nói, nhảy phắt khỏi ghế và nhìn dữ tợn. “Có phải anh định ám chỉ...”.

“Không”, tôi nói, “không ám chỉ gì hết. Cứ coi như một liều tiêm dưới da thôi. Tôi nói giả dụ Bin Đen mà đến đây và mua một trại nuôi cừu, đối xử với tôi thẳng thắn và tử tế như ông đây, thì ông ta chẳng có gì phải sợ tôi. Người vẫn là người, dù cho anh ta có mắc mưu gì với cừu hay với tàu hoả cũng không sao. Bây giờ ông biết lập trường của tôi rồi”.

Ogđen nhìn, mặt xám ngoét như món cà phê phải uống cho nhanh ở ngoài lều trại, rồi cười vui vẻ.

“Đúng, anh sẽ làm như vậy, Xanh Cole ạ”, hắn nói. “Nếu tôi có là Bin Đen, tôi hoàn toàn tin ở anh, không có gì phải lo cả. Tối nay chúng ta chơi độ một, hai ván thôi. Ồ mà nếu anh thấy không có gì đáng ngại phải chơi với một tên cướp”.

“Tôi đã nói với ông tình cảm của tôi, không có gì mờ ám trong tình cảm đó cả”, tôi nói.

Trong lúc tôi còn đang chia bài sau ván thứ nhất, tôi hỏi Ogđen, làm như vô tình là hắn ta từ đâu tới.

“À”, hắn ta nói, “từ thung lũng sông Mitxixipi”.

“Chốn ấy cũng đẹp đấy chứ”, tôi nói. “Tôi cũng thường hay dừng

chân ở đây. Nhưng ông có thấy là ở đây khá ẩm ướt, thức ăn thức uống nghèo nàn không? Tôi từ bờ Thái Bình Dương đến đây. Ông đã ở đây bao giờ chưa?”.

“Chỉ rệt gió là gió”, Ogden nói. “Nhưng nếu anh có đến miền Trung Tây, chỉ cần nhắc đến tôi là có chỗ sưởi chân và được uống cà phê phin ngay”.

“Ồ được”, tôi nói, “tôi không đi tìm số điện thoại riêng của ông và cái tên đệm giữa của bà cô đã quyến rũ viên mục sư giáo hội Trưởng lão Kambolen đâu. Không sao. Tôi chỉ muốn ông biết là ông được an toàn trong bàn tay của người chặn cừu của ông. Này, đừng có lấy quân cơ đánh quân bích, mà đừng có lo lắng thế”.

“Cứ lải nhải mãi”, Ogden nói, lại cười. “Thế anh không cho rằng nếu tôi là Bin Đen và nghĩ rằng anh nghi ngờ tôi, mà trong tay tôi lại có viên đạn súng Uynchextơ thì tôi kết liễu đời anh và chấm dứt sự lo lắng của tôi sao?”.

“Không”, tôi nói. “Một người mà đã có gan cướp đoàn tàu một cách đơn độc không bao giờ lại chơi xỏ nhau thế cả. Tôi đã từng sống lang thang đây đó nên biết họ là loại người biết đánh giá bạn bè. Hơn nữa, tôi đâu dám coi mình là bạn của ông, ông Ogden ạ. Tôi chỉ dám coi mình là người chặn cừu của ông thôi; nhưng trong những hoàn cảnh thuận lợi hơn, biết đâu chúng ta có thể là bạn của nhau rồi”.

“Tôi yêu cầu tạm thời hãy quên đàn cừu đi”, Ogden nói. “Thôi chia bài đi”.

*

* *

Khoảng bốn ngày sau, trong lúc đàn cừu của tôi đang nghỉ trưa trên vùng nước, còn tôi đang lúi húi tranh thủ pha ấm cà phê, bỗng có

một người bí mật đi nhẹ nhàng trên cỏ, mặc bộ quần áo mà người đó muốn tỏ ra mình là ai. Quần áo anh ta ở điểm trung gian giữa một thám tử thành phố Kandát, một ông bầu gánh xiếc, và một người được cử ra nhốt chó cho thành phố Batôn Rugiơ. Cầm và mắt anh ta biểu hiện tư thế chiến đấu, do đó tôi biết người đó chỉ là một gã mặt vụ.

“Chăn cừu hả?”, người đó hỏi tôi.

“Vâng”, tôi nói, “trước một con người tinh đời như ông, tôi không dám nói mình làm việc đánh bóng đồng thau hay tra dầu mỡ cho xe đạp”.

“Trông cách ăn nói và dáng dấp của anh không có vẻ gì là người chăn cừu cả”, người đó nói.

“Nhưng ông nói thì tôi đoán ngay ra ông là ai”, tôi nói.

Rồi người đó hỏi tôi đang làm việc cho ai, tôi liền chỉ tay về phía trang trại Chikitô cách đây độ hai dặm núp dưới bóng một ngọn đồi thấp, sau đó người đó bảo với tôi rằng ông ta là phó cảnh sát quận.

“Có một tên cướp tàu tên là Bin Đen hiện nay đang ẩn nấp đâu đây”, gã cảnh sát nói. “Hắn bị truy lùng đến tận Xan Antônô và có thể còn xa hơn nữa. Thế anh có nhìn hay nghe thấy kẻ lạ mặt nào quanh đây vào tháng trước không?”

“Không”, tôi nói, “trừ có một thông báo về một người ở khu Mêhicô của trại Lumitx trên sông Phơriô”.

“Anh biết gì về người đó?”, viên cảnh sát lại hỏi.

“Chẳng hay biết tí gì”, tôi nói.

“Người mà anh đang làm thuê trông ra sao? Ông già Gioocgiơ Rami còn sở hữu cái khu này không? Ông ta nuôi cừu ở đây đã mười năm rồi, nhưng chưa bao giờ làm ăn phát đạt cả”.

“Ông già đã bán khu này và đi về Miền Tây rồi”, tôi nói. “Một người

ưa chuộng chuyện nuôi cừu khác đã đến mua khu này cách đây một tháng”.

“Trông ông ta thế nào?”, viên cảnh sát phó gắng hỏi.

“Ồ”, tôi nói, “đó là một người gốc Hà Lan to béo, ria để dài và đeo kính râm. Theo tôi ông ta chẳng biết gì về cừu đâu. Tôi nghĩ ông già Gioocgiơ cũng bán cho ông ta với cái giá cắt cổ đấy”, tôi nói.

Sau khi tôi cung cấp cho ông ta những tin chẳng ra đầu vào đâu và ăn gần hết bữa cơm thì ông ta cười ngựa đi.

Tối hôm đó, tôi nói lại chuyện đó cho Ogden nghe.

“Họ đang lần dấu vết của Bin Đen”, tôi nói. Sau đó tôi kể cho ông ta nghe về viên phó cảnh sát, cách tôi tả hình dáng của ông ta cho viên cảnh sát nghe và viên cảnh sát phó đã có ý kiến gì về vấn đề này.

“Ồ, hay lắm”, Ogden nói, “thôi chúng ta đừng có chuốc lấy rắc rối của Bin Đen làm gì. Chúng mình có mấy người với nhau thôi mà. Anh vào lấy trong tủ bupphê ra đây chai buôcbông và ta hay uống chúc sức khỏe cho ông ta - trừ phi”, ông ta nói, cười khúc khích, “anh thành kiến với những người ăn cướp trên tàu”.

“Tôi sẽ uống chúc ai có lòng mong muốn người với người là bạn”, tôi nói. “Và tôi tin rằng Bin Đen sẽ là người như vậy. Bây giờ tôi xin nâng cốc chúc Bin Đen, chúc anh ta gặp may mắn”.

Cả hai chúng tôi nâng cốc uống.

*

* *

Hai tuần sau đến thời kì xén lông cừu. Cừu được đưa đến trại và nhiều người Mêhicô đầu tóc bù xù đến, dùng kéo cắt ngược lông. Vì vậy, vào chiều hôm trước khi những người thợ đó đến, tôi lừa vội những con cừu chưa xén lông qua đồi, rồi qua thung lũng nhỏ, xuống

con suối ngoằn ngoèo rồi lại leo ngược lên khu trại, sau đó nhốt chúng vào bãi quây và chào tạm biệt chúng. Lúc đó trời đã tối. Tôi về khu trại, thấy H. Ogden đang nằm ngủ trên một chiếc giường nhỏ. Tôi nghĩ có lẽ hẳn ta bị cơn bệnh ngủ nhiều, còn gọi là phản mất ngủ, hay một số bệnh chỉ có làm nghề nuôi cừu mới có. Mồm và áo vét của hẳn đều mờ và hẳn thở như cái bơm xe đạp cũ. Tôi nhìn vào hẳn ta và thả cho những ý nghĩ ngộ nghĩnh có dịp bộc lộ. “Hoàng đế Xêda cũng ngủ như thế thôi, chỉ có điều phải ngậm mồm, cho gió khỏi lọt vào mà thôi”.

Người đàn ông nằm ngủ rõ ràng là cảnh khiến cho các thiên thần phải khóc. Không hiểu tất cả những thứ như trí óc, cơ bắp, sống lưng, thần kinh, sự ảnh hưởng và những mối quan hệ gia đình còn ý nghĩa gì không? Anh ta nằm phó mặc vận mệnh cho kẻ thù, còn hơn thế, cho bạn bè định đoạt. Và anh ta đẹp gần như là con ngựa kéo xe đứng gần rạp hát thành phố vào lúc mười hai giờ rưỡi sáng, mơ về những cánh đồng Ả Rập. Còn người đàn bà nằm ngủ ta thấy khác hẳn. Dù cho mặt mũi cô nàng có trông như thế nào, ta vẫn cứ muốn nhìn cô ta nằm nguyên như thế càng lâu càng tốt.

Sau đó tôi cạn một chén rượu buôcbông và một chén khác vì Ogden, rồi rúc vào nhà nghỉ, kệ cho hẳn đánh một giấc trưa. Trên bàn hẳn để vài cuốn sách về những chủ đề xa lạ như Nhật Bản, công rãnh, thể dục - và một ít thuốc lá sợi, mà có lẽ cái sau cùng mới là cái chính.

Ngồi hít mấy hơi thuốc và nghe H. Ogden thở phì phò, tôi vô tình nhìn ra ngoài cửa sổ về phía bãi quây cừu, nơi có một con đường mòn tiếp con đường chạy qua một thung lũng con ở phía xa.

Tôi thấy có năm người đang cưỡi ngựa về phía căn nhà. Tất cả đều quàng súng qua yên ngựa, trong đó có cả viên cảnh sát phó mà tôi

đã nói chuyện ngoài trại.

Họ tiến cẩn thận, theo đội hình tấn công, súng lăm lăm. Đặc biệt tôi nhìn chăm chú vào một người tôi tin chắc đây là ông trùm của đội kị binh giữ gìn an ninh trật tự này.

“Xin chào các ngài”, tôi nói. “Xin mời các ngài xuống ngựa”.

Ông trùm cưỡi ngựa tiến sát đến chĩa họng súng vào mũi tôi.

“Không được động đậy, sau khi người và ta đã có một cuộc trao đổi cần thiết”.

“Tôi sẽ không động đậy”, tôi nói. “Tôi không cầm điếu, vì vậy không việc gì phải cưỡng lại lệnh của ngài”.

“Chúng tôi đang truy lùng Bin Đen, kẻ đã cướp mười lăm nghìn đôla trên tàu của Công ty K.T. vào tháng năm. Chúng tôi đang đi lục soát các trang trại và mọi người ở đây. Tên anh là gì và anh làm gì trên cái trại này?”.

“Thưa đại úy”, tôi nói, “Pecxivan Xanh Cole là nghề của tôi và tên tôi là chẵn cừu. Tôi chăm đàn bê, à không đàn cừu, tôi nay được mang nhốt ở đây. Những người kiểm soát ngày mai sẽ đến để xén lông, bằng rư... ợu thì phải”.

“Ông chủ trại này đâu?”, viên đại úy hỏi.

“Xin ngài chờ một tí, ngài đại úy”, tôi nói. “Thế không có giải thưởng cho ai bắt được kẻ liều lĩnh mà ngài có nói trong lời nói đầu của ngài à?”.

“Có treo giải một nghìn đôla”, viên đại úy nói, “nhưng đây là thưởng cho ai bắt và đem hắn ra nộp. Chứ không có điều khoản nào nói về việc thưởng cho ai chỉ điểm cả”.

“Trời trông như ngày một ngày hai nửa thì mưa ấy”, tôi nói, mệt mỏi nhìn lên bầu trời xanh.

“Nếu anh biết địa điểm, tính tình hay cái mặt danh của tên Bin Đen này”, ông ta nói nghiêm nghe đặc giọng địa phương, “mà không bẩm báo thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

“Tôi có nghe thấy một người chặn ngựa”, tôi nói, giọng không được mạch lạc, “kể là có một người Mêhicô bảo với cậu bé chặn bò tên là Giêch bên cửa hàng ở phố Nuets rằng ông ta có nghe thấy người anh họ của một người chặn cừu nói đã nhìn thấy Bin Đen ở Matômorat cách đây hai tuần”.

“Nghe tôi nói đây, anh chàng Miêng Ngậm Tăm ạ”, viên đại úy nói, nhìn tôi một lượt rồi mặc cả, “nếu anh chỉ cho chúng ta tóm được Bin Đen, ta sẽ lấy tiền túi của ta, à của bọn ta thưởng anh một trăm đôla. Thế là hào phóng rồi đấy. Anh chẳng mất cái gì cả. Nào, nói đi”.

“Đặt tiền ra chứ”, tôi hỏi.

Viên đại úy bàn bạc gì đó với những người cùng đi, rồi sau đó tôi thấy họ dốc túi ra. Kết quả họ có tất cả một trăm linh hai đồng ba hào tiền mặt và thuốc lá bánh trị giá ba mươi một đôla.

“Lại gần đây, đại úy”, tôi nói, “và nghe đây”. Viên đại úy tiến lại gần.

“Tôi nghèo rớt và là kẻ hèn hạ ở trên đời này”, tôi nói. “Tôi làm việc để mong kiếm mỗi tháng mười hai đôla, chặn đàn súc vật, mà bọn cừu này lúc nào cũng chỉ nghĩ làm sao tách nhau ra thôi, dù cho tôi có tự cho mình có gì khâm khá hơn cái bang Nam Đacôta thì cũng thấy vận mình sa sút, từ xưa đến nay chỉ tiếp xúc với cừu dưới dạng những miếng thịt sườn. Sở dĩ có cái cảnh bĩ cực ấy cũng là do những tham vọng của mình bị tan thành mây khói, tại đủ các loại rượu người ta bày suốt dọc đường trên tàu của Công ty Đường sắt PRR từ Xkranton đến Xinxinati, nào rượu rum, nào rượu gin, nào vécmút Pháp, ông ạ. Nếu ông có đi theo con đường ấy, đừng quên

thử xem sao. Vả lại tôi không bao giờ phản thù bạn bè cả. Tôi ở bên họ khi họ dư dật, và khi vận nghịch đến với tôi, tôi cũng không bao giờ bỏ rơi họ”.

“Nhưng”, tôi nói tiếp, “đây hoàn toàn không phải trường hợp một người bạn. Mười hai đola một tháng chỉ là món tiền gọi là quen thuộc sơ sơ thôi. Tôi cũng không coi những hạt đậu nâu và bánh ngô là thức ăn của tình bạn. Tôi là kẻ nghèo”, tôi nói, “và tôi có một mẹ già goá bụa ở Techxacana. Ngài sẽ tìm thấy Bin Đen đang nằm ngủ trong căn nhà này, trên một cái giường con trong buồng về phía bên phải ngài. Đó chính là người ngài cần, vì qua lời nói và những buổi nói chuyện tôi biết đúng hấn ta rồi. Hấn ta cũng phần nào đó gọi là bạn được”, tôi giải thích, “và nếu tôi là con người trước kia thì toàn bộ sản phẩm của các khu mỏ vàng Gônđôla cũng chẳng quyến rũ nổi tôi phản bội hấn ta. Nhưng hàng tuần có đến một nửa số đậu tôi ăn có sâu và đêm không có đủ củi sưởi ngoài lều trại”.

“Nên đi vào cẩn thận, các ngài ạ”, tôi nói, “có những lúc hấn ta có vẻ rất sốt ruột và khi ta mà nghĩ đến hành động ăn cướp chuyên nghiệp vừa qua của hấn, chắc ta sẽ có những hành động kịp thời nếu đột nhiên bắt gặp hấn”.

Toàn đội cảnh sát xuống ngựa và buộc ngựa lại, sau đó tháo vũ khí đạn dược ra, rón rén đi vào nhà. Còn tôi thì đi theo, cứ như nàng Đalila phản bội, nộp Xamxon cho những tên Philixtanh.

Viên đội trưởng lay lay đánh thức Ogđen dậy. Và khi hấn chồm dậy, thêm hai người đi sẵn giải thưởng nữa tiến đến tóm hấn. Mảnh khảnh vậy mà hấn rất khỏe và hấn dùng chân đánh bật cả viên cảnh sát đi, trông ngon lành chưa từng thấy.

“Thế này là thế nào?”, hấn nói, sau khi họ lôi hấn xuống.

“Ông đã bị bắt, ông Bin Đen ạ”, viên đại úy nói. “Chỉ có thể thôi”.

“Đây là một sự xúc phạm trắng trợn”, H. Ogden nói, càng vùng vẫy điên cuồng hơn.

“Đúng vậy”, con người ưa chuộng hoà bình và có thiện chí nói. “Đoàn tàu của Công ty K.T. không làm phiền ông, nhưng còn có luật để chống lại việc táy máy những cái gói tiền trên chuyến tàu tốc hành chứ?”

Sau đó ông ta ngồi lên bụng Ogden và lần lượt sờ khắp các túi của hắn một cách cẩn thận.

“Tôi sẽ làm cho các ông phải toát mồ hôi ra vì chuyện này”, Ogden nói, người hắn cũng thấy toát mồ hôi. “Tôi sẽ chứng minh tôi là ai”.

“Ta cũng có thể làm được”, viên đại úy nói, khi ông ta rút từ trong túi áo khoác của H. Ogden một nắm đầy những tiền mới toanh của Nhà băng Quốc gia Thứ hai của thành phố Expinôda. “Những thiệp mời in nổi vào ngày thứ ba và thứ sáu của nhà người cũng không thể chứng minh hùng hồn bằng những đồng tiền này. Bây giờ người có thể ngồi dậy và chuẩn bị đi theo chúng tao đến nơi thanh toán tội ác của người”.

Ogden đứng dậy, nấn lại khăn quàng cổ. Sau đó hắn không nói gì nữa khi họ đã lấy hết tiền khỏi người hắn.

“Một ý đồ vô cùng trơn tru”, viên đại úy nói, tỏ vẻ tán thưởng. “Xuống ẩn nấu tại nơi này và mua một trại cừu nhỏ để không ai có thể tìm ra tung tích. Thật là một nơi ẩn nấu khôn ngoan nhất đấy”.

Rồi một viên cảnh sát đến chuồng xén lông, lưng được một người chặn cừu khác, một người Mêhicô tên gọi là Giôn Xali, bảo anh ta đóng yên ngựa của Ogden, sau đó tất cả cảnh sát cưỡi ngựa sát quanh hắn, súng lăm lăm trong tay, chuẩn bị đưa tù nhân về thành

phố.

Trước khi lên đường, Ogđen trao cái trại cho Giôn Xali cai quản và bảo anh ta xén lông cừu, dẫn đàn cừu đi gặm cỏ ở đâu, cứ như hần ta có ý định đôi ba ngày nữa sẽ quay lại. Và một hai giờ sau người ta có thể thấy một Pecxivan Xanh Cole, một người chăn cừu cũ của trang trại Chikitô, có một trăm đôla tiền lương và tiền thưởng ở trong túi, cưỡi trên con ngựa khác của trại đó về phía nam.

*

* *

Người mặt đỏ dừng lại và lắng nghe. Tiếng còi của chuyến tàu hàng vang lên xa xa giữa những khu đồi thấp.

Người béo tốt, buồn bã ngồi bên cạnh khịt khịt mũi, rồi từ từ lắc cái đầu bần một cách khinh miệt.

“Gì thế, Xnipi?”, người kia hỏi. “Lại buồn chán gì rồi?”.

“Không phải”, người buồn trả lời, lại khịt khịt mũi. “Nhưng tôi không thích câu chuyện của cậu. Tôi và cậu là bạn của nhau, tuy rằng có những lúc xa nhau, trong mười lăm năm trời; và tôi chưa bao giờ nghe chuyện cậu đi khai báo người khác cho pháp luật cả - một người cũng chưa. Vậy mà đây lại là một người đã cho cậu ăn và đã ngồi bên chiếu bạc, cứ cho là thế đi, đánh bạc với cậu. Thế mà cậu lại đi bẩm báo người đó để được tiền thưởng. Tôi nghĩ, cậu chẳng bao giờ lại như thế cả”.

“Sau này tôi có nghe nói rằng anh chàng H. Ogđen”, người mặt đỏ kể tiếp, “nhờ có một luật sư và nhờ vào những điều luật khác, đã chối phăng lúc đó mình không có mặt ở đấy và anh ta đã vô tội. Anh ta đã giúp tôi, vậy mà tôi lại ghét anh ta và khai báo anh ta”.

“Thế còn những đồng tiền họ tìm thấy ở trong túi anh ta thì sao?”,

người buồn hỏi.

“Tôi để vào đây”, người mặt đỏ trả lời, “trong lúc anh ta đang ngủ, vì tôi thấy có cảnh sát đang đi ngựa lại. Tôi mới là Bin Đen, Xnipi, tàu đến kia rồi! Chúng ta lên ngồi ở chỗ hãm xung trong lúc tàu còn lấy nước đi!”./.

Mạnh Chương dịch

Chú thích:

(1) Nhân vật trong tiểu thuyết Rôbinxơn Cruxô của Đ. Đêphô, lạc lên hoang đảo

O. Henry

Đêm Ả Rập tại quảng trường Madixơn

Philip mang chuyển thư chiều đến cho Cacxơn Samơ đang ngồi trong căn nhà gần quảng trường. Ngoài thư tín bình thường còn có hai phong thư có dấu bưu điện nước ngoài.

Một phong thư có gửi kèm theo bức ảnh một phụ nữ. Phong thư kia là một lá thư dài vô tận khiến Samơ ngồi há hốc mồm say sưa đọc mãi. Bức thư đó lại của một người phụ nữ khác gửi, lời lẽ trong thư như lười câu tằm mật ong ngọt ngào, chêm vào những câu bóng gió, châm chọc sâu cay về người đàn bà gửi thư kèm ảnh.

Samơ xé bức thư ra trăm ngàn mảnh, rồi cắt những bước dài đi đi lại lại trên tấm thảm đất tiền như muốn làm cho nó tơi tả ra. Con thú rừng bị nhốt trong chuồng hành động như thế nào thì con người lạc trong khu rừng rậm hoài nghi cũng hành động như vậy.

Dần dần tâm trạng bồn chồn cũng lắng xuống. Tấm thảm đó không phải là tấm thảm có phép màu nhiệm. Nó cũng chỉ dài có vài mét, đi một tí là hết. Muốn đi ba ngàn dặm đường thì nó chẳng thể giúp gì ông được.

Philip xuất hiện. Không bao giờ anh ta vào hẳn trong buồng, lúc nào

cũng chỉ thập thò, cứ như ma trời.

- Ngài dùng cơm ở đây hay ngoài nhà ạ?

- Ở đây – Samơ nói, – nửa giờ nữa nhé.

Ông ta buồn bã ngồi nghe tiếng gió thág giêng hú dọc theo phố vắng, nghe phù phù như tiếng kèn tơ-rom-bon thổi.

- À này, – ông vội nói với anh chàng Philip vừa mới đấy đã biến đi, – lúc trên đường về nhà, đến cuối chỗ quảng trường, ta thấy lố nhố người đứng thành hàng dài. Có một người đứng lên trên cái gì ấy, diễn thuyết. Sao những người đó lại đứng xếp hàng ở đấy nhỉ? Mà họ đứng đấy để làm gì hả?

- Thưa ông, họ là những kẻ vô gia cư, – Philip trả lời, – Người đứng trên cái hòm đó cố sức diễn thuyết để những người kia có chỗ ngủ qua đêm. Thiên hạ xúm quanh nghe và cho ông ta tiền. Sau đó ông ta có bao nhiêu tiền đều đem trả cho chủ trọ. Vì vậy họ mới đứng xếp hàng, cứ đến lượt người nào thì người ấy được dẫn đi đến chỗ ngủ.

- Tí nữa đến giờ ăn cơm, – Samơ nói, – anh xuống dẫn một người trong bọn họ lên đây. Anh ta sẽ ăn cơm với ta.

- Dẫn a-a-ai ạ... – Philip cất tiếng lắp bắp. Từ ngày phục vụ ông chủ đến giờ, đây là lần đầu tiên anh ta tỏ ra lúng túng như vậy.

- Chọn ai cũng được, – Samơ nói. – Có điều anh phải xem xem anh ta đừng có say lướt khướt, mà anh ta cũng phải sạch sẽ một tí. Thế nhé.

Cacxơn Samơ đâu có quen đóng vai kẻ làm phúc. Nhưng đêm hôm đó không có thứ thuốc gì có thể làm cho ông ta nguôi nổi u sầu nên ông ta phải có một cái gì đó thật ngộ nghĩnh, đầy thú vị và mang tính Ả Rập để khuấy khoả tâm trạng đôi chút.

Trong nửa giờ, Philip hoàn thành nhiệm vụ làm tên nô lệ của cây đèn

thần (2). Những người hầu bàn ở tiệm ăn dưới nhà tắt tưới mang lên gác bữa ăn tối thịnh soạn. Bàn ăn soạn cho hai người rục rịch trong ánh đèn nền nhảy nhót dưới chụp đèn màu hồng.

Lúc này Philip đứng đường hoàng đẩy lệ vị khách vào, cứ như đang hộ tống một hồng y giáo chủ – hoặc là một tên trộm bị bắt, chứ không phải là một gã ăn mày đang run cầm cập vừa được lòi từ hàng người vô gia cư xin ngủ nhờ qua đêm kia.

Thường người ta gọi những người như vậy là kẻ vô thừa nhận, nhưng giả dụ có so sánh trong trường hợp đặt biệt ở đây, thì con người này chẳng khác gì một con tàu gặp nạn đang bị bốc cháy, bồng bềnh trôi dạt trong biển đời như ta vẫn thấy. Ngọn lửa bập bùng chiếu sáng trong con người anh ta. Mặt và tay anh ta vừa được rửa xong – một lễ nghi mà Philip kiên quyết thực hiện tựa như lễ tưởng niệm cho nếp ăn ở hàng ngày bị tiêu diệt. Anh ta đứng dưới ánh đèn, làm cho cảnh bài trí trong phòng trở nên xấu hẳn đi. Mặt anh ta trắng bệch hom hem, bộ râu xồm xoàm che gần đến tận mắt, trông như bộ lông con chó săn đỏ xứ Ái Nhĩ Lan. Philip cũng đã lấy lược chải tóc cho anh ta nhưng không sao làm cho bộ tóc nâu nhạt mượt trở lại, bộ tóc từ lâu đã bện và ăn nếp theo vành mũ từ thời lúc nào cũng trên đầu. Cặp mắt anh ta đầy vẻ thách thức, tuyệt vọng và xảo trá, trong như mắt con chó tàng bị những kẻ hành hạ dồn vào chân tường. Chiếc áo khoác trở khổ tải cài cúc cao, nhưng trông rõ chiếc cổ vừa lộn xong. Tác phong của anh ta tỏ ra không có gì là lúng túng khi Samơ đứng dậy khỏi ghế phía bên kia bàn ăn tròn.

- Nếu anh cho phép, tôi sẽ vui mừng được mời anh ăn cơm tối nay, – ông chủ nói.

- Tên tôi là Plămmơ – vị khách giang hồ nói, giọng gay gắt và hung

hăng. – Nếu là tôi, chắc ông cũng muốn biết tên người sắp ngồi ăn cùng với mình.

- Tôi cũng đang định giới thiệu tên tôi là Samơ, xin mời ông ngồi phía bên kia. – Samơ nói tiếp, hơi có vẻ vội vã.

Plămmơ quần áo lôi thôi, khom gối xuống để cho Philip đẩy cái ghế đến cho anh ta ngồi. Anh ta có dáng dấp ngày xưa thường ngồi tại những nơi có người phục vụ. Philip bắt đầu mang món cá trống và dầu ô liu.

- Tuyệt! – Plămmơ nói như quát lên, – cho ăn theo món hủ? Hầy, thừa Hoàng đế vui tính của thành Batđa, tôi xin làm nàng Sêhêradat của ngài để kể chuyện cho ngài nghe cho đến khi không còn món ăn gì thì thôi. Tôi công nhận ngài là người giàu có đầu tiên có hương vị phương Đông chân chất mà tôi phát hiện ra từ đầu đông tháng giá đến giờ, đã đón tay làm phúc một cách sang trọng đến vậy. Thật may mắn, tôi đứng thứ bốn mươi ba trong hàng cơ đấy. Tôi vừa đếm xong xem mình đứng thứ mấy thì vị sứ giả đầy thú vị của ngài đến mời tôi đi ăn tiệc. Thế là đêm nay tôi được dịp may kiếm được nơi trú chân chẳng khác gì dịp may mình được làm tổng thống trong nhiệm kỳ sắp tới. Ngài muốn nghe câu chuyện buồn về cuộc đời của tôi theo cách nào, thưa ngài An Rasit (3), cứ mỗi món ăn một chương nhé hay toàn bộ câu chuyện kết thúc bằng những điều xì gà và cà phê?

- Đối với anh, sự việc này cũng không có gì là lạ thường lắm đâu, – Samơ mỉm cười nói.

- Xin thề có Chúa trời chứng giám! – Người khách trả lời. – Niu-Yooc đầy những tên Harun An Rasit bần tiện, chẳng khác gì thành Batđa đầy những ruồi nhặng. Tôi buộc lòng phải đi kể chuyện để đổi lấy bữa ăn rất nhiều lần rồi. Đố tìm được một ai ở Niu-Yooc này cho

không một cái gì! Những Rasit này có cho ta một bữa cơm từ thiện thì cũng chỉ để thỏa mãn trí tò mò của họ thôi. Hầu hết bọn họ chỉ cho ta một xu và một bát cơm hủ lớn, còn một dùm trong bọn họ sẽ đóng vai kẻ làm phúc để đãi ta một miếng bít-tết, nhưng tất cả bọn họ sẽ cười lên đầu lên cổ ta, ép ta đến bao giờ tôi ra bản tự truyện, với đầy đủ những ghi chú, những phụ lục và những mẫu chuyện chưa được đăng. Ô, ở cái thành phố Batđa có đường xe điện ngầm (4) cổ, nhỏ bé này khi nhìn thấy cái gì ăn được là tôi biết phải xử lí thế nào rồi. Tôi đập đầu xuống đường nhựa ba lần và sẵn sàng theo dết chuyện huyền thuyên để kiếm bữa ăn tối. Tôi công nhận mình chẳng khác gì danh ca Tômmi Tăccơ đã quá cố, người buộc phải đánh đổi giọng hát của mình lấy bát cơm đã chén trước đó.

- Tôi không cần chuyện của anh, – Samơ nói, – xin nói thật là bỗng nhiên tôi nảy ra ý nghĩ muốn vờ một người lạ mặt đến ăn cơm tối. Xin anh cứ an tâm, đừng lo tôi tò mò.

- Ô, rõ chỉ vớ vẩn! – Vị khách kêu lên, vừa húp sùm sụp món xúp. – Chuyện ấy đối với tôi có đáng gì. Tôi cũng giống như quyển tạp chí phương Đông có bìa đỏ sáng sủa, và bài nào hay là người ta cắt liên. Thật ra những người đi ăn chục năm chờ như tôi cũng thuộc hạng đại loại như vậy. Thiên hạ cứ luôn phân vân không hiểu cái gì đã đưa chúng tôi xuống tận đáy xã hội. Nếu được một miếng bánh sandwich và một cốc bia, tôi sẽ kể cho họ nghe nguyên nhân chính là do món tửu gây ra. Nếu được miếng thịt bò muối, xúp bắp cải và một cốc cà phê, tôi kể cho họ nghe câu chuyện về một tên chúa tể nhấn tâm làm tôi thất nghiệp sau khi phải nằm nhà thương sáu tháng. Nếu được một miếng bít-tết và mất hai mươi lăm xu mà được ngủ qua đêm, tôi sẽ kể tán thảm kịch ở phố Uôn, trong đó cơ đồ bị cuốn sạch sành

sanh và sự xuống dốc diễn ra như thế nào. Đây là lần đầu tiên tôi được cho ăn một bữa tối thịnh soạn trong một bầu không khí như thế này. Tôi chưa nghĩ ra được chuyện gì cho hợp với cảnh này. Tôi sẽ kể để ông nghe, ông Samơ ạ, tôi sẽ kể cho ông nghe sự thật về chuyện này nếu ông muốn nghe. Ông tin chuyện này còn khó hơn ông tin chuyện bịa đặt đấy.

Một tiếng đồng hồ sau, vị khách Ả Rập ngả người ra sau ghế thờ phào thoải mái, vừa lúc đó Philip mang cà phê và xì gà vào, và dọn bàn ăn đi.

- Có bao giờ ông nghe tiếng Sêra Plămmơ không? – Anh ta hỏi, mỉm cười đến lạ.

- Tôi có nhớ cái tên ấy, – Samơ nói – Anh ta là một họa sĩ thì phải, cách đây vài năm còn là một người rất nổi tiếng.

- Năm năm rồi – vị khách nói, – vậy mà tôi lặn chìm chìm luôn không hề sủi tăm. Chính tôi là Sêra Plămmơ đây! Tôi bán bức tranh chân dung cuối cùng giá hai nghìn đôla. Sau đó, tôi không sao kiếm được người ngồi để tôi vẽ, thậm chí không lấy tiền nữa.

- Làm sao lại thế? – Samơ không chịu được, đành phải hỏi.

- Chuyện cũng đến buồn cười, – Plămmơ trả lời, buồn bã. – Bản thân tôi cũng không sao hiểu nổi. Trong một thời gian tôi làm ăn lên như diều. Đám nhà giàu rất quen biết tôi, tíu tít với tôi đến vẽ. Báo chí gọi tôi là họa sĩ hợp thời. Thế rồi những chuyện buồn cười xảy ra. Cứ khi nào tôi vẽ xong ai đó, người ta lại đến xem, thì thăm và nhìn nhau rất lạ lùng.

Tôi liền khám phá ra ngay sự rắc rối. Tôi có sở trường nêu bật trên khuôn mặt của bức chân dung cá tính giấu kín của người ngồi vẽ. Tôi không biết làm thế nào mình lại vẽ được thế – tôi chỉ vẽ cái mình

nhìn nhận ra thôi – nhưng tôi biết mình làm thế là chỉ hổng việc. Một số người ngồi vẽ nổi giận đến sợ và quẳng trả bức tranh tôi vẽ. Tôi có vẽ chân dung một phu nhân rất đẹp và nổi tiếng trong giới thượng lưu. Lúc vẽ xong, ông chồng nhìn vào bức tranh, mặt mày trông đến lạ kì, và tuần sau ông ta đòi li dị liền.

Tôi nhớ một trường hợp tôi vẽ một vị chủ nhà băng lưng danh. Lúc tôi trưng bày bức tranh ở trong phòng vẽ của mình, có một người quen của ông ta đến đó ngắm. “Ồi, lạ Chúa!”, ông ta nói, “thật ông ta trông đến nổi thế này sao?”. Tôi nói bức tranh đó hoàn toàn thật như ở ngoài. “Chưa bao giờ tôi thấy cặp mắt ông ta lại thể hiện như vậy”, ông ta nói. “Tôi thiết nghĩ mình phải đến Nhà Ngân hàng thành phố để chuyển ngay tài khoản”. Và ông ta đã tìm đến đó thật, nhưng tài khoản của ông ta đã biến mất cùng ông chủ nhà băng.

Chẳng được bao lâu thì tôi bị mất nghề. Thiên hạ không muốn sự hèn hạ bí mật của mình bị lộ nguyên hình trên tranh. Họ có thể mỉm cười và nhăn nhó mặt mày để lừa dối bạn, nhưng đã lên tranh thì không thể làm như vậy được. Tôi không sao vẽ tiếp được, vì không còn ai người ta muốn vẽ, và thế là tôi đành bỏ nghề. Tạm thời tôi làm họa sĩ trên báo hàng ngày, sau đó làm cho một thợ in thạch bản, nhưng rồi tôi lại bị rắc rối với công việc. Nếu tôi có vẽ qua bức ảnh chụp thì việc vẽ đó cũng vẫn thể hiện rõ những tính cách và những nét mà ông không thể tìm thấy ở trên bức ảnh, nhưng tôi cảm thấy chúng có ở người thật. Khách hàng la ó ầm ĩ, đặc biệt các bà, cho nên tôi không thể nào duy trì công việc được lâu. Vì vậy, tôi chán nản mượn chén cho khuây khoả nỗi buồn. Rồi chẳng bao lâu tôi đã đứng trong hàng ngũ những người xin ngủ nhờ và làm nghề kể chuyện xin ăn ở những cửa hàng ăn làm phước. Câu chuyện thật này có làm ngai

mệt không, thưa Hoàng đế xứ Hôi. Nếu ngài muốn, tôi có thể thay đổi chủ đề và chuyển sang thảm hoạ ở phố Uôn, nơi đã từng làm cho cuộc đời tôi tàn tạ, nhưng như vậy đòi hỏi phải mất nước mắt và tôi e rằng tôi không có khả năng làm ngay được sau một bữa ăn ngon như vậy.

- Không sao, không sao – Samơ nói vui vẻ. – Ông làm tôi thích thú lắm. Thế tất cả những bức chân dung đều bóc trần nét xấu nào đó, hay cũng có một số không bị cái bút vẽ kì dị của ông thử thách?

- Cũng có một số. – Plămmơ trả lời. – Trẻ con nói chung, khá nhiều phụ nữ và đàn ông, không phải tất cả mọi người đều xấu, phải không ông? Khi họ tốt thì những bức tranh cũng thể hiện cái tốt của họ.

Như tôi đã nói, tôi không giải thích, mà là tôi nói với ông sự thật.

Trên bàn làm việc của Samơ có một bức ảnh mà ông ta nhận được vào hôm có thư đến buổi chiều. Mười phút sau, ông ta đề nghị Plămmơ vẽ phác từ bức ảnh đó bằng phấn màu. Sau một tiếng đồng hồ, người nghệ sĩ đứng lên và dang tay tỏ ra mệt mỏi.

- Xong rồi đây, – anh ta ngáp. – Xin lỗi vì phải vẽ lâu quá. Tôi thích thú với công việc. Lạy Chúa! Hơn nữa tôi mệt quá. Đêm hôm qua không được chợp mắt một tí nào. Thưa vị chỉ huy của Lòng Trung Thành, ngài có cho bây giờ sẽ là một đêm ngon giấc không?

Samơ đưa anh ta ra đến cửa và giúi vào tay anh ta mấy đồng.

- Chà, xin ông, – Plămmơ nói. – Những ai đã rơi xuống tận đáy rồi cũng chẳng đại gì mà khó tính khi nhận tiền của những người làm phúc tình cờ. Xin cảm ơn. Xin cảm ơn cả bữa ăn thịnh soạn nữa.

Đêm nay, tôi sẽ ngủ ngon lành và mơ về Batđa. Tôi hi vọng đến sáng nó sẽ dừng trở thành giấc mơ. Xin tạm biệt, vị Hoàng đế tuyệt vời nhất!

Samơ lại bồn chồn đi trên tấm thảm. Nhưng ông ta chỉ đi từ cái bàn trên có đặt bức phác thảo bằng phấn màu đến cuối gian phòng. Mấy lần ông ta cố tiến lại gần mà không sao làm được. Ông ta trông rõ màu xám, màu vàng và màu nâu trong số các màu sắc, nhưng do sợ hãi nên quanh bức tranh như có một bức tường được dựng nên ngăn ông ta từ xa. Ông ta ngồi xuống và cố trấn tĩnh lại. Ông ta đứng phắt dậy và rung chuông gọi Philip.

- Trong nhà này có một họa sĩ trẻ, tên là Rainơman gì đó, anh có biết anh ta anh ta ở buồng nào không? – ông ta nói.

- Tầng trên cùng, buồng phía trước, thưa ngài. – Philip nói.

- Thế anh lên mời anh ta vui lòng đến đây một lát nhé.

Rainơman đến ngay. Samơ tự giới thiệu.

- Ông Rainơman, – ông ta nói, – ở trên cái bàn kia có một bức phác thảo nhỏ bằng phấn màu. Xin ông cho ý kiến về tài năng nghệ sĩ vẽ bức tranh đó và về bản thân bức tranh đó, được như vậy tôi xin đa tạ ông.

Người họa sĩ trẻ tiến đến bên bàn và cầm bức tranh phác thảo lên.

Samơ nửa như quay mặt đi, tựa lưng vào ghế:

- Ông, ông... thấy thế nào? – Ông ta chậm rãi hỏi.

Người nghệ sĩ nói:

- Về phương diện bức tranh, tôi không có đủ lời để ca ngợi. Đó là tác phẩm của một bậc thầy – những nét rõ, đẹp, rất thật. Nó làm cho tôi hơi băn khoăn. Đã nhiều năm nay tôi chưa được thấy một tác phẩm vẽ phấn màu nào tuyệt đến thế.

- Thế ông thấy thế nào, xét về khuôn mặt, chủ đề, so với bức ảnh gốc?

- Khuôn mặt này là một trong những khuôn mặt của thiên thần. Cho

phép tôi hỏi, đây là ai?

- Chính là vợ tôi đó! – Samơ kêu lên, xoay người, vồ lấy người nghệ sĩ đang còn ngờ ngác, nắm chặt tay anh ta và vỗ vào lưng anh ta. – Nhà tôi đang chu du ở châu Âu. Anh bạn hãy cầm lấy bức phác thảo này và theo đó, anh hãy vẽ bức tranh tuyệt nhất từ trước tới giờ của anh đi. Tôi hứa sẽ trả anh với giá thật hậu hĩ.

Mạnh Chương dịch

Chú thích

(1) Madison Square : một trong ba quảng trường ở Niu-Yooc, mang tên James Madison (1751 – 1836), tổng thống thứ tư của nước Mỹ vào năm 1809 – 1817.

(2) Ám chỉ thần đèn trong truyện Nghìn lẻ một đêm.

(3) Haroun Al Raschid, hoàng đế của thành Batđa vào những năm 786 – 809 sau CN, được nhắc tới trong truyện Nghìn lẻ một đêm.

(4) Ý chỉ thành phố Niu-Yooc.

O. Henry

Đồng bệnh tương thân

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh: Make the whole world kin

Tên trộm bước nhanh qua khung cửa sổ, rồi dừng lại để lấy hơi. Trộm đạo nào khi đã biết kính trọng nghệ thuật của mình cũng đều dừng lại lấy hơi trước khi lấy món gì khác.

Căn nhà thuộc về một khu gia cư tư nhân. Qua khung cửa chính có dấu hiệu tiếp nhận thức ăn và giàn dây thường xuân Boston không được tỉa cắt, tên trộm biết là bà chủ nhà đang ngồi trong một quán pizza dựa bờ biển đầu đấy, kể lẽ với một ông hay thương cảm đội chiếc mũ đi biển là không có ai hiểu gì về một con tim đa cảm, cô đơn. Qua ánh sáng tỏa ra từ các khung cửa sổ trên tầng ba, và qua mùa đã muộn này trong năm, tên trộm biết là ông chủ nhà đã trở về, chẳng bao lâu nữa sẽ tắt các ngọn đèn và đi ngủ. Vì đây là tháng Chính của năm và của linh hồn, trong cái mùa mà một người đàn ông đang hoàng của gia đình biết xem các vườn cây cảnh trên nóc nhà và các cô tốc ký là những gì phù phiếm, biết mong mỗi người bạn đời của ông trở về, mong mỗi những ân sủng lâu dài hơn dưới dạng trang trí nội thất và những xuất sắc về đạo đức.

Tên trộm đốt một điều thuốc. Ánh lửa được che chắn nhưng vẫn soi rọi một vài nét chính của hắn trong một khoảnh khắc. Hắn thuộc về hạng trộm đạo thứ ba.

Hạng thứ ba này chưa được công nhận. Cảnh sát chỉ giới thiệu cho ta biết về hạng trộm đạo thứ nhất và thứ hai. Sự phân loại của họ thì đơn giản. Cái cổ áo là dấu hiệu để phân biệt.

Khi một tên trộm bị bắt mà không mang cổ áo, hắn được xem là kẻ thoái hóa thuộc hạng thấp nhất, đặc biệt dữ tợn và suy đồi, bị nghi là tên tội phạm đã trộm chiếc còng của Cảnh sát Tuần tra Hennessy trong năm 1878 rồi bỏ trốn. Hạng được biết tiếng thứ hai là kẻ trộm đạo mang cổ áo. Anh ta luôn luôn được nhắc đến như là trang công tử trong đời thật. Luôn luôn, anh ta là người phong nhã ban ngày, làm thiên hạ bị hấp hồn với bộ quần áo bảnh bao, nhưng khi đêm về lại làm nghề đạo chích. Bà mẹ anh ta là một người rất giàu, được trọng vọng ở Ocean Grove, và khi anh ta bị điệu vào xà lim anh ta yêu cầu ngay một cái dưa và tờ Tạp chí Cảnh sát. Anh luôn luôn có một cô vợ ở mỗi bang và những cô hôn thê trong mỗi lãnh địa¹. Các nhật báo đăng tin tức đời sống gia đình anh lấy từ kho bài báo về mấy cô nàng vốn đã được chữa khỏi bệnh chỉ bằng một chai sau khi năm bác sĩ đã bó tay.

Tên trộm mặc một áo len dài tay màu lam. Anh ta không phải là một trang công tử mà cũng không phải là một trong mấy tay đầu bếp của Hell's kitchen – Bếp của Địa ngục. Cảnh sát hắn phải lúng túng nếu họ cố phân loại anh. Họ chưa từng nghe đến một tên trộm khả kính,

không màu mè, mà cũng không ở trên hoặc dưới cái bốt. Tên trộm thuộc hạng thứ ba bắt đầu lần mò. Hắn không mang mặt nạ, đèn đi đêm hoặc giày kép. Hắn mang khẩu súng nòng .38 trong túi quần, trầm ngâm nhai kẹo cao su bạc hà.

Đồ trang bị nội thất của căn nhà đều được phủ vải che bụi mùa hè. Các món bằng bạc ở xa hơn, trong cái két sắt. Tên trộm không mong được “quả” khá. Hắn nhấm đến căn phòng thấp đèn mờ mờ, nơi ông chủ đang ngủ mê mệt sau sự an ủi bất kỳ nào đấy mà ông đã tìm để làm nhẹ gánh nặng cho nỗi cô đơn của ông. Hắn có thể “chôm” được món nào đó ở đấy để có được mức lời hợp pháp, khá chuyên môn – tiền bạc bỏ vương vãi, một cái đồng hồ, cây kim cài có đính đá quý. Hắn trông thấy cánh cửa sổ mở và đã đánh liều.

Tên trộm nhẹ nhàng mở cửa của căn phòng có đèn. Ga đốt đang được mở thấp. Một người đàn ông đang nằm ngủ trên giường. Trên chiếc đèn ban đêm là nhiều món bừa bãi – một nắm tiền nhàu nát, một cái đồng hồ, mấy chìa khóa, ba đồng chíp sòng bạc, mấy mẫu xì gà đã dụi tắt, một chiếc nơ tóc lụa màu hồng, và một chai thuốc Bromo Seltzer chưa mở nắp để dùng sáng hôm sau.

Tên trộm đi ba bước về phía chiếc đèn bàn đêm. Người đàn ông trên giường thỉnh thoảng rên lên một tiếng the thé, mở mắt ra. Tay phải của ông luồn vào chiếc gối, nhưng giữ ở đấy. Tên trộm nói với ông, giọng như là đang đối thoại:

-Nằm im.

Mấy tên trộm đạo thuộc hạng này không rít giọng. Người công dân

trên giường nhìn vào cái đầu tròn của nòng súng và nằm im. Tên trộm ra lệnh:

-Giơ hai tay lên.

Người công dân có một bộ râu nhỏ, nhọn, nâu-và-đen, như thể râu của một nha sĩ không đau. Ông có vẻ vững chãi, cao ngạo, khó chịu, khinh bỉ. Ông ngồi lên trên giường, giơ bàn tay phải lên khỏi đầu. Tên trộm ra lệnh tiếp:

-Giơ tay kia lên. Anh có thể là lương cư² và bắn được với tay trái.

Anh có thể đếm đến hai, phải không? Nhanh lên, ngay lập tức.

Người công dân nhăn nhó:

-Không thể giơ tay kia lên được.

-Tại sao?

-Bị phong thấp ở vai.

-Có bị viêm không?

-Lúc trước. Giờ bớt viêm rồi.

Tên trộm đứng đấy trong một, hai khoảnh khắc, chĩa súng vào người bệnh. Hắn liếc mắt nhìn qua các món trên chiếc bàn đèn đêm và rồi, với một vẻ nửa bối rối, nhìn lại người đàn ông trên giường. Rồi hắn thành linh cũng nhăn nhó.

Người công dân sang giọng bức bối:

-Đừng đứng đấy mà làm máy làm mặt. Nếu anh vào đây để ăn trộm thì tại sao không làm đi? Có vài món đâu đấy trong này.

Tên trộm nhăn nhó:

-Xin lỗi ông, nhưng nó cũng vừa hành tôi. Cũng hay cho ông là phong thấp và tôi là bạn cũ. Tôi cũng bị nó, trên cánh tay trái. Đa số kẻ khác ngoại trừ tôi đã cho ông một phát rồi khi ông không chịu giơ

lên móng vuốt tay trái của ông.

Người công dân hỏi:

-Anh bị bao lâu rồi?

-Bốn năm. Tôi đoán không phải chỉ có thế. Khi ta đã bị phong thấp là xem như phải mang nó cả đời – đấy là tôi phán xử thế.

Người công dân hỏi với vẻ chú tâm:

-Đã dùng thử mỡ rắn chuông chưa?

-Dùng cả chục lít. Nếu mọi con rắn tôi đã dùng được nối nhau kéo dài, chúng có thể dài đến sao Thổ, và tiếng chuông đuôi có thể vang đến Indiana rồi vọng về.

-Có người dùng thuốc viên của Chiselum.

-Vô dụng! Đã dùng năm tháng rồi. Không kết quả. Tôi thấy đỡ cái năm tôi dùng dầu Finkelham, thuốc cao Gilead và thuốc nghiền Pott. Nhưng tôi nghĩ dễ ngựa là có công hiệu khá nhất.

-Anh bị đau nhất vào buổi sáng hay ban đêm?

-Ban đêm, khi tôi phải bận rộn nhất. Này, ông hạ cánh tay ấy xuống đi. Tôi nghĩ ông sẽ không...Này, ông anh đã dùng thử thuốc bổ máu Blikerstaff chưa?

-Chưa bao giờ. Chưa bao giờ. Chứng của anh đến từng cơn hay là đau liên tục?

-Nó đột xuất. Nó hạ tôi vào lúc tôi không ngờ. Tôi phải bỏ một việc làm trên tầng hai vì đôi lúc tôi bị kẹt khi lên giữa chừng. Nói ông nghe...tôi không tin là mấy ông bác sĩ đang lên biết cách chữa chạy ra sao.

-Tôi cũng nghĩ thế. Đã chi cả nghìn đô mà vẫn không thấy khá hơn. Anh có bị sưng không?

-Vào buổi sáng. Và khi trời sắp mưa – mẹ kiếp!

-Tôi cũng thế. Tôi có thể đoán trước khi một màn hơi ẩm rộng bằng tấm khăn trải bàn bay từ Florida trên đường đến New York.

-Nó không thể loãng đi được – đồ địa ngục!

-Anh nói đúng lắm.

Tên trộm nhìn xuống khẩu súng của hắn, rồi nhét vào trong túi quần với cử động vụng về. Anh ta dè dặt:

-Này, ông già, đã từng thử thuốc xoa bóp phong thấp chưa?

Người công dân giận dữ:

-Cứ như là nước lã! Chỉ đáng dùng để phết lên bờ nhà hàng.

Tên trộm đồng ý:

-Đúng thế. Chỉ đáng dùng cho con bé Minnie khi bị mèo quào trên ngón tay. Nói cho ông nghe, chúng ta phải chống lại nó. Tôi chỉ thấy có một thứ làm bớt được. Cái gì hở. Đừng quên bạn giải sầu của lưu linh. Này ông...phi vụ này xem như bỏ...xin lỗi...thay quần áo rồi đi với tôi ra ngoài kiếm chút gì uống. Xin lỗi tôi đã tự tiện, nhưng...ồ! Nó lại hành tôi nữa!

-Cả tuần nay tôi không thể mặc quần áo mà không có người giúp. Tôi e là Thomas đang ngủ, và...

-Trèo ra. Tôi sẽ giúp ông tròng vào.

Quy ước đã trở lại như ngọn sóng triều và tràn ngập người công dân.

Ông vuột bộ râu:

-Kể ra cũng là rất bất thường...

-Áo sơ mi của ông đây. Tôi nghe một người nói thuốc mỡ Omberly đã chữa cho anh ta trong vòng hai tuần khiến anh có thể dùng cả hai tay để thắt và vạt.

Khi đã ra khỏi ngưỡng cửa, người công dân quay người, định bước trở lại. Ông giải thích:

-Có lẽ tôi quên mang theo tiền. Để trên cái bàn đèn tối hôm qua.

Tên trộm níu tay áo ông lại, chất phác:

-Đi thôi. Tôi kêu ông đi mà. Để nó đấy. Tôi có thủ sẵn. Đã dùng thử quả phỉ và dầu lọc đề chưa?

Chú thích

1. Vùng đất chưa thuộc về bang nào, mà được cai trị trực tiếp bởi chính quyền liên bang.

2. "Lưỡng cư" chỉ loài vật như ếch, nhái, có thể sống trên cạn hay dưới nước. Ý tên trộm muốn nói người đàn ông có thể thuận cả hai tay.

O. Henry

Hai Mươi Năm Sau

Dịch giả: Miêng

Nguyên tác: After twenty years

Viên cảnh sát đi tuần ngược lên đại lộ một cách oai phong. Vẻ oai phong cố hữu chớ không cố tình lấy le vì chẳng mấy ai chứng kiến. Lúc đó chỉ mới khoảng mười giờ đêm, nhưng từng đợt gió lạnh và trời muốn mưa làm đường sá vắng hẵn người.

Viên cảnh sát kiểm tra từng nhà, quay tròn cây ma trắc bằng động tác rắc rối ngoạn mục, thỉnh thoảng anh quay lại nhìn dọc đại lộ dài yên tĩnh với cái nhìn đầy cảnh giác. Thân hình vạm vỡ vẻ đàng hoàng tự tin, viên cảnh sát là hình ảnh đẹp đẽ của người giữ an bình xã hội. Ở khu này mọi sinh hoạt ngừng rất sớm. Thảng hoặc mới thấy ánh đèn tiệm thuốc lá hay một cái bar mở cửa suốt đêm, nhưng phần đông là tiệm tùng nên cửa đã đóng từ lâu rồi.

Khi đến giữa chừng một dãy nhà, viên cảnh sát bỗng dừng chậm bước. Ở lối vào tối thui tiệm bán đồ ngũ kim, một người đàn ông đang đứng tựa vào quầy, điều xì gà chưa đốt trên môi. Khi viên cảnh sát đến bên cạnh, người đàn ông nói với vẻ giọng chắc nịch :

- Mọi việc đều ổn cả, ông cảnh sát ạ. Tôi chỉ chờ người bạn. Đây là cái hẹn đã định trước từ hai mươi năm rồi. Ông thấy có vẻ lạ lùng

phải không ? Vậy tôi giải thích cho ông nghe, nếu ông muốn chắc chắn là mọi việc đều bình thường, hợp pháp. Cũng gần khoảng hai mươi năm nay, trước kia có tiệm ăn tên " Big Joe Brady s " ngay chỗ tiệm đồ này đây.

- Tiệm ăn đó đã bị phá năm năm nay rồi. Viên cảnh sát xác nhận. Người đàn ông đứng chỗ lối vào bật diêm châm thuốc. Ngọn lửa soi rõ khuôn mặt hơi xanh, quai hàm vuông, cặp mắt sắc bén với cái theo trắng nhỏ gần chân mày phải. Cái kẹp cà vạt nạm cục kim cương to tướng hơi kỳ. Anh ta nói :

- Tối nay là hai mươi năm rồi, tôi đã ăn tối tại " Big Joe Brady s " ở đây với Jimmy Wells, bạn thân nhất của tôi, người tuyệt vời nhất thế giới. Cậu ấy và tôi cùng lớn lên ở đất Nữ Ơớc này y như hai anh em. Lúc đó tôi mười tám và Jimmy hai mươi. Sáng hôm sau tôi phải đi miền Tây kiếm tiền. Ông không thể lôi Jimmy ra khỏi Nữ Ơớc được đâu. Cậu ta cho Nữ Ơớc là mảnh đất không đâu hơn trên đời. Rồi đêm đó chúng tôi giao ước là sẽ gặp lại hai mươi năm sau, đúng ngày giờ này, bất kể điều kiện sống như thế nào và bao nhiêu xa xôi cách trở phải vượt qua. Tin rằng trong hai mươi năm, số phận mỗi đứa đã được vạch rõ và của cải cũng đã có rồi, dù là gì chẳng nữa. Viên cảnh sát nói :

- Thú vị nhỉ. Nhưng tôi thấy giữa hai cuộc gặp gỡ có hơi lâu. Anh không bao giờ nhận được tin tức gì của bạn từ khi ra đi sao ?

- Có chứ. Chúng tôi có liên lạc một thời gian. Nhưng vài năm sau bắt tin nhau. Ông coi, miền Tây là một áp-phe khá lớn nên tôi xuôi ngược khắp nơi như thổ công. Tôi biết Jimmy sẽ gặp tôi ở đây nếu cậu ta còn sống, bởi vì cậu luôn luôn là người chân thật và trung thành nhất thế gian. Cậu không quên đâu. Tôi vượt cả ngàn cây số để tới đây tối

nay, và sẽ được đền bù nếu bạn tôi cũng tới.

Người đứng chờ rút trong túi ra cái đồng hồ khá đẹp, nắp cẩn hột xoàn. Anh ta nói :

- Mười giờ kém ba phút. Chúng tôi đã chia tay ở đây, trước cửa tiệm ăn lúc đúng mười giờ.

Viên cảnh sát hỏi :

- Anh thành công ở miền Tây lắm phải không ?.

- Còn phải nói ! Giá Jimmy làm được một nửa như tôi ! Cậu ta hơi chậm chạp nhưng là người rất tốt. Tôi đã phải vật lộn với mấy tên cáo già thứ dữ để lập gia tài. Ở Nữu Ước con người đâm ra ù lì đi. Phải là miền Tây mới làm người ta sắc bén ra.

Viên cảnh sát quay tròn cây ma trắc bước đi vài bước :

- Tôi tiếp tục đi tuần nhé. Hy vọng là bạn anh sắp tới. Anh ta phải đến thật đúng giờ à ?

- Ô, không, tôi để dôi ra cho cậu ta ít nhất là nửa giờ chứ. Nếu Jimmy còn trên quả đất này thì cậu ta sẽ đến khoảng giờ đó. Xin chào ông cảnh sát.

- Chào anh.

Viên cảnh sát trả lời và tiếp tục cuộc tuần tiểu, kiểm tra từng cửa khi đi qua.

Trời đổ cơn mưa bụi thật lạnh và gió thổi từng cơn. Một ít người đi bộ còn trong khu này đang rảo bước, buồn rầu im lặng, cổ áo kéo cao, hai tay thọc sâu trong túi. Ở lối vào tiệm bán đồ ngũ kim, người đàn ông đã vượt cả ngàn cây số để giữ đúng một cái hẹn bấp bênh đến độ vô lý với người bạn thời niên thiếu, đang hút xì gà và chờ đợi. Anh ta đợi khoảng hai mươi phút thì một người đàn ông cao lớn mặc áo khoác dài, cổ áo dựng đứng tận tai, từ đầu đường kia vội vã tiến

tới. Anh ta đến thẳng chỗ người đứng chờ và hơi ngập ngừng hỏi :

- Cậu đây hả, Bob ?

Người đàn ông đứng chờ ở lối vào la lên :

- Cậu đây hả, Jimmy Wells ?

Người mới tới vừa reo vừa cầm hai tay bạn trong tay mình :

- Trời ơi ! Đích thị là Bob, đúng như hai với hai là bốn. Tớ chắc chắn là sẽ gặp cậu ở đây nếu cậu còn sống trên đời. Hừm, ừ, hai mươi năm quả là dài. Cái quán ăn cũ đã biến mất rồi Bob à. Tớ muốn nó còn đó, như vậy tội mình lại có thể ăn tối với nhau. Miền Tây đái ngộ cậu ra sao, hờ ông bạn già ?

- Tuyệt. Nó cho tớ tất cả những gì tớ muốn. Cậu thay đổi nhiều đấy, Jimmy. Tớ không bao giờ nghĩ là cậu cao như vậy, ít nhất cũng cao hơn cả ngón tay.

- Ờ, sau hai mươi tuổi tớ có cao thêm chút đỉnh.

- Ở Nữu Ước có thành công không, Jimmy ?

- Tạm tạm thôi. Tớ có việc làm ở một trong các bộ của thành phố. Đi, Bob, tội mình tới một chỗ tớ biết để nói nhiều về thời gian qua cho yên tĩnh.

Tay trong tay, hai người đi ngược lên phố. Người tới từ miền Tây, mà tánh tự cao được phóng đại bằng thành công, bắt đầu kể những nét chính về lịch sử nghề nghiệp mình. Người kia thì chìm kín trong áo khoác, chăm chú lắng nghe.

Ở góc đường có tiệm thuốc tây sáng rực ánh đèn. Khi họ tới dưới ánh sáng chói chang ấy, hai người cùng lúc quay lại chăm chăm nhìn mặt nhau.

Người đến từ miền Tây bỗng dừng lại nói tay ra. Anh ta nói khàn :

- Anh không phải là Jimmy Wells. Hai mươi năm quả thực là lâu, nhưng không đủ lâu để biến cái mũi khoằm thành mũi tẹt được.

Người cao lớn trả lời :

- Đôi khi thời gian ấy đủ để thay đổi một người chân thực thành kẻ bất lương. Anh đang trong tình trạng bị bắt từ mười phút rồi, " công tử " Bob ạ. Chicago nghĩ là anh sẽ đi một vòng gần chỗ chúng tôi nên điện cho biết là họ muốn tán gẫu với anh một chút. Anh bình tĩnh nghe đấy chứ ? Như vậy là hợp lý. Giờ thì, trước khi đến bót, anh hãy đọc cái giấy người ta nhờ tôi trao tận tay anh cái đã. Anh có thể đọc trước cửa kiếng này. Cửa cảnh sát viên Wells gửi cho anh đấy. Người đến từ miền Tây mở miếng giấy nhỏ người kia vừa đưa. Tay anh ta bất động khi bắt đầu đọc, nhưng khi đọc xong thì nó run lên.

Mảnh giấy có vẽ ngắn gọn :

" Bob, tớ đã đến chỗ hẹn đúng giờ. Khi cậu bật diêm châm xì gà thì tớ thấy đó là khuôn mặt mà Chicago đang tìm. Không biết sao tớ không thể tự mình làm công việc ấy, nên đã tìm một cảnh sát viên mặc thường phục đến để thi hành. Jimmy ".

MIÊNG

Paris, Mars 1995

O. Henry

Hoàng tử đồng xanh

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Cuối cùng rồi cũng đến chín giờ tối, và công việc khó nhọc trong ngày chấm dứt. Lena trèo lên phòng cô trong Khách sạn Quarrymen. Cô bé đã làm việc quần quật như nô lệ, những công việc của phụ nữ thành niên: lau sàn nhà, rửa bát đĩa, dọn giường, và cung ứng nhu cầu không giới hạn về củi và nước cho cái khách sạn xô bồ và náo nê này.

Mọi chất chúa trong ngày của khu mỏ đá đã chấm dứt – tiếng nổ phá đá, tiếng khoan, tiếng ken két của cần cẩu, tiếng la hét của đốc công, tiếng ầm ầm tới lui của các xe goòng chở những tảng đá vôi nặng nề. Trong văn phòng khách sạn tầng dưới, ba hay bốn công nhân đang gặm gù, vắng tục qua ván cờ. Mùi hăng của thịt ninh, mỡ cháy, và cà phê loại rẻ tiền lơ lửng như một màn sương mù chán ngán trong căn nhà.

Lena đốt ngọn nến và ngồi rũ trên một chiếc ghế gỗ. Cô bé mới lên mười một, gầy còm và thiếu ăn. Lưng và tay chân cô đều nhứt mỗi, nhưng nổi nhứt nhối trong tim làm cô khổ nhất. Giọt nước cuối cùng làm đổ cốc nước đã đè thêm gánh nặng trên vai cô bé: họ đã lấy đi

của cô quyền truyện của Grimm . Mỗi tối, dù có mệt nhọc đến đâu, cô bé đều nương tựa vào Grimm để tìm an ủi và hy vọng. Mỗi lần đều có Grimm thì thậm chí với cô bé là một hoàng tử hay một bà tiên sẽ đến và cứu cô ra khỏi cảnh khốn cùng. Mỗi đêm, cô bé đều lấy lại can đảm và sức mạnh từ Grimm.

Với mỗi truyện cô bé đọc, cô đều tìm thấy những tương đồng với hoàn cảnh của mình: đứa trẻ lạc loài của bác tiều phu, cô gái ngỗ nghịch bất hạnh, cô con nuôi bị bạc đãi, cô gái bé bỏng bị nhốt trong túp lều của mụ phù thủy - tất cả đều là những phản chiếu trong suốt cho Lena, cô phụ bếp bị bóc lột của Khách sạn Quarrymen. Và luôn luôn khi đã đến cùng cực là thể nào cũng có một bà tiên hiền từ hay một hoàng tử dũng cảm đến giải cứu.

Vì thế, trong lâu đài của ác quỷ, bị giam cầm nô lệ vì một lời nguyền rửa, Lena đã dựa vào Grimm và chờ đợi, tha thiết muốn thấy sức mạnh lương thiện sẽ thắng. Nhưng ngày trước, bà Maloney đã tìm thấy quyền sách trong phòng cô bé và mang đi, phán là công nhân không nên đọc sách ban đêm, họ sẽ bị mất ngủ và không hăng hái làm việc ngày hôm sau. Có thể nào một cô bé mới mười một tuổi, sống xa mẹ, và không khi nào có thời giờ để nô đùa, lại có thể sống mà không có Grimm? Bạn thử một lần xem, và bạn sẽ thấy khó khăn đến dường nào.

Nhà cô bé Lena ở bang Texas, giữa các ngọn núi nhỏ dọc sông Pedernales, trong một thị trấn nhỏ tên là Fredericksburg. Dân trong thị trấn này đều là gốc Đức. Vào buổi tối, họ ngồi ở những cái bàn đặt dọc hè đường, uống bia và chơi bài. Họ rất buồn xỉn.

Buồn xỉn nhất trong bọn họ là Peter Hildesmuller, cha của Lena. Và vì thế mà Lena bị bắt đến làm việc ở cái khách sạn gần các mỏ đá,

cách ba mươi dặm. Cô lãnh được ba đô la mỗi tuần, và Peter thêm đồng lương của cô vào cửa hàng của ông. Peter có tham vọng sẽ trở nên giàu có như ông hàng xóm. Và giờ đây Lena đã đủ lớn để có thể đi làm và giúp vào việc tích lũy làm giàu. Bạn hãy tưởng tượng, nếu có thể được, hoàn cảnh cô bé mười một tuổi là như thế nào khi bị tách xa khỏi mái ấm gia đình trong một ngôi làng nhỏ sông Rhine để làm lao động trong một lâu đài của ác quỷ, nơi bạn phải bay để phục vụ các con ác quỷ trong khi bọn chúng nuốt sống bò và cừu, la rống dữ dội khi bọn chúng dậm chân rầm rập để giữ bụi đá vôi trên sàn cho bạn quét và lau với những ngón tay yếu đuối đau nhức. Và rồi, người ta lấy đi Grimm của bạn!

Lena nhấc cái nắp của một cái hộp rỗng trước đây đã chứa ngô đóng hộp, lấy ra một mảnh giấy và một cây bút chì. Cô bé định viết cho mẹ cô. Tommy Ryan sẽ đi bỏ thư ở trạm bưu điện của ông Ballinger.

Tommy mười bảy tuổi, làm việc ở mỏ đá, mỗi tối trở về nhà ở Ballinger, và hiện đang đứng trong bóng tối dưới cửa sổ phòng Lena để chờ cô ném lá thư xuống. Đây là cách duy nhất cô bé có thể gửi thư về Fredericksburg. Bà Maloney không thích cô viết thư.

Ngọn nến đã cháy gần tàn, nên Lena vội cắn lớp gỗ quanh ruột chì và bắt đầu viết.

MẸ YÊU QUÝ – Con muốn gặp mẹ lắm. Và gặp Gretel, Claus, Heinrich và em Adolf. Con muốn gặp mẹ. Hôm nay con bị bà Maloney tát và không được ăn tối. Con không mang đủ củ đốt vì tay con bị nhức. Bà ấy lấy quyển sách của con. Quyển “Truyện cổ tích của Grimm” mà bác Leo cho con đó. Con đọc quyển sách không làm hại ai. Con ráng sức làm việc, nhưng công việc quá nhiều. Con chỉ đọc một ít mỗi tối. Mẹ ơi, con cho mẹ biết con sẽ làm gì. Nếu mẹ

không cho người đón con về nhà ngày mai, con sẽ đi đến nơi sâu trong sông và chết đuối. Con nghĩ chết đuối là không tốt, nhưng con muốn gặp mẹ, con không có ai khác. Con quá mệt. Tommy đang đợi lá thư. Mẹ tha thứ cho con nếu con phải làm việc đó.

Con thương của mẹ,

Lena

Tommy vẫn trung kiên chờ đợi. Khi Lena ném lá thư xuống, cô bé thấy anh nhặt lên, rồi đi lên theo triền đồi dốc. Cô bé vẫn mặc quần áo làm việc, thối tất nển rồi nằm cuộn mình trên tấm nệm trải trên sàn.

Lúc 10 giờ 30 phút, ông già Ballinger bước ra khỏi nhà, chân mang tất cao, đứng dựa cổng, hút ống vố. Ông nhìn dọc con đường trắng xoá trong ánh trắng, và lấy một bàn chân chà xát cổ chân kia. Đã đến giờ chuyển xe thư Fredericksburg đi đến.

Ông già Ballinger chờ chỉ được vài phút khi ông nghe tiếng vó lọc cộc của đôi lừa đen của Fritz, và chẳng bao lâu chiếc xe goòng che vải bạt đã dừng trước cổng. Đôi tròng kính của Fritz lấp loáng trong ánh trắng, và tiếng nói vang dội của anh đón chào ông trưởng trạm bưu điện Ballinger. Người chở thư nhảy ra và tháo dây cương, vì anh luôn luôn cho lừa ăn lúa mạch tại trạm Ballinger.

Trong khi các con lừa đang ăn, ông già Ballinger mang ra một túi thư ném vào chiếc xe goòng.

Fritz Bergmann là con người của ba – hay chính xác hơn – bốn tình cảm, vì hai con lừa đáng được tính riêng biệt. Hai con lừa này là mối quan tâm và niềm vui chính của cuộc đời anh, kể đến là Hoàng đế Đức và cô bé Lena Hildesmuller.

Fritz nói, khi anh đã sẵn sàng lên đường đi tiếp:

- Ông cho tôi biết, trong cái túi có thư của cô bé Lena ở mỏ đá viết cho bà Hildesmuller không? Một lá thư gửi đi chuyển trước nói là cô bé đã bị bệnh. Mẹ cô nóng lòng muốn biết tin thêm.

Ông già Ballinger trả lời:

- Có. Đây là thư cho bà Helterskelter, hay tên nghe đại loại như vậy. Tommy Ryan mang đến. Anh bảo cô bé làm ở đây à?

Fritz thét ngoái lại khi anh nắm lấy sợi dây cương:

- Trong khách sạn. Mười một tuổi nhỏ xíu. Thằng cha Peter Hildesmuller tàn bạo – ngày nào đây tôi sẽ nện cho hắn một trận. Có thể với bức thư này Lena nói là cô bé đã khỏe, để bà mẹ vui. Ông Ballinger, coi chừng chân ông bị lạnh trong gió đêm đây!

- Chào Fritz. Anh có cả một đêm mát mẻ tốt đẹp trong chuyến đi đây! Hai con lừa đều nhịp trên đường, trong khi Fritz thỉnh thoảng gầm lên những lời khuyến khích ngọt ngào. Khi họ đến khu rừng sồi, cách trạm Ballinger tám dặm, thành linh có ánh chớp, tiếng sấm và tiếng roi quật vun vút như thể từ một bộ lạc dân da đỏ. Một đám người ngựa phóng đến, bao quanh xe chở thư. Một tên chĩa khẩu súng lục vào anh đánh xe, ra lệnh dừng lại. Mấy tên khác nắm lấy dây cương của hai con Donder và Blitzen.

Fritz gầm lên chát chúa:

- Buông tay ra khỏi mấy con lừa. Chúng tôi là xe thư Hiệp Chúng Quốc!

Một tiếng nói trầm trầm kéo dài:

- Nhanh lên, anh người Đức. Anh không biết anh đang bị trấn lột hay sao? Kéo lừa lại, leo ra khỏi xe.

Do những lỗi lầm khắp cùng và thành tựu to lớn của Hondo Bill, có thể nói là cướp xe thư Fredericksburg không phải là mục đích chính

của hắn. Cũng như một con sư tử có thể đặt một chân phù phiếm lên một con thỏ trên đường đuổi theo một con mồi lớn, nên Hondo Bill và băng đảng của hắn, với tinh thần thể thao, đã chớp phương tiện giao thông an bình của Fritz.

Công việc thực sự trong đêm đầy tai ương của băng đảng đã xong. Fritz với túi thư tín và hai con lừa chỉ như là một thư giãn nhàn nhã, sau những nhiệm vụ nghề nghiệp nặng nề. Hai mươi dặm về hướng đông nam đang có một con tàu bị tắt máy, với đám hành khách kinh hoàng, và một xe tốc hành cùng toa chở thư đã bị trấn lột. Đây mới là chuyện làm ăn nghiêm chỉnh của Hondo Bill và băng anh ta. Với chiến lợi phẩm khá béo bở gồm tiền mặt và bạc ròng, băng cướp đang đánh một vòng rộng về hướng tây qua vùng đồng xanh thưa thớt dân cư, định tẩu thoát về mặt khu an toàn ở Mexico qua mấy điểm trên sông Rio Grande cạn mà ngựa có thể vượt qua được. Phi vụ ở chuyến tàu đã khiến mấy tay lục lâm thảo khấu vui nhộn và hứng chí.

Run rẩy vì phẩm giá mình bị xúc phạm và bản thân cảm thấy khó hiểu, Fritz trèo xuống đường sau khi đã chỉnh lại đôi gọng kính. Băng cướp đã xuống ngựa và đang ca hát, nhảy nhót, hò hét, bộc lộ mọi niềm vui khoái trá trong đời của những kẻ sống ngoài vòng pháp luật, hả hê. Rattlesnake Rogers, người đứng ở đầu hai con lừa, giật quá mạnh sợi dây cương của con Donder hiền từ, làm con vật lùi ra sau và kêu lên một tiếng phản đối vì đau đớn. Ngay lập tức Fritz thét lên một tràng giận dữ, phóng đến tên Rogers bệ vệ và bắt đầu nắm tay đám thùm thụp vào tên lục lâm ngỗ ngược:

- Đồ ăn cướp! Chó má! Con lừa đó nó bị loét miệng. Tao đánh gãy xương vai mày ra, tên cướp đường!

Rattlesnake tru “Hí! Hí!”, rồi cười phá lên và thụp đầu né tránh: “Ai đó gỡ thằng này ra cho tao”.

Một tên nắm lấy vạt áo choàng của Fritz kéo giật anh ra sau, và khu đồng xanh vang tiếng Rattlesnake phê bình dữ dội:

- Cái tên cả gan! Nó không đến nỗi tồi như con chồn hôi so với một tên Đức. Dám đứng lên bênh vực cho súc vật của nó, phải không? Tao khoái một thằng đàn ông yêu con vật của nó, dù chỉ là một con lừa. Nó dám chơi tao, phải không? Chà! Lừa ời! Tao không làm miệng mày đau nữa đâu!

Có lẽ họ đã không động đến thư từ nếu không do Ben Moody, tên cầm đầu số hai, có một trí khôn nào đấy khiến hắn ta nghĩ đến thêm chiến tích. Hắn nói với Hondo Bill:

- Nay sếp, có thể có món bở trong mấy túi thư. Tôi đã từng buôn bán ngựa với tụi Đức này quanh Fredericksburg nên tôi biết mách của họ. Bọn Đức đã từng liều bọc cả nghìn đô trong một mẫu giấy trước khi họ biết chi cho nhà băng để lo chuyện tiền bạc cho họ.

Hondo Bill, với vóc người cao lớn, giọng nói êm dịu và hành động bốc đồng, đang lôi ra mấy cái túi từ sau xe goòng trước khi Moody nói dứt. Một con dao loé sáng trong tay hắn, và người ta nghe tiếng loạch xoạch khi con dao rọc qua lớp vải bạt dai cứng. Bọn người ngoài vòng pháp luật bao quanh, bắt đầu xé ra mấy bức thư và bưu phẩm, công việc thêm sống động vì những tiếng văng tục thân mật chửi các tác giả - những người như thể đã âm mưu với nhau để bác bỏ lời tiên đoán của Ben Moody. Họ không tìm thấy đồng đô nào trong thư tín của Fredericksburg. Túi thư Ballinger bị phanh ra như cái kén dưới con dao của Hondo. Chỉ có một nắm thư trong đấy.

Hondo Bill nói với anh chở thư, nghiêm nghị:

- Mày phải tự biết gương khi chuyên chở lòng vòng mấy thứ giấy má lụn vụn như vậy. Mà mày có ý gì vậy? Bọn Đức mày giấu tiền ở đâu?

Fritz đã hàm hàm với kinh hãi và phần khích cho đến khi túi thư ấy bị động đến. Bây giờ anh nhớ đến lá thư của Lena. Anh nói với đảng trưởng, yêu cầu để yên cho lá thư này.

Hondo Bill nói với người chở thư đang lo lắng:

- Tao nghe lời mày, anh Đức. Tao nghĩ đó là lá thư tội này cần. Có “của” trong đó, phải không? Đây rồi. Cho tao chút ánh sáng đi tội bây.

Hondo bóc ra bức thư gửi cho bà Hildesmueller. Cả băng đứng vây quanh, tuần tự đốt mấy lá thư khác bị vụn xoắn. Hondo nhìn lá thư với vẻ khó chịu, thấy chỉ có một trang giấy nhỏ với mấy hàng chữ Đức gai góc.

- Đây là cái thá gì mày dùng để bịp bọn tao vậy, tên Đức kia? Mày bảo đó là lá thư có giá hả? Đó là cái trò lừa gạt hạ cấp mà lại đem chơi những người bạn của mày đến để giúp mày phân phát thư!

Sandy Grundy ghé mắt qua vai của Hondo:

- Đó là chữ Hoa hoè.

Một tên khác trong bọn, trẻ trung, mang khăn tay lụa và thắt lưng bằng kền:

- Thằng dốt! Đó là tóc ký. Có lần tao thấy nó trong toà án.

Fritz nói:

- Không, không, không phải. Đây là chữ Đức. Đây chỉ là một đứa con gái nhỏ viết cho mẹ nó. Một đứa con gái nhỏ tội nghiệp, đau yếu, làm việc nặng nhọc xa nhà. Ôi chao, thật là xấu hổ! Ông Cướp Đường tốt bụng ơi, xin ông làm ơn cho tôi xin lại bức thư này được không?

Hondo nói với vẻ nghiêm trọng thình lình khiến cả bọn ngạc nhiên:

- Cái thằng quỷ này cho tụi tao là như thế nào hả? Bộ mày tưởng tụi tao không có chút tư cách tối thiểu để chú ý tới sức khỏe của phụ nữ hay sao? Bây giờ, mày tới đây, mày đọc to lên mấy chữ gà bới đó trong tiếng Hiệp Chúng Quốc rõ ràng cho đám xã hội có học thức này nghe.

Hondo quay títt khẩu súng lục, đứng nghểu ngệnh trên anh Đức nhỏ thó bắt đầu đọc bức thư, dịch các chữ giản dị ra Anh văn. Cả băng cướp đứng trong yên lặng tuyệt đối, chăm chú lắng nghe.

Khi lá thư đã được dịch xong, Hondo hỏi:

- Con nhỏ đó bao nhiêu tuổi?

Fritz đáp:

- Mười một.

- Con nhỏ đang ở đâu?

- Ở mỏ đá – đang làm việc. Tôi nghiệp con bé Lena, nó nói đến việc chết chìm. Tôi không chắc nó sẽ làm việc này, nhưng nếu nó có mệnh hệ gì, tôi thề sẽ kiếm súng bắn nát thằng cha Peter

Hildesmuller.

Hondo Bill nói với giọng khinh miệt:

- Bọn Đức chúng mày làm tao thấy oải quá! Bắt con cái đi làm trong khi đáng lẽ chúng nó được chơi búp bê trên cát. Bọn này là đám dân cư khốn khiếp. Tao chính đồng hồ bọn mày một thời gian để cho bọn mày biết tụi tao nghĩ như thế nào về cái xứ sở phó-mát của bọn mày. Tụi bây, lại đây.

Hondo Bill hội ý nhanh với cả băng, rồi bọn họ tóm lấy Fritz và kéo anh qua vệ đường. Họ trói chặt anh vào một gốc cây, cột hai thành viên đoàn của anh vào gốc cây khác kế bên.

Hondo trấn an:

- Tụi tao không muốn mày đau đớn nhiều. Bị trói trong chốc lát không đau lắm đâu. Bây giờ tụi tao phải đi. Đừng sốt ruột.

Fritz nghe tiếng yên cương kêu kéo kệt khi bọn người nhảy lên lưng ngựa. Rồi có một tiếng thét và tiếng móng gỗ lọc cọc khi cả bọn phi dọc theo con đường Fredericksburg.

Trong hơn hai giờ, Fritz ngồi tựa vào gốc cây, bị trói chặt nhưng không đau đớn. Rồi từ phản ứng sau cuộc phiêu lưu kích xúc, anh thiếp đi trong mê mết. Anh không nhớ mình đã ngủ bao lâu, nhưng cuối cùng anh bị lay tỉnh một cách thô bạo. Mấy bàn tay cởi trói cho anh. Anh bị nhấc bổng lên, ngầy ngật, hoang mang, và người mỗi nhừ. Anh dụi mắt, và thấy mình một lần nữa đứng giữa bọn lục lâm gây kinh hoàng. Họ đẩy anh lên ngồi trên chiếc xe goòng, dúm sợi dây cương vào tay anh.

Hondo Bill ra lệnh:

- Chạy về nhà đi, cái tên Đức này. Mày gây lắm phiền phức cho tụi tao rồi, giờ tụi tao vui lòng tổng cổ mày.

Hondo vươn tay ra, vụt cây roi phát nhẹ vào con Blitzen một cái. Hai con lừa nhỏ phóng về phía trước, phấn khởi được tiếp tục lên đường. Fritz vỗ về hai con vật, trong khi bản thân anh cảm thấy chóng mặt và váng vất qua cuộc phiêu lưu kinh hãi.

Theo lịch trình, đáng lẽ anh đi đến Fredericksburg lúc bình minh.

Nhưng khi anh đến đấy thì đã 11 giờ sáng. Nhà của Peter Hildesmuller nằm trên đường đi đến trạm bưu điện. Anh dừng xe trước cánh cổng và gọi. Nhưng bà Hildesmuller đang đứng đợi ở đấy. Rồi cả gia đình Hildesmuller chạy ủa ra.

Bà Hildesmuller, mập mạp và tíu tít, hỏi anh có thư của Lena không, và rồi Fritz cất cao giọng kể về cuộc phiêu lưu của anh. Anh thuật

lại nội dung của lá thư mà băng cướp bắt anh đọc, và rồi bà Hildesmuller oà lên khóc điên dại. Cô con gái nhỏ Lena của bà muốn gieo mình xuống nước! Tại sao họ không đưa cô bé về nhà? Phải làm gì đây? Bây giờ có lẽ đã quá muộn để cho người đi đón cô bé về.

Ông Peter Hildesmuller gầm lên với bà vợ:

- Bà! Tại sao bà để con nhỏ đi? Đây là lỗi tại bà nếu nó không về nhà nữa.

Mọi người đều biết đây là lỗi của ông Peter Hildesmuller, nên không ai để ý đến lời ông.

Một lúc sau, có một tiếng kêu lạ kỳ, nho nhỏ: “Mẹ ời!”. Thoạt đầu bà Hildesmuller ngỡ đây là hồn ma cô bé gọi mình, và rồi bà chạy đến phía sau chiếc xe goòng phủ vải bạt và, với tiếng thét vì mừng rỡ, nhấc Lena lên, hôn lấy hôn để khuôn mặt nhỏ nhắn xanh xao của cô bé, ôm ghì lấy cô khiến cô gần ngạt thở. Hai mắt cô bé sật sù sau giấc ngủ mệt mỏi, nhưng cô mỉm cười và ôm lấy người mà cô muốn gặp lại. Cô bé đã ngủ thiếp giữa những túi thư, nằm trên cái chăn và bọc trong tấm dạ ấm cúng, cho đến khi tỉnh giấc vì những tiếng lao xao xung quanh.

Fritz nhìn cô bé, hai mắt trợn trừng sau đôi tròng kính. Anh la toáng lên:

- Trời đất ời! Làm thế nào mà bé có thể lọt vào trong xe được? Hay là tao đã khùng lên rồi như thể tao bị bọn cướp hạ sát và treo cổ hôm nay?

Bà Hildesmuller sụt sùi:

- Fritz, anh mang nó về cho chúng tôi. Tôi không biết nói gì để cảm ơn anh cho đủ.

Bà nói với Lena:

- Nói cho mẹ biết đi, bằng cách nào con chui được vào xe chú Fritz?

Cô bé trả lời:

- Con không biết. Nhưng con biết lúc con thoát khỏi khách sạn.

Hoàng Tử đến cứu con ra.

Fritz la lớn:

- Hoàng Thượng ơi! Bọn mình chắc sẽ thành hùng điên hết!

Lena ngồi xuống trên đồng chăn dạ bên lề đường, nói:

- Con luôn tin là Hoàng Tử sẽ đến. Đêm qua Hoàng Tử với một đội hiệp sỹ đến chiếm lâu đài của ác quỷ. Họ đập chén đĩa, đá cửa đổ xuống. Họ ném ông Maloney vào cái thùng nước mưa và rắc bột lên khắp người bà Maloney. Khi mấy ông hiệp sỹ nổ súng, mấy anh công nhân trong khách sạn nhảy qua cửa sổ chạy vào rừng. Họ làm con thức giấc, nên con lén dòm xuống lầu. Rồi Hoàng Tử đi lên, quần con trong cái chăn rồi bồng con xuống. Hoàng Tử cao lớn, khỏe mạnh lắm. Râu ria dài, Hoàng Tử nói nhỏ nhẹ, hiền từ, có mùi rượu nữa. Hoàng Tử nhắc con lên cho ngồi trước ông trên lưng ngựa, rồi chạy đi với các hiệp sỹ. Hoàng Tử ôm chặt con, rồi con ngủ luôn cho đến lúc con về tới đây.

Fritz vẫn la lớn:

- Vớ vẩn! Toàn chuyện cổ tích! Bé cho biết làm thế nào bé đi từ mỏ đá đến chui vào trong xe thư?

Lena vẫn nói chắc nịch:

- Hoàng Tử mang con đi.

Và cho đến bây giờ, các cư dân tốt của Fredericksburg vẫn không thể nào thuyết phục được cô bé cho lời giải thích theo cách khác.

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

O. Henry

Khách ở sa mạc lên

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh: The buyer from Cactus city

Quả thật hai chứng dị ứng và sổ mũi không thể hiện diện một cách khỏe khoắn ở Cactus city – “Thành phố của những cây xương rồng” – của bang Texas, vì lẽ không ai khịt mũi với những món hàng thời trang của trung tâm bách hóa “Navarro & Platt” ở đây.

Hai mươi nghìn dân tại Cactus city sẵn sàng vung tiền ra mua thứ họ thích. Phần lớn số tiền này đổ vào Navarro & Platt. Tòa nhà gạch vữa đại của nó đủ rộng để trồng cỏ nuôi vài chục đàn cừu. Bạn có thể mua ở đây cà vạt da rắn chuông, ô tô, hoặc áo choàng giá tám mươi lăm đô la, kiểu mới nhất, màu da phụ nữ với hai mươi sắc đậm nhạt khác nhau. Navarro & Platt là dân chăn nuôi với đầu óc kinh doanh. Họ thấy rằng thế giới không nhất thiết phải ngừng quay sau khi không còn cỏ miễn phí để nuôi gia súc.

Vào mỗi mùa xuân, người hùn vốn chính, năm mươi lăm tuổi, pha nửa máu Tây Ban Nha, có năng lực, thanh lịch, “đi lên” New York để mua hàng. Nhưng năm nay, ông ngại đi xa. Hiển nhiên là ông đã già

thêm, và mỗi sáng ông cứ nhìn đồng hồ nhiều lần mong đến giờ nghỉ trưa. Nên ông bảo người hùn vốn phụ:

-Tim, năm nay anh phải đi mua hàng.

Tim Platt có vẻ mệt mỏi. Anh trả lời:

-Tôi nghe nói New York là thành phố chán ngắt, nhưng tôi sẽ đi.

Giữa đường tôi có thể lượn qua San Antonio vài ngày để đi chơi.

Hai tuần sau, một thanh niên trong bộ veston Texas – áo vét đen, mũ trắng mềm rộng vành – bước vào trung tâm bán sỉ quần áo

“Zizzbaum & Son” ở cuối phố Broadway. Ông già Zizzbaum có con mắt của ó biển, trí nhớ của voi, và đầu óc có thể trải ra trong ông qua ba động tác như là cây thước gấp của thợ mộc. Ông lượn ra cánh cửa như một con gấu Bắc cực lông nâu và bắt tay Platt.

-Ông bạn hiền Navarro của tôi lúc này ra sao? Năm nay chuyển đi đối với ông là quá nặng nhọc, phải không? Cửa hàng chúng tôi hân hạnh được đón anh Platt thay cho ông ấy.

-Trúng hòng tâm, và tôi sẽ tặng một thửa đất khô hạn ở Hạt Pecos để biết ông làm thế nào được như thế này.

Zizzbaum cười:

-Tôi biết cách làm ăn, cũng như tôi biết là lượng mưa ở El Paso năm nay tăng gần gấp đôi, nên vì thế hãng Navarro & Platt sẽ mua 15.000 đô veston, thay vì 10.000 đô trong năm hạn hán. Nhưng đấy là việc của ngày mai. Trước tiên, trong phòng làm việc riêng của tôi có xì-gà để tổng khứ mùi của loại thuốc anh mang lậu trong miệng qua sông Rio Grande.

Trời đã về chiều, công việc làm ăn trong ngày đã ngưng. Zizzbaum để Platt ngồi một mình thưởng thức điếu xì-gà, đi ra ngoài tìm con

traí ông, lúc này chuẩn bị ra về, đang nắn nót lại kim thắt khăn choàng trước một tấm gương.

-Abey, con đưa anh Platt đi một vòng tối nay. Họ là khách hàng của mình từ mười năm rồi. Ông Navarro và cha chơi cờ vua với nhau trong giờ rảnh rỗi khi ông ấy lên đây. Như thế là tốt, nhưng anh Platt còn trẻ và đây là lần đầu tiên anh lên New York. Anh ấy sẽ dễ vui thú với thành phố hơn.

-Được rồi. Con sẽ đưa anh ấy đi. Sau khi con đưa anh qua khu Flatiron rồi đến khách sạn Astor và nghe nhạc thì là quá mười giờ, lúc ấy cái anh người Texas đã sẵn sàng lên giường ngủ. Phần con thì có hẹn đi ăn tối lúc 11 giờ.

Mười giờ sáng hôm sau, Platt đi vào cửa hàng để bàn việc làm ăn. Anh ta gắn cả chùm lục bình lên ve áo. Ông Zizzbaum đích thân tiếp anh. Hãng Navarro & Platt là khách sộp của ông, và luôn luôn dùng khoản giảm giá để mua thêm hàng.

Ông Zizzbaum hỏi, với nụ cười ngây thơ của dân Manhattan:

-Anh nghĩ thế nào về thành phố nhỏ của chúng tôi?

-Tôi không khoái sống trong thành phố này. Anh ấy và tôi đi một vòng đến khá khuya tối hôm qua. Ông có nước uống tốt hơn, nhưng ở Cactus city đèn đóm sáng sủa hơn.

-Anh Platt, anh không nghĩ chúng tôi có ít ánh sáng trên phố Broadway hay sao?

-Cũng tốt như trong mấy bóng tối. Tôi nghĩ tôi mê nhưt mấy con ngựa của ông. Từ khi tôi lên đây, tôi chưa thấy con nào ra hồn.

Zizzbaum dẫn anh lên tầng trên để xem các bộ mẫu veston. Ông gọi một thư ký: "Bảo cô Asher đến đây."

Cô Asher đến, và Platt cảm thấy lần đầu tiên ánh sáng chói ngời của

ái tình và vinh quang chiếu xuống anh. Anh đứng sững như là vách đá cẩm thạch vùng vực núi Colorado, đôi mắt mở to chăm chăm nhìn cô. Cô cảm nhận tia nhìn của anh, và má cô ửng hồng một chút, trái với thói quen của cô.

Cô Asher là người mẫu sáng giá của Zizzbaum & Son. Cô có mái tóc bạch kim và khổ người được xem là “vừa tầm”, và các số đo của cô còn đẹp hơn cả tiêu chuẩn đòi hỏi. Cô làm người mẫu cho Zizzbaum đã được hai năm, và biết rành công việc của cô. Mắt cô sáng nhưng vô cảm, và nếu cô có muốn thi gan cùng cặp mắt của một con khủng long thì hẳn con quái vật sẽ nao núng và mềm nhũn ra. Nhân tiện kể luôn là cô hiểu quá rõ về khách hàng.

Zizzbaum nói:

-Bây giờ, anh Platt, tôi muốn cho anh xem các mẫu áo ma-xi công nương trong các màu nhạt. Đây sẽ là thời trang cho khí hậu của anh. Đây là mẫu đầu tiên. Cô Asher, xin mời cô.

Cô người mẫu sáng giá nhanh nhẹn lượn ra lượn vào phòng thay áo, mỗi lần mặc một kiểu áo mới, càng thêm mê hồn với mỗi thay đổi. Cô trình diễn với vẻ tự tin tuyệt đối trước anh khách hàng đã bị hấp hồn, đờ lợ, trong khi miệng ông Zizzbaum thuyết giảng trơn tru như bôi mỡ về các mẫu thời trang. Trên gương mặt cô người mẫu là một nụ cười chuyên nghiệp uể oải, vô hồn, có vẻ để che giấu điều gì đấy như là nổi chán ngán hoặc khinh thường.

Khi màn trình diễn kết thúc, Platt có vẻ do dự. Ông Zizzbaum có phần lo âu, nghĩ rằng anh khách hàng từ sa mạc lên có thể đi xem thử nơi khác. Nhưng thật ra Platt chỉ xem qua trong đầu anh những lô đất tốt nhất ở Cactus city để xây nhà, cố chọn lô thích hợp nhất để xây lên nơi đây căn nhà cho cô vợ tương lai của anh – lúc này ở

trong phòng thay áo, đang thay ra chiếc áo ma-xi bằng vải tuyn màu xanh tím.

Zizzbaum nói:

-Anh cứ thư thả. Tối nay anh suy nghĩ đi. Anh sẽ thấy không ai khác cho giá phải chăng như chúng tôi với các món hàng như thế này. Tôi e anh thấy buồn chán ở đây, anh Platt ạ. Một thanh niên trẻ như anh, dĩ nhiên là anh còn trẻ, anh thiếu giao du với nữ giới. Anh có muốn đi ăn tối với một phụ nữ đang hoàng không? Cô Asher là một phụ nữ rất đang hoàng, cô sẽ làm anh vui.

-Sao cơ? Cô ấy chưa quen tôi. Cô chưa biết tí gì về tôi. Liệu cô có đồng ý không? Tôi chưa quen cô.

Zizzbaum lặp lại, với đôi lông mày vênh ngược:

-Liệu cô có đồng ý không à? Chắc chắn cô sẽ đồng ý. Tôi sẽ giới thiệu anh. Chắc chắn cô sẽ đồng ý.

Ông ầm ĩ kêu cô Asher.

Cô đến, trầm tĩnh và có chút khinh thường, trong áo sơ mi trắng và juýp màu đen trơn.

Zizzbaum vừa nói vừa quay đi:

-Anh Platt muốn có hân hạnh mời cô đi ăn tối nay.

Cô Asher trả lời, mắt nhìn lên trần nhà:

-Được ạ. Em rất vui lòng. Số nhà 911, Đường số 12 Tây. Máy giờ?

-Bảy giờ có được không?

-Được, nhưng anh đừng đến sớm quá. Em ở trọ với một cô giáo, và cô không muốn đàn ông nào vào phòng. Không có phòng tiếp khách, nên anh sẽ phải chờ ở hành lang. Em sẽ sẵn sàng.

Lúc bảy giờ rưỡi, anh Platt và cô Asher ngồi trong một hiệu ăn phở Broadway. Cô ăn mặc màu đen trơn. Platt không biết rằng bữa ăn

này cũng là một phần công việc trong ngày của cô.

Qua đề nghị khéo léo của anh bồi bàn, Platt gọi một số món khá sang, trừ mấy món ăn chơi của Broadway.

Cô Asher nở một nụ cười lóng lánh:

-Em có thể gọi thức uống gì đấy được không?

-Được, tùy ý em.

Cô gọi Martini séc.

Khi ly rượu được mang ra đặt trước mặt cô, Platt đưa tay thu lấy.

-Thức uống gì vậy?

-Một loại cóc-tai.

-Anh nghe “tini” mà tưởng em gọi thứ “trà” gì đó. Đây là rượu. Em không nên uống. Tên em là gì?

Cô Asher lạnh nhạt:

-Với bạn bè thân thiết, tên là Helen.

Platt nghiêng người đến gần cô hơn:

-Em nghe anh này, Helen. Mỗi năm khi hoa xuân nở trên các đồng cỏ, anh thường nghĩ đến một người nào đó mà anh chưa từng gặp hoặc nghe nói tới. Khi anh mới gặp em phút đầu tiên, anh biết người đó chính là em. Anh sẽ trở về ngày mai, và em đi với anh. Anh biết như vậy, vì anh đã thấy rõ trong mắt em khi em mới nhìn anh. Em không cần lòng lộn, mà nên thuần thực¹. Đây là chút tiểu xảo anh lựa cho em trước khi anh tới đón em.

Anh đặt một chiếc nhẫn kim cương hai cara lên mặt bàn. Cô Asher dùng nĩa hất nó lại bên anh. Cô gay gắt:

-Anh không nên sỗ sàng.

-Anh có cả trăm ngàn đô la. Anh sẽ xây cho em một căn nhà đẹp nhứt vùng Texas.

-Này anh Khách Hàng, đừng tưởng anh có thể mua được em. Dù anh có cả trăm triệu, em không nghĩ em sẽ khinh khi anh. Ban đầu anh không có vẻ gì giống như những người khác, nhưng giờ em thấy tất cả đều như nhau.

-Tất cả ai?

-Tất cả khách hàng các anh. Anh nghĩ rằng bọn con gái chúng em phải đi ăn với anh nếu không sẽ mất việc nên anh có quyền muốn nói gì thì nói. Này, quên chuyện ấy đi. Em đã nghĩ anh khác những kẻ kia, nhưng em đã nhầm.

Platt gõ các ngón tay trên mặt bàn với niềm thỏa mãn bất chợt, ngời sáng. Anh bật lên, gần như là sảng khoái:

-Anh thấy rồi! Cuộc đất Nicholson, ở phía bắc. Có một khu rừng sồi và một hồ nước thiên nhiên. Có thể phá căn nhà cũ đi để cất căn nhà mới ẩn vô bên trong.

-Dẹp chuyện mộng mơ của anh đi. Xin lỗi đã đánh thức anh, nhưng từ rày đàn ông các anh nên thông minh hơn mà hiểu rõ mình đang đứng ở đâu. Em có nhiệm vụ đi ăn với anh và làm anh vui để anh chấp nhận làm ăn với ông già Zizzy, nhưng đừng mong em sẽ đi theo anh trong mấy bộ quần áo anh mua.

-Có phải ý em muốn nói là em đi ăn như thế này với khách hàng, và tất cả bọn họ...họ đều nói với em y như anh đã nói à?

-Họ đều đóng kịch. Nhưng em phải nhìn nhận là anh khá hơn họ một điều. Họ nói chuyện kim cương, còn anh thật sự đưa kim cương ra nhử.

-Em đi làm được bao lâu rồi hả Helen?

-Em đã tự lập được tám năm nay. Lúc đầu em giữ chân thu ngân, rồi gói hàng, rồi bán hàng cho đến tuổi thành niên, rồi được làm người

mẫu. Này anh Người Texas, anh có nghĩ là một tí rượu vang sẽ làm bữa ăn này đỡ khô khan không?

-Từ giờ em không nên uống rượu vang nữa, em yêu ời. Nghĩ mà thấy sợ cho...Ngày mai anh sẽ đến cửa hàng để đón em. Anh muốn lựa cho em một chiếc xe hơi trước khi đi. Ở đây chỉ cần mua có vậy.

-Bỏ cái trò này đi. Em đã quá chán nghe những cách nói năng như thế.

Sau bữa ăn, họ bước dọc theo phố Broadway và đi đến khu công viên nhỏ Diana. Anh bị cây cối ở đây thu hút lập tức và anh phải rẽ qua đường đi dạo dưới hàng cây. Ánh sáng soi trên hai giọt lệ long lanh trong đôi mắt cô người mẫu.

Platt nói:

-Anh không thích thế chút nào hết. Có chuyện gì vậy em?

-Anh không phải lo. À, đấy là vì...à, tôi không nghĩ anh là con người như thế khi tôi mới gặp anh lần đầu tiên. Nhưng các anh đều giống nhau. Bây giờ anh đưa tôi về, hay là tôi phải gọi cảnh sát?

Platt đưa cô về nhà trọ của cô. Họ đứng với nhau một phút ở tiền sảnh. Cô nhìn anh với vẻ trách móc khiến trái tim anh bắt đầu chao đảo. Cánh tay anh chỉ vừa vòng qua nửa eo cô thì cô đưa tay tát vào má anh một phát rất buốt.

Khi anh thối lui, một chiếc nhẫn rơi xuống, lăn lóc trên mặt sàn. Platt mò mẫm tìm, và nhặt được nó. Cô nói:

-Bây giờ, xin anh khách hàng mang chiếc nhẫn kim cương vô dụng đi về đi.

Anh chàng người Texas nói:

-Đây là chiếc nhẫn khác...Một nhẫn cưới.

Đôi mắt cô Asher long lanh nhìn anh trong tranh sáng tranh tối:

-Đấy là...anh định...

Có ai đấy mở cánh cửa từ bên trong tòa nhà.

Platt nói:

-Chào cô. Xin gặp lại cô ngày mai ở cửa hàng.

Cô Asher chạy lên phòng mình, lay người cô giáo đang ngủ trên giường cho đến khi cô này ngồi bật dậy, chuẩn bị hô “Cháy!”.

Cô giáo hốt hoảng hỏi:

-Ở đâu thế?

-Em cũng muốn biết. Emma, chị có học địa lý, chắc chị phải biết. Cái thành phố tên là Cac...Cac...Carac...Caracas, em nghĩ họ gọi như thế, nó ở đâu?

-Tại sao em dám dựng chị dậy chỉ để hỏi câu đấy? Caracas dĩ nhiên là ở Venezuela.

-Thành phố ấy ra sao?

-Sao hở? Nó có động đất với dân da đen với khỉ với sốt rét với núi lửa.

Cô Asher hớn hở:

-Em không màng. Ngày mai em sẽ đi đến đấy.

Chú thích :

Platt nói theo cách nuôi ngựa

O. Henry

Khi người ta yêu

Dịch giả: Đắc Lê

Khi người ta yêu Nghệ thuật của mình thì không có việc gì tựa như là quá khó.

Đó là tiền đề câu chuyện của chúng tôi. Qua truyện này, chúng ta sẽ rút ra được một kết luận từ tiền đề đó, đồng thời cũng chứng tỏ tiền đề đó không đúng. Đó là một điều mới mẻ về lô-gích và là một nghệ thuật kể chuyện có phần nào còn cổ hơn cả Vạn lý trường thành của Trung Quốc.

Giô Lerôbi ra đời ở vùng đồng bằng có nhiều cây sồi cổ thụ thuộc miền Mítđơn Oét, trong lòng rung động những xúc cảm hội họa. Hồi sáu tuổi, Giô vẽ một bức tranh về cái máy bơm của thành phố, có một công dân danh tiếng vội vã đi ngang qua. Sự nỗ lực này được đóng vào khung và treo ở tủ kính một hiệu thuốc, đứng bên cạnh bông lúa mì và một dây số lẻ. Hai mươi tuổi, chàng rời quê hương lên Niu Yoóc, với một chiếc nơ thắt lỏng lẻo và một số tiền lưng buộc chặt hơn đôi chút.

Đilior Corađơ quê ở một làng miền Nam, trông rất nhiều thông. Nàng lướt đôi tay trong sáu khoảng tám trên phím đàn dương cầm một cách đầy hứa hẹn đến nỗi họ hàng thân thuộc cố gắp nhặt đủ những

đồng tiền mỏng đặt trong cái mũ mỏng của nàng để cho nàng lên miền Bắc theo nốt việc học đàn. Họ sẽ chẳng thấy nàng theo nốt được việc học hành, nhưng đó lại là câu chuyện của chúng ta. Giô và Đilio gặp nhau trong một xưởng vẽ, một số sinh viên nghệ thuật và âm nhạc thường họp nhau ở đó để tranh luận về cách vẽ phối hợp màu sáng và tối, về Vácne (1), âm nhạc, tác phẩm của Rembrăng (2), tranh vẽ và Uôntoiphơn, giấy trang trí tường, Sôpanh và chè hương Ô long.

Giô và Đilio yêu nhau - hay là người nọ yêu người kia, tùy các bạn, - và chỉ sau một thời gian ngắn, họ đã lấy nhau, vì, xin hãy xem ở đoạn trên, khi người ta yêu Nghệ thuật của mình thì không có việc gì tựa như là quá khó.

Hai vợ chồng Lorôbi bắt đầu công việc tề gia nội trợ trong một gian gác. Đó là một gian riêng biệt, trông na ná như một nốt la giáng chúc cái đuôi xuống phím đàn dương cầm. Họ sống rất hạnh phúc, vì họ đều có Nghệ thuật của mình và người này có người kia ở bên. Tôi khuyên chàng thanh niên giàu có hãy đem bán tất cả những thứ gì mình có để lấy tiền cho người nghèo, hãy làm một người gác cổng để được hưởng đặc quyền sống trong một gian nhà cùng với Nghệ thuật và với Đilio của mình.

Những người sống trong một gian nhà như vậy nhất định sẽ xác nhận lời quả quyết của tôi rằng hạnh phúc của họ là hạnh phúc duy nhất thật sự. Nếu một căn nhà hạnh phúc thì không bao giờ quá chật hẹp, hãy hạ cái tủ áo nằm xuống thành một bàn bi-a, hãy để bệ lò sưởi trở thành một xuống máy, bàn viết thành một buồng ngủ dự phòng, chậu rửa mặt thành đàn dương cầm loại dây thẳng đứng; hãy để bốn bức tường hoà hợp với nhau để bạn và Đilio của bạn sống ở

giữa. Nhưng nếu một căn nhà thuộc loại khác thì nó cần phải rộng lớn, bạn bước vào ở Cồng Vàng (4), treo mũ tại Hetorót (5), treo áo choàng ở Onót (6) và ra khỏi nhà ở Labrado (7).

Giô đang học vẽ ông Medixto danh tiếng, chắc bạn cũng biết tiếng ông ta. Học phí cao, bài học nhẹ nhàng, những cái đó cùng với những điểm sáng nhất trên bức tranh đã nhẹ nhàng đưa ông Medixto tới đỉnh cao danh tiếng. Đilio theo học ông Rôdonxtốc, chắc bạn từng biết ông ta nổi danh là một người gây được bão táp trên những phím đàn dương cầm như thế nào rồi.

Chùng nào tiền nong vẫn còn, họ rất hạnh phúc. Tất cả... đều là như vậy - nhưng tôi không phải là người thích chỉ trích đâu. Mục đích của họ rất rõ ràng, đã được xác định, Giô phải sớm sáng tác được những bức tranh mà những ông già lịch sự, có bộ ria mép mỏng dính và những quyền sở tay dày cộp sẽ cùng nhau bao vây xưởng vẽ của chàng để giành được đặc quyền mua tranh. Đilio sẽ phải luyện tập cho thật quen thuộc với nàng âm nhạc, rồi có thể coi thường nàng âm nhạc để khi nhìn thấy những chỗ ngồi gần dàn nhạc và những lô không bán được vé thì Đilio sẽ kêu đau cổ họng, ăn tôm hùm trong buồng ăn riêng ở nhà và từ chối việc bước lên sân khấu.

Nhưng tốt nhất, theo tôi, là cuộc sống gia đình trong một gian nhà nhỏ: những cuộc trò chuyện linh hoạt, thăm thiết sau một ngày làm việc, những bữa ăn ấm cúng và những bữa điểm tâm ngon lành, nhẹ nhàng; các cao vọng kế tiếp nhau, cao vọng này xen lẫn vào cao vọng khác, sự giúp đỡ lẫn nhau và cảm hứng tương đồng, và, xin bỏ qua sự vô nghệ thuật của tôi, những cái bánh xăng-đuých kẹp đầy pho-mát trộn ô-liu vào lúc mười một giờ khuya.

Nhưng sau một thời gian ngắn, con tàu nghệ thuật đi chậm lại. Đôi

khi xảy ra như vậy, ngay cả khi người bề ghi nào đó chưa vẩy cờ ra hiệu ngừng. Mọi thứ đều đội nón ra đi mà không có cái gì bước về nhà cả, như những người tầm thường thường nói. Họ thiếu tiền trả học phí cho ông Medixtơ và ông (8) Rôdonxtốc. Khi người ta yêu Nghệ thuật của mình thì không có việc gì tựa như là quá khó. Vì thế, Đilio bảo rằng nàng phải đi dạy nhạc để giữ được tiếng bát đĩa vẫn vang lên trong nhà.

Nàng ra phố hai ba ngày cố tìm chỗ dạy nhạc. Một buổi tối, nàng mừng rỡ về nhà.

“Anh Giô thân yêu ơi, - nàng vui vẻ lên tiếng, - em đã có một học sinh rồi. Trời, những người đáng yêu nhất đời! Con gái viên tướng...

tướng A.B. Pinhcon... ở phố Bảy mươi mốt (9). Một toà nhà trắng lộng lẫy, anh Giô ạ... anh phải nhìn thấy cái cửa phía trước!

Bidăngtin (10), em nghĩ rằng hẳn anh sẽ gọi như thế. Còn ở trong nhà nữa chứ! Trời, anh Giô ơi, em chưa từng bao giờ trông thấy một nơi nào như thế.

Cô học trò của em tên là Clemontin. Em đã mê cô bé quá đi rồi. Cô bé thật mảnh dẻ..., bao giờ cũng mặc đồ trắng, cử chỉ rất mực dịu dàng, hết sức giản dị! Mới chỉ mười tám tuổi. Em sẽ dạy ba buổi một tuần. Anh thử đoán xem, anh Giô! Mỗi buổi năm đôla. Em không cần khoản chút nào đâu, vì hễ có được hai ba em học trò nữa thì em lại tiếp tục học ông Rôdonxtốc. Nào hãy xoa những nếp nhăn trên trán đi, anh thân yêu, chúng ta sẽ ăn một bữa thật tuyệt nhé”.

- Em Đilio, với em, thế là ổn đấy, - Giô vừa nói vừa dùng con dao ăn và cái thìa tấn công vào hộp đồ, - nhưng còn anh. Em nghĩ là anh bằng lòng cho em đi chen vai thích cánh để kiếm tiền, trong lúc anh vẫn vui chơi quanh quẩn trong những miền nghệ thuật cao quý ư?

Không bao giờ em ạ, anh thề trên đống xương của Benvenutô Xêlini (11). Anh nghĩ rằng mình có thể đi bán báo hoặc làm công nhân rải đường để kiếm lấy một hai đôla.

Đilior bước lại gần, đu vào cổ chồng:

- Anh Giô thân yêu, anh ngốc nghếch quá. Anh phải tiếp tục theo học. Không phải là em từ bỏ âm nhạc để đi làm việc khác đâu trong lúc dạy nhạc, em vẫn học. Em vẫn luôn luôn gần gũi âm nhạc của em. Với mười lăm đôla một tuần, chúng ta có thể sống sung sướng như những nhà triệu phú. Anh không được nghĩ đến việc bỏ học ông Medixtơ.

- Được rồi, nhưng anh không muốn em phải đi dạy học. Đó không phải là nghệ thuật. Làm như thế, em thật tốt quá.

- Khi người ta yêu Nghệ thuật của mình thì không có việc gì tựa như là quá khó.

- Ông Medixtơ đã khen ngợi cái nền trời trong bức phác họa anh vẽ ở công viên. Và ông Tincon đã đồng ý cho anh treo hai bức tranh tại tủ kính bày hàng của ông ta. Có thể anh sẽ bán được một bức, nếu may ra có một tên ngu ngốc sẵn tiền nào đó nhìn thấy những bức tranh đó.

- Em tin anh nhất định bán được tranh, - Đilior dịu dàng nói. - Còn bây giờ thì chúng ta hãy cảm ơn viên tướng Pinhcon và món thịt bê rán của ông ta.

Suốt cả tuần tiếp đó, hai vợ chồng Lerobi đều ăn điểm tâm sớm. Giô đang say sưa vẽ ở công viên Trung ương (12) những bức kí họa rất cần đến ánh mặt trời buổi sáng. Đilior nấu nướng cho Giô ăn no nê trước khi chàng đi, khen ngợi và hôn chàng vào lúc bảy giờ. Nghệ thuật là một bà chủ gia đình thu phục được lòng người. Chàng phần

nhieu về nhà vào lúc bảy giờ tối.

Cuối tuần, Đilio hân hoan thắng lợi tung ba tờ năm đôla lên giữa cái bàn kích thước 8 x 10 inso trong căn phòng khách kích thước 8 x 10 bộ. Nàng nói, vẻ hơi mệt mỏi:

“Em mệt vì Clemen-tin. Em sợ cô ta không tập luyện chuyên cần, dạy một đoạn nhạc, em phải bảo đi bảo lại nhiều lần. Cô ta bao giờ cũng mặc toàn đồ trắng, mặc như thế thì phải tẻ nhạt thôi. Nhưng tướng Pinhcơni là một ông già đáng quý nhất! Em muốn anh quen biết ông ta, anh Giô ạ. Thỉnh thoảng ông ta đến chỗ em và Clemen-tin ở bên cạnh đàn pianô, - anh biết không, ông ấy góa vợ - và đứng ở đấy, tay vuốt chòm râu trắng xoá. Ông ta bao giờ cũng hỏi: “Những nốt móc đôi, móc ba tiến bộ đến đâu rồi?”

Anh Giô ạ, em muốn anh nhìn thấy lớp ván lót ngoài mặt tường trong căn phòng khách đó. Và những cái rèm cửa Atrakhan (13) nữa chứ! Clemen-tin húng hắng ho, rất ngộ nghĩnh. Em mong cô ta được khoẻ hơn về bề ngoài của cô ta.

Ồ, em đã thực sự quán quýt cô ta rồi, cô ta rất dịu dàng, dòng dõi cao quý. Người anh của tướng Pinhcơni đã có lần làm đại sứ ở Bôlivia”.

Còn Giô, với dáng điệu của Môngtơ Crix-tô, rút ra mấy tờ giấy bạc: một tờ mười đôla, một tờ năm, một tờ hai và một tờ một đôla, tất cả đều mới tinh. Chàng đặt bên cạnh món tiền của Đilio, và báo tin:

- Bán được bức tranh màu nước vẽ cái đài kỉ niệm hình bút tháp cho một người ở thành phố Piorio rồi, em ạ!

- Anh đừng nói đùa với em, không phải ở Piorio.

- Đúng ở đấy mà. Anh ước gì em trông thấy ông ta, em Đilio ạ. Một ông béo phệ, quàng một cái khăn len to tướng và có một cái cằm

bằng lông nhím. Ông ta nhìn thấy bức tranh ở tủ kính của ông Tincơn. Thoạt tiên, ông ta tưởng là vẽ cái cối xay gió, nhưng dù sao ông ta cũng đã mua bức tranh. ông ta đặt một bức nữa... một bức tranh sơn dầu vẽ kho hàng Léccouônno để mang theo về... Những giờ dạy nhạc!Ồ, anh nghĩ trong đó vẫn còn đôi chút Nghệ thuật.

Đilio niềm nở nói:

- Em rất sung sướng thấy anh vẫn tiếp tục học. Anh nhất định thành công đấy, anh thân yêu ạ. Ba mươi ba đôla. Từ trước đến nay, chưa bao giờ chúng ta có nhiều tiền như thế này. Tối nay, chúng ta sẽ ăn sò huyết.

Tối thứ bảy sau, Giô về nhà trước. Chàng trải mười tám đôla lên trên mặt bàn trong phòng khách, rồi đi rửa những vết bẩn, tựa như thuốc vẽ màu sẫm, bám đầy tay.

Nửa giờ sau, Đilio về, bàn tay phải của nàng quán trong bó băng và vải xô, chẳng ra hình thù gì cả.

Sau câu chào hỏi thường lệ, Giô hỏi :

- Sao lại thế này, em Đilio?

Đilio cười, nhưng không vui lắm. Nàng giải thích:

- Sau buổi học, Clemontin cứ năn nỉ mời em ăn bánh mì nướng, rưới bơ nóng. Một cô gái kì khôi thế đấy! Bánh mì nướng, rưới bơ nóng vào lúc năm giờ chiều. Tướng Pinhcon cũng có mặt. Giá anh thấy ông ta tíu tít lấy đĩa ăn hăm nóng, anh Giô ạ, cứ như trong nhà không có một người đầy tớ nào ấy. Em biết Clemontin không được khoẻ lắm, cô ta rất hay xúc động. Lúc rưới bơ, cô bé đánh đổ rất nhiều nước bơ sôi lên bàn tay và cổ tay em. Rát ghê lắm, anh Giô ạ.

Clemontin rất hối hận! Còn tướng Pinhcon!... Anh Giô ạ, ông ta cuống lên. Ông ta lao xuống cầu thang, - người ta nói là người đốt lò

hay người nào đó trong tầng hầm ấy ra hiệu thuốc mua dầu và các thứ để băng tay cho em. Bây giờ thì không rất lắm đâu.

- Thế cái này là cái gì? - Giô hỏi, dịu dàng cầm bàn tay Đilio và kéo mấy sợi vải màu trắng nằm dưới đám băng.

- Cái vải gì mềm mềm đã thấm dầu ấy mà. Ờ, anh Giô này, anh đã bán được bức tranh nữa đấy à? - Đilio nhìn thấy món tiền trên bàn.

- Anh đã bán được ư? Chính cái ông ở thành phố Piorio. Hôm nay, ông ta lấy bức tranh vẽ kho hàng đã đặt trước ấy mà. Tuy không chắc chắn lắm, nhưng ông ta nghĩ là sẽ mua thêm một bức tranh vẽ cảnh công viên và một cảnh trên sông Hátxơn (14). Chiều nay, em bị bỏng tay vào lúc mấy giờ, em Đili (15) nhỉ?

- Lúc năm giờ, - Đilio ta thán - Cái bàn là... em định nói bơ nóng lấy ra khỏi lò vào khoảng giờ đó. Anh Giô ơi, anh nên gặp tướng Pinhcon, khi...

- Em Đili, em hãy ngồi xuống đây một lát đã, - Giô nói, chàng dìu vợ ngồi xuống giường, rồi ngồi bên cạnh ôm lấy vai nàng, chàng hỏi: “Em đã làm gì trong hai tuần vừa rồi, em Đili?”

Nàng giữ được can đảm một lát, khoé mắt tràn đầy tình yêu và sự buồn bã, nàng lẩm nhẩm một hai câu mơ hồ về tướng Pinhcon. Nhưng rồi nàng cúi đầu, sự thật trào ra theo dòng nước mắt.

- Em không có một em học trò nào cả, - nàng thú nhận. - Thấy anh phải bỏ học, em không thể nào chịu được. Em nhận việc là sơ-mi trong xưởng là rất to ở phố Hai mươi bốn ấy. Em nghĩ rằng việc sáng tạo ra tướng Pinhcon và cô bé Clemen-tin là rất khéo, có phải không anh Giô? Chiều nay, một cô gái trong xưởng lỡ đặt chiếc bàn là nóng lên tay em. Suốt trên đường về nhà, em sáng tác ra câu chuyện bánh mì nướng, rưới bơ nóng. Anh không giận em chứ, anh Giô? Nếu em

không tìm được việc làm, anh đã không thể bán được tranh cho cái ông ở thành phố Piorior.

- Ông ta không ở Piorior đâu, - Giô chậm rãi đáp.

- Ờ, ông ta ở đâu đến cũng chẳng hề gì. Anh thông minh quá, anh Giô... và... anh hôn em đi, anh Giô... làm sao mà anh lại đoán ra là em không dạy nhạc cho cô bé Clemon-tin?

- Phải đến tối nay anh mới đoán được. Từ trước, anh không đoán ra, ngay cả lúc chiều nay lúc từ phòng máy, anh gửi thứ vải vụn và dầu này lên cho một cô ở tầng trên bị bàn là làm bỏng tay. Hai tuần vừa rồi, anh đốt lò ở chính cái xưởng giặt là đó.

- Thế ra anh không...

- Cái ông ở thành phố Piorior đã mua tranh và tượng Pinhcon-i đều là hai tác phẩm của cùng một nghệ thuật... nhưng em không thể gọi đó là hội hoạ hoặc âm nhạc được đâu.

Giô và Đilior cùng cười. Giô bắt đầu:

- Khi người ta yêu Nghệ thuật của mình thì không có việc gì tựa như là...

Nhưng Đilior đặt tay lên môi Giô, ngăn chàng lại:

- Không. Chỉ cần: "Khi người ta yêu" ./.

Dịch giả: Đắc Lê

Chú thích:

(1) Vácne (1813 - 1883): nhạc sĩ Đức.

(2) Rembrăng (1616 - 1669): hoạ sĩ Hà Lan danh tiếng.

(3) Sôpanh (1810 - 1849) : nhạc sĩ Ba Lan vĩ đại.

(4) Cổng Vàng: eo biển rộng hai dặm ở phía tây Caliphonia, nổi vịnh

Xan Phranxixcô với Thái Bình Dương.

(5) Heterót: một hòn đảo ở phía bắc Carôlina nằm giữa eo biển Penlico và Thái Bình Dương.

(6) Onót: mũi đất ở phía nam Chilê, điểm cực nam của Nam Mỹ (vĩ tuyến 55o59 nam).

(7) Labrađo: bán đảo ở phía đông Canada, nằm giữa vịnh Hắtxơn và Thái Bình Dương.

(8) Nguyên văn bằng tiếng Đức: Merr.

(9) Phố Bảy mươi mốt: trong khu Manhattan.

(10) Bidăngtin: thành phố thời xưa, nổi tiếng về kiến trúc lộng lẫy, tráng lệ.

(11) Benvenutô Xêlini (1500 - 1571): nhà điêu khắc và nhà kim hoàn Ý nổi tiếng.

(12) Công viên Trung ương: công viên rất lớn ở giữa khu Manhattan, khu trung tâm của thành phố Niu Yoóc.

(13) Atrakhan: một thành phố ở Nga, nổi tiếng về các loại rèm cửa.

(14) Môngtơ Crix tô: nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết Bá tước Môngtơ Crix tô của Alêchxăng Đuyma.

(15) Hắtxơn: dòng sông ở đông bắc nước Mỹ, chảy qua Niu Yoóc, đổ ra Đại Tây Dương, dài 500 km.

(16) Đili: tên gọi thân mật thay cho Đilio

O. Henry

Lạc giữa đám diễu hành

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh: Lost on dress parade

Towers Chandler đang là bộ đồ vía của anh. Một cái bàn là đang được nung nóng trên bếp ga, cái kia đang đẩy tới đẩy lui mạnh mẽ để tạo một đường nếp thích hợp mà người ta sẽ thấy sau này khi nó chạy dọc thẳng tắp từ đôi giày da được đăng ký mẫu mã của anh Chandler cho đến vạt chiếc áo gi-lê.

Sau khi đã ăn mặc vô cùng tề chỉnh và đứng một, anh bước xuống từ tòa nhà ngăn phòng cho thuê để khánh thành những niềm vui của đêm tối. Anh điềm đạm, tự tin, bô trai, nhưng cảm thấy chút nhàm chán – hình ảnh bề ngoài thường thấy của một hội viên trẻ ở các câu lạc bộ New York.

Tiền lương của Chandler là 18 đô la một tuần. Anh làm việc cho một văn phòng kiến trúc. Anh gần đến hai mươi tuổi, anh xem kiến trúc thật sự là một nghệ thuật. Mỗi tuần Chandler để dành ra một đô la. Cứ mỗi mười tuần, với một số vốn tích lũy như thế, anh mua một buổi tối phong lưu công tử. Anh đều nhip trong đám diễu hành các

xiêm y mũ măng của những triệu phú và những chủ tịch, anh trà trộn vào cuộc sống chói lòa nhất và phô trương nhất, ở đây anh ăn tối với mọi cách sành điệu và xa xỉ. Với mười đô la, trong vài giờ một người có thể xuất sắc thủ vai một đáng nhân nhả giàu có. Số tiền thừa thãi cho một bữa ăn biết tính toán, một chai rượu mang một nhãn hiệu đáng được trọng vọng, món tiền boa hậu hĩ, một chiếc xì gà, một chiếc xe, thêm những thứ vân vân thông thường.

Đối với Chandler, một buổi tối được trích ra từ bảy mươi ngày buồn chán là một niềm hạnh phúc vô biên và được tái sinh. Đối với một cô nàng mới vào đời đây chỉ là một kinh nghiệm đầu đời, nằm đơn độc trong ký ức của cô khi tóc cô đã bạc, nhưng đối với Chandler mỗi mười tuần mang đến một niềm vui đều sôi nổi và sắc sảo như là lần đầu tiên. Ngồi giữa đám người trưởng giả dưới tán những cây cọ trong tiếng nhạc dập dìu, nhìn lên những mỹ nữ của một thiên đường như thế và được họ nhìn lại – làm thế nào bản khiêu vũ đầu đời và áo tuyền ngắn tay đầu tiên của một cô gái có thể sánh bằng?

Chandler đi ngược lên phố Broadway trong đám diễu hành, vì buổi tối hôm nay anh vừa là trình diễn viên vừa là quan sát viên. Vì lẽ, trong sáu mươi chín tối sau, anh sẽ ăn trong bộ quần áo len thô và lụa rẻ tiền tại một cao lầu đáng ngờ nào đấy, tại quầy ăn trưa chóng vánh, và sandwich cùng bia trong phòng ngủ của anh. Anh sẵn sàng chấp nhận như thế, vì anh là đứa con đích thật của nỗi đình – nỗi đám, và một buổi tối trong ánh hào quang đối với anh là đủ để bù đắp cho những đêm đen.

Chandler thả bộ dài dài cho đến khi các con đường Bốn Mươi cắt ngang một con đường hoan lạc vĩ đại và lấp lánh, vì buổi tối hãy còn dài, và khi người ta là một trong những kẻ chơi đùa chỉ một trong bảy mươi tối, người ta muốn kéo dài vui thú của họ. Những cặp mắt long lanh, đe dọa, tò mò, than phục, khiêu khích, quyến rũ soi vào anh, vì bộ quần áo và dáng vẻ của anh biểu hiện môn đồ của những giờ khuây khỏa và vui thú. Đến một góc đường nào đấy anh dừng lại, tự hỏi có nên quay lại đi về phía một nhà hàng phô trương và kiểu cách nơi anh vẫn thường đến ăn vào những tối xa xỉ đặc biệt như tối nay. Chính vào lúc ấy, một người con gái tung tăng quanh góc đường, trượt trên một mảng tuyết đóng băng rồi ngã huỵch xuống hè phố.

Chandler đến đỡ cô gái dậy với cử chỉ tử tế nhanh nhẩu và lo lắng. Cô gái khập khiễng bước đến chân tường một ngôi nhà, đứng dựa vào đấy, và tỏ lời cảm ơn anh một cách đoan trang. Cô bảo:

-Tôi nghĩ tôi bị trật cổ chân. Nó bị vặn khi tôi ngã.

-Cô có đau lắm không?

-Chỉ đau khi tôi đứng thẳng lên. Tôi nghĩ trong ít phút tôi có thể đi được.

-Nếu tôi có thể giúp cô thêm, tôi sẽ kêu xe cho cô, hay là...

Cô gái cắt ngang, giọng nhỏ nhẹ nhưng cảm kích:

-Cám ơn anh. Tôi tin chắc là anh không phải bận tâm đến tôi. Thật tôi vụng quá. Và hai gót giày của tôi quả là vô dụng. Không thể trách thứ ấy được.

Chandler nhìn cô gái, cảm thấy cô nhanh chóng thu hút sự chú ý của

anh. Cô xinh xắn trong vẻ tao nhã, đôi môi cô vừa tươi tắn vừa hiền hậu. Không rõ vì sao cô lại mặc bộ quần áo màu đen đơn giản như thế, dường như là loại quần áo các cô bán hàng thường mặc. Mái tóc bóng mượt nâu thẫm, với những lọn quăn dưới một chiếc mũ rơm rẽ tiền, chỉ có thêm chiếc băng và nơ bằng nhung. Cô có thể làm người mẫu đóng vai một cô công nhân tự trọng ở mức cao nhất.

Một ý tưởng đến nhanh trong đầu của nhà kiến trúc sư trẻ. Anh có thể mời cô ăn tối với anh. Đây là một mảng còn thiếu sót trong thành thích định kỳ hào hoa nhưng cô độc của anh. Thời vụ ngắn ngủi của lối sống xa xỉ sang trọng sẽ được vui thú thêm bội phần nếu anh có thể thêm vào đấy một phụ nữ đang hoàng. Cô gái là một phụ nữ đang hoàng, anh chắc như thế - cử chỉ và ngôn ngữ của cô đã chứng tỏ điều này. Cho dù y phục của cô quá đối đơn giản, anh nghĩ anh sẽ thấy vui được ngồi chung bàn với cô. Những tư tưởng này lướt nhanh qua đầu anh, và anh quyết định mời cô. Dĩ nhiên làm như vậy là không đúng cách xử thế, nhưng các cô công nhân thường gạt qua một bên mọi nghi thức trong những trường hợp như thế này. Họ thường có óc phán đoán tinh ranh về đàn ông, nhưng cũng thực tế với những quy ước vô dụng. Nếu chi tiêu có chừng mực, mười đô la của anh đủ cho cả hai một bữa ăn sang trọng. Bữa ăn chắc chắn sẽ là một kinh nghiệm tuyệt vời tô điểm cho cuộc sống thường nhật vô vị của cô gái, và việc cô vui thích một cách sống động sẽ góp thêm vào chiến thắng và vui thú của anh.

Anh nói với cô bằng vẻ nghiêm trọng chân thật:

-Tôi nghĩ chân cô cần được nghỉ dưỡng trong thời gian dài hơn là cô đoán. Bây giờ, tôi đề nghị một cách để cho nó được nghỉ dưỡng,

cùng lúc cô có thể cho tôi một đặc ân. Tôi đang trên đường đi ăn tối một mình khi cô đến và ngã xuống ở góc phố. Cô đi với tôi, chúng ta sẽ có một bữa ăn ấm cúng và buổi trò chuyện thoải mái với nhau, rồi sau đấy cỗ chân can trường của cô sẽ mang cô về nhà yên ổn, tôi tin chắc như thế.

Cô gái nhìn nhanh lên khuôn mặt sáng sủa dễ chịu của Chandler. Đôi mắt cô nhấp nháy một tia thật sáng, rồi cô vô tư mỉm cười. Cô nói, hồ nghi:

-Nhưng chúng ta chưa quen biết nhau – như thế là không ổn, phải không?

Người trai trẻ nói một cách chân thật:

-Không sao cả. Tôi sẽ tự giới thiệu – xin phép cô – tôi là Towers Chandler. Sau bữa ăn, mà tôi sẽ tìm mọi cách cho cô được dễ chịu, tôi sẽ từ giã cô, hoặc đưa cô về đến nhà an toàn, tùy ý cô muốn.

Cô gái liếc nhìn bộ y phục chỉnh tề của Chandler, nói:

-Nhưng trông tôi đây, với áo và mũ cũ kỹ thế này!

Chandler nói vui vẻ:

-Cô đừng bận tâm gì cả. Tôi tin là cô trông quyến rũ hơn bất kỳ ai ta sẽ thấy trong bộ quần áo ăn tối cầu kỳ nhất.

Cô gái thử một bước khập khiễng, thú nhận:

-Cổ chân tôi vẫn còn đau. Tôi nghĩ tôi sẽ nhận lời mời của anh, anh Chandler. Anh có thể gọi tôi là ...cô Marian.

Chàng kiến trúc sư nói vui vẻ, nhưng hoàn toàn lễ độ:

-Thế thì ta đi, cô Marian. Cô không phải đi xa. Có một nhà hàng đứng đắn và ngon ở khu phố trước mặt. Cô có thể tựa vào tay tôi ... để... và đi chậm thôi. Đi ăn một mình thì thật cô đơn. Tôi thấy hơi vui vì cô đã ngã trên băng.

Khi cả hai ngồi vào một chiếc bàn lịch sự, với một anh hầu bàn đầy hứa hẹn lượn qua lượn lại để phục vụ, Chandler bắt đầu cảm thấy niềm vui thú thật sự mà mỗi lần xuất hành luôn luôn mang đến cho anh. Nhà hàng không quá phô trương hay kiêu kỳ như nơi anh thường ăn dưới phố Broadway, nhưng cũng gần đến mức như thế. Các bàn ăn đều đầy những thực khách trông khá giả, có một ban nhạc khá, chơi loại nhạc êm để chuyện trò được dễ chịu, lại thêm thức ăn và dịch vụ không chê trách được. Ngay cả với chiếc mũ và áo rẻ tiền, cô bạn đồng hành vẫn giữ một phong thái khiến vẻ đẹp tự nhiên của khuôn mặt và dáng người cô càng thêm đặc sắc. Và chắc chắn là cô nhìn Chandler, với cử chỉ linh hoạt nhưng tự tin cộng thêm đôi mắt xanh tỏa sáng và chân thành, bằng nét gì đấy trên gương mặt của cô không khác xa lòng ngưỡng mộ là mấy.

Rồi Chandler bị bao ngông cuồng của cuộc sống phồn hoa đô hội, bao chói chang của ánh đèn đô thị, bao xa hoa phù vân phủ lấy anh. Anh đang ở giữa phố Broadway, bị những phô trương và kiểu cách vây bọc, và có những con mắt nhìn anh. Trên sân khấu hài kịch này, trong một buổi tối anh đã thủ vai trò của một kẻ nhàn nhã chỉ sống cho phương tiện và vui thú. Anh đã hóa trang cho vai trò này, và tất cả mọi thiên thần trong anh đều không đủ phép quyền ngăn cản anh diễn nó.

Thế là anh bắt đầu huyền thuyên với cô Marian về các câu lạc bộ, các tiệc trà, về các môn đánh gôn và cưỡi ngựa và các cũi chó và các buổi khiêu vũ và những chuyến du lịch nước ngoài, rồi anh còn

bốc phét xa gần về một chiếc du thuyền đang thả neo ở Larchmont. Anh có thể thấy là cô đang mang đầy ấn tượng với những gì anh ba hoa, nên anh lại tăng thêm sự thuyết phục bằng những ám chỉ xa gần về gia tài sự sản, và còn nhắc đến tên tuổi vài dòng họ thế gia khiến thế giới vô sản tôn sung. Chandler chỉ có một buổi tối ngắn ngủi, nên anh cố sức khai thác để có một buổi tối đẹp để nhất theo như ý anh. Tuy thế, một đôi lần anh nhìn thấy ánh vàng kim tỏa từ cô xuyên qua làn sương mù do tính tự phụ của anh bốc ra. Cô nói:

-Cuộc sống anh kể như thế có vẻ phù phiếm và không có mục đích. Anh có làm việc gì để giúp anh thêm hứng thú không?

-Cô Marian thân, công việc ư? Cô nên nghĩ đến việc lo chừng diện mỗi ngày để chuẩn bị đi ăn tối, lái xe rảo vòng dăm mươi nơi vào buổi chiều, với một cảnh sát ở mỗi ngã tư đường sẵn sàng nhảy vào ô tô và điệu về bót nếu ta chạy nhanh hơn xe lửa kéo một chút. Những người vô công rồi nghề như tôi thật ra là có bao nhiêu việc phải lo.

Bữa ăn chấm dứt, anh hầu bàn được boia hậu hĩ, và cả hai đi đến góc phố nơi họ đã gặp nhau. Cô Marian bây giờ bước đi khá vững, chỉ hơi chập choạng một chút. Cô nói thành thật:

-Cám ơn anh. Tôi phải chạy về nhà. Bữa ăn ngon lắm, anh Chandler ạ.

Anh bắt tay cô, mỉm một nụ cười thân ái, rồi nói gì đấy về ván bài bridge tại câu lạc bộ của anh. Anh nhìn cô một lúc, rồi đi nhanh về hướng đông, rồi vẫy một chiếc xe để trở về căn phòng của anh.

Trong căn phòng lạnh lẽo, Chandler trải bộ đồ vía ra cho nó nghỉ ngơi trong sáu mươi chín ngày kế tiếp. Anh suy nghĩ về cô. Anh nói

thầm với anh: “Cô là người con gái thật thu hút. Lại trông đang hoàng nữa. Có lẽ nếu mình nói sự thật với cô thay vì các chuyện nổi đình – nổi đám, chúng ta có thể...nhưng mà như thế lại làm cho rối reng! Mình cần thủ cho hết vai trò theo cách hóa trang của mình.”

Đây là kết luận của một con người can đảm, vốn được sinh trưởng và lớn lên trong những túp lều da thú của bộ lạc khu Manhattan.

Còn cô gái, sau khi đã giã từ người làm cô vui một buổi tối, đi nhanh chóng xuyên qua khu phố đến khi cô dừng lại trước một biệt thự lịch sự và yên tĩnh. Cô đi nhanh qua cổng, lên một căn phòng. Một cô gái lịch sự trong bộ quần áo mặc trong nhà rất hoa mỹ đang nhìn ra cửa sổ một cách lo lắng. Cô rầy rà khi thấy cô kia đi vào:

-À, cái con nhỏ liều mạng. Chừng nào em mới bỏ cái tật làm gia đình hốt hoảng như thế? Em đã đi ra khỏi nhà cả hai giờ đồng hồ mà mặc cái áo cũ và mang mũ của Marie như thế. Mẹ lo lắng hết sức. Bà sai Louis đánh xe đi tìm em. Em thật vô tâm quá!

Cô chị nhấn một nút chuông, và một người hầu đi vào.

-Marie, báo cho bà hay là Marian đã về.

-Chị đừng la rầy em. Em chỉ định đi đến hiệu may bà Theo để dặn bà ấy là dùng màu kem thay vì màu hồng. Em chỉ cần mặc áo cũ của em và đội mũ của Marie. Em chắc ai cũng nghĩ em là con bé đứng bán hàng.

-Bữa ăn đã xong rồi cưng ời, em về muộn quá.

-Em biết. Em trượt trên hè đường và bị trặc cổ chân. Em không thể đi được, nên phải cà nhắc vào một hiệu ăn và ngồi đấy đến khi đỡ đau. Vì thế mà em đi lâu.

Hai cô gái ngồi bên cửa sổ, nhìn ra những ánh đèn và dòng xe cộ tấp nập ngoài đường. Cô em chuỗi xuống để đặt đầu mình lên lòng chị.

Cô mơ màng:

-Một ngày nào đấy, chúng ta sẽ lấy chồng – cả hai chị em. Chị em ta có nhiều tiền đến nỗi không ai phải thất vọng. Chị muốn em nói cho chị nghe về mẫu người em có thể yêu không>

-Cứ nói đi, cái con nhỏ vô tâm!

-Em có thể yêu một người có đôi mắt xanh và dịu dàng, tử tế, biết trọng những người con gái nghèo, một người đẹp trai và hiền, không tìm cách tán tỉnh. Nhưng em chỉ yêu anh ấy nếu anh có ước vọng, sống có mục đích, có công việc gì đấy để làm. Em không cần biết anh ấy nghèo đến thế nào nếu em có thể giúp gầy dựng cho anh ấy. Nhưng mà, chị ơi, hạng đàn ông chúng ta luôn gặp – hạng người chỉ sống cuộc đời nhàn rỗi giữa xã hội phù hoa và các câu lạc bộ của họ - em không thể yêu một người như thế, ngay cả nếu mắt anh ta có xanh và anh ta tử tế với những cô gái nghèo anh gặp ngoài đường.

O. Henry

Mật bánh cay đắng

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh :The Pimienta pancakes

Trong khi chúng tôi đang lo lừa đàn bò ở Frio, một nhánh cỏ khô trên mặt đất làm vướng chân con ngựa tôi đang cưỡi khiến tôi ngã nhào, và bị trặc cổ chân. Tôi phải nằm dưỡng một tuần trong lán.

Đến ngày thứ ba, vì buồn chán tôi bò ra gần chiếc xe goòng dùng làm bếp nấu ăn, thúc thủ nằm đấy trong lửa khói đối thoại của Judson Odom, anh bếp của lán trại. Jud có tính hay độ thoại, cái tật Định Mệnh đã ban cho anh làm anh cứ mãi khát khao tìm thính giả. Thế là tôi phải cố nằm chịu trận nghe anh cà kê.

Đến một lúc, tôi thèm ăn một thứ gì đấy mà không phải là các món hàng ngày của lán. Trong trí tôi hiện ra một chiếc bánh nướng mẫu tử “dầy như mối tình đầu, và hoang sơ với mọi nỗi tiếc”. Nên tôi hỏi:

-Jud, anh có thể làm bánh rán cho tôi ăn được không?

Jud xông đến tôi, và tôi thấy anh có dáng vẻ đe dọa pha bất bình, đôi mắt xanh của anh chăm chăm nhìn tôi trong hồ nghi và lạnh lùng:

-Này, anh có ý thẳng thắn không, hay là chế nhạo tôi? Có phải mấy đứa đã kể cho anh nghe về tôi và câu chuyện bánh rán không?

Tôi thành thật nói:

-Không có đâu, Jud. Tôi nói thật mà. Tôi hầu như có thể đổi con ngựa của tôi kể cả yên cương để lấy một chiếc bánh rán nâu giòn phết bơ với nhưa¹ New Orleans đầu mùa. Có một câu chuyện về bánh rán à?

Jud dịu lại ngay khi anh thấy là tôi không có ý gì xỏ xiên. Anh mang ra vài cái bao và hộp thiếc kỳ bí từ chiếc xe goòng nhà bếp. Tôi nhìn anh bắt đầu thông thả sắp xếp các món này và tháo ra các dây buộc. Jud nói:

-Không, không phải là một câu chuyện. Chỉ là mấy điều tiết lộ về trường hợp của tôi và cái tên nuôi cừu đau mắt đỏ Trại Mired Mule Canada với cô Willella Learight. Tôi có thể kể cho anh nghe.

Thời ấy, tôi đang chăn bò cho ông già Bill Toomey ở San Miguel. Một ngày nọ, tôi cảm thấy thèm ăn thứ gì đấy trừ món đã từng kêu “mu-u” hoặc “ba-a” hoặc khụt khịt hoặc cục tác. Nên tôi phóng ngựa đến quán tạp hóa của bác Emsley Telfair tại Pimienta Crossing vùng Nuecess.

Khoảng ba giờ chiều tôi bước vào cửa hàng bác Emsley. Tôi leo lên ngòai tại cái quầy, bảo bác Emsley là mọi dấu hiệu đều cho thấy sản lượng trái cây của thế giới bị tàn phá. Trong vòng một phút, tôi đã có một bao bánh nướng giòn và một chiếc thìa cán dài, với mỗi thứ một hộp: mơ, dưa, anh đào, vân vân. Tôi cảm thấy như mình là ông Adam trước khi ném phải trái cấm. Khi đang làm việc với chiếc thìa cán dài thì tôi bất chợt nhìn qua cửa sổ trông ra khu vườn nhà bác Emsley gần cửa hàng.

Một cô gái đang đứng đấy – một người con gái được nhập khẩu toàn bộ kể cả phụ tùng, nhìn tôi đang khuyến khích công nghệ đóng hộp. Tôi tuột khỏi cái quầy và hỏi chuyện bác Emsley. Ông nói: “Cháu gái tôi đấy, Willella Learight, từ Palestine² tới chơi. Anh muốn tôi giới thiệu với nó không?”

Tâm tư chao đảo, tôi nghĩ: “Thánh thần ơi! Tại sao lại không? Chắc chắn là có đây cô tiên ở cái xứ Pales – “. Nên tôi nói to với bác Emsley: “Tôi muốn lắm, bác Emsley ạ. Tôi thiết tha muốn gặp cô Learight”.

Thế là bác Emsley dẫn tôi đến khu vườn và giới thiệu hai đứa tôi với nhau.

Tôi không bao giờ e thẹn với phụ nữ. Tôi không thể hiểu tại sao lại có người có thể thuần hóa một con ngựa rừng xong xuôi trước bữa sáng và cạo râu trong bóng tối, nhưng đứng trước phụ nữ tay chân lại lóng ngóng, mồ hôi nhỏ giọt và cứ riu rít xin lỗi! Chỉ trong vòng tám phút, tôi và Willella đã trở nên thân thiết với nhau cứ như hai anh em cô cậu ấy! Cô chế diễu tôi về số lượng trái cây đóng hộp tôi tiêu thụ, và tôi trả đũa lại về chuyện có một phụ nữ tên Eva đã bắt đầu làm rối reng với cái quả trong cánh đồng cỏ tự do đầu tiên của nhân loại. Tôi nói, dễ dàng như thể trói con bò một tuổi: “Chuyện này xảy ra ở Palestine phải không?”

Đây là cách tôi tiếp cận thân mật với cô Willella Learight, và tình thân nảy nở dần. Cô đang đến ở chơi tại Pimienta Crossing để dưỡng sức khỏe, thế là rất hay, và khí hậu ở đây nóng hơn khoảng 40 phần trăm. Tôi phóng ngựa đến thăm cô mỗi tuần một lần, và rồi tôi tính ra nếu tôi tăng gấp đôi số chuyến đi, tôi sẽ được gặp cô nhiều gấp hai lần.

Có một tuần, tôi lên đến đây lần thứ ba, và đây là lúc chuyện bánh rán và cái tên nuôi cừu đau mắt đỏ bắt đầu.

Chiều ấy, trong khi tôi đang ngón ngấu một quả đào và hai quả mận trong miệng, tôi hỏi thăm bác Emsley về cô Willella. Ông bảo: “Sao hở? Cô ấy đang cưỡi ngựa đi chơi với Jackson Bird, người nuôi cừu ở trại Mired Mule Canada.”

Tôi ghen cổ họng, nuốt nhằm luôn hạt đào và hai hạt mận. Hình như có ai đẩy giúp nắm chặt cái quầy khi tôi tuột xuống, và rồi tôi bước thẳng ra ngoài đến khi đầu tôi va phải bụi gai nơi tôi cột con ngựa. Tôi thăm thì vào tai nó: “Cô ta cưỡi ngựa đi chơi với Jack, cái tên lừa chở thuê của trại Man’s Canada. Mà có nghe không?” Con ngựa của tôi khó rưng rức theo cách của nó. Nó đã được nuôi nấng thành ngựa của dân chăn bò nên không khoái mấy tên nuôi cừu.

Tôi trở vào trong, hỏi bác Emsley: “Ông nói hẳn là tên nuôi cừu à?” Ông bảo: “Tôi nói anh ấy nuôi cừu. Anh chắc đã nghe nói về Jackson Bird. Anh ấy có tám khu đồng cỏ và bốn nghìn con cừu thuộc dòng Cotswolds tốt nhất, ở vùng Arctic Circle.”

Tôi đi ra ngoài, ngồi dưới mái hiên cửa hàng, dựa vào một cây lê gai. Hai tay tôi thơ thẩn rót cát vào đôi giày ủng trong khi ca cẩm với chính mình về cái con chim nọ với bộ lông vũ mà Jackson khoác lên người.

Tôi không bao giờ muốn hại dân nuôi cừu. Một ngày nọ tôi thấy một anh chăn cừu học ngữ pháp Latin trên lưng ngựa, thế mà tôi vẫn không động đến anh ta. Họ không làm phiền đến tôi nhiều như dân chăn bò. Tôi luôn tưởng họ như là bạn tặng lò thỏ rừng, với ít câu lịch sự về mưa nắng, nhưng chưa bao giờ ăn uống với nhau. Tôi không bao giờ nghĩ đáng công gây sự với họ. Và vì tôi dễ dãi, để cho

họ sống sót, nên giờ đây có một tên nuôi cừu rong ngựa đi chơi với cô Willella Learight!

Khoảng một giờ sau họ phi trở về, dừng lại trước cánh cổng của bác Emsley. Anh cừu đỡ cô xuống ngựa, và họ đứng trao đổi một lúc với nhau vài câu liến thoắng và tâm đắc. Và rồi cái tên Jackson có lông vũ này bay lên yên trở về trại cừu của hắn. Đến lúc này tôi đã trút hết cát ra khỏi đôi ủng và dứt người tôi ra khỏi mấy cây gai. Cách nửa dặm thì tôi bắt kịp hắn, cho ngựa chạy sóng hàng bên hắn.

Tôi nói dân chăn cừu có mắt đỏ, nhưng hắn thì không. Mắt hắn đủ xám, nhưng lông mi thì hồng và tóc màu cát. Như thế là bạn hiểu như thế nào rồi. Anh ta chăn dắt cừu à? Hắn không hơn gì anh bỗng bề cừu non, nhỏ thó với khăn quàng lụa màu vàng khoác trên cổ, và đôi giày có cột nơ.

Tôi bảo hắn: “Chào. Anh đang đồng hành với Judson đây, biệt hiệu Tử thần Đạo đức, theo cách tôi bắn. Khi tôi muốn một người lạ biết đến tôi, tôi luôn luôn tự giới thiệu mình trước khi ra tay, vì tôi không muốn bắt tay với hồn ma.”

Hắn đáp lại lời chào: “À”, chỉ có thế. “À, hân hạnh được biết anh Judson. Tôi là Jackson Bird, ở Trại Mired Mule.”

Đúng lúc ấy tôi thấy một con chim chạy⁴ ngậm một con nhện lông trong mỏ, và một con diều hâu đang đậu trên một nhánh cây. Tôi rút súng bắn lần lượt cả hai con, để cho anh ta thấy tài thiện xạ của tôi. Tôi nói: “Hai trong số ba con chim. Chim chóc ở đâu cũng cứ làm tôi ngứa tay.”

Tên nuôi cừu không hề nháy mắt: “Bắn khá đấy. Nhưng có khi nào hụt phát thứ ba không? Tuần rồi có cơn mưa làm cỏ non xanh tốt, phải không ông Jackson?”

Tôi kể ngựa chạy sát vào hắn, nói: “Willie, cha mẹ anh có thể từ anh với cái tên Jackson, nhưng anh thay lông trở thành con chim Willie riu rít. Nhưng anh nên bỏ qua việc phân tích mưa nắng để lo nói chuyện bên ngoài ngưỡng cửa của mấy con vẹt. Anh có thói quen không hay khi cưỡi ngựa đi chơi với các cô gái trẻ ở Pimienta. Tôi đã từng thấy chim chóc bị nướng vì tội nhẹ hơn. Willella không hề muốn cái tổ nào kết bằng lông cừu của mấy con chim chích họ Jackson đâu. Bây giờ anh muốn bỏ cuộc hay đấu tay đôi với tôi?”

Jackson cười: “Anh Judson, anh nghĩ làm rồi. Tôi có đến gặp cô Learight, nhưng không phải với mục đích mà anh tưởng tượng. Mục đích của tôi là về ẩm thực.”

Tôi rút súng ra: “Tên chó sói nào đã man...”

Nhưng Jackson đã chặn lời: “Thong thả, để cho tôi giải thích. Tôi muốn có cô vợ để làm gì chứ? Nếu anh đã từng thấy trang trại của tôi! Tôi làm lấy mọi việc bếp núc may vá. Tôi chỉ khoái ăn – đây là thú vui duy nhất từ nghề nuôi cừu. Anh Judson, anh đã từng nếm qua bánh rán do cô Learight làm chưa?”

Tôi bảo hắn: “Tôi à? Chưa. Tôi chưa từng nghe nói cô có tài nấu nướng.”

Hắn bảo: “Bánh rán do cô làm cứ như là ánh mặt trời vàng, nâu đậm màu mật ngọt. Tôi đã bỏ ra sáu năm để tìm công thức làm bánh rán. Tôi tìm gặp cô Learight chỉ vì việc này. Đây là công thức gia truyền trong dòng họ được bảy mươi lăm năm nay. Họ truyền nó từ đời này sang đời kia, mà không hề truyền cho người ngoài. Nếu tôi có thể lấy công thức này để tôi có thể tự làm trong trại của tôi, là tôi đủ mãn nguyện.”

Tôi hỏi lại hắn: “Có chắc là anh chỉ theo đuổi bàn tay làm bánh rán

không?”

Hắn trả lời: “Đúng thế. Cô Learight là người rất dễ thương, nhưng xin anh tin là tôi không có ý định vượt quá môn ẩm...” Hắn thấy tôi đưa tay xuống bao súng, nên chữa lại: “vượt quá thiết tha muốn có một bản công thức làm bánh rán.”

Tôi cố tỏ ra công bình nên bảo hắn: “Tôi nghĩ anh không phải tệ. Tôi đã định làm đàn cừu của anh thành mồi côi, nhưng tôi để cho anh bay lần này. Nhưng anh chỉ nên lo chuyện bánh rán thôi, chứ đừng ăn nói chuyện đường mật lẫn lộn với mật làm bánh, nếu không sẽ có màn đồng ca ở trại anh mà anh không thể nghe được.”

Anh ta bảo tôi: “Để anh tin là tôi thành thật, tôi xin anh giúp tôi. Cô Learight và anh thân nhau, có thể cô ấy sẽ theo lời anh yêu cầu mà không nghe tôi. Nếu anh tìm cho tôi công thức bánh rán ấy, tôi hứa sẽ không đến gặp cô nữa.”

Tôi nói: “Thế là công bằng, tôi vui lòng giúp anh nếu có thể được.”

Rồi tôi bắt tay Jackson Bird.

Năm ngày sau tôi mới có dịp ghé ngang Pimienta. Willella và tôi có một buổi tối vui vẻ với nhau ở nhà bác Emsley. Cô hát ít bài, chơi dương cầm với vô số trích đoạn từ nhạc dao hường. Tôi bắt chước tiếng rần chuông cổ hò hát, tôi nói về kỹ thuật lột da bò mới của ông Snaky McFee, và về chuyến đi của tôi đến Saint Louis. Hai đứa tôi tỏ ra khá thân ái với nhau. Thử nghĩ xem, nếu con chim Jackson chịu di thể thì kể như tôi thắng chắc. Tôi nhớ lại lời yêu cầu của hắn về công thức bánh rán, và tôi nghĩ nếu tôi thuyết phục được Willella để đưa cho anh ta cái công thức này thì xem như anh ta chỉ có thể nhảy nhót trên cây.

Thế nên, lúc khoảng mười giờ tối, tôi nở nụ cười cầu tài với Willella:

“Bây giờ nếu có thứ nào làm anh mê hơn là một con bò thịt đỏ trên cỏ xanh, thì đấy là hương vị một chiếc bánh rán phết ngậy mật đường.”

Willella bỗng giật nảy người trên chiếc ghế cô đang ngồi để đàn dương cầm, nhìn tôi một cách tò mò. Cô bảo: “Thế à, kể cũng hay. Con đường mà anh nói đã đến ở Saint Louis, tên là gì thế?”

Tôi nói: “Pancake Avenue – Đại lộ Bánh Rán”, và nheo mắt với cô để cho cô thấy là tôi có đủ thân thiết được nhận công thức gia truyền chứ không thể ở bên lề gia đình. Tôi bảo: “Này em Willella, nói cho anh biết em làm bánh rán như thế nào. Bánh rán đang quay mòng mòng trong đầu anh như là mấy bánh xe thồ. Bắt đầu xem nào: nửa cân bột, tám tá trứng, còm gì nữa...Danh sách các nguyên liệu cần thiết là như thế nào?”

Willella bảo: “Xin lỗi anh một chút.” Hình như cô thoáng liếc xéo tôi, rồi lướt ra khỏi chiếc ghế đánh đàn. Cô quày quả bước đi phòng trong, rồi bác Emsley bước vào, với một bình nước trong tay. Ông quay người đi lấy một chiếc cốc, và tôi nhìn thấy khẩu .45 giắt trong túi. Tôi nghĩ: “Ghê quá! Cái gia đình này xem công thức nấu nướng gia truyền quá trọng đại nên sẵn sàng dùng vũ khí để bảo vệ, trong khi mình đã từng thấy những tay lục lâm không đến nỗi dữ dằn đến thế này trong mấy mối thù truyền kiếp.”

Bác Emsley đưa tôi cốc nước, nói: “Uống đi. Hôm nay anh buông thả quá đáng, Jud, nên bị quá kích động. Cố nghĩ đến việc khác đi.”

Tôi hỏi: “Bác có biết làm bánh rán không, bác Emsley?”

Ông nói: “Tôi không tò mò muốn biết như người khác, nhưng tôi nghĩ anh lấy thuốc bả chuột trộn với ít bột mỳ với ít bột nở và bã bắp, rồi trộn với trứng và kem sữa như thường lệ. Có phải ông già Bill sắp

chở bò đến Kansas City mùa xuân này không, hử Jud?”

Đêm ấy tôi lấy được cái công thức bánh rán như thế. Tôi không lạ gì mà Jackson Bird cứ như là lội dòng nước ngược để lấy nó. Nên tôi bỏ qua việc này và trong một thời gian nói chuyện với bác Emsley về loài bò có sừng rỗng và giông bão. Rồi Willella đi đến và tôi cảm thấy như nhận được luồng gió mát.

Khoảng một tuần sau, tôi gặp Jackson Bird từ Pimienta đang phi ra khi tôi đang phi vào. Chúng tôi dừng lại trên đường, trao đổi vài chuyện vắn vơ. Tôi hỏi hấn: “Lấy được cái công thức chưa?”

Jackson bảo: “Chưa. Xem ra không thành công gì cả. Anh có thử hỏi không?”

Tôi đáp: “Có. Cứ như là cố dụ con chuột đồng ra khỏi hang với một cái vỏ đậu lạc! Cái công thức bánh rán này chắc là món gia bảo bí truyền, xem cách họ cứ khư khư bảo vệ thì biết!”

Jackson nói với giọng chán nản đến nỗi tôi cảm thấy tội nghiệp cho hấn: “Tôi gần như muốn bỏ cuộc, nhưng tôi hết sức muốn làm thế nào để có thể làm bánh rán mà ăn trong trang trại cô đơn của tôi. Tôi thao thức nhiều đêm cứ tưởng tượng nó ngon như thế nào.”

Tôi bảo hấn: “Anh tiếp tục dò hỏi, tôi cũng thế. Chẳng bao lâu một trong hai ta sẽ quăng được sợi dây lên sừng của nó.”

Anh biết không, đến lúc này thì hai đứa tôi đã ở trong tình trạng hòa nhã nhất. Khi tôi thấy hấn ta không theo đuổi Willella, tôi lại càng thấy khinh thường dai dẳng thêm cái tên chần cừu này. Để giúp cho cao vọng tham ăn của hấn, tôi tiếp tục cố gắng lấy cái công thức từ Willella. Nhưng mỗi lần tôi vừa mở miệng “bánh rán” là cô tỏ ra xa cách với tôi, đôi mắt trở nên bất an, cố lái câu chuyện sang hướng khác. Nếu tôi cố nài nỉ, cô sẽ chạy vọt ra rồi lừa bác Emsley vào với

cái bình nước và khẩu súng giắt túi.

Một ngày kia, tôi phi đến cửa hàng với một bó hoa mã tiền xanh mà tôi cắt từ đồng cỏ. Bác Emsley nhìn bó hoa chỉ với một con mắt và hỏi: “Anh có nghe tin gì không?”

Tôi hỏi: “Bò đã lên giá à?”

Bác bảo: “Willella và Jackson Bird đã cưới nhau tại Palestine hôm qua. Tôi mới nhận thư sáng nay.”

Tôi ném bó hoa vào cái thùng rác nứt nẻ, từ từ để cái tin thấm vào tai tôi cho đến khi nó xuống đến chân tôi. Tôi nói: “Bác Emsley, xin bác vui lòng lặp lại cho tôi nghe được không? Có thể là tai tôi đã điếc, hay bác chỉ muốn nói là bò tơ nằm giá 4,8 đô một con hoặc đại loại như thế?”

Bác bảo: “Cưới nhau hôm qua. Đã đi Waco và Thác Niagara để hưởng tuần trăng mật. Anh không thấy dấu hiệu gì hết à? Jackson Bird đã đeo đuôi Willella ngay từ ngày đầu tiên anh ta mời cô đi cưới ngựa chơi.”

Tôi hỏi, gần như thét: “Thế thì cái chuyện hần nói về bánh rán là như thế nào? Cho tôi biết xem!” Khi nghe đến “bánh rán”, bác Emsley né ra, bước thối lui. Tôi nói: “Có người chơi xỏ tôi về việc bánh rán, và tôi nghĩ là bác biết. Nói ra, nếu không tôi sẽ quậy đầy một chảo mỡ ở đây.” Tôi nhảy đến cái quầy theo sau bác Emsley. Ông định chụp lấy khẩu súng nhưng nó ở trong ngăn kéo, và ông bị chậm mấy phân.

Tôi thộp lấy áo ông, kéo ông đến một góc. Tôi hỏi: “Nói về việc bánh rán đi. Willella có làm bánh rán không?”

Bác Emsley nói: “Trong đời nó chưa từng làm bánh rán, và tôi cũng chưa hề thấy một cái bánh rán nào. Bình tĩnh lại, Jud, bình tĩnh lại đi. Anh bị kích động, và vết thương trong đầu anh gây rối loạn trí óc của

anh. Cố đừng nghĩ đến bánh rán nữa.”

Tôi nói: “Bác Emsley, tôi không có vết thương nào trong đầu.

Jackson Bird bảo tôi là hãy đến tìm Willella chỉ để tìm công thức bánh rán gia truyền, và hãy nhờ tôi giúp. Tôi đã làm theo lời hắn, và kết quả như bác đã thấy. Có phải cái tên nuôi cừu đau mắt đỏ đã chơi tôi rất gáo không, hay là sao?”

Bác Emsley nói: “ Anh buông áo tôi ra để tôi kể cho anh nghe. Đúng vậy, có vẻ như Jackson Bird đã lừa anh một cú. Cái ngày sau khi anh ấy dẫn Willella cưỡi ngựa đi chơi, anh ta trở về bảo với tôi và con nhỏ là phải đề phòng mỗi khi anh nói đến bánh rán. Jackson bảo ngày nọ anh đang ở trong lán khi người ta đang làm bánh rán, và có một tên lấy cái chảo nện cho anh một cú vào đầu. Jackson bảo mỗi khi anh bị kích động, vết thương gây nhức nhối và làm anh trở nên gần như là điên dại, rồi anh sẽ nói lung tung về bánh rán. Anh ta bảo chúng tôi chỉ cần đánh trống lảng và làm anh dịu xuống, và anh không phải là nguy hiểm gì. Thế nên, tôi và Willella cố gắng tìm mọi cách né anh như anh biết đấy. Hà hà! Cái tên Jackson Bird đúng là loại dân nuôi cừu hiểm có!”

Trong khi kể chuyện, Jud đã chậm rãi nhưng khéo léo pha trộn các phân lượng khác nhau từ mấy cái bao và hộp. Khi kể gần xong, anh đã đặt trước mặt tôi sản phẩm cuối cùng – một cặp bánh rán trên chảo thiếc. Từ một kẽ ngách nào đấy, anh lôi ra một thỏi bơ thơm ngậy và một chai mật vàng óng.

Tôi hỏi anh:

-Chuyện đã xảy ra bao lâu rồi?

-Ba năm. Bây giờ họ đang sống ở Trại Mired Mule. Nhưng tôi chưa

từng gặp lại họ. Nghe nói Jackson Bird đã sửa sang trang trại của hắn với mấy cái ghế xích đu và màn cửa suốt cả quãng thời gian hắn cho tôi leo cây bánh rán. Dần dần tôi cũng nguôi ngoai. Nhưng bọn con trai cứ nhắc đến mãi.

Tôi hỏi anh:

-Có phải anh làm mấy chiếc bánh này với công thức nổi danh kia không?

-Có phải tôi đã nói cho anh biết là chả có công thức nào không? Bọn con trai cứ mè nheo đòi ăn bánh rán nên tôi phải cắt một công thức từ một tờ báo. Ăn được không?

-Ngon lắm. Sao anh không ăn một ít, Jud?

Tôi đoán chắc tôi đã nghe thấy một tiếng thở dài.

Jud nói:

-Tôi à? Tôi không bao giờ ăn bánh rán.

Chú thích

1. Nhựa được trích theo mùa từ một loài cây tích thụ (Anh ngữ: “maple” – cây phong), trông giống và ngọt tựa mật ong, thường được phết lên bánh rán.
2. Palestine ở đây là một thị trấn nhỏ ở Mỹ.
3. Judson xỏ xiên. Tên “Bird” nghĩa là chim chóc. Vài đoạn sau Judson cũng có ý nói xỏ tương tự.
4. Anh ngữ: “roadrunner” – loài chim nhỏ, bộ lông màu sọc nâu và trắng, thường chạy hơn là bay, và chạy rất nhanh.

O. Henry

Mối tình của ngài khoán dịch viên

Bộ mặt thường ngày vẫn kín đáo của Pichơ, thư ký văn phòng của ngài khoán dịch viên Harvi Macxoen, trong một giây thoáng lộ vẻ thú vị và ngạc nhiên, khi vào lúc chín giờ rưỡi sáng Macxoen bước nhanh vào phòng cùng với cô tốc ký trẻ. Vừa đáp một câu “chào Pichơ” ông ta vừa dậm bở tới chiếc bàn làm việc như muốn nhảy vọt qua rồi ngay lập tức chúi đầu vào một biển những điện báo và thư từ đang chờ đợi ông ta.

Cô tốc ký trẻ làm việc cho Macxoen đã được một năm. Sắc đẹp của cô tuyệt nhiên không có gì dính dáng đến cái nghề tốc ký cả. Cô coi khinh vẻ lộng lẫy của kiểu chải tóc Pômpađu. Cô không đeo dây chuyền, không đeo vòng xuyên hay kim khánh. Cô không có cái vể trau chuốt của một người lúc nào cũng sẵn sàng nhận lời mời đi ăn tiệm. Chiếc váy màu ghi giản dị ôm sát thân hình cô một cách duyên dáng và khiêm nhường. Chiếc mũ xếp đen trang nghiêm được tô điểm bằng một lông vẹt màu xanh. Sáng hôm đó cô tươi tắn như toả ra một luồng ánh sáng dịu dàng, e thẹn. Đôi mắt cô ánh lên vẻ mơ mộng, đôi má ửng hồng như hai trái đào, và sự hồi tưởng còn như

vương trên khuôn mặt hạnh phúc của cô.

Quan sát cô tốc ký với một sự thú vị có mức độ như vậy Pichơ nhận thấy sáng hôm đó thái độ của cô không được hoàn toàn bình thường. Đáng lẽ đi thẳng sang phòng bên, nơi làm việc của mình, thì cô ta, dường như đang chờ đợi điều gì đó, lại chần chừ ở văn phòng. Thậm chí, một lần cô tiến đến bàn của Macxoen - gần tới mức để ông ta có thể nhận ra cô.

Thế nhưng, người đàn ông đang ngồi sau bàn lúc này không còn là một con người nữa. Đó là ngài khoán dịch viên Niu-Yooc đang ngập đầu trong công việc - một cỗ máy đang chuyển động bởi các lò xo và bánh răng.

- Hừ. Thế nào? Có việc gì? - Macxoen xướng giọng hỏi. Những bức thư đã bóc nằm đầy trên bàn ông ta như một đồng tuyết giá. Đôi mắt sắc màu ghi, thô bạo và không bản sắc, sáng quắc lên nhìn cô gần như tức giận.

- Dạ, không có gì ạ. - Cô trả lời và mỉm cười quay đi.

- Ông Pichơ này, - cô nói với viên tốc ký - chiều qua ngài Macxoen đã nói với ông về việc mời một nữ tốc ký mới chưa?

- Nói rồi. - Pichơ đáp - Ông ấy có sai tôi tìm một nữ tốc ký mới. Chiều hôm qua tôi đã nhắn phòng tốc ký gửi cho chúng ta một vài mẫu để chọn. Bây giờ đã mười giờ bốn mươi lăm rồi mà vẫn chưa thấy bóng dáng một cô nàng nào. (1)

- Vậy tôi sẽ làm việc, như bình thường, - người phụ nữ trẻ nói, - khi chưa có ai thay.

Rồi ngay lập tức cô đi về bàn làm việc của mình và treo cái mũ xép đen có chiếc lông vệt xanh lên chỗ mọi ngày.

Ai chưa nhìn thấy ngài khoán dịch viên Niu-Yooc trong những giờ

làm việc cao điểm trong cơn sốt chứng khoán, người đó không thể tự coi mình là sành sỏi về nhân chủng học. Nhà thơ vẫn nói về “một giờ trọn vẹn trong cuộc đời vinh hiển”. Còn đối với ngài khoán dịch viên, không chỉ cả giờ trọn vẹn mà từng phút từng giây trong đó đều vô cùng căng thẳng như được buộc lại và treo lên những cái giá đẽm và giá đỡ.

Hôm nay là một ngày nóng bỏng đối với Harvi Macxoen. Chiếc máy điện báo hồi hả nhả bằng, điện thoại trên bàn đến khốn khổ với những hồi chuông triền miên. Từng toán người lũ lượt kéo vào văn phòng và nói chuyện với ông qua rào chắn - người thì vui vẻ, kể lại bức dọc, người thì cục cằn, kể lại xúc động. Các viên tùy phái chạy ra chạy vào với các bức điện. Các nhân viên văn phòng lao vùn vụt như các thủy thủ khi có bão. Ngay đến diện mạo của Pichơ cũng thể hiện một cái gì đó sôi động.

Giông tố, đá lở và bão tuyết, động đất và núi lửa đã dồn tụ vào ngày hôm đó ở sở giao dịch chứng khoán, và tất cả những sự lộn xộn này của thiên nhiên đã được thu nhỏ lại trong văn phòng của ngài khoán dịch viên. Macxoen đặt ghế sát tường và, vừa nhón chân ông ta vừa ký vào các hợp đồng. Ông ta nhảy từ máy điện báo đến điện thoại, từ bàn đến cửa ra vào với sự khéo léo thuần thục của một diễn viên xiếc.

Giữa lúc sự căng thẳng đang lên cao ngài khoán dịch viên bỗng nhìn thấy trước mặt một bờm tóc vàng ẩn dưới chiếc mũ bằng nhung và lông đà điểu, chiếc xác bằng lông sư tử biển và một trái tim bạc nằm ở đầu của một chuỗi các hạt cườm to như quả hồ đào dài gần chấm đất. Những đồ trang sức rườm rà này gắn liền với một người đàn bà đầy vẻ tự tin. Pichơ cũng đứng ngay tại đó sẵn sàng giải thích về

việc này.

- Bà ta từ phòng tốc ký, đến xin việc. - Pichơ nói.

Macxoen ngoái lại, hai tay ông ta đầy những thư từ và băng điện báo.

- Việc nào? - Ông ta cau có hỏi.

- Chân tốc ký ạ. - Pichơ nói - Hôm qua ngài nói là trong ngày hôm nay tôi phải triệu tập tới đây một cô tốc ký mới.

- Anh điên đấy à, Pichơ? - Macxoen nói. - Làm sao tôi có thể ra lệnh cho anh như vậy? Cô Lexli suốt cả năm đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của mình. Chừng nào cô ấy chưa muốn ra đi thì chỗ này vẫn là của cô ấy. Thưa bà, chúng tôi không cần người. Hãy báo cho phòng tốc ký, Pichơ, không cần điều ai tới và đừng có dẫn thêm một người nào đến gặp tôi nữa.

“Trái tim bạc” phẫn nộ bỏ ra khỏi phòng. Bà ta ngúng nguẩy va bừa cả vào bàn ghế. Nhân lúc đó Pichơ nói với viên kế toán rằng “lão già” đúng là ngày càng lẩm cẩm và đãng trí.

Ngày làm việc mỗi lúc thêm sôi động. Tại sở giao dịch người ta giẫm đạp và tranh cướp nhau từng nửa tá cổ phiếu các loại mà khách hàng của Macxoen đã đầu tư vào những khoản tiền lớn. Lệnh mua và bán ra bay tới bay lui như cánh én. Túi tiền của Macxoen phần nào bị lâm nguy, và ông ta làm việc khẩn trương như một cỗ máy lớn, phức tạp, tinh vi, những lời nói, những quyết định, những hành động tuôn ra nối tiếp nhau với sự mau lẹ và chính xác của một bộ máy đồng hồ. Cổ phiếu và chứng khoán, công trái và các quỹ tiền, văn tự cầm cố và tiền cho vay - đó là thế giới tài chính, ở đó không có chỗ cho thế giới con người và thế giới thiên nhiên.

Gần đến giờ ăn trưa, công việc bỗng lắng xuống một lúc.

Macxoen đứng bên bàn, hai tay đầy áp giấy tờ và điện báo; chiếc bút máy quanh năm thò ra ngoài vành tai phải, từng cụm tóc rối bù loà xoà trước trán. Cửa sổ được để ngỏ vì mùa xuân đáng yêu đang túc trực ngoài cửa đã vận chặt các lò sưởi lại và một chút hơi ấm vẫn còn lan toả khắp mặt đất theo các đường ống của hệ thống sưởi trung tâm.

Hương tử đinh hương phảng phất, dịu dịu, rất có thể do nhầm lẫn mà lạc qua cửa sổ vào phòng và trong một giây đã chôn chân ngài khoán dịch viên tại chỗ. Vì rằng hương thơm này là của cô Lexli. Đó là hương thơm của cô ấy và chỉ của cô ấy mà thôi.

Hương thơm đã mang cô ta - gần như nhìn thấy được và sờ mó được - lại cho ông và đặt trước mặt ông. Thế giới tài chính bỗng thu lại thành một chấm nhỏ. Còn cô ấy thì ở ngay phòng bên, chỉ cách có hai mươi bước chân.

- Lấy danh dự mà thề, ta sẽ làm điều đó. - Ngài khoán dịch viên nhủ thầm - Ta sẽ hỏi cô ấy ngay bây giờ. Thật lạ, tại sao bấy lâu nay ta không làm điều đó?

Ông ta đâm bổ vào phòng cô tốc ký với sự vội vã của tay chơi cờ phiêu muốn "làm cho xong" trước khi người khác nắm tay trên. Ông ta xông tới bàn của cô.

Cô tốc ký ngược nhìn ông mỉm cười. Má cô thoáng ửng hồng, và cái nhìn của cô vừa âu yếm vừa thẳng thắn. Macxoen chống khuỷu tay lên bàn. Hai tay ông ta vẫn giữ nguyên chồng giấy, và chiếc bút máy vẫn thò ra khỏi vành tai.

- Cô Lexli, - ông ta vội vã bắt đầu - tôi chỉ có đúng một phút. Tôi cần phải nói với cô đôi lời. Hãy làm vợ của tôi! Tôi không có thời giờ để tình tự với em, điều mà lẽ ra tôi phải làm, nhưng quả thật tôi rất yêu

em, hãy trả lời tôi mau lên, cái bọn vô lại ở công ty “Thái Bình Dương” đang thở hắt ra rồi.

- Anh nói gì kì vậy? - Cô tức ký thốt lên. Cô ta đứng dậy, nhìn ông bằng đôi mắt mở to.

- Em không hiểu tôi ư? - Macxoen hờn giận hỏi. - Tôi muốn em sẽ làm vợ của tôi. Lexli, tôi yêu em. Đã từ lâu tôi muốn nói với em và lúc này tôi tranh thủ được một phút rảnh rỗi, khi mà ở bên kia, trong văn phòng, công việc tạm ngừng một lúc. Đấy đấy, người ta lại gọi tôi nghe điện thoại... Pichơ, bảo họ đợi một chút... Lexli, sao em? Cô tức ký cư xử rất kì lạ. Thoạt tiên cô ta dường như rất kinh ngạc, rồi thì những giọt nước mắt trào ra từ đôi mắt ngỗ ngược của cô, sau đó cô cười rặng rỡ qua làn nước mắt và một tay âu yếm quàng lấy cổ ông.

- Em hiểu rồi. - Cô dịu dàng nói - Cái sổ giao dịch chứng khoán này đã loại tất cả mọi cái còn lại ra khỏi đầu óc anh. Thế mà thoạt tiên em hốt quá. Harvi, chẳng lẽ anh quên rồi sao? Chúng ta mới làm lễ đính hôn tối hôm qua, lúc tám giờ tối tại Nhà thờ nhỏ ngoài góc phố.

Chú thích:

(1) Nguyên văn: không một chiếc mũ mốt và không một thanh kẹo cao su nào xuất hiện.

O. Henry

Món quà Giáng sinh

Thanh Bình dịch

Một đồng tám mươi bảy xu, đúng như vậy. Hàng ngày, cô cố gắng tiêu thật ít tiền khi đi chợ. Cô đi loanh quanh tìm mua thứ thịt và rau rẻ nhất cho bữa ăn hàng ngày, ngay cả lúc cảm thấy hết sức mệt mỏi cô vẫn cố tìm kiếm. Tiết kiệm được đồng nào hay đồng đó.

Della đếm lại số tiền ít ỏi một lần nữa. Không hề có sự nhầm lẫn, chỉ có một đồng tám mươi bảy xu, và ngày mai sẽ là lễ giáng sinh.

Cô sẽ không thể làm gì hơn, chỉ còn cách ngồi xuống và khóc mà thôi. Ở đó, trong một căn phòng nhỏ, tồi tàn, cô đang nức nở.

Della sống trong căn phòng nhỏ nghèo nàn này với chồng của cô, James Dillingham Young, ở thành phố NEW YORK.

Họ có một phòng ngủ, một phòng tắm và một nhà bếp. James Dillingham Young may mắn hơn cô vì anh ấy có việc làm. Tuy vậy đó không phải là một công việc kiếm được nhiều tiền. Tiền thuê căn phòng này chiếm gần hết lương của anh ấy. Della đã cố gắng rất nhiều để tìm một công việc nhưng vận may đã không mỉm cười với cô. Tuy nhiên, cô rất hạnh phúc khi ôm "Jim", James Dillingham Young, trong tay mỗi khi anh trở về.

Della đã ngừng khóc. Cô lau khô mặt rồi đứng nhìn một chú mèo xám trên bức tường đồng màu với nó bên cạnh con đường tối ngoài cửa sổ.

Ngày mai là Noel và cô chỉ còn một đồng tám mươi bảy xu để mua cho Jim, Jim của cô, một món quà. Cô muốn mua một món quà thật sự có ý nghĩa, một thứ có thể biểu hiện được tất cả tình yêu cô dành cho anh.

Della chợt xoay người chạy đến bên chiếc gương treo trên tường. Mắt cô sáng lên.

Cho đến bây giờ, gia đình James Dillingham Young chỉ có hai vật quý giá nhất. Một thứ là chiếc đồng hồ vàng của Jim. Chiếc đồng hồ này trước đây thuộc sở hữu của cha anh ta và trước nữa là ông nội anh ta. Thứ còn lại là mái tóc của Della.

Della thả nhanh mái tóc dài óng mượt xuống lưng. Thật tuyệt đẹp, không khác nào như một chiếc áo khoác đang choàng qua người cô. Della cuộn tóc lên lại. Cô đứng lặng đi rồi thút thít một lát.

Della bước chậm rãi qua các cửa hàng dọc hai bên đường rồi dừng lại trước bảng hiệu "Madame Eloise". Tiếp cô là một phụ nữ mập mập, bà ta chẳng có một chút vẻ "Eloise" nào cả.

Della cất tiếng hỏi: "Bà mua tóc tôi không?"

"Tôi chuyên mua tóc mà", bà ta đáp và bảo: "hãy bỏ nón ra cho tôi xem tóc của cô đi"

Suối tóc nâu đẹp tuyệt vời buông xuống.

"Hai mươi đồng" bà ta định giá, bàn tay nâng niu mái tóc óng ả.

"Hãy cắt nhanh đi! Và đưa tiền cho tôi" Della nói.

Hai giờ tiếp theo trôi qua nhanh chóng. Cô tìm mua quà cho Jim trong các cửa hiệu trong niềm vui khôn tả. Cuối cùng cô cũng chọn

được một thứ. Đó là một sợi dây đồng hồ bằng vàng. Jim rất quý chiếc đồng hồ của mình nhưng rất tiếc là nó không có dây. Khi Della trông thấy sợi dây này cô biết rằng nó phải là của anh và cô phải mua nó.

Cô trả hai mươi một đồng để mua và vội vã trở về nhà với tám mươi bảy xu còn lại.

Đến nhà, Della ngắm mái tóc cực ngắn của mình trong gương và nghĩ thầm: "Mình có thể làm gì với nó đây?". Nửa giờ tiếp theo cô nhanh chóng chuẩn bị mọi thứ. Xong Della lại ngắm nghía mình trong gương lần nữa. Tóc của cô bây giờ toàn những sợi quăn quăn khắp đầu. "Chúa ơi, mình trông như một con bé nữ sinh ấy!" Cô tự nhủ "Jim sẽ nói gì khi thấy mình như thế này?"

Bảy giờ tối, bữa ăn được chuẩn bị gần xong. Della hồi hộp chờ đợi, hy vọng rằng mình vẫn còn xinh đẹp trong mắt Jim.

Thế rồi cửa mở, Jim bước vào. Anh ấy trông rất gầy và cần có một cái áo khoác mới. Jim nhìn chằm chằm vào Della. Cô không thể hiểu được anh đang nghĩ gì, cô sợ. Anh ta không giận dữ, cũng chẳng ngạc nhiên. Anh đứng đó, nhìn cô với ánh mắt kỳ lạ. Della chạy đến bên Jim òa khóc: "Đừng nhìn em như thế, anh yêu. Em bán tóc chỉ để mua cho anh một món quà. Tóc sẽ dài ra mà. Em phải bán nó thôi, Jim à. Hãy nói "giáng sinh vui vẻ", em có một món quà rất hay cho anh này!"

"Em đã cắt mất tóc rồi à?" Jim hỏi

"Đúng thế, em đã cắt và bán rồi, vì vậy mà anh không còn yêu em nữa ư? Em vẫn là em mà!" Della nói.

Jim nhìn quanh rồi hỏi lại như một kẻ ngớ ngẩn: "Em nói là em đã bán tóc à?"

"Đúng, em đã nói vậy, vì em yêu anh! Chúng ta có thể ăn tối được chưa, Jim?"

Chợt Jim vòng tay ôm lấy Della và rút từ túi áo ra một vật gì đẩy đặt lên bàn. Anh nói: "Anh yêu em, Della, dù cho tóc em ngắn hay dài. Hãy mở cái này ra em, sẽ hiểu tại sao khi này anh sẽ sờ đến vậy." Della xé bỏ lớp giấy bọc ngoài và kêu lên sung sướng, liền sau đó những giọt nước mắt hạnh phúc rơi xuống. Trong đó là một bộ kẹp tóc, những chiếc kẹp dành cho mái tóc óng ả của Della. Cô đã mơ ước có được nó khi trông thấy lần đầu tiên qua cửa kính một gian hàng. Những cái kẹp rất đẹp và rất đắt tiền. Bây giờ chúng đã thuộc về cô nhưng tóc cô thì không còn đủ dài để kẹp nữa!

Della nâng niu món quà, mắt tràn đầy hạnh phúc. "Tóc em sẽ chóng dài ra thôi, Jim", nói xong cô chợt nhớ đến dây đồng hồ vàng định tặng cho Jim và chạy đi lấy.

"Đẹp không anh? Em đã tìm kiếm khắp nơi đấy, giờ thì anh sẽ phải thích thú nhìn ngắm nó hàng trăm lần mỗi ngày thôi. Nhanh lên, đưa nó cho em, Jim, hãy nhìn nó với sợi dây mới này."

Nhưng Jim không làm theo lời Della. Anh ngồi xuống vòng tay ra sau đầu mỉm cười nói: "Della, hãy cất những món quà này đi. Chúng thật đáng yêu. Em biết không, anh đã bán chiếc đồng hồ để mua kẹp cho em. Giờ thì chúng ta có thể bắt đầu bữa tối được rồi em yêu"

Đó là một câu chuyện cảm động về tình yêu của hai bạn trẻ đã hết lòng yêu nhau.

O. Henry

Một câu chuyện dở dang

Người dịch: Ngô Vĩnh Viễn

Chúng ta không còn rên rầm và tự bôi tro trát trấu lên đầu chúng ta nữa khi có ai nhắc đến lửa hoả ngục. Vì ngay cả đến các giáo sĩ cũng đã bắt đầu dạy chúng ta rằng Chúa trời là radiom hay ête hay một hợp chất khoa học gì đấy, và số phận tệ hại nhất mà những con người như chúng ta có thể phải đón chờ cũng chỉ là một phản ứng hoá học mà thôi. Đó là một giả thuyết làm cho chúng ta hài lòng nhưng vẫn còn vương vấn một phần nào cái mối kinh hoàng to lớn, lâu đời của chính giáo.

Chỉ có hai vấn đề mà chúng ta có thể thả sức tưởng tượng bàn đến mà không sợ bị phản đối. Bạn có thể nói đến các giấc mơ của mình. Và có thể kể lại bạn đã nghe con vẹt nói gì. Cả thần Móc phê(1) lẫn những con chim kia đều là những nhân chứng không đủ tư cách và người nghe bạn sẽ không dám công kích câu chuyện bạn kể. Vậy thì cái cơ cấu vô cớ của một giấc mơ sẽ cung cấp đề tài cho tôi – đã được lựa chọn với tất cả sự ân hận và những lời xin lỗi vì đã bỏ không dùng đến lĩnh vực hạn chế hơn của những lời lẽ vụn vặt của Prety Poly(2) .

Tôi đã có một giấc mơ thoát ra ngoài sự phê phán của Cao xanh, nhưng chính vì thế lại có liên quan đến lý luận của vành móng ngựa toà án, cổ kính, đáng trọng và bị than phiền nhiều.

Thiên sứ Gabrien(3) đã thổi kèn và trong chúng tôi những người nào không thể thừa kiện được ai đều bị đưa ra thẩm vấn. Tôi để ý thấy có một nhóm người túm tụm vào một bên gồm toàn những tay nô lệ chuyên nghiệp, trịnh trọng trong bộ đồ đen, cổ áo cài cúc ở đằng sau(4) nhưng hình như có cái gì rắc rối về danh hiệu đẳng cấp của họ và họ có vẻ không gỡ được tội cho bất cứ ai trong chúng tôi.

Một viên cảnh sát bay - một thiên thần cảnh sát – bay đến chỗ tôi, nắm lấy cánh bên trái của tôi. Gần ngay đấy là một nhóm linh hồn trông có vẻ rất giàu có, bị kiện và sắp đưa ra xét xử.

- Mà y có cùng với bọn này không? – Viên cảnh sát hỏi.

- Họ là ai? – tôi trả lời.

- Sao? – anh ta nói – chúng nó là...

Những cái chuyện vớ vẩn không đâu này đang choán mất chỗ đáng lẽ phải dành cho câu chuyện sắp kể.

Đanxi làm việc ở một cửa hàng bách hoá. Cô bán hàng ren Hămbua hoặc hột tiêu nhồi, hoặc xe hơi hoặc những hàng lặt vặt khác thường bán ở các cửa hàng bách hoá. Mỗi tuần Đanxi lãnh sáu đô la ở số tiền cô kiếm được. Chỗ còn lại được chuyển vào tài khoản của cô và trở thành khoản nợ của một người khác trong cuốn sổ cái do G... giữ - ấy chết, thưa ngài tiến sĩ tôn kính, ngài bảo đấy là sổ Năng lực cơ bản ạ? Vậy thì đó là sổ cái của Năng lực cơ bản.(5)

Năm đầu làm việc ở cửa hàng, Đanxi được trả năm đô la một tuần. Biết được cô sống bằng số tiền đó như thế nào kể cũng là một điều bổ ích. Bạn không muốn biết ư? Cũng được. Có lẽ bạn chỉ quan tâm

đến những món tiền lớn hơn. Vậy tôi xin kể cho bạn biết cô ta sống với sáu đô la một tuần như thế nào.

Một buổi chiều vào lúc sáu giờ, Đanxi vừa cài chiếc ghim mũ của cô, cách tiểu não có chừng tam insow vừa nói với cô bạn thân là Xađi – cô gái luôn luôn phục vụ khách hàng với cái thế đứng nghiêm cho thấy phía mặt bên trái của cô ta.

- Này, Xađi, mình có hẹn đi ăn hiệu tối này với Picghi đấy.

- Thật à! – Xađi reo lên, giọng thán phục. – Hay quá, cậu thật là tốt số. Picghi là một tay tuyệt lắm đấy! Bao giờ hấn cũng đưa các cô đến các nơi rất tuyệt. Một tối hấn đã đưa con Blăngsor đến hiệu Hôpman nghe nhạc tuyệt trần đời, lại được gặp toàn những hạng người tuyệt hết ý. Cậu sẽ được sống một buổi tối tuyệt lắm đấy, Đanxi ạ.

Đanxi hồi hã về nhà. Mắt cô sáng long lanh, má cô ửng lên màu hồng phơn phớt của buổi bình minh đang tới của cuộc đời - cuộc đời thật sự. Hôm ấy là thứ sáu và tiền lương tuần trước của cô chỉ còn có năm mươi xu.

Ngoài phố đông nghịt những dòng người của giờ cao điểm. Đèn điện ở Brôtuê rực sáng, như kêu gọi những con bướm đêm ở xa hàng dặm, hàng lý, hàng trăm lý, từ bóng tối chung quanh tới đó tham dự một trường thiêu thân. Đàn ông y phục chỉnh tề, khuôn mặt như được những tay đi biển lão luyện ở nhà dưỡng lão của thủy thủ tạc trên hột anh đào – quay đầu lại nhìn Đanxi chòng chọc khi cô không để ý, bước nhanh vượt qua họ. Mahattan(6) , bông hoa quỳnh chỉ nở ban đêm, đã bắt đầu xoè ánh trắng bệch, nặng mùi,

Đanxi dừng lại ở một cửa hàng bán đồ rẻ tiền và mua một cái cổ đăng ten giả với số tiền năm mươi xu của cô. Tiền đó đáng lẽ phải dùng vào việc khác - mười lăm xu cho bữa ăn tối, mười xu cho ăn

điểm tâm, mười xu ăn bữa trưa. Lại còn phải bỏ thêm một hào vào tiền để dành và năm xu vào cái khoản hoang phí chi cho kẹo cam thảo và loại kẹo làm má trông như sưng lên vì đau răng và cũng lâu tan như thế. Kẹo cam thảo là một sự xa xỉ - hầu như một sự phung phí – nhưng đời mà không có vui thú thì còn ra cái gì nữa.

Đanxi ở một căn phòng thuê có đồ đạc sẵn. Giữa một căn phòng thuê có đồ đạc sẵn và nhà trọ, có chỗ khác nhau: ở một căn phòng thuê có đồ đạc sẵn, có đôi thì cũng không ai biết.

Đanxi đi lên phòng một mình – tầng gác bốn, phía sau, trong một toà nhà mặt trước lát đá nâu khu Oét Xai (7). Cô đốt bếp hơi. Các nhà khoa học cho ta biết rằng kim cương là chất rắn nhất tất cả. Họ nhầm. Các bà chủ nhà còn biết một hợp chất rắn hơn và so với nó, kim cương chỉ là vừa lỏng. Họ nhét cái hợp chất ấy vào miệng vòi bếp hơi và tha hồ cho anh đứng lên ghế mà cạy cho đến khi ngón tay đỏ lên, choét ra. Dùng trâm cài đầu mà cạy là không nổi rồi, cho nên ta hãy gọi nó là bất khả di dịch.

Vậy là Đanxi châm bếp hơi. Dưới ánh sáng của nó bằng phản tư ánh sáng ngọn nến, ta hãy quan sát căn phòng.

Giường kiềng tràng kỷ, tủ đựng bát đĩa, bàn, chậu rửa mặt, ghế - về tất cả những thứ này, bà chủ nhà là kẻ có tội. Còn lại là của Đanxi. Trên mặt tủ đựng bát đĩa là tất cả các cửa quý của cô - một bình sứ mạ vàng của Xađi tặng, một quyển lịch do một xưởng sản xuất nước sốt phát hành, một cuốn sách đoán mộng, một ít phấn bột gạo đựng trong một chiếc đĩa thủy tinh và một chùm anh đào giả buộc bằng hồng.

Bày cạnh tám gương rạn là những bức ảnh chụp tương Kiso(8), Uyliêm Mondun(9), Quận chúa Manbro(10) và Bêvênutô Xêlini(11).

Trên tường có treo một bức phù điêu bằng thạch cao đổ theo bản của Pari, tạc hình một gã Ô Calahân nào đó đội mũ trụ La Mã cổ. Cạnh đó là một bức tranh sơn dầu loè loẹt vẽ một đứa trẻ màu vàng chanh đang vỗ một con bướm đỏ rực như lửa cháy. Đó là quan điểm tối hậu của Đanxi về nghệ thuật nhưng không hề bao giờ bị đảo lộn. Giấc ngủ của cô chưa bao giờ bị khuấy động bởi những tiếng thì thầm của những bầu trời vụng trộm; cũng không có nhà phê bình nào nhướn cặp lông mày trước nhà côn trùng học nhỏ bé của cô. Picghi hẹn đến đón cô lúc bảy giờ. Đang lúc cô vội vàng sửa soạn, chúng ta hãy kín đáo quay đi và tán gẫu một chút.

Căn buồng này Đanxi trả hai đô la một tuần. Những ngày trong tuần, bữa điểm tâm của cô mất mười xu, cô pha cà phê, luộc một quả trứng trên bếp hơi trong lúc cô mặc áo. Sáng chủ nhật thì cô ăn một bữa sang trọng, có sườn bê và dưa tắm bột ở tiệm ăn Bili, hết hai mươi xu và đãi cô hầu mười xu. Niu Yóoc có biết bao cái cám dỗ người ta đi đến chỗ ngông cuồng! Cô ăn bữa trưa ở hiệu ăn của cửa hàng bách hoá, mất sáu mươi xu cho cả tuần, các bữa ăn tối hết một đô la năm xu. Mua báo buổi chiều – các bạn hãy chỉ cho tôi một người dân Niu Yóoc nào mà không mua báo hàng ngày! - hết sáu xu và hai tờ báo ra ngày chủ nhật - một để xem mục dành cho những chuyện tâm tình riêng tư, còn tờ kia để đọc – mất mười xu. Tổng cộng hết 4 đô la bảy mươi sáu xu. Lại còn phải mua sắm quần áo và...

Tôi chịu không thể kể tiếp được nữa. Tôi có nghe nói đến những món vải rất lời và những chuyện thần kỳ được thực hiện bằng kim chỉ, nhưng tôi không tin. Quần bút tôi cảm cứ ngập ngừng mãi khi tôi muốn ghi thêm vào cuộc đời của Đanxi vài niềm vui do những sắc

lệnh không thành văn, thiêng liêng, tự nhiên nhưng vô hiệu của tạo hoá chí công vẫn dành cho phụ nữ. Cô đã đi chơi đảo Cônì hai lần và đã cưỡi ngựa gỗ. Phải đếm những thú vui theo con số mùa hạ chứ không phải theo con số giờ thật là đáng ngán.

Về Picghi thì chỉ cần một lời thôi. Khi các cô gái đặt tên cho hấn thì cái họ lợn(12) cao quý đã phải chịu cái vết nhơ oan uổng. Bài học những từ ba chữ trong quyển sách đánh vần cũ màu xanh bắt đầu bằng tiểu sử của Picghi. Người hấn béo, hấn có tâm địa của một con chí, những thói quen của một con dơi và độ lượng của một con mèo(13)... Hấn mặc những bộ quần áo đắt tiền và là một tay sành sỏi về khoa nhin đối. Hấn có thể nhìn một cô gái bán hàng rồi nói cho anh biết cô ta đã ăn một thứ gì bổ hơn là thực quỳ với nước trà được bao lâu rồi, sai số không quá một giờ. Hấn luẩn quẩn ở các khu cửa hàng và lượn lờ tại các cửa hàng bách hoá, sẵn sàng mời một cô gái nào đó đi ăn hiệu. Những người dất cho đi phố coi khinh hấn. Hấn là một mẫu người đặc biệt, tôi không thể nói thêm được nữa về hấn, ngòi bút của tôi không phải loại dành cho hấn, tôi không phải thợ mộc.

Đến bảy giờ kém mười, Đanxi đã sẵn sàng. Cô ngấm mình trong chiếc gương rạn. Hình ảnh phản chiếu thật đáng hài lòng. Áo màu xanh thẫm vừa khít không nếp nhăn, mũ cài chiếc lông chim màu đen ngộ nghĩnh, đôi tất tay chỉ hơi bẩn một chút- tất cả biểu hiện một sự quên mình, thậm chí cả quên ăn nữa – trông thật hài hoà.

Trong giây lát, Đanxi quên hết thấy, trừ một điều là mình đẹp và cuộc đời đang vén lên một bức màn bí mật cho cô được ngấm những kỳ quan của nó. Trước đây, chưa hề có người đang ông lịch sự nào mời cô đi chơi. Giờ đây, chỉ một lát nữa thôi, cô sẽ bước vào dự một cuộc

trình diễn huy hoàng vẫn được ca ngợi ấy.

Các cô gái kháo nhau rằng Picghi là một tay tiêu hoang. Có lẽ sẽ là một bữa thịnh soạn đây, sẽ có âm nhạc, sẽ được thấy các bà cô ăn vận cực kỳ sang trọng và sẽ được ăn những thứ cứ kể ra các cô gái cũng treo cả quai hàm đi một cách lạ lùng. Chắc chắn cô sẽ lại được mời đi chơi nữa.

Có một đồ nhiều ở cửa hàng nọ mà cô quen - nếu để dành mỗi tuần hai mươi xu chứ không phải mười thì trong ...xem nào..Ồ như thế thì phải mất bao nhiêu năm ấy chứ! Nhưng ở đại lộ thứ bảy có một cửa hàng đồ cũ, ở đó...

Có người gõ cửa. Đanxi ra mở. Bà chủ nhà đứng đó với nụ cười giả tạo, mũi hít hít, đánh hơi mùi nấu ăn bằng khí đốt trộm. Bà ta bảo:

- Dưới nhà có một ông muốn gặp cô. Tên là ông Uyghin.

Cái tên này, chỉ những người không may phải coi trọng picghi thì mới biết được.

Đanxi quay về phía tủ để lấy chiếc khăn tay, bỗng cô đứng sững lại, cắn mạnh vào môi dưới. Lúc này nhìn vào gương cô đã trông thấy cảnh bồng lai và bản thân cô là một nàng công chúa vừa thức dậy sau một giấc ngủ dài. Cô đã quên khuấy mất một người đang nhìn cô với đôi mắt buồn, đẹp và nghiêm - người duy nhất có mặt ở đây để khen chê mọi việc cô làm. Người thẳng tắp, dong dỏng cao, với một vẻ trách buồn phiền trên khuôn mặt đẹp, sâu tư, đôi mắt tuyệt vời của tướng Kisnơ, từ trên khung ảnh thép vàng đặt trên tủ đựng bát đĩa, đang nhìn cô chăm chăm.

Như một con búp bê máy, cô quay lại phía bà chủ nhà

- Bà nói hộ với ông ấy là tôi không thể đi được – cô thần thờ nói- Bà cứ bảo là tôi ốm hoặc là gì đó. Bảo ông ấy rằng tôi không đi đâu cả.

Sau khi đã đóng và khoá cửa lại, Đanxi nằm lăn ra giường, đè gãy cả chiếc lông chim màu đen cắm trên mũ, và khóc mất mười phút.

Tướng Kisnơ là bạn duy nhất của cô. Ông là lý tưởng của Đanxi về một con người hào hùng mã thượng. Trông ông như có một nỗi buồn thăm kin, bộ ria của ông đẹp như mơ và cô hơi sờ sợ cái nhìn nghiêm nghị nhưng dịu dàng ấy trong đôi mắt của ông. Cô thường hay tưởng tượng rằng có ngày ông đến nhà cô và hỏi cô, thanh gươm đập lách cách vào đôi ủng cao. Có một lần, nghe thấy một thằng bé khua loảng xoảng một sợi dây xích vào cột đèn, cô đã mở cửa sổ nhìn ra. Nhưng vô ích. Cô biết tướng Kisnơ còn đang ở mãi tận bên Nhật để chỉ huy quân đội chống lại quân Thổ Nhĩ Kỳ hung bạo, và ông sẽ không bao giờ bước khỏi khung thép vàng vì cô. Vậy mà một cái nhìn của ông đã thắng được Picghi hôm ấy. Phải, tối hôm ấy thôi.

Khi đã thôi khóc, Đanxi trở dậy cởi cái áo đẹp nhất của cô ra, mặc chiếc áo ngủ cũ màu xanh. Cô chẳng muôn ăn tối nữa. Cô ngâm hai câu thơ của “Xammi”. Rồi cô bỗng mãi mê để ý đến một vệt đỏ nhỏ trên cánh mũi. Lo xong chuyện đó, cô kéo ghế lại trước cái bàn ọp ẹp và bói số phận của mình bằng một bộ bài cũ.

- Đồ kinh tởm, đồ vô liêm sỉ! – Cô nói to. – Mà mình có nói gì với hần, có nhìn hần bao giờ đâu để hần nghĩ thế.!

Đến chín giờ tối, Đanxi lấy một hộp bánh bích quy và một bình mứt dâu nhỏ ở tủ ra, ăn rất ngon lành. Cô mời tướng Kisnơ một ít mứt phết trên một mẩu bánh, nhưng ông chỉ nhìn cô như con Xphanh(14) nhìn một con bướm- nếu quả là có bướm ở sa mạc.

- Ông không muốn ăn thì thôi. – Đanxi nói- Nhưng đừng có lên mặt mắng tôi như thế với đôi mắt của ông. Nếu ông phải sống với sáu đơ

la một tuần, không biết ông có còn tự cao tự đại và kiêu kỳ như thế nữa không.

Đanxi mà vô lễ với tướng Kisnơ như thế là điềm không may. Rồi cô vùng vằng lật ảnh Benvêluto Xelini úp xuống. Nhưng cái đó không phải là không tha thứ được vì cô vẫn tưởng đấy là Henri thứ VIII (15) và cô không tán thưởng ông này.

Đến chín rưỡi, Đanxi nhìn lại các bức ảnh trên tủ một lần cuối rồi tắt đèn, nhảy lên giường. Đi ngủ mà chỉ có đưa mắt chào tướng Kisnơ, Uylêm Môđun, quận chúa Manbrơ và Benvêluto Xelini thế thôi thì thật là dễ sợ.

Câu chuyện này thật ra không đi đến đâu cả. Phần tiếp theo của nó mãi sau này mới xảy ra: khi Picghi lại mời Đanxi đi ăn hiệu, giữa lúc cô cảm thấy mình cô đơn hơn bao giờ hết, lại gặp lúc tướng Kisnơ nhìn đi chỗ khác, thế là...

Như tôi đã nói trên đây, tôi mơ thấy mình đang đứng gần một đám thiên thần trông có vẻ giàu sang và một viên cảnh sát nắm lấy cánh tay của tôi, hỏi tôi có cùng với bọn họ không.

- Họ là ai? – tôi hỏi.

- A, - hấn ta nói – chúng là những kẻ thuê mướn các cô gái làm việc, trả các cô năm hay sáu đô la một tuần để sống. Mà có phải là người cùng với chúng không?

- Không đời nào, xin thề trên sự bất tử của ngài – tôi nói – Tôi chỉ là một tên đã đốt một trại mồ côi, đã giết một người mù loà để lấy vài xu mà thôi.

Chú thích:

1. *Thần giắc ngủ và mộng theo thần thoại Hy Lạp*
2. *Tên thân mật gọi con vẹt*

3. Thiên sứ đã báo tin cho bà Maxi biết bà sẽ sinh ra Giêxu
4. Âm chỉ cha cố, thầy tu
5. ý nói chủ bóc lột, viện có khấu lương bỏ vào vốn kinh doanh
6. Khu phố giàu có ở Niu Yóoc
7. Khu phố nghèo ở Niu Yóoc
8. Tướng Anh đã có công trong đại chiến thế giới I
9. Một chính khách Mỹ
10. Vợ quận công Manbrơ nổi tiếng vì những chiến công oanh liệt
11. Nhà điêu khắc trứ danh người Ý thời Phục hưng
12. Picghi có nghĩa là lợn con
13. Chơi chữ dùng những từ ba chữ Pig (lợn) fat (béo), rat (chuột), cat (mèo)... để mô tả Picghi.
14. Tướng quái vật đầu đàn bà mình sư tử đã có từ rất lâu đời ở sa mạc Ai Cập
15. Vua Anh (1491- 1547)

O. Henry

Một cuộc đổi đời

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh: A retrieved formation

Một người cai tù đi đến xưởng đóng giày của nhà tù, nơi Jimmy Valentine đang chăm chỉ may các phần trên thân các đôi giày, và kêu anh đi theo mình đến văn phòng. Người quản đốc trại giam nơi đây trao cho Jimmy lệnh ân xá Thống đốc Bang vừa ký ban sáng. Jimmy nhận lấy tờ giấy với dáng vẻ mệt mỏi. Anh đã bị giam gần mười tháng cho một bản án bốn năm tù. Anh nghĩ mình sẽ chỉ bị tù nhiều nhất là ba tháng. Với một người có nhiều bạn bè bên ngoài như trường hợp của Valentine, khi vào nhà đá là không cần bận tâm đến chuyện cắt tóc.

Người quản đốc trại giam nói:

-Này Valentine, anh được trả tự do sáng mai. Tu tỉnh lại đi để thành người tốt. Anh vẫn có một tâm hồn. Đừng đi phá két sắt nữa, sống cho đàng hoàng đi.

Valentine đáp trong vẻ ngạc nhiên:

-Tôi ấy à? Cả đời tôi chưa từng phá một két sắt nào cả!

Người quản đốc cười to:

-À không! Dĩ nhiên rồi. Xem nào. Làm thế nào mà anh lại bị kết án sau vụ làm ăn ở Springfield hở? Anh không thể chứng minh mình vô tội vì sợ liên lụy đến ai đấy trong giới giang hồ phải không? Hoặc là chỉ vì bồi thẩm đoàn có thù hằn gì với anh? Với những nạn nhân vô tội như anh thì thế nào cũng có có này có nọ.

-Tôi ấy à? Thưa ngài, cả đời tôi chưa bao giờ đặt chân đến Springfield!

Quản đốc trại giam mỉm cười, bảo thuộc hạ:

-Cronin, dẫn anh này trở vào, chuẩn bị quần áo để trả tự do. Bảy giờ sáng mai cho anh này về. Valentine, anh nên nghe lời khuyên của tôi.

7 giờ 15 sáng hôm sau, Jimmy đã chuẩn bị xong tại văn phòng quản đốc trại giam. Anh mặc một bộ quần áo loại may sẵn trông khá ngổ ngáo, mang một đôi giày cứng nhắc kêu cọt két, tất cả đều do nhà nước cấp phát khi tiễn đưa những khách trọ bất đắc dĩ. Người thư ký trao cho anh một giấy xe lửa và một tờ năm đô la, xem như đây là cách luật pháp muốn giúp anh trở lại thành công dân lương thiện và khá giả. Quản đốc trại giam đưa cho anh một miếng xì gà, rồi bắt tay anh. Valentine, số tù 9762, được ghi vào sổ “Được Thống đốc tha bổng”, và ông James Valentine bước vào ánh nắng bên ngoài.

Không màng gì đến tiếng chim ríu rít, cây lá xanh đông đưa và hương hoa trong gió, Jimmy đi ngay đến một quán ăn. Anh ta tận hưởng hương vị đầu tiên của tự do bằng món gà hấp kèm một chai rượu vang trắng, tiếp theo là một miếng xì gà thơm ngon hơn là thứ quản đốc trại giam cho anh. Rồi anh đi bộ nhàn nhã đến nhà ga. Anh

ném một đồng 25 cent vào chiếc mũ của một người mù ngồi gần cửa ra vào, và bước lên tàu. Sau ba giờ đồng hồ, anh xuống tàu tại một thị trấn nhỏ gần biên giới của bang. Anh đi đến quán ăn của Mike Dolan và bắt tay anh này đang đứng đơn độc sau quầy rượu. Mike nói:

-Jimmy à, mình tiếc không thể giúp cậu ra khỏi tù sớm hơn. Bọn mình phải đối phó với sự phản đối từ Springfield, và Thống đốc Bang gần như gây cản trở. Mạnh khỏe chứ?

-Khỏe, còn giữ chìa khóa của tôi không?

Jimmy nhận lấy chìa khóa, đi lên lầu, mở cửa căn phòng cuối hành lang. Mọi thứ vẫn còn y nguyên như khi anh đi. Trên sàn nhà vẫn còn chiếc cốc cổ áo của thanh tra Ben Price, sút ra khi vật lộn để bắt giữ anh. Jimmy kéo chiếc giường gấp ra khỏi bức tường, đẩy một tấm chắn trên tường thụt vào phía trong, rồi rút ra một chiếc túi xách phủ đầy bụi. Anh mở nó ra, ngắm nhìn triu mến bộ đồ lễ tinh xảo nhất trong toàn vùng miền Đông dành cho đạo chích. Đây là một bộ đồ lễ đầy đủ, chế bằng thứ thép tinh luyện đặc biệt, gồm các mũi dùi, đục, kẹp, kèm, cùng các món linh tinh khác mà Jimmy tự ra mẫu lấy theo kiểu mới nhất. Anh lấy đó mà hãnh diên. Anh đã tốn bảy trăm đô la để đặt làm bộ đồ lễ tại...một cơ xưởng chuyên chế tạo những món như thế.

Trong vòng nửa giờ, Jimmy đi xuống. Bây giờ anh đã mặc một bộ vét đúng một và vừa vặn, mang trong tay chiếc túi xách đã lau chùi sạch bụi. Mike Dolan hỏi anh thân mật:

-Có chuyện làm ăn hờ?

Jimmy đáp một cách ngạc nhiên:

-Tôi ấy à? Tôi không hiểu cậu nói gì. Tôi đang là đại diện thương mại cho hãng bánh kẹo York Almagated và công ty Bánh mỳ Frazzled¹. Cậu nói khiến Mike thích thú đến nỗi Jimmy phải nhận uống ngay tại quầy một ly sữa pha nước khoáng. Anh không hề động đến các thức uống làm say xỉn.

Một tuần sau khi Valentine, số hiệu 9762, được trả tự do, có một vụ mở kết sắt thật gọn gang ở Richmond, bang Indiana, mà không có chứng tích tác giả là ai. Chỉ có tám trăm đô bị phổng mắt. Hai tuần sau, một kết sắt tại Logansport, loại hiện đại có bằng sáng chế, bị phá tung như là đồ chơi với một nghìn năm trăm đô không cánh mà bay, riêng mấy mẫu giấy chứng khoán và các món bằng bạc thì còn nguyên. Kế đến là một tủ sắt nhà băng kiểu cổ điển ở thành phố Jefferson bị kích hoạt, tuôn ra năm nghìn đô la tiền mặt. Đến lúc này thì tổng thiệt hại đã lên đến mức lớn lao để nhờ đến công sức của thanh tra Ben Price. So sánh các vụ làm ăn này với nhau có thể thấy ngay những điểm tương tự. Ben Price đến xem xét các hiện trường, và người ta nghe ông lầm bầm:

-Đúng là dấu ấn của cái anh ưu tú Jim Valentine rồi. Hắn đã quen đường cũ. Xem cái ổ khóa này – hắn rút ra như người ta nhổ củ cải sau cơn mưa. Chỉ hắn mới có đồ lè để làm ăn như thế. Và nhìn cái ổ khóa này. Jimmy bao giờ cũng chỉ khoan một lỗ duy nhất. Đúng rồi, mình sẽ tìm bắt hắn. Lần sau thì đừng hòng có việc khoan hòng ngu xuẩn.

Ben Price biết rõ thói quen của Jimmy. Ông đã nắm mọi mảnh lời này

từ vụ Springfield. Đi làm ăn thật xa, tẩu tán như chớp, không có đồng bọn, có gu sành điệu của giới thượng lưu – mấy mảnh lời này giúp anh Jimmy nhà ta dễ trốn lánh. Thế là Ben Price bắt đầu lần dò theo dấu chân Jimmy, và thiên hạ có kết sắt cảm thấy an tâm hơn.

Một buổi chiều, Jimmy và chiếc túi xách lần đến Elmore, một thị trấn ở bang Arkansas, nằm cách đường tàu không đến mười cây số. Jimmy, với dáng vẻ như là một sinh đại học khỏe mạnh vừa từ đại học về thăm nhà, đi dọc theo một hè phố rộng trên đường đến khách sạn của thị trấn.

Một cô gái trẻ băng ngang đường, đi qua gần anh, bước vào một cánh cửa với tấm biển ghi “Ngân hàng Elmore”. Jimmy nhìn vào mắt cô gái, quên băng mình là ai và trở thành một con người khác. Cô gái cúi mặt, má hơi ửng hồng. Thanh niên với thời trang và ngoại hình như Jimmy thì hiếm ở Elmore.

Jimmy làm quen với một cậu bé lảng vảng ngoài cửa nhà băng y như một cổ đông của ngân hàng, lân la hỏi chuyện về cái thị trấn nhỏ, thỉnh thoảng lại bón cho thằng nhóc một đồng tiền mười xu. Mãi đến lúc cô gái kia bước ra, với dáng vẻ vương giả không thềm để ý gì đến chàng trai lạ mặt với chiếc túi xách, và đi thẳng.

Jimmy hỏi cậu bé một cách khéo léo đặc biệt:

-Có phải đấy là cô Polly Simpson không?

-Không phải. Đó là cô Annabel Adams. Ông già cổ làm chủ nhà băng.

Ông đến Elmore làm chi vậy? Cái dây đồng hồ của ông bằng vàng phải hông? Cháu định mua một con chó. Ông có thêm đồng tiền nào nữa hông?

Jimmy đi đến khách sạn Planters, ghi vào sổ tên mình là Ralph D. Spencer để nhận phòng. Anh đứng tựa vào quầy lễ tân để khai báo phương án của mình. Anh bảo anh đến Elmore để tìm một vị trí cho cơ sở làm ăn. Nghề đóng giày thì thế nào? Tôi đang nghĩ đến việc mở một hiệu giày. Ở đây đã có ai mở chưa?

Anh lễ tân bị thu hút bởi thời trang và phong thái của Jimmy. Chính anh ta cũng chú ý đến thời trang theo kiểu hàng mã của bọn trẻ ở Elmore, và giờ anh cảm thấy mình còn thua xa ông khách. Anh sốt sắng cung cấp thông tin. Vâng, nếu mở một hiệu giày thì sẽ khá lắm. Không có hiệu nào chuyên bán giày ở đây, mà chỉ có các cửa hàng tạp nhạp bán thêm giày. Mọi công việc làm ăn ở đây đều khấm khá. Hy vọng ông Spencer sẽ định cư ở Elmore. Ông sẽ thấy đời sống ở thị trấn này dễ chịu lắm, và dân địa phương sống rất hòa đồng.

Ông Spencer nghĩ ông ta sẽ lưu lại đây ít ngày để xem qua tình hình địa phương. Không, không cần lễ tân mang hành lý cho ông. Ông muốn tự mang chiếc túi xách lên phòng vì nó khá nặng.

Ông Ralph D. Spencer, giờ như cá chép hóa long, hóa thân do tiếng sét ái tình bất ngờ, lưu lại Elmore, và phát tài. Ông mở một hiệu giày, được đảm bảo một vị trí ăn nên làm ra. Ông cũng thành công về mặt giao tiếp xã hội, có thêm nhiều bạn bè. Và con tim ông đã được toại nguyện. Ông đã làm quen với cô Annabel Adams, càng ngày càng bị

cô hợp hôn. Đến cuối năm thì tình hình của ông Spencer là như thế này: ông được dân trong thị trấn trọng vọng, hiệu giày của ông phát lên thấy rõ, thêm nữa là ông và cô Annabel sẽ làm lễ đính hôn trong vòng hai tuần kế tiếp. Cha cô, dân nhà băng phố lẻ chính tông và cần cù, đã chấp thuận cuộc hôn nhân. Về phần Annabel, cô cảm thấy vừa hãnh diện về ông Spencer vừa triu mến ông hết mực. Ông cảm thấy thoải mái trong gia đình của Annabel và gia đình bà chị của cô như thể ông đã là một thành viên thực thụ trong các gia đình này.

Một ngày kia Jimmy ngồi trong phòng khách sạn của mình để viết một bức thư gửi đến địa chỉ an toàn của một anh bạn cố tri ở St Louis như sau:

Anh bạn thân giao, mình muốn cậu đến quán Sullivan ở Little Rock, tối thứ tư tới, lúc chín giờ. Mình muốn cậu lo ít việc cho mình. Và mình cũng muốn biếu cậu bộ đồ lễ của mình. Mình biết cậu sẽ vui sướng lắm khi nhận bộ đồ lễ này – dù cậu có chi cả nghìn đô cũng không thể cấp được một bộ như thế. Billy à, mình đã bỏ nghề cũ, từ một năm nay rồi. Mình có một cửa hiệu ăn nên làm ra. Mình đang sống đời lương thiện, trong hai tuần nữa mình sẽ cưới người con gái tuyệt vời nhất thế gian. Mình sẽ chỉ có một cách sống Billy à – sống chân chất. Mình sẽ không chôm chĩa của ai một đô nào nữa. Sau khi thành hôn, mình sẽ bán tất cả rồi đi về miền Tây, nơi mình sẽ không có nguy cơ bị đòi các món nợ ân oán giang hồ. Nói cho bạn biết, cô nàng là một thiên thần. Cô tin tưởng nơi mình, và mình sẽ không làm thêm một chuyện gì lỗi thôi nữa. Cố gắng thu xếp đến quán Sullivan, vì mình cần gặp cậu. Mình sẽ mang theo bộ đồ lễ.

Bạn thân thiết của cậu, Jimmy.

Vào buổi tối thứ Hai sau khi Jimmy đã gửi bức thư trên, thanh tra Ben Price đi trên một chiếc xe ngựa chạy đường hoàng vào Elmore. Ông đi dạo trên các phố theo cách êm thấm đến khi ông tìm ra được điều muốn tìm. Từ một hiệu thuốc bên kia đường đối diện hiệu giày của Spencer, ông quan sát kỹ người mang tên Ralph D. Spencer. Ông khẽ nói với chính mình:

-Sắp cưới cô con gái chủ nhà băng phải không Jimmy? Hừ, không chắc đâu đấy!

Sáng hôm sau, Jimmy đến ăn sáng ở gia đình ông nhạc gia tương lai Adams. Anh sẽ đi Little Rock ngày này để đặt may một bộ trang phục cho lễ cưới và mua món gì đấy hay hay cho Annabel. Đây sẽ là lần đầu tiên anh ra khỏi Elmore từ khi anh đến thị trấn này. Đã hơn một năm từ khi anh làm phi vụ cuối cùng, và anh nghĩ anh có thể ló đầu ra một cách an toàn. Sau bữa ăn sáng, cả bầu đoàn thể tử cùng nhau đi xuống phố - ông Adams, Annabel, Jimmy và chị gái của Annabel với hai đứa con nhỏ, năm và chín tuổi. Họ đi đến khách sạn nơi Jimmy ngụ, anh chạy lên lầu và mang xuống chiếc túi xách. Rồi họ cùng nhau đi đến ngân hàng. Nơi đây đã có sẵn chiếc xe ngựa và Dolp Gibson, người sẽ đánh xe đưa Jimm đến nhà ga. Tất cả đi qua bên trong hàng rào chắn cao bằng gỗ sồi chạm trổ để vào phía trong phòng ngân hàng – Jimmy cũng đi cùng, vì chàng rể của ông Adams được chấp nhận thân tình ở mọi nơi. Các nhân viên nhà băng cảm thấy vui vui khi chàng thanh niên trẻ đẹp trai, có tư cách, mà cũng là ý trung nhân của con gái ông chủ, chào hỏi họ. Annabel, lòng ngập hạnh phúc và tâm hồn tràn đầy sức tươi trẻ, lấy chiếc mũ của Jimmy

đội lên đầu mình, và nhấc chiếc túi xách hộ anh.

-Trông em có giống như nhạc công đánh trống nhà nghề không? Ở này, anh Jimmy, sao mà cái túi này nặng thế? Như là chứa đầy những thỏi vàng vậy!

Jimmy điềm tĩnh trả lời:

-Đây là mấy cái móng ngựa mạ kền anh dùng để đóng giày. Anh định tự mang đem đi trả lại, để đỡ tiền cước gửi. Anh đang tiết kiệm chi tiêu tối đa đây.

Ngân hàng Elmore vừa đặt làm một cái tủ sắt mới. Ông Adams rất hãnh diện về cơ sở này, nhất quyết muốn mọi người đến xem. Cái tủ sắt tuy nhỏ, nhưng có một loại cửa khóa hiện đại được đăng ký bằng sáng chế. Có ba ống khóa bằng thép cứng, cả ba đập lại với nhau bằng một cái cần duy nhất, và có thêm một cái khóa đồng hồ. Ông Adams hớn hở giảng giải cách vận hành cho anh Spencer nghe, nhưng anh này chỉ tỏ vẻ chú ý theo cách lịch sự mà không mấy thông minh. Hai cô con gái nhỏ, Mary và Agatha, đều thích thú với nước kim loại sáng ngời cùng những khóa và chốt thật ngộ nghĩnh. Trong khi mọi người đang chú tâm như thế, Ben Price lên vào, lấy tay chống cằm và nhìn vào bên trong một cách xuề xòa. Ông nói với một nhân viên là ông không cần gì cả, ông chỉ đứng chờ một người quen của ông.

Thình lình có một hai tiếng rú của mấy người phụ nữ, và có sự nhốn nháo. Không có người lớn để ý trông chừng, Mary, cô chị lên chín, trong khi đùa nghịch đã nhốt cô em Agatha vào trong cái tủ sắt. Rồi cô bé khởi động cần khóa và vận nùm số theo cách cô đã thấy ông

Adams làm. Ông chủ nhà băng nhào đến cái cần khóa kéo giật một hồi. Ông hỗn hển:

-Cửa này không mở được, chưa ai vặn đồng hồ khóa, mà cũng chưa ai đặt số khóa!

Bà mẹ của Agatha lại kêu rú lên một cách điên dại.

Ông Adams run rẩy đưa tay lên:

-Suyt. Tất cả giữ im lặng.

Ông cố hết sức nói thật to:

-Agatha! Nghe ông đây!

Trong phút im lặng kế tiếp, mọi người chỉ nghe rất khẽ tiếng cô bé la hét bên trong cái tủ sắt tối đen, trong nỗi hốt hoảng kinh khiếp. Bà mẹ rên rĩ:

-Con gái cưng của tôi! Nó sẽ quá khiếp đảm mà chết! Mở cửa ra, phá nó ra. Mấy người đàn ông không có cách gì hay sao?

Ông Adams trả lời trong tiếng run rẩy:

-Người gần đây nhất có thể mở tủ sắt này thì ngụ tại Little Rock. Cơ khổ, anh Spencer, ta phải làm gì đây? Đứa nhỏ này – nó không thể chịu đựng được lâu trong đây. Hơn nữa lại không có đủ không khí, rồi nó sẽ quá kinh hãi mà lên cơn động kinh mất!

Bà mẹ của Agatha, giờ trở nên hoảng loạn, đâm vào cánh cửa với cả hai nắm tay. Có ai đấy điên rồ đề nghị dùng chất nổ. Annabel quay sang Jimmy, đôi mắt to của cô đầy vẻ lo lắng, nhưng không có vẻ tuyệt vọng. Với người mà cô tôn thờ, hình như không có việc gì mà anh không làm được. Cô van nài:

-Ralph, anh có thể làm gì đấy được không? Anh cố thử, được không anh?

Anh nhìn cô với vẻ mặt rất kỳ lạ, với một nụ cười trên môi anh và

trong cả đôi mắt anh.

-Annabel, em tặng anh cánh hồng em đang mang, được không?

Cô không tin mình nghe đúng lời anh nói, nhưng cô vẫn tách cánh hoa hồng khỏi ve áo của cô, đặt trong lòng bàn tay anh. Jimmy nhét nó vào túi áo vét, cởi áo choàng ra, xắn hai tay áo sơ mi lên. Với động tác này, Ralph Spencer đã ra đi, và Jimmy Valentine thế chỗ vào. Anh ra lệnh:

-Mọi người hãy dẫn ra khỏi cánh cửa.

Anh đặt chiếc túi xách lên mặt bàn, mở toang nó ra. Từ lúc ấy, dường như anh không để ý đến sự hiện diện của ai nữa. Anh nhanh nhẹ bày ra các món đồ lè sáng bóng, hình thù kỳ dị, huýt sáo nhỏ nhỏ theo thói quen khi anh làm việc. Trong bầu không khí im lặng tuyệt cùng và bất động, những người khác nhìn anh làm việc như chính họ bị thôi miên. Chỉ trong một phút, mũi khoan của Jimmy đã đi ngọt vào cánh cửa thép. Trong mười phút, phá mọi kỷ lục trộm đạo của chính mình, anh đã ném ra các cần khóa và mở toang chiếc cửa sắt. Agatha gần như bất tỉnh, nhưng an toàn, được bà mẹ ôm vào vòng tay.

Jimmy Valentine mặc áo choàng, rồi bước ra hướng cửa chính. Anh nghĩ anh đã nghe tiếng gọi tên anh từ khoảng xa, theo tên giả "Ralph". Nhưng anh không hề chần chừ. Tại cánh cửa chính, một người đàn ông to lớn đứng ngáng một bên. Vẫn với nụ cười lạ lùng trên môi, Jimmy nói:

-Chào Ben. Cuối cùng rồi cũng đuổi kịp phải không? Thế thì đi nào. Bây giờ tôi thấy ra sao thì cũng thế thôi.

Nhưng rồi Ben phản ứng một cách kỳ lạ. Ông nói:

-Tôi nghĩ ông đã nhầm rồi, ông Spencer. Tôi không nghĩ là tôi quen biết ông. Xe ngựa ông đang chờ đấy, có phải thế không?

Và Ben Price quay đi, bước dọc theo hè phố.

Chú thích :

1. Jimmy bông đùa. “Almagated” nghĩa là dính lại thành một khối và “Frazzled” nghĩa là xơ xác.

O. Henry

Những con đường chúng ta chọn

Đoàn tàu tốc hành buổi chiều dừng lại bên trạm bơm nước cách Tăcxơn hai mươi dặm về phía tây để lấy nước. Ngoài nước ra, chiếc đầu máy của con tàu nhanh nổi tiếng này còn mang theo đôi thứ không lấy gì làm bổ ích lắm cho nó.

Trong lúc anh thợ đốt lò tháo chiếc vòi mềm dẫn nước thì Bốp Tiddon, “Cá mập” Đôt-xơn và một người lai da đỏ từ bộ lạc Cricơ biệt hiệu Giôn Đại Cầu trèo lên đầu máy và chĩa ba đầu lỗ tròn của khẩu súng cá nhân vào các lái tàu. Điều này đã gây cho bác lái tàu một ấn tượng mạnh đến nỗi ngay tức khắc bác ta giơ hai tay lên trời, giống như người ta vẫn làm khi kêu lên: “Ô hay! Không thể như vậy được”. Theo mệnh lệnh ngắn gọn của “Cá mập” Đôt-xơn - tên cầm đầu toán cướp, bác lái tàu bước xuống đường ray và tách đầu máy và toa chở than ra. Rồi Giôn Đại Cầu trèo lên đồng than, nghịch ngợm chĩa hai khẩu súng lục vào bác lái tàu và anh thợ đốt lò, ra lệnh cho họ lái đầu máy chạy cách xa đoàn tàu năm mươi yát và đợi lệnh tiếp theo. “Cá mập” Đôt-xơn và Bốp Tiddon không thèm đếm xỉa đến thứ quặng nghèo vàng như đám hành khách. Chúng tiến thẳng về phía mỏ hạt

sa khoáng ở trong toa thư. Viên trưởng toa trở tay không kịp. Ông này vẫn hoàn toàn tin tưởng là chuyến tàu tốc hành buổi chiều đã không thu nhận gì tai hại và nguy hiểm hơn nước lũ. Trong lúc Bốp Tidbon dùng cán của khẩu côn đánh bật sự nhầm lẫn nguy hại này ra khỏi đầu ông ta, “Cá mập” Đôt-xơn không để phí thời gian, đã đặt khối thuốc nổ xuống dưới chiếc kết sắt của tem thư.

Chiếc kết sắt nổ vỡ toang đã cho ra ba mươi ngàn đôla lợi nhuận ròng bằng vàng và tín phiếu. Đây đó các hành khách thò cổ ra ngoài cửa sổ xem tiếng sấm rền vang này ở đâu ra. Viên phó tàu giật dây chuông, nhưng cái dây thừng, treo lơ lửng một cách không sinh khí, không thể hiện bất kì sự phản ứng nào. Quẳng những thứ ăn cướp được vào chiếc túi vải bạt chắc chắn, “Cá mập” Đôt-xơn và Bốp Tidbon nhảy xuống đất và chạy về phía đầu máy, chân vấp lia lịa trong những đôi giày gót cao.

Bác lái tàu, tuy hăm hăm nhưng vẫn ngoan ngoãn tuân theo lệnh của chúng, đã cho đầu máy chạy xa khỏi đám toa xe bất động. Nhưng trước đó viên trưởng toa thư, như bừng tỉnh khỏi cơn thôi miên, đã nhảy bổ đến một mô đất với khẩu súng trường Uynchextơ trong tay và tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu. Giôn Đại Cầu đã đi sai một nước cờ là ngồi trên toa than: hắn để lộ mình dưới luồng đạn và viên trưởng toa đã cho hắn ăn kẹo đồng ngay lập tức. Tên lục lâm cướp đường ngã lăn xuống đất vì bị viên đạn đúng giữa hai bả vai, và như vậy là phần ăn cướp được của mỗi tên đồng bọn của hắn đã tăng lên một phần sáu.

Cách trạm bơm nước hai dặm, bác lái tàu được lệnh dừng lại. Bọn cướp phẩy tay chào bác ta một cách khiêu khích và nhảy xuống theo một sườn dốc dựng đứng, rồi mất hút trong đám bụi cây rậm dày đặc

bao quanh con đường. Năm phút sau, đi xuyên qua các bụi cây choparan làm cành cây gãy răng rắc, chúng đã có mặt ở chỗ rừng thưa, ở đó có ba con ngựa đã được buộc sẵn vào những cành cây thấp. Một con trong số đó đang đợi Giôn Đại Cầu mà bây giờ bất kể ngày cũng như đêm, không bao giờ hấn còn được cưỡi trên mình nó nữa. Sau khi tháo yên cương của con ngựa này, bọn cướp thả nó ra. Quẳng chiếc túi lên mỏ yên, chúng cưỡi lên hai con còn lại và phi vút đi, nhưng mắt vẫn lảo liên nhìn quanh. Thoạt tiên chúng phóng qua một khu rừng, rồi sau đó qua một hẻm vực hoang dại, vắng ngắt. Đến đây con ngựa của Bốp Tidbon bị trượt trên một hòn đá bám đầy rêu và gãy một chân trước. Ngay tức khắc chúng bắn chết nó và ngồi xuống hợp bàn. Đã đi được một đoạn đường dài, quanh co nên tạm thời chúng vẫn còn được an toàn, không cần phải vội vã. Những dặm đường và khoảng thời gian lớn đã ngăn cách chúng với ngay cả cuộc truy đuổi nhanh nhất. Lê sợi dây cương trên mặt đất và lắc lư mạng sườn, con ngựa của “Cá mập” Đôt-xơn ngoan ngoãn gặm cỏ bên bờ suối. Bốp Tidbon mở cái túi, và vừa cười như một đứa bé con, hấn vừa móc ra những cọc tín phiếu mới toanh được dán cẩn thận và một túi vàng con duy nhất.

- Hãy nghe đây, tên cướp già đời kia, - hấn vui vẻ gọi Đôt-xơn, - thế mà hoá ra mày có lí, công việc vậy là rất suôn sẻ. Chà, cái đầu của mày, đúng là đầu bộ trưởng tài chính. Với bất cứ ai ở Arizen này cũng có thể chấp cả một trăm điểm được đấy.

- Chúng ta làm gì với con ngựa bây giờ hả Bốp? Không nên ngồi lâu ở đây. Trước lúc rạng đông bọn họ sẽ đuổi theo chúng ta.

- Hừm, con Bôliva của mày tạm thời cũng mang được cả hai đứa. -

Bốp vui vẻ trả lời. - Chúng ta sẽ chiếm lấy con ngựa nào bắt gặp đầu

tiền. Mẹ kiếp, mẹ này cũng khá đấy chứ, phải không mày? Nếu tin vào dòng chữ được in trên giấy thì chỗ này là ba mươi ngàn, mỗi thàng mười lăm ngàn.

- Tao nghĩ sẽ hơn thế cơ đấy, - dùng mũi giày khế đá vào bọc tiền, “Cá mập” Đôtxon nói. Và hắn trầm ngâm nhìn hai bên sườn ướt đầm của con ngựa mệt mỏi của hắn.

- Con Bôliva già nua gần kiệt sức rồi. - Hắn nói rành rọt từng chữ. - Tiếc là con ngựa hồng của mày gãy mất một chân.

- Còn phải nói, - Bốp hồn nhiên đáp lời, - nhưng làm gì được với nó bây giờ. Con Bôliva của mày còn khỏe. Nó sẽ đưa chúng ta đến nơi cần thiết, và ở đó ta sẽ thay ngựa. Mẹ kiếp, mà kể cũng buồn cười, mày từ miền đông tới, xa lạ với vùng này, còn chúng tao ở miền tây, ngay tại quê nhà, thế mà chúng tao không đáng đi xách dép cho mày. Mày từ bang nào nhỉ?

- Bang Niu-Yooc, - ngồi xuống tảng đá tròn và nhai một cành cây, “Cá mập” Đôtxon đáp lại. - Tao sinh ra tại một điền trang vùng Onxtơ. Năm mười bảy tuổi tao bỏ nhà ra đi. Và tình cờ tao đã lọt đến miền tây. Với gói hành lí trong tay tao đi trên đường, những mong tới được Niu-Yooc. Tao nghĩ rằng tới được đó tao sẽ bắt đầu đi kiếm tiền. Tao luôn có cảm tưởng rằng tao sinh ra là để làm việc đó. Tao tới một ngã ba đường và không biết nên đi theo ngã nào. Suốt nửa giờ tao nghĩ ngợi quẩn quanh, rồi sau đó tao ngoặt sang bên trái. Đến tới thì tao đuổi kịp một gánh xiếc rong và thế là đi cùng với họ về miền tây. Tao vẫn thường nghĩ, cái gì sẽ xảy ra với tao nếu như lúc ấy tao chọn con đường khác?

- Theo tao, cũng sẽ như vậy thôi. - Bốp Tidbon trả lời một cách triết lí.

- Vấn đề không phải ở con đường chúng ta chọn, mà là ở chính cái

nằm trong lòng chúng ta dẫn tới việc chọn con đường.

Đôtxơn đứng dậy và tựa vào một thân cây.

- Tao rất tiếc là con ngựa hồng của mày bị què cẳng, Bốp ạ. - Hấn nhắc lại với vẻ thông cảm.

- Tao cũng vậy, - Bốp đồng ý - con ngựa tuyệt thật. Thôi được, con Bôliva sẽ mang chúng ta đi. Có lẽ, cũng đến lúc khởi hành rồi đấy, “Cá mập” ạ. Bây giờ tao sẽ xếp hết tất cả những cái này vào túi và lên đường. Con cá đi tìm chỗ nước sâu, còn con người thì tìm chỗ nào tốt hơn.

Bốp Tidbon bỏ những thứ ăn cướp vào túi và buộc chặt lại bằng sợi dây thừng. Vừa ngược mắt lên, hấn nhìn thấy ngay nòng khẩu côn 45 mà cánh tay không hề run rẩy của “Cá mập” Đôtxơn đang chĩa vào hấn.

- Bỏ cái trò đùa ấy đi. - Bốp vừa cười gằn vừa nói. - Đến lúc phải đi rồi.

- Ngồi im tại chỗ! - “Cá mập” nói. - Bốp, mày sẽ không đi khỏi nơi này. Tao rất phiền lòng phải nói ra điều đó, nhưng chỉ có chỗ cho một người. Con Bôliva kiệt sức rồi, nó không thể mang nổi hai đứa.

- Tao với mày là chiến hữu của nhau đã ba năm nay, “Cá mập” Đôtxơn ạ. - Bốp bình tĩnh trả lời. - Chúng ta đã cùng nhau liều mạng không phải chỉ một lần. Tao luôn thành thật với mày, nghĩ rằng mày là một con người. Tao đã nghe đôi điều không tốt về mày, hình như mày đã giết oan hai người chẳng có tội tình gì, nhưng tao không tin. Nếu mày đùa, “Cá mập” ạ, thì hãy cắt ngay khẩu côn và chúng ta chạy cho mau. Còn nếu mày muốn bắn, thì bắn đi, đồ đều, đồ nhện độc!

Bộ mặt của “Cá mập” Đôtxơn lộ vẻ buồn sâu sắc.

- Chắc mày không tin đâu, Bốp ạ, - hấn thở dài, - tao thật lòng tiếc là con ngựa hồng của mày bị gãy chân.

Và bộ mặt của hấn đột nhiên thay đổi - giờ đây nó biểu lộ sự tàn bạo lạnh lùng và lòng tham vô đáy. Trong một phút, tâm hồn của con người này đã lộ ra, giống như đôi khi, bộ mặt của một kẻ ác độc lộ ra ngoài cửa sổ một ngôi nhà tư sản đáng kính.

Trong thực tế, số phận đã không cho Bốp rời khỏi chỗ này được nữa. Tiếng súng của thằng bạn phản trắc đã vang lên và các vách đá của hẻm vực đã đáp lại bằng những hồi âm phẫn nộ. Còn kẻ tình cờ đồng loã với tên giết người - con Bôliva đã nhanh chóng mang đi tên cuối cùng trong bọn cướp chuyển tàu nhanh buổi chiều - con ngựa đỡ phải mang tải trọng gấp đôi.

Nhưng khi “Cá mập” Đôt-xơn phi ngựa trong rừng, cây cối phía trước hấn dường như bị sương mù che khuất, khẩu súng lục trong tay bỗng biến thành cái tay vịn cong cong của chiếc ghế bành làm bằng gỗ sồi, miếng vải bọc yên thật là kì lạ, và mở mắt ra, hấn nhìn thấy chân hấn đang tì vào không phải là bàn đạp mà là chiếc bàn làm việc bằng gỗ sồi.

Vậy xin nói rằng, Đôt-xơn - chủ văn phòng chứng khoán “Đôt-xơn và Êcơ”, phố Uôn đã mở mắt ra. Pibôđi, viên thư kí tin cẩn đang đứng bên chiếc ghế bành, ngập ngừng muốn nói. Dưới cửa sổ tiếng bánh xe lăn âm âm, chiếc quạt máy kêu vo vo như ru ngủ.

- Hừm! Pibôđi, - chớp chớp mắt, Đôt-xơn nói. - Hình như tôi đã thiếp đi. Tôi đã thấy một giấc mơ cực kì lạ lùng. Có chuyện gì thế, Pibôđi?

- Dạ, thưa ông, ông Uy-liam ở hãng “Trex và Uy-liam” đang đợi ông.

Ông ta tới để thanh toán mấy cái X, Y, Z. Ông ta bị mắc kẹt với chúng, thưa ông, nếu ông nhớ ra.

- Phải, tôi có nhớ. Thế giá của chúng hôm nay là bao nhiêu?
 - Thừa ông, một đôla tám mươi nhăm xu.
 - Vậy hãy thanh toán cho ông ta theo giá đó!
 - Xin ông tha lỗi, - Pibôđi hồi hộp nói, - tôi đã nói với ông Uylam. Ông ấy là bạn cũ của ông, thừa ông Đôt-xơn, mà ông là người đã mua tất cả X, Y, Z. Tôi thiết tưởng giá ông, nghĩa là... Có lẽ, ông nhớ là ông ấy đã bán chúng cho ông với giá là chín mươi tám xu. Nếu ông ấy phải thanh toán theo giá hiện nay, ông ấy sẽ mất hết cả vốn liếng và đến phải bán cả ngôi nhà của mình.
- Bộ mặt của Đôt-xơn đột nhiên thay đổi - giờ đây nó biểu lộ sự tàn bạo lạnh lùng và lòng tham vô đáy. Trong một phút, tâm hồn của con người này đã lộ ra, giống như đôi khi, bộ mặt của một kẻ ác độc lộ ra ngoài cửa sổ một ngôi nhà tư sản đáng kính.
- Kệ cho ông ta trả với giá một đôla tám mươi nhăm xu. - Đôt-xơn nói.
 - Con Bôliva không thể mang được hai người./.

Trần Thanh Phương dịch

O. Henry

Những mẫu bánh mì kiến hiệu

Cô Marta Michem có một cửa hiệu bán bánh mì nhỏ ở góc phố (ấy chính cái cửa hiệu ấy, bạn biết rồi chứ? Nơi có bậc tam cấp đi xuống và khi bạn mở cửa, chiếc chuông kêu leng keng).

Cô Marta đã ngấp nghé tứ tuần, và trong tài khoản của cô ở ngân hàng có hai nghìn đôla. Cô Marta có hai chiếc răng giả và một trái tim rất đa cảm. Nhiều phụ nữ khi đi lấy chồng thật ra còn ít điều kiện hơn cô Marta kia.

Khoảng hai ba lần trong tuần ở cửa hiệu lại xuất hiện một khách hàng mà cô Marta ít nhiều để ý đến. Đó là một người đàn ông trung niên, đeo kính và có bộ râu quai nón rậm được xén tỉa thành hình cái nậm. Ông ta nói tiếng Anh với giọng Đức rất nặng. Bộ com lê ông ta mặc hơi rộng, đã cũ, không được là cẩn thận, nhiều chỗ đã phải vá. Ấy thế nhưng ông vẫn có vẻ chỉnh tề và cái chính là tác phong của ông rất đứng đắn.

Người khách này bao giờ cũng chỉ chọn hai chiếc bánh mì đã cứng. Bánh mì mới ra lò giá năm xu một chiếc, còn bánh mì đã cứng thì năm xu được những hai cái. Không khi nào ông ta hỏi mua một thứ

gì khác.

Có một lần cô Marta nhận thấy những vết bột màu đỏ và nâu ở ngón tay của ông. Khi đó cô khẳng định ông ta là họa sĩ và rất nghèo. Có lẽ ông phải sống ở đâu đó trên gác xép, hàng ngày ăn bánh mì khô cứng và mơ ước đến bao nhiêu thứ ngon lành khác có rất nhiều ở cửa hiệu của cô.

Bây giờ, mỗi bận ngồi ăn sáng - một miếng thịt bê, bánh bơ mút và nước chè - cô Marta thỉnh thoảng lại thờ dài và thương xót cho ông họa sĩ, một con người tể nhị và có học đến vậy, lẽ ra có thể cùng ngồi ăn uống ngon lành với cô lại phải ngồi nhai những mẩu bánh mì khô cứng trên gác xép lạnh lẽo, bị gió lùa. Trái tim cô Marta, như bạn biết đấy, vốn rất đa cảm.

Sau khi quyết định kiểm tra lại điều phỏng đoán của mình về nghề nghiệp của ông khách, cô Marta đã đem từ phòng trong ra cửa hiệu bức tranh trước kia mua tại nơi bán đấu giá và đặt nó lên giá phía sau quầy hàng. Bức tranh vẽ một cảnh tượng ở Vơniđơ ở chỗ dễ thấy nhất, hay nói đúng hơn là chỗ lấm nước nhất nổi lên một toà cung điện đá trắng nguy nga (nếu như tin vào chú thích phía dưới). Khoảng không gian còn lại đầy kín những chiếc thuyền có mui (một mệnh phụ ngồi trên một chiếc thuyền đang thò ngón tay xuống nước), những đám mây, bầu trời và cơ man những mảng tối. Không một họa sĩ nào đi ngang qua một bức tranh như vậy mà lại không chú ý đến nó.

Hai ngày sau người khách ấy lại đến cửa hiệu.

- Sin pà hai chiếc bánh mì khô. (1)

Và khi cô Marta gói bánh mì vào giấy, ông nói:

- Thừa pà, bức tranh của pà mới đẹp làm sao.

- Thế à? - Cô Marta rất hớn hờ vì cái mẹt lấu cá của mình. - Tôi yêu nghệ thuật lắm và... (có quá sớm khi nói: ... “và cả các họa sĩ” không nhỉ?) - Sau khi tìm được từ thay thế cô nói tiếp: - ... và hội họa. Ông cũng thích bức tranh này à?

- Cung tiện này vẽ không đúng, - người khách trả lời, - phối cảnh không chuẩn xác. Thôi, chào pà nhé.

Ông khách cầm gói bánh mì, cúi chào và bước nhanh ra cửa.

Bây giờ thì không còn phải nghi ngờ gì nữa, ông ấy đúng là họa sĩ.

Cô Marta lại đem bức tranh cất vào phòng trong.

Ánh mắt ông ấy sau cặp kính trông mới dịu dàng nhân hậu làm sao!

Vàng trán ông ấy mới cao làm sao! Vừa mới nhìn bức tranh đã nhận xét được ngay về cách phối cảnh - vậy mà phải sống bằng bánh mì khô! Nhưng các thiên tài nhiều khi buộc phải vật lộn để sinh tồn trước khi thế giới công nhận họ đấy chứ.

Nghệ thuật và kĩ thuật phối cảnh sẽ được lợi bao nhiêu nếu như con người tài năng này được sự hỗ trợ của hai nghìn đôla tài khoản ngân hàng, một cửa hiệu bánh mì và một trái tim đa cảm... Nhưng cô Marta ơi, cô lại bắt đầu mơ mộng hão huyền rồi đấy!

Bây giờ mỗi lần đến hiệu bánh mì, người khách hàng thường đứng lại một vài phút ở quầy hàng để nói chuyện với bà chủ. Rõ ràng là sự niềm nở của cô Marta làm ông ưng lòng.

Ông vẫn tiếp tục mua bánh mì khô cứng. Không hề mua gì khác ngoài bánh mì khô, không mua bánh ngọt, không mua bánh rán, cũng chẳng hề mua bánh quy đường ngon tuyệt vời của cô.

Cô Marta có cảm tưởng như gần đây ông gầy đi và trở nên có phần rầu rĩ. Cô rất muốn gửi thêm cái gì đó ngon lành vào cái gói nghèo nàn của ông, nhưng lần nào cô cũng không đủ can đảm làm điều đó.

Cô không dám xúc phạm đến ông. Các họa sĩ vốn rất kiêu hãnh mà lại.

Cô Marta bắt đầu xuất hiện ở quầy hàng trong chiếc áo lục trắng chấm xanh. Trong phòng phía sau cửa hiệu bánh mì, cô Marta thường điều chế một hợp chất bí ẩn nào đó từ hạt mộc qua và hàn the. Nhiều người hay sử dụng chất này làm cho trắng da.

Vào một ngày đẹp trời, người khách hàng lại ghé vào cửa hiệu bánh mì như thường lệ, đặt đồng năm xu lên quầy hàng và mua hai cái bánh mì khô muôn thuở của mình. Khi cô Marta vừa đưa tay lên giá lấy bánh mì thì ngoài phố vang lên tiếng còi rú, tiếng bánh xe và một chiếc xe cứu hoả phóng vụt qua cửa hiệu bánh mì.

Ông khách hàng lao vọt ra cửa như bất kì một người nào khác ở vào địa vị ông. Trong đầu cô Marta bỗng loé lên một ý nghĩ tuyệt diệu và cô đã lợi dụng ngay được sự việc này.

Trên giá phía sau quầy hàng có một miếng bơ người bán sữa vừa mang đến cho cô mười phút trước đây. Cô lấy dao cắt đôi những chiếc bánh mì khô và đặt vào trong mỗi cái bánh một lát bơ khá lớn, sau đó kẹp chặt hai nửa lại.

Khi ông khách hàng quay vào thì cô Marta đã kịp gói bánh mì vào giấy.

Sau vài phút nói chuyện ngắn ngủi nhưng đặc biệt thú vị, ông ta rời cửa hiệu, và cô Marta im lặng mỉm cười, mặc dù lúc đó trái tim cô đang đập rộn chồn.

Có lẽ cô đã tự cho phép mình quá liều chăng? Nếu ông ấy tự ái thì sao? Không, chẳng nhẽ lại như vậy! Đồ ăn uống đâu phải những bông hoa - chúng không có ngôn ngữ của mình. Tặng bơ hoàn toàn không có nghĩa là người phụ nữ có ý xấu hổ.

Hôm đó cô Marta suy nghĩ rất nhiều về điều đó. Cô hình dung thấy ông khách phát hiện ra cái mẹo láu lỉnh vô tội của cô như thế nào. Này nhé, ông ấy xếp bút vẽ và bảng pha màu lại. Trên giá vẽ là một bức tranh được phối cảnh rất hoàn hảo. Ông chuẩn bị bữa sáng bằng bánh mì khô và nước lã. Ông cắt bánh mì ra và... ái chà! Hai má cô Marta ửng hồng. Ông có nghĩ đến bàn tay người đã cho bơ vào bánh mì không nhỉ. Ông có muốn...

Chuông trên cửa bỗng réo lên giận dữ. Ai đó bước thình thịch vào hiệu bánh mì. Cô Marta vội từ phòng trong chạy ra và nhìn thấy hai người đàn ông đứng ở quầy hàng. Một người trẻ tuổi ngậm chiếc tẩu trên môi - đây là lần đầu tiên cô thấy anh ta, còn người đàn ông thứ hai chính là ông họa sĩ của cô.

Mặt ông họa sĩ đỏ phừng phừng, chiếc mũ lật ngửa ra phía sau gáy, tóc tai bù xù. Ông ta nắm chặt tay và giận dữ giơ quả đấm trước mặt cô Marta. Giơ ngay trước mặt cô Marta!

- Dummkôp! - ông ta quát lên giận dữ bằng tiếng Đức. Cứ đợi đấy - Tausendonfer! - hay là tiếng gì đó đại loại vậy.

Chàng thanh niên kéo ông họa sĩ ra cửa.

- Không, tôi sẽ không ra khỏi nơi đây trước khi nói hết mọi điều với bà ta. - ông họa sĩ gào lên tức tối.

Những quả đấm của ông làm cho quầy hàng của cô Marta biến thành một chiếc trống Thổ Nhĩ Kỳ.

- Bà đã phá hỏng hết của tôi, - ông quát, đôi mắt xanh long lên giận dữ sau cặp kính.

- Tôi, tôi sẽ nói hết tất cả! Bà là đồ mèo già láo lếu!

Cô Marta kiệt sức tựa lưng vào chiếc giá xếp bánh mì, tay nắm chiếc áo lụa trắng chấm xanh của mình. Anh thanh niên túm lấy cổ áo ông

hoạ sĩ.

- Đi thôi! Nói hết thể là được rồi. - Anh kéo ông bạn đang phát khùng ra đường và quay lại nói với cô Marta.

- Dù sao thì cũng chẳng nên giấu gì bà, do đâu mà xảy ra việc ầm ỹ này. Đó là ông Blumberg, ông ta làm nghề can bản vẽ. Chúng tôi cùng làm việc ở một cơ quan xây dựng. Ba tháng nay ông Blumberg gò lưng làm việc không mệt mỏi, thiết kế toà nhà thị chính mới để chuẩn bị mang dự thi. Chiều hôm qua ông đồ lại bản vẽ bằng mực tàu đã xong. Chắc bà biết người ta vẽ bằng bút chì trước tiên, sau đó tẩy những đường chì bằng bánh mì khô, dùng bánh mì khô tốt hơn dùng tẩy. Ông Blumberg vẫn thường mua bánh mì ở chỗ bà. Còn hôm nay... bà biết đấy... chỗ bơ của bà... bà cứ tưởng tượng xem... tóm lại là bản vẽ của ông Blumberg bây giờ chỉ còn cách đem đi gói bánh mà thôi.

Cô Marta đi vào phòng phía trong cởi chiếc áo lụa chấm xanh và mặc chiếc áo cũ bằng vải mộc nâu vào. Sau đó cô với lọ thuốc rửa da làm từ hạt mộc qua và hàn the, và hất tuột vào thùng rác sau cửa sổ.

Chú thích:

(1) Ông ta nói pha giọng Đức.

O. Henry

Những quả tim và những bàn tay

Nguyên tác :Hearts and hands

Tại nhà ga Denver có một nhóm hành khách đổ xô lên chuyến tàu tốc hành của hãng B&M đi về miền đông. Trong một ngăn toa, một cô gái trẻ rất đẹp, ăn mặc thanh lịch, đang ngồi giữa những tiện nghi xa xỉ dành cho hành khách thường phải di chuyển. Trong số những người mới lên tàu là hai người đàn ông; một người điển trai với vẻ mặt và cử chỉ hiên ngang và thẳng thắn; người kia bù xù, mặt lầm lì, cao lớn, quần áo lôi thôi lếch thếch. Cả hai bị còng tay lại với nhau.

Khi hai người đi dọc theo hành lang trong toa tàu để tìm chỗ ngồi, họ thấy chỉ có băng ghế đối diện với cô gái là còn trống. Hai người ngồi xuống đấy. Cô gái liếc nhìn họ trong một thoáng xa xôi không bận tâm, rồi, với một nụ cười dễ mến làm gương mặt cô sáng lên và một màu hồng dịu ánh trên đôi má, cô chìa ra một bàn tay nhỏ ửng trong một chiếc găng tay màu xám. Khi cô nói với giọng ngọt ngào và từ tốn, ta có thể nhận ra là cô đã từng nói với người nghe, và từng nghe người nghe đó nói:

- À, anh Easton, nếu anh cho phép em được mở lời, em xin nói. Có khi nào anh nhận ra bạn cũ anh đã gặp ở miền Tây không?

Người trai trẻ hơi giật nảy người khi nghe giọng nói, dường như có một chút bối rối nhưng kịp trấn tĩnh ngay được., rồi đưa bàn tay trái của anh nắm lấy những ngón tay của cô. Anh mỉm cười:

- Đây là cô Fairchild. Xin lỗi cho tay phải, hiện đang bận.

Anh nâng bàn tay phải của anh lên một tí, với cái "số tám" bóng loáng cột chung vào bên trái của người đồng hành. Ánh mắt đang tươi vui của cô gái dần đổi thành nét hời hợt hoang mang. Màu hồng mờ dần trên đôi má cô. Đôi môi cô hé mở trong vẻ đau khổ mơ hồ. Easton, với tiếng cười nhỏ như thế lấy làm vui thú, định cất tiếng tiếp khi người kia cắt ngang. Con người làm lì đã quan sát nét mặt của cô gái qua khoé mắt sắc sảo của anh.

- Cô à, tôi xin lỗi đã chen vào câu chuyện, nhưng tôi thấy là cô có quen biết với sếp Sĩ quan Tư Pháp (marshal - cấp chỉ huy có nhiệm vụ thi hành án toà như tầm nã tội phạm, giải tù nhân, và các nhiệm vụ khác mà toà án phán quyết) này. Nếu cô yêu cầu sếp nói giúp tôi một tiếng khi chúng tôi đến nơi, ông ấy sẽ sẵn lòng, và như vậy sẽ đỡ cho tôi rất nhiều. Ông ấy đang giải tôi đến nhà tù Leavenworth. Tôi bị bảy năm vì tội làm bạc giả.

Cô gái thở phào, nét hồng trở lại trên gương mặt cô.

- À! Thế là anh đang thi hành nhiệm vụ đấy à? Một Sĩ quan Tư Pháp! Easton nói giọng nhẹ nhàng:

- Em Fairchild mến, anh phải làm việc gì đấy. Tiền có thể làm ra tất cả, và em biết đấy, phải có tiền để theo kịp với đám đông ở Washington. Anh thấy có thông báo tuyển dụng ở miền Tây và... à, cái chức sĩ quan Tư Pháp không được cao như Đại Sứ, nhưng... Giọng cô gái ảm đạm:

- Chức đại sứ không còn kêu nữa. Anh hẳn biết điều ấy. Và bây giờ

anh là một trong số những anh hùng miền Tây xông pha đầy, anh cưỡi ngựa, bắn súng và lăn xả vào mọi hiểm nguy. Khác với cuộc sống ở Washington. Đám bạn bè cũ hẳn phải nhớ nhung anh đấy. Đôi mắt cô gái mở to, trầm trồ nhìn chiếc còng tay sáng bóng.

Người đàn ông kia nói:

- Cô ạ, cô đừng lo cho họ. Mọi sĩ quan Tư Pháp đều phải bị còng chung với tù nhân để giữ cho tù không trốn thoát. Ông Easton biết rõ nhiệm vụ của ông ấy.

Cô gái hỏi:

- Em có thể gặp lại anh ở Washington không?

Easton nói:

- Phải còn lâu. Anh e rằng thời bay nhảy của anh đã qua rồi.

- Em yêu miền Tây.

Cô gái nói, không có vẻ gì liên quan đến câu chuyện. Đôi mắt cô long lanh dịu dàng. Cô nhìn ra ngoài cửa sổ toa tàu. Cô bắt đầu nói một cách chân thật và giản đơn, không còn lớp bóng loáng của kiểu cách và cử chỉ:

- Mẹ em và em đi nghỉ hè ở Denver. Bà trở về nhà tuần trước vì cha đang bệnh. Em có thể sống mà cảm thấy hạnh phúc ở miền Tây. Em nghĩ khí hậu ở đây hợp với em. Tiền bạc không phải là tất cả. Nhưng thiên hạ luôn luôn lẫn lộn nhiều việc và vẫn thường ngu xuẩn...

Con người làm lì cắt ngang:

- Nè ông sĩ quan, như vậy là không công bằng gì hết! Tôi cần uống thức gì đó, với lại cả ngày chưa được hút điếu nào. Ông nói chuyện xong chưa? Ông dẫn tôi đi vào toa hút thuốc đi chứ! Tôi thèm gần chết một điếu thuốc.

Cả hai hành khách bị còng tay vào nhau đứng dậy, Easton với cùng

nụ cười chậm chạp trên môi. Anh nói nhỏ: - Anh không thể từ chối lời yêu cầu về thuốc lá. Nó là bạn của kẻ xấu số. Xin chào em Fairchild.

Vì nhiệm vụ, mong em hiểu nhé!

Anh đưa bàn tay để từ giã.

Cô lại trông vào kiểu cách và cử chỉ:

- Tiếc quá anh không đi về phía đông. nhưng em đoán anh phải đi Leavenworth.

- Đúng thế. Anh phải đi Leavenworth.

Hai người lướt dọc hành lang về phía toa hút thuốc.

Hai hành khách ngồi gần đấy đã nghe hầu hết câu chuyện. Một người nói:

- Ông Sĩ quan ấy thật tế nhị. Một vài anh miền Tây xem ra có vẻ được đấy.

Người kia nói:

- Nhưng trông tuổi còn khá trẻ so với chức vụ ấy phải không?

- Còn trẻ á? Tại sao... Ô hay! Anh không để ý sao? Anh có bao giờ biết một sĩ quan Tư pháp nào lại còng tội phạm vào tay phải của họ không?

O. Henry

Phán quyết của Georgia

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nếu bạn có dịp ghé qua Sở Địa chính, hãy bước vào phòng vẽ kỹ thuật và yêu cầu được xem tám bản đồ Huyện Salado. Một anh Đức nhàn nhã – có thể chính là ông già Kampfer – sẽ mang tám bản đồ ấy ra cho bạn. Đây là tám bản đồ vẽ trên vải in dày. Các nét chữ và con số đều đẹp và rõ ràng. Dòng tựa trông thật hoa mỹ, văn bản với Đức ngữ không ai đọc ra, được trang trí với hoa văn Bắc Âu. Bạn phải nói với anh ta rằng đây không phải là bản đồ bạn muốn xem, rằng xin anh vui lòng mang cho bạn bản chính thức trước đó. Anh ta sẽ mang ra một tám bản đồ khác, kích cỡ chỉ bằng phân nửa bản đồ kia, mờ nhoè, cũ kỹ, nhàu nát, và mực in đã nhạt màu.

Nếu nhìn kỹ gần góc tây bắc, bạn sẽ thấy nét cong lượn của sông Chiquito và, nếu tinh mắt, bạn có thể nhận ra nhân chứng của câu chuyện này.

Ông Giám đốc Sở Địa chính là mẫu người cổ, phong thái xưa cũ của ông so với thời nay là quá trang trọng. Ông ăn mặc màu đen tinh tể, và áo choàng của ông trông như là màn cửa thời La Mã. Cổ áo của ông thuộc kiểu rời, cà vạt là một dải hẹp cứ như là để dự tang lễ,

cùng với loại nút thắt để cột dây giày. Mái tóc xám của ông chải quá về sau một tí, nhưng bóng mượt và thẳng thớm. Nhiều người nghĩ khuôn mặt của ông là nghiêm khắc, nhưng khi không còn phải phát biểu theo công quyền, một ít người sẽ thấy một khuôn mặt hoàn toàn khác hẳn. Nhất là những người quanh ông đã nhận ra vẻ dịu dàng và hiền từ của ông trong thời gian đưa con duy nhất của ông lâm bệnh. Ông Giám đốc đã goá bụa trong nhiều năm, và cuộc đời ông, ngoài những công vụ, đã được dành riêng cho cô bé Georgia, và nhiều người nói đến việc này như là những gì cảm động và đáng ca ngợi. Ông có tính dè dặt, và đường hoàng đến mức khắc khổ, nhưng cô bé không phải chịu như thế; cô ngự trị trong tim ông, nên cô không cảm thấy mình thiếu tình thương của người mẹ mà cô đã mất. Mối liên hệ giữa hai cha con thật tuyệt vời, vì cô đã nhiễm tính tình của ông, trở nên chín chắn và nghiêm trang hơn so với tuổi của cô.

Một ngày, trong khi nằm với cơn sốt chày tươi hồng trên đôi má, thỉnh linh cô bé nói:

- Ba à, con ước con có thể làm gì đó cho các trẻ khác.

Ông Giám đốc hỏi:

- Con muốn làm gì hử cưng? Chiêu đãi họ một bữa à?

- Con không có ý như thế. Ý con là những trẻ nghèo không có nhà ở, và không được yêu thương chăm sóc như con. Ba ơi, con muốn nói cho ba nghe.

- Gì thế, cưng của ba?

- Nếu con không khỏi bệnh, con sẽ để ba cho họ - không phải cho hẳn ba, nhưng để cho mượn, vì ba phải đến với má và con khi ba chết. Nếu ba có thời giờ, ba có thể làm việc gì đó không để giúp những trẻ nghèo, nếu con yêu cầu, hử ba?

Ông Giám đốc cầm lấy bàn tay nhỏ nhắn của cô bé áp lên má mình:

- Suyt, suyt, con thương, con thương của ba, con sẽ khỏi bệnh, rồi hai cha con ta sẽ liệu xem mình có thể cùng nhau làm gì cho họ.

Nhưng cuối cùng ông Giám đốc không có cô bé đi bên ông trên bất cứ con đường nhân từ nào, dù đã được vạch trước mơ hồ. Tối ấy, cô bé yếu ớt trở nên yếu thêm, không thể chống lại với cơn bệnh.

Trên sân khấu cuộc đời, cô bé Georgia đã bước ra khỏi vai trò sau khi cô chỉ mới bắt đầu trình diễn chút ít dưới ánh đèn pha. Nhưng phải có người chỉ đạo sân khấu thông hiểu cô. Cô đã để lại lời nhắc tuồng cho một người, người sẽ tiếp tục diễn vai trò của cô sau này.

Một tuần sau khi cô bé đã được đặt xuống nơi yên nghỉ, ông Giám đốc xuất hiện tại Sở, từ tốn hơn một chút, xanh xao và khắc khổ hơn một chút, với cái áo choàng đen trở nên lụng thụng hơn một chút.

Bàn giấy của ông chất đầy công việc đã ứ đọng trong bốn tuần vắng mặt đau đớn. Anh thư ký trưởng cố gắng làm những gì có thể được, nhưng có những vấn đề về luật lệ, về quyết định phán xử tình tế liên hệ đến chủ quyền đất, việc phát mãi và cho thuê dài hạn đất trường học, việc phân loại đất thành các mục đích đồng cỏ nuôi gia súc, canh tác, cung cấp nước, cung cấp gỗ, hay đường mòn mới mở cho dân đi khai phá.

Ông Giám đốc bắt tay vào công việc một cách thâm lặng và cả quyết, cố quên đi nỗi đau buồn, cố chú tâm giải quyết công việc phức tạp và quan trọng của Sở ông. Ngày thứ hai sau khi ông trở lại, ông kêu anh khuân vác, chỉ vào cái ghế lót da đặt gần ghế của ông, ra lệnh mang nó đến phòng mộc trên tầng chót của toà nhà. Ngày xưa, mỗi chiều Georgia đến tìm ông, cô bé đều ngồi trên cái ghế ấy.

Với thời gian dần trôi, ông Giám đốc dường như trở nên thêm lìm lỉ,

cô độc và điềm đạm. Tinh thần ông đã chuyển qua một giai đoạn khác. Ông không thể chịu nổi sự hiện diện của một đứa trẻ gần ông. Thường khi có đứa trẻ của một trong những thư ký đến lúi lo ở phòng kế bên, ông Giám đốc rón rén bước ra đóng cánh cửa lại. Ông luôn luôn băng qua bên kia đường để tránh gặp những học sinh khi chúng nhảy nhót từng đám trên hè đường, và ông mím chặt đôi môi lại.

Gần ba tháng sau, khi những cơn mưa đã xối đi những cánh hoa khô héo cuối cùng trên nắm mồ của cô bé Georgia, công ty “cá mập đất” của Hamlin và Avery nộp hồ sơ về một vùng đất trống họ cho là “béo bở” nhất trong năm.

Không nên cho rằng tất cả những người bị gán là “cá mập đất” đều xấu xa như biệt hiệu này. Nhiều người trong nhóm họ có tiếng tốt với phong cách làm ăn đàng hoàng. Vài người có thể bước vào các hội đồng của Bang và nói: “Thưa các ông, chúng tôi xin nêu lên chuyện này, chuyện nọ, và xem như thông qua.”. Nhưng dân đã định cư oán ghét những cá mập đất, chỉ oán ghét kém hơn so với cơn hạn hán kéo dài ba năm và dịch sâu bệnh hoành hành. Mấy cá mập đất lảng vảng trong Sở Địa chính, nơi lưu trữ mọi hồ sơ đất đai, và săn lùng đất “hoang” – tức là những mảnh đất theo giấy tờ không ai làm chủ, thường thường không hiện diện trên bản đồ chính thức, nhưng thực ra có mặt ngoài thực địa. Luật cho phép bất kỳ người nào có giấy công phiếu đất⁽¹⁾ được nộp đơn xin cấp, theo giá trị tương đương, một mảnh đất chưa có ai làm chủ theo luật định. Phần lớn giấy công phiếu nằm trong tay các cá mập đất. Vì thế, chỉ với chi phí vài trăm đô la, họ có thể được cấp đất trị giá cả nghìn đô la. Đương nhiên là việc săn lùng đất “hoang” rất sôi động.

Nhưng thường thường – rất thường – đất mà họ xin được, mặc dầu theo luật là “vô chủ”, đã có người chiếm ngụ và canh tác trong cảnh hạnh phúc và tự hài lòng. Họ đã bỏ công sức nhiều năm lo gầy dựng mảnh đất và nhà cửa, để rồi thấy rằng chủ quyền đất trở nên vô giá trị, và nhận giấy báo phải từ bỏ mảnh đất mà ra đi. Vì thế mà những người định cư, đã dãi dầu mưa nắng, nẩy ra mối căm hờn cay đắng và đúng lý đối với những kẻ đầu cơ láu lỉnh và ít khi có lòng thương xót, những kẻ đã khiến công lao của họ trở thành công cốc rồi xuống mức bần cùng, không nhà không cửa. Cá mập đất ít khi lộ diện ở nơi họ xua đuổi những nạn nhân của hệ thống quản lý đất đai vô cùng phức tạp; họ để cho đàn em của họ lo việc này. Nhiều túp lều mang đầy vết đạn; anh em cá mập bón cho đất mới của họ bằng xương máu của kẻ xấu số. Cái lỗi này xuất xứ từ ngày xưa.

Khi Bang còn trẻ, nhà nước Bang cảm thấy cần thu hút dân tiền phong đến khai phá những vùng hoang dã. Năm này qua năm khác, chính quyền Bang cấp công phiếu đất – đủ mọi loại về quyền ưu tiên, phần thưởng, phần trợ cấp cựu chiến binh, chu cấp cho công ty hoá xa, công ty thuỷ lợi, đất canh tác cho cá nhân, vân vân. Người nắm trong tay công phiếu đất chỉ cần yêu cầu Sở Địa chính điều tra mảnh đất họ muốn xin miễn là chưa ai làm chủ, rồi mảnh đất ấy trở nên tài sản của người đứng xin, và của con cháu hay người thừa kế, vĩnh viễn.

Trong những ngày đó – và đây là khi những việc lỗi thời xảy ra – quỹ đất của Bang xem như bất tận, và những người đi điều tra đất làm việc tùy tiện, tha hồ phỏng chừng hay phóng đại trong các biên bản điều tra và giấy chủ quyền. Khi đi điều tra thực địa, với một la bàn bỏ túi để định phương hướng, anh địa chính cưỡi ngựa phi nước kiệu

và đếm số bước chân ngựa (tiếng trong ngành là “vara”), ghi chú các góc của lô đất, rồi ghi vào sổ tay thực địa với thói chủ quan khinh thường. Đôi lúc – và ai có thể trách anh điều tra viên được? – khi con ngựa “say lúa mạch”, nó có thể cất bước cao hơn và dài hơn. Trong trường hợp như thế, chủ nhân công phiếu có thể nhận cả nghìn mẫu đất dôi ra so với công phiếu đã ghi. Nhưng hãy xem bao nhiêu hải lý vô giới hạn mà Bang còn trong quỹ đất! Tuy nhiên, chưa ai từng phàn nàn về việc con ngựa điều tra đã phi bước ngắn. Hầu như mỗi cuộc điều tra của Bang đều cho kết quả đất dôi thêm.

Trong những năm về sau, dân số Bang trở nên đông đúc và giá đất tăng, việc điều tra bất cẩn gây bao lỗi thôi không thể tính toán hết, kiện cáo không ngừng, một giai đoạn giành giật đất hỗn loạn, và không ít đổ máu. Các cá mập đất tấn công dữ dội những phần dư trội của các cuộc điều tra ngày xưa, và lấy công phiếu để nộp đơn xin các phần ấy xem như là chưa ai làm chủ. Khi những vết tích ngày xưa đánh dấu cuộc đất trở nên mờ hồ, và các góc không thể được xác định rõ ràng, Sở Địa chính sẽ công nhận ranh giới mới là hợp pháp, rồi cấp giấy chủ quyền cho người đã tìm ra phần đất ấy. Đến đây là xảy ra nỗi khốn cùng tệ hại nhất. Hầu hết những cuộc đất điều tra ngày xưa đã có người chiếm, những người tiên phong đã đến định cư, không nghi ngờ, hiền hoà, nhưng giờ giấy chủ quyền bị huỷ bỏ, phải chọn lựa giữa việc mua lại đất của họ với giá gấp đôi hoặc là ra đi lập tức, mang theo cả gia đình và tài sản. Con số người đi tìm đất “hoang” lên đến hàng trăm, cả đất nước bị uy hiếp và lung sục bằng mũi địa bàn. Những mảnh đất màu mỡ trị giá hàng trăm nghìn đô la bị giành giật từ tay những người vô tội đã mua hay được cấp lúc trước. Từ đây, bắt đầu cuộc hành trình của những người bị xua

đuổi trên những chiếc xe goòng xác xơ, không biết đi về đâu, chửi rủa công lý, ngỗ ngược, vô mục đích, vô gia cư, vô hy vọng.

Trong hệ lụy của những tình hình này mà Hamlin và Avery đã nộp đơn xin cấp một dải đất rộng khoảng một dặm và dài ba dặm, là phần dôi ra từ cuộc điều tra của Elias Denny dọc theo sông Chiquito. Hai người đã biện luận rằng dải đất này là đất hoang mà cuộc điều tra Denny đã gồm vào đấy không hợp cách. Họ dựa trên các sự kiện được minh chứng để nói rằng góc bắt đầu của cuộc đất Denny được xác định rõ ràng; rằng biên bản thực địa ghi cuộc đất chạy dài 5760 vara về hướng Tây, rồi dừng ở sông Chiquito, rồi chạy ngoằn ngoèo xuống phía Nam; và rằng sông Chiquito thực ra còn cách cuộc đất cả một dặm. Nói tóm lại là có một dải đất hoang hơn tám trăm hecta giữa cuộc đất Denny và sông Chiquito.

Một ngày nóng bức tháng Bảy, ông Giám đốc kêu mang vào mọi hồ sơ liên hệ đến dải đất mới ấy. Chồng hồ sơ chất đầy cả mấy tác trên bàn ông – ghi chú thực địa, giấy xác minh, bản vẽ phác thảo, bản trần tình – mọi thứ giấy tờ mà trò ma mãnh và tiền bạc có thể giúp Hamlin và Avery thu được. Công ty hai người yêu cầu ông Giám đốc cấp giấy chủ quyền đất cho họ. Họ đã nắm thông tin nội bộ liên quan đến một tuyến xe hoả mới có thể chạy qua gần dải đất ấy.

Văn phòng Sở Địa chính thật yên tĩnh trong khi ông Giám đốc xem xét qua các chứng cứ. Chim bồ câu đang gù dưới mái của toà nhà cũ, kiểu như lâu đài. Các thư ký đang phát phơ đầu đầy, không màng giả vờ làm việc cho xứng với đồng lương của họ. Mỗi tiếng động nhỏ đều dội lại trống rỗng, vang vang từ các tấm sàn cần đá, trơ trụi, các bức tường quét vôi, và các mặt trần đóng khung sắt. Đám bụi đá vôi lẳng đặng, không bao giờ lắng đọng, nhuộm trắng một vệt nắng dài

xuyên qua bức màn chắn cửa sổ xác xơ.

Dường như Hamlin và Avery đã chuẩn bị hồ sơ kỹ lưỡng. Cuộc đất Denny đã được quy định quá cầu thả, ngay cả trong giai đoạn cầu thả. Cái góc bắt đầu cuộc đất trùng với cái góc của lô đất cấp từ thời Tây Ban Nha xa xưa, nhưng mọi vết tích khác đều mơ hồ. Biên bản thực địa không ghi mốc gì còn tồn tại – không có cây cối, không có ranh giới thiên nhiên ngoại trừ sông Chiquito, và nó nằm sai vị trí cả dặm. Theo tiền lệ, Sở Địa chính có lý do chính đáng để xác định lại cuộc đất dựa trên khoảng cách và phương hướng, và xem phần dôi ra chỉ là đất hoang.

Nhưng Người Định cư Thực sự đã đến Sở để khiếu nại. Với cái mũi của một con chó và đôi mắt của một con điều hâu, anh đã quan sát đám người đi đo đạc trên mảnh đất anh đang canh tác. Sau khi đã dò hỏi, anh được biết rằng họ đang lo tẩn công đất của anh, nên anh bỏ cái cày nằm trên luống và cầm lấy cây bút.

Ông Giám đốc đọc qua hai lần lá đơn của một trong những người phản đối. Đây là từ một phụ nữ, một quả phụ, chính là cháu nội của Elias Denny. Bà kể về việc ông nội bà mấy năm trước đã bán phần lớn lô đất với giá bèo – lô đất giờ đã trở nên cao giá. Mẹ của bà cũng bán đi một phần, và bà đã thụ hưởng phần phía Tây còn lại, chạy dọc theo sông Chiquito. Rồi bà đã bán đi phần lớn thửa đất này để sống tồn, giờ chỉ còn trăm mẫu để an cư trên đấy. Bà kết luận bức thư khá thảm thiết:

...Tôi có tám đứa con, đứa lớn nhất mười lăm tuổi. Tôi làm việc cả ngày đến nửa đêm để canh tác mảnh đất nhỏ nhoi còn lại và giúp các con tôi có áo mặc và có sách học. Tôi cũng dạy các con tôi học. Mấy người láng giềng của tôi cũng nghèo và con cái đông đúc. Cứ

hai hay ba năm là có hạn hán làm hoa màu chết rụi, và rồi chúng tôi phải khổ sở cố gắng lo cho đủ ăn. Có mười gia đình trên miếng đất mà cá mập đất định chiếm đi của chúng tôi, và họ đều nhận giấy chủ quyền từ tôi. Tôi bán cho họ rẻ, và họ vẫn chưa trả xong, nếu đất họ bị chiếm tôi sẽ chết. Ông nội tôi là người lương thiện, ông đã góp phần xây dựng Bang này, và ông dạy các con ông phải lương thiện, thì làm thế nào tôi có thể bù cho những người đã mua đất của tôi? Thưa ông Giám đốc, nếu ông để bọn cá mập đất lấy đi phương tiện kiếm sống của các con tôi, bất kỳ ai còn nói Bang này là vĩ đại hay chính quyền này là công bằng sẽ là kẻ láo khoét.

Ông Giám đốc để bức thư qua một bên với tiếng thở dài. Ông đã nhận nhiều, rất nhiều bức thư như thế. Ông chưa bao giờ cảm thấy bị xúc phạm, và cũng chưa bao giờ cảm thấy là họ đã kêu gọi đến chính cá nhân ông. Ông chỉ là một người thừa hành công quyền, và ông phải tuân thủ luật lệ. Tuy thế, với lý do nào đấy, luận cứ này không phải luôn luôn xóa bỏ một cảm nghĩ nào đấy luôn vương vấn trong ông – cảm nghĩ về trách nhiệm. Trong số những quan chức của Bang, ông có quyền tối cao trong Sở Địa chính của ông, ngay cả đối với Thống đốc Bang. Đúng là ông phải tuân thủ những luật lệ tổng quát về đất đai, nhưng ông cũng có tự do rộng rãi trong những tình huống nhiều khi đặc biệt. Thay vì tuân thủ luật lệ, ông có thể theo những Phán quyết, Phán quyết của Sở, và những tiền lệ. Trong những vấn đề phức tạp và mới mẻ phát sinh do sự phát triển của Bang, phán quyết của Giám đốc Sở ít khi bị yêu cầu xét lại. Ngay cả toà án cũng chuẩn y một phán quyết khi nó rõ ràng là công bằng. Ông Giám đốc bước đến cánh cửa và nói với anh thư ký ở phòng bên – theo cách cổ hữu như là đang nói với một ông hoàng:

- Anh Weldon, xin anh vui lòng yêu cầu ông Ashe, thẩm định viên trường địa chính của Bang, vui lòng đến văn phòng tôi càng sớm càng tốt.

Ashe đi đến nhanh chóng.

Ông Giám đốc nói:

- Anh Ashe, theo tôi biết thì anh đã làm việc dọc theo sông Chiquito, ở Huyện Salado, trong chuyến đi thực địa vừa qua. Anh có nhớ những gì về cuộc đất Elias Denny không?

- Thưa ông, có ạ. Tôi vượt qua con sông đó trên đường đi Lô H, trên bờ Bắc. Con đường chạy cùng với sông Chiquito, dọc theo thung lũng. Cuộc đất Denny mở ba dặm dọc theo sông Chiquito.

- Có người cho là nó còn cách con sông cả dặm.

Anh thẩm định viên nhún vai. Anh đã là một người Định cư Thực sự từ khi lọt lòng, và tự nhiên là người đối nghịch với cá mập đất. Anh nói khô khan:

- Nó vẫn luôn luôn được xem như kéo dài đến con sông.

- Nhưng đây không phải là điều tôi muốn bàn. Đất đai trong vùng thung lũng này của cuộc đất Denny (tạm cho là như vậy) thì như thế nào?

Tinh thần người Định cư Thực sự rực sáng trên gương mặt của Ashe. Anh phấn khởi trả lời:

- Tuyệt vời. Thung lũng phẳng như mặt sàn này, chỉ với ít nhấp nhô, và rất màu mỡ. Với vừa đủ lùm bụi để bò ẩn náu mùa đông. Đất thịt đen sâu hơn nửa thước, rồi đến sét. Giữ nước được. Có khoảng hơn chục ngôi nhà nhỏ trên đây, với máy xay và sân vườn. Dân khá nghèo, tôi đoán – quá xa chợ búa – nhưng thoải mái. Trong đời tôi chưa từng thấy trẻ con đông như thế.

Ông Giám đốc nói, suy tư, như thể một khía nhìn mới đã mở ra với ông:

- Trẻ con! À, trẻ con! Họ có nhiều trẻ con.

- Đó là chốn cô đơn, thưa ông Giám đốc. Ông có thể trách họ được không?

Ông Giám đốc nói chậm rãi, như thể theo đuổi điều suy luận từ một lý thuyết mới:

- Tôi đoán không phải tất cả bọn họ là dân tóc vàng. Anh Ashe, hẳn cũng có lý nếu nói là một phần trong nhóm họ là dân tóc nâu, hay ngay cả tóc đen.

- Nâu và đen là chắc rồi, cũng có đỏ nữa.

- Đương nhiên là vậy. Thôi được, tôi cảm ơn anh đã vui lòng thông tin cho tôi rõ, anh Ashe. Tôi không muốn giữ anh lại lâu làm trở ngại công việc của anh.

Sau đấy, vào buổi chiều, Hamlin và Avery đến, cao lớn, đẹp trai, thân thiện, mặc quần áo trắng, mang giày cỏ thấp. Họ đi vào khắp phòng với ánh quang của giàu có hào phóng. Họ đi qua các thư ký và để lại những chiếc xì gà to nâu.

Đây là giới thượng lưu của cá mập đất, săn lùng những gì lớn lao.

Họ đầy tự tin, không có công ty nào quá lớn mà họ không đương nổi.

Hương khói lạ lùng của những chiếc xì gà to nâu của họ thấm vào văn phòng mọi Sở của Bang, mọi phòng uỷ ban của Lập pháp, mọi hành lang ngân hàng và mọi phòng họp Đảng của Thủ phủ Bang. Luôn luôn hoà nhã, không bao giờ gấp rút, dường như là thư thái không giới hạn, người ta tự hỏi không hiểu khi nào họ mới màng để ý đến những vụ làm ăn mạo hiểm mà họ đã dấn thân vào.

Dần dà cả hai lơ đãng đi vào văn phòng ông Giám đốc, ngã ra một

cách lười biếng trên chiếc ghế to, lót nệm da, có tay dựa. Họ phàn nàn vui vẻ về thời tiết, và Hamlin kể cho ông Giám đốc nghe câu chuyện xuất sắc anh đã thu nhặt được buổi sáng đó từ ông Bộ trưởng Ngoại giao.

Nhưng ông Giám đốc biết lý do họ tìm đến. Ông đã hứa lơ lửng là ngày này sẽ ra quyết định về lô đất họ xin cấp.

Anh thư ký trưởng bây giờ mang vào một xấp những tờ chủ quyền gồm hai bản cho ông Giám đốc ký. Khi ông đặt chữ ký dài ngoằng “Hollis Summerfield, Giám đốc Sở Địa chính” trên mỗi bản, anh thư ký trưởng đứng bên, khéo léo rút ra, ép giấy thấm lên.

Anh thư ký trưởng nói:

- Tôi để ý ông đang xem qua cuộc đất Huyện Salado đó. Kampfer đang làm bản đồ mới của Salado, và tôi đoán anh đang in vẽ lên phần đất đó.

- Tôi sẽ đến xem.

Một lúc sau, ông đi vào phòng vẽ kỹ thuật. Ông thấy năm hay sáu thợ vẽ kỹ thuật xúm quanh bàn làm việc của Kampfer, xì xào với nhau bằng tiếng Đức, và đang nhìn vào cái gì đấy theo mấy lời trao đổi.

Kampfer, anh chàng người Đức nhỏ thó với mấy lọn tóc dài cong và con mắt ướt nhoè, bắt đầu lấp bắp lời gì đấy như là xin lỗi, ông Giám đốc nghĩ, về việc tụ tập của đám bạn quanh bàn của anh.

Ông Giám đốc nói:

- Không sao. Tôi muốn xem tám bản đồ anh đang làm.

Rồi đi ngang người Đức già, ông đến ngồi trên cái ghế cao dành cho thợ vẽ kỹ thuật.

Kampfer tiếp tục cố gắng nói bằng tiếng Anh để giải thích:

- Thưa ông Giám đốc, xin ông hiểu là tôi không cố ý, nó đã là như

vậy, tự nó. Ông xem! Nó được in vổ từ biên bản thực địa, xin ông vui lòng xem: Nam, 10 độ Tây 1050 vara; Nam, 10 độ đông 300 vara; Nam 100; Nam 9; Tây 200; Nam 40 độ Tây 400, và cứ thế. Thưa ông Giám đốc, không bao giờ tôi lại –

Ông Giám đốc giờ bàn tay lên, im lặng. Kampffer ngưng bật.

Với một bàn tay mỗi bên đầu, và cùi tay tựa trên mặt bàn, ông Giám đốc dán mắt vào tấm bản đồ đang trải ra trước mặt ông – dán mắt vào nét mặt trông nghiêng ngọt ngào và sống động của cô bé Georgia được vẽ trên đấy – vào khuôn mặt của bé, suy tư, tinh tế và ngây thơ, được phác thảo giống như thật.

Khi cuối cùng đầu óc ông tập trung lại để lý giải việc này, ông thấy rằng nó đúng như Kampffer đã nói, không có ý. Ông già vẽ kỹ thuật đã in vổ lên cuộc đất Elias Denny, và khuôn mặt của Georgia được tạo ra do không gì khác hơn là sông Chiquito. Thực ra, cái thẩm mực của Kampffer, trên đấy vẽ nét phác thảo, cho thấy mấy đường ranh giới theo các số đo và vô số điểm chấm của cái đo góc. Rồi thì, theo nét bút chì mờ nhạt, Kampffer đã dùng cây bút mực đen để vẽ chồng lên đường lượn của sông Chiquito, và qua đấy đã tạo nên một cách kỳ bí khuôn mặt trông nghiêng tinh tế nhưng u sầu của cô bé Georgia.

Ông Giám đốc ngồi trong nửa giờ, mặt úp trong hai bàn tay, nhìn xuống chăm chăm, và không ai dám đến gần ông. Rồi ông đứng dậy và đi ra. Ông yêu cầu mang cho ông hồ sơ Denny.

Ông thấy Hamlin và Avery vẫn còn đang ngả người trên ghế, xem chừng không màng gì đến công việc ở đây. Họ đang vẫn vơ bàn về nhạc kịch mùa hè, đấy là thói quen của họ - có lẽ cũng là niềm tự hào – để tỏ ra vô cảm siêu nhiên mỗi khi sắp được lợi lộc. Và họ sắp đoạt

được nhiều hơn người ta biết. Họ nắm được thông tin nội bộ là trong vòng một năm, một tuyến đường sắt mới sẽ cắt qua thung lũng sông Chiquito và đẩy giá đất hai bên tăng vọt. Nếu họ được lãi dưới ba mươi nghìn đô la là xem như dưới mức dự kiến. Vì thế, trong khi họ vẫn chờ chuyện chờ ông Giám đốc thông báo, có một ánh loé nhanh trong khoé mắt của họ, cho thấy rõ ràng ước vọng sẽ được đọc tờ chủ quyền của mảnh đất dọc sông Chiquito.

Một thư ký mang hồ sơ vào. Ông Giám đốc ngồi vào bàn và dùng mực đỏ viết lên đấy. Rồi ông đứng dậy, nhìn ra ngoài cửa sổ. Sở Địa chính nằm trên đỉnh một ngọn đồi. Đôi mắt ông Giám đốc lướt qua nóc của những căn nhà lẫn giữa màu xanh đậm, những con đường trắng xẻ ngang dọc cả một vùng. Đường chân trời, nơi đôi mắt ông chú mục nhìn, dày lên do cây xanh, lấm tấm những chấm trắng sáng mờ. Có một khu nghĩa trang nơi nhiều người an nghỉ và đã bị lãng quên, và một số người đã sống không phải là vô ích. Và có một nắm mộ, chiếm một khoảng rất nhỏ, với một con tim trẻ thơ nhưng lại đủ lớn để mong ước điều tốt lành cho người khác khi thoi thóp những nhịp đập cuối cùng. Đôi môi ông Giám đốc khẽ mấp máy khi ông nói với chính mình: “Đấy là di chúc và lời trời trăng cuối cùng của con bé, và mình đã lãng quên quá lâu!”.

Hai điều xì gà to nâu của Hamlin và Avery đã tàn, nhưng họ vẫn ngậm giữa hai hàm răng và chờ đợi, trong khi họ cảm thấy lạ lùng với vẻ mặt lơ đãng của ông Giám đốc.

Cuối cùng, thỉnh linh ông nói với họ:

- Thừa hai ông, tôi đã ký chuẩn y cho cuộc đất Elias Denny để được đăng ký. Sở này sẽ không xem mảnh đất các ông xin là hợp pháp. Ông ngừng một lúc, và rồi, dang tay ra theo cách những người thời

xưa tham dự các buổi tranh luận, ông tuyên bố tinh thần của Phán Quyết mới – Phán Quyết sau này sẽ đẩy bọn cá mập đất vào đường cùng và đóng dấu an lành ổn định cho hàng nghìn gia đình. Ông tiếp tục, với ánh trong sáng dịu dàng trên gương mặt:

- Và, thêm nữa, các ông có thể cần biết rằng từ bây giờ trở đi, Sở này sẽ xem một cuộc đất đã điều tra do Bang này cấp chủ quyền cho những người đã khai phá từ đất hoang vu – đất cấp đúng tình, được an cư đúng tình, và được để kế thừa đúng tình cho con cái của họ hay sang nhượng đúng tình cho người mua vô tội – khi cuộc đất như thế, dù là có vượt qua những số đo, sẽ dựa trên bất kỳ cơ sở thiên nhiên nào mắt người nhận ra được, và được quy định theo cơ sở đó, và sẽ được xem là đúng lý và hợp pháp. Những trẻ em của Bang này sẽ được ngủ êm ấm mỗi đêm, và những đồn đại về chủ quyền đất sẽ không làm cho chúng bắn rộn.

Ông Giám đốc kết luận:

- Vì lẽ, đây là Vương quốc của Thiên đàng.

Trong bầu yên tĩnh theo sau đấy, một tiếng cười vọng lên từ phòng đăng ký ở tầng dưới. Một thư ký đã mang hồ sơ Elias Denny xuống, đang chỉ cho những nhân viên khác xem. Anh nói vui nhộn:

- Xem này, ông già đã quên tên ông rồi. Ông ấy viết: “Cấp đăng ký cho người có giấy chủ quyền tiên khởi”, và ông ký là “Georgia Summerfield, Giám đốc”.

Lời phát biểu của ông Giám đốc không làm vương bận đầu óc cố chấp của Hamlin và Avery. Họ mỉm cười, đứng dậy thanh thản, trao đổi với nhau về thể thao và thời tiết. Họ đốt điếu xì gà to nâu mới, rồi bước ra một cách lịch sự. Nhưng sau đấy, họ khiêu nại với toà án. Nhưng theo lời báo chí tường thuật, toà án đã “giữa họ một trận lạnh

lòng”, và chuẩn y Phán Quyết của ông Giám đốc Sở Địa chính. Rồi Phán Quyết này trở thành Tiền Lệ, và những Người Định cư Thực sự lồng khung nó, và dạy cho con cái của họ tập đọc nó, và mọi giấc ngủ đều êm đềm từ những cây thông cho đến bụi rậm, và từ đồng cỏ cho đến con sông to nâu nằm về phía Bắc.

Nhưng tôi nghĩ, và tôi đoán chắc ông Giám đốc không bao giờ phủ nhận, rằng không nhất thiết đúng chẳng Kampfer là công cụ của định mệnh, không nhất thiết đúng chẳng đường vẽ con sông Chiquito đã được in vổ lên bản đồ thành gương mặt ngọt ngào đáng nhớ, đã phát sinh “việc nào đấy tốt lành cho cả đám trẻ”, và kết quả này đáng được gọi là “Phán Quyết của Georgia”.

Chú Thích

(1) Tiếng Anh: “scrip”, là giấy chính quyền thời đó ghi sẽ cấp đất theo một giá trị nào đó, mục đích chính để khuyến khích khai khẩn đất hoang vu.

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

O. Henry

Pxysê và nhà chọc trời

Nguyễn Việt Long dịch

Nếu bạn là một triết gia, bạn có thể làm được điều này: leo lên nóc một toà nhà lớn, chiếu tầm mắt từ độ cao ba trăm phút (1) xuống đám huynh đệ đồng loại để mà khinh bỉ họ như loài sâu bọ nhỏ mọn. Người ta bò, người ta chen vai thích cánh nhau và đứng vòng trong vòng ngoài, vô chủ đích, đần độn, ngu ngốc, hết như những con cật vó trên mặt ao mùa hạ. Đến nước ví họ chạy tung tăng như đàn kiến cũng không được, bởi vì con kiến, vốn có đầu óc suy xét đáng ghen tị, bao giờ cũng biết lối ngắn nhất để về nhà. Vị trí của con kiến trên mặt đất không cao, nhưng lệ thường là chúng đã về được tận nhà, lôi dép từ dưới gầm giường ra, còn bạn thì vẫn còn đang sa lầy trên đỉnh cao vị trí của mình, chân mắc kẹt trên các đầu cầu nổi. Vậy là, đối với một triết gia thợ leo trèo thì con người chỉ là giống côn trùng nhỏ bé đáng khinh. Các nhân viên giao dịch chứng khoán, các thi sĩ, các nhà triệu phú, thợ đánh giày, các mĩ nhân, thợ đào đất và các chính trị gia đều biến thành những chấm đen trên đường phố rộng bằng ngón tay bạn và luồn tránh những chấm đen khác cỡ cũng chỉ nhỉnh hơn một tí.

Còn chính thành phố nhìn từ điểm cao như thế cũng co lại thành ra một mớ hỗn độn các kiến trúc vẹo vọ trong một phối cảnh méo mó không tưởng tượng nổi, đại dương hùng mạnh thì biến thành một cái vũng, ngay đến quả đất cũng chỉ là quả bóng golf lạc lõng trong vũ trụ. Mọi thứ vụn vặt tầm thường lui xuống hàng thứ yếu. Nhà triết học hướng tầm mắt của mình lên phía bầu trời và, cảm hứng bởi nhãn quan mới về thế giới tâm hồn, anh ta được lâng lâng chấp cánh. Anh ta cảm thấy mình là con cháu của Vĩnh Cửu và kẻ nối dõi của Thời Gian. Anh ta cảm thấy rằng không gian cũng phải là của thừa kế hợp pháp và tất yếu của mình. Người như bốc lửa, anh ta suy ngẫm về việc sẽ đến lúc những sinh vật tương tự như anh phóng mình từ hành tinh này tới hành tinh khác theo những con đường huyền bí của không gian. Thế giới tí hon dưới chân anh ta mà trên đó sừng sững cái tháp sắt của toà nhà chọc trời, hết như một hạt cát trên đỉnh Himalaya, chỉ là một phần tử vô cùng nhỏ trong cảnh tuần hoàn của cơ man nào là những phần tử như thế. Những ước muốn danh lợi của lũ sâu bọ bon chen màu đen đen dưới kia, những thành tựu của họ, những thắng lợi nhỏ mọn và những tình cảm quyến luyến của họ có là cái gì, nếu đem so với cái vô biên bình lặng đầy đe dọa của vũ trụ, bao quanh cái thành phố cồn con này từ bốn phía.

Những ý nghĩ như thế nhất định sẽ choán lấy nhà triết học, đó là điều có thể cam đoan chắc chắn. Họ được chọn lọc từ các trường phái triết học khác nhau có thể nảy nòi trên thế gian này, cuối cùng, được trang bị một dấu hỏi đúng phép, họ được phê duyệt như là hình mẫu tất yếu của tư duy sâu sắc trên tầm cao lớn. Và khi nhà triết học đã bước vào thang máy để đi xuống dưới thì trí óc anh ta được bồi bổ chặt chẽ, tâm hồn tha hồ thanh thản, những quan điểm về thực chất

của cấu trúc thế giới rộng như cái khoá thắt lưng của Oriôn (2). Tuy nhiên, nếu bạn tên là Đâydi và chỉ mới mười chín xuân xanh, nếu bạn làm việc ở cửa hàng bánh kẹo trên Đại lộ số Tám và được lĩnh sáu đôla một tuần, cộng thêm với việc dậy từ sáu giờ rưỡi sáng và làm cật lực đến chín giờ tối, lại sống trong một căn buồng chật chội và lạnh lẽo, kích thước năm phút nhân với tám phút, chỉ dám tiêu mười xu ăn sáng, hơn nữa chưa bao giờ nghiên cứu triết học, – khi ấy trên tầm cao của toà nhà chọc trời ắt bạn sẽ nhìn sự vật khác đi.

Có hai chàng thờ vắn than dài nhớ nhung cô Đâydi chưa dính gì đến triết học, có hai chàng tơ tưởng tới bàn tay cô. Chàng thứ nhất là Giô, chủ một tiệm tạp hoá nhỏ ở Niu-Yooc. Tiệm ấy cỡ chỉ bằng lỗ mũi và tựa như cái tổ chim én, dính vào góc ngôi nhà chọc trời ở khu vực kinh doanh của thành phố. Ở đó bày bán báo chí, hoa quả, kẹo bánh, các tập bài hát, thuốc lá, về mùa hè có cả nước chanh. Khi mùa đông khắc nghiệt tới, lay lay những món tóc đóng hơi băng giá và đồn Giô với hoa quả của anh ta vào trong nhà, thì quán trở nên quá chật hẹp để chứa một chủ quán, hàng hoá của anh ta, cái bếp lò cỡ bằng lọ dấm và một khách hàng.

Giô không thuộc lớp người gây đình gây đám bằng hoa quả và những chất giọng nhiều bè của mình. Anh là một thanh niên Mỹ sáng dạ, lo dành dụm đồng tiền và muốn Đâydi giúp anh sống ở đời. Anh đã ba lần ngỏ lời với cô. Bản tình ca của anh vang lên đại loại như sau:

- Đâydi, em biết không, anh muốn chúng mình lấy nhau, anh sẽ gom góp tiền để sống. Anh có cửa hàng, kể ra thì cũng chẳng to tát gì cho lắm...

- Thật thế à? – Cái cô nàng không dính gì đến triết học lên tiếng. – Thế mà người ta bảo chính Oanamâyco³ thuyết phục anh sang năm để cho ông ta thuê phần diện tích thừa của cửa hàng.

Hàng ngày, sáng và chiều Đâydi đều đi qua góc phố, nơi có cửa hàng khép nép của Giô. Câu chào của cô thường là:

- Anh Giô ơi, trong cái hang của anh công việc ra sao? Em thấy sao dạo này rỗng hàng tợn. Chắc là anh đã bán gói kẹo cao su rồi.

- Ừ, chỗ ở thì không rộng, điều đó đúng, – Giô toét nụ cười rộng đón cô. – Nhưng để cho em thì đủ. Anh với cái cửa hàng này chỉ sót ruột đợi ngày em làm bà chủ thôi. Em đừng có làm tình làm tội bắt anh chờ lâu quá đấy nhé!

- Cửa với chả hàng! – Đâydi nhăn cái mũi héch vể khinh thị. – Cái hộp sắt tây thì có! Anh bảo đợi em ấy à? Ái chà chà. Thế thì anh phải tổng khứ một trăm pao (4) bánh kẹo mới có chỗ cho em.

- À, sẵn sàng thôi, đổi thế là vừa khuỷp đấy, – Giô cất giọng bông lơn.

Cuộc sống của Đâydi vốn đã trôi đi trong những ranh giới chật hẹp. Đi làm, phải xoay như chong chóng, len lách giữa các giá đựng hàng và cái quầy. Ở nhà thì nhiều sự ấm cúng hơn là sự rộng rãi. Mấy bức tường sát vào nhau, cựa mình một tí là những tờ giấy bồi tường còn sót lại kêu sột soạt. Vừa soi mái tóc màu hạt dẻ bóng bẩy của mình trong gương, Đâydi vừa có thể một tay châm bếp hơi, tay kia đóng cửa. Trên tủ commốt là tấm hình Giô trong khung mạ vàng, và đôi lúc ánh mắt Đâydi đưa vào đấy... thì ngay lập tức trong trí óc cô lại hiện ra cái quán bán hàng bé tí và buồn cười như hòm đựng xà phòng, nép vào góc một toà nhà lớn, và đáng lẽ là tiếng thở dài êm ái thì ta lại nghe thấy tiếng cười vô tư lự.

Người ái mộ thứ hai đến với Đaydi chậm hơn Giô vài tháng. Anh ta thuê một phòng kèm cả tiền chăm nom phục vụ ở ngay trong ngôi nhà cô đang ở. Tên anh là Đepxtơ và anh là một triết gia. Ưu điểm của con người còn trẻ tuổi đời này đập ngay vào mắt như những mác những nhãn châu Âu trên chiếc vali của người dân Paxâyco bang Niu Gioxi. Anh thu lượm những kiến thức cho mình từ những cuốn bách khoa toàn thư và sách tra cứu, còn nếu nói về sự khôn ngoan, thì nó phóng lướt qua, trong khi anh ta đứng bên hè đường, mũi khịt khịt mà không kịp nhìn rõ số xe ô tô của nó. Hễ có dịp là anh ta có thể giảng cho bạn rõ, nước tạo thành từ cái gì và tại sao con người ăn đậu và thịt bê lại bổ, bài thơ nào ngắn nhất trong Kinh thánh và cần bao nhiêu pao đinh để đóng hai trăm năm mươi sáu tấm ván lót nhà có khe rộng bốn inơ, dân số thành phố Kankaki, bang Illinois là bao nhiêu, cốt lõi của lý thuyết Xpinôda là gì, tên thẳng hầu hạng bét trong nhà ông G. Maccây Tumli là gì, chiều dài đường hầm xuyên qua ngọn núi Huxắc là bao nhiêu, khi nào cho gà ấp là tốt nhất, lương tháng của một bưu tá đường sắt đoạn Đriptorit – Ret Bank Fecnex, bang Penxinvania là bao nhiêu và chân con mèo có bao nhiêu móng.

Gánh nặng kiến thức không phải đùa ấy không hề đè trĩu lên Đepxtơ. Những con số và dữ kiện đối với anh cũng tựa như món rau mùi làm gia vị cho bữa chuyện phiếm nhẹ nhàng mà anh dùng để thết bạn, nếu nhắm thấy hợp gu bạn. Ngoài ra, anh còn dùng chúng làm lá chắn khi đánh chén. Nổ một tràng đạn nhắm vào bạn bằng những con số liên quan đến trọng lượng thanh sắt tiết diện năm nhân với hai phẩy bảy lăm inơ và lượng mưa trung bình hàng năm ở Photơ Xnelinh, bang Minnêxôta, anh cầm đĩa chọc thẳng vào miếng thịt gà

ngon mắt nhất trên đĩa, trong khi tâm trí bạn còn đang tiêu hoá những điều anh vừa nói.

Được trang bị bằng những thứ khí giới sáng choang như vậy, vả lại diện mạo cũng không phải là khó coi, Đepxtơ là kẻ tình địch mà Giô, chủ hiệu tạp hoá bé tí ti, đáng độ kiếm. Tuy nhiên trên mình Giô chẳng có khí giới nào cả. Vả chẳng nếu có thì cũng chẳng tìm đâu ra chỗ giấu.

Một hôm thứ bảy, quãng bốn giờ chiều, Đâydi cùng ông Đepxtơ dừng lại bên quán của Giô. Trên mình Đepxtơ có cái ống hình trụ và bởi vì... tóm lại, vì Đâydi là đàn bà và không thể để cái ống ấy chui vào hộp các-tông, chừng nào Giô còn chưa ngó thấy. Cái có bề ngoài để họ rẽ vào quán là gói kẹo cao su dứa mà Giô chìa ra cho họ trước cánh cửa mở toang hoác của quán. Nhìn thấy cái ống hình trụ mà chàng Giô chẳng giật mình, nét mặt cũng chẳng thay đổi gì.

- Ông Đepxtơ mời em cùng với ông ấy leo lên trên kia để ngắm toàn cảnh đấy, – Đâydi nói, sau khi đã giới thiệu hai sủng ái viên với nhau.

- Em chưa bao giờ được lên nóc toà nhà chọc trời cả. Chà, chắc phải thú vị và khoan khoái cực kì.

- Hừm! – Giô bật ra tiếng.

- Quang cảnh mở ra trước tầm mắt ta từ mái toà nhà cao tầng, – Đepxtơ nói, – cũng không hùng vĩ lắm, nhưng có rất nhiều điều bổ ích. Cô Đâydi có thể tin chắc rằng sự thoả mãn lớn lao đang chờ đợi cô.

- À, trên ấy có khi gió lắm, – Giô nói. – Em ăn mặc đã ấm chưa, Đâydi?

- Cứ yên trí! Em mặc đến trăm bộ quần áo đây rồi! – Đâydi đáp với sự ngượng ngịu và thích thú sau khi thấy vầng trán anh chàng tối

lại. – Còn anh ở đây cứ như xác ướp trong bao ấy. Chỗ hàng của anh chẳng được bổ sung thêm một pao hồ đào hay một quả táo nào à? Theo em thì anh để ứ đọng quá đấy.

Đâydi cười lạnh lạnh, khoái chí với câu đùa ưa thích của mình khiến Giô chẳng còn cách nào khác, cũng mỉm cười.

- So với quy mô ngôi nhà này, thưa ông, à... e hèm, – Đẹpxtơ nhận xét, – thì cơ quan của ông, theo cảm giác của tôi, có hơi hạn chế về kích thước. Diện tích chái sườn ở đây, nếu tôi không nhầm, khoảng ba trăm bốn mươi nhân một trăm phút. Cửa hàng của ông so tương ứng thì cũng ví như đặt một nửa xứ Bêluginxan lên lãnh thổ Hoa Kỳ phía đông dãy núi Đá Tảng, đã được cộng thêm vào đáy tỉnh Ôntariô (Canada) và một nước chẳng hạn như nước Bỉ.

- Chà chà, thế hả? – Giô xởi lời nói. – Ông bạn ạ, xét về phần các con số thì quả là cái đầu ông uyên thâm. Chắc ông sẽ giải ra việc này: một con lừa nhai hết bao nhiêu cỏ khô ép trong một phút vuông, nếu nó sẽ ngừng kêu “i-a”, “i-a” trong một phút năm phần tám?

Vài phút sau Đâydi và ông Đẹpxtơ đã ra khỏi thang máy trên tầng thượng của ngôi nhà chọc trời. Rồi đến cầu thang dốc và mái nhà. Đẹpxtơ dẫn Đâydi ra phía lan can và chỉ cho cô xem các chấm đen di động ở phố xá bên dưới.

- Cái gì thế? – Đâydi vừa run vừa hỏi. Chưa bao giờ cô leo lên một tầng cao như thế này.

Làm sao mà Đẹpxtơ không nhập vai nhà triết học trên tháp và dẫn dắt tâm hồn cô đi đón không gian vô tận cho được!

- Loài hai chân đấy, – Đẹpxtơ trịnh trọng nói. – Em đã thấy họ biến thành cái gì chưa, khi ta leo lên trên họ mới có ba trăm bốn mươi phút? Chỉ là những chú sâu bọ, bò đi bò lại, chứ có quái gì đâu.

- Sao lại như thế được, – Đaydi thốt lên. – Đây là những con người! Còn kia là chiếc ô tô. Ôi, vậy là chúng ta lên cao quá nhỉ!

- Xin mời em lại đây, – Đepxtơ nói.

Anh đã chỉ cho cô thành phố lớn trải ra xa bên dưới những dãy nhà như đồ chơi bằng hàng bằng lối, lác đác ánh lửa của những ngọn đèn đường đầu tiên, tuy trời còn sớm. Sau đó anh chỉ cho cô con vịnh, xa hơn nữa là biển mà ở hướng nam và hướng đông nó nối liền với bầu trời một cách bí ẩn.

- Em không thích ở đây, – Đaydi lo lắng ngược đôi mắt xanh lên Đepxtơ. – Ta đi xuống đi!

Nhưng nhà triết học không hề muốn bỏ lỡ một dịp như vậy. Trước tiên phải để cho cô thấy ý nghĩ anh đang bay bổng đến đâu, anh gần gũi với cái vĩnh cửu như thế nào và trí nhớ của anh đang chất đầy những con số thống kê đến mức nào. Khi đó cô sẽ không còn tự tưởng khả năng rẽ vào cái quán bé nhất Niu-Yooc vì món kẹo cao su nữa. Thế là ông Đepxtơ bắt đầu diễn thuyết về sự bé nhỏ và phù phiếm của những mối lo toan cuộc đời, rằng chỉ mới lên khỏi mặt đất một khoảng chưa đáng là bao mà ta đã nhận thức ra con người và sự nghiệp của nó chỉ đáng giá chục đồng chính đếm đi đếm lại ba lần. Vì thế đối tượng suy ngẫm của ta phải là thế giới các vì sao và những tính toán của Epictet (5) và tìm nguồn an ủi cho bản thân trong đó.

- Với bản thân em thì những chuyện đó không có sức cuốn hút cho lắm, – Đaydi đáp. – Em chỉ thấy khiếp khiếp là, khi mình đứng trên cao chót vót thế này, mà con người bên dưới chỉ bé bằng con rận. Ừ mà biết đâu chúng mình lại nhìn thấy anh Giô ở dưới kia. Gớm, cứ như là nhìn từ bang bên cạnh sang ấy. Eo ôi, em thấy hãi lắm!

Nhà triết học mỉm cười một cách hơi ngây ngô. Anh cất tiếng:

- Giữa không gian bao la thì trái đất này chỉ bé như hạt thóc. Em hãy ngược nhìn lên mà xem.

Đaydi len lét ngược chéo đôi mắt lên phía bầu trời. Ngày ngắn ngủi đã tắt, lác đác có những ngôi sao đầu tiên. Đaydi lại cất tiếng:

- Kìa kìa, em thấy sao Hôm chứ, nó là sao Kim đấy. Nó ở cách mặt trời sáu mươi sáu triệu dặm.

- Có hoạ là phịa! – Đaydi đáp lại, và vì bức tức mà trong giây lát nỗi sợ hãi đã qua đi. – Sao, theo anh thì em ở Bruclin phải không? Xiudi Praixơ ở cửa hàng bánh kẹo chỗ bọn em đi thăm anh trai ở Xan Franxixcô, người anh đã gửi vé tàu cho nó. Vậy mà từ đây đến đấy cả thảy cũng chỉ có ba nghìn dặm.

Đến lúc này thì nhà triết học đã nở nụ cười độ lượng và nói:

- Quả đất của chúng ta cách xa mặt trời chín mươi một triệu dặm.

Còn có mười tám ngôi sao bậc nhất, chúng cách xa mặt trời hơn chúng ta những hai trăm mười một nghìn lần. Nếu một ngôi sao trong số đó tắt đi, thì tia sáng cuối cùng của nó phải ba năm sau mới tới được chúng ta. Ngoài ra còn có sáu nghìn ngôi sao bậc sáu. Ánh sáng của chúng đi đến trái đất phải mất ba mươi sáu năm. Nhìn vào kính thiên văn mười tám phút ta sẽ thấy bốn mươi ba triệu ngôi sao và trong số đó có các ngôi sao bậc mười ba, ánh sáng của chúng đến được trái đất phải mất hai nghìn bảy trăm năm. Mỗi một ngôi sao như thế...

- Không đúng! – Đaydi giận dữ kêu lên. – Anh cứ chủ ý dọa em thôi. Thế này anh cũng đã làm em sợ chết khiếp lên rồi. Em muốn đi xuống.

Cô giậm chân.

- Acotua... – nhà triết học đã toan dàn hoà, nhưng cắt ngang lời anh ta lại chính là Tự Nhiên, nó phô bày một chứng cứ hiển nhiên trước mặt anh ta, từ chính chiều sâu vô biên của mình, một Tự Nhiên mà anh đã ra sức mô tả bằng cách căng trí nhớ của mình mà quên mất con tim. Bởi lẽ những ai lí giải Tự Nhiên bằng con tim đều biết rằng những vì sao được gắn lên vòm trời chỉ để nhằm một mục đích là rọi ánh sáng dịu dàng xuống những cặp tình nhân đang thơ thẩn bên dưới, và nếu như vào đêm tháng chín bạn khoác tay người yêu ngồi xôm thì tưởng đâu chẳng khó khăn gì, chỉ một vớ tay cũng có thể chạm tới những vì sao kia. Thế mà dám bảo rằng ánh sáng của chúng phải ba năm mới tới được chúng ta? Rặt chuyện vớ vẩn! Đâu đó từ phía tây, loé lên một thiên thạch và trên đỉnh toà nhà chọc trời bỗng sáng lên như ban ngày. Thiên thạch bay ngang trời, rạch một đường parabol lửa từ tây sang đông. Nó rít lên khi bay, khiến Đaydi cũng rú lên.

- Đưa em xuống đi, quyền số học sống ạ! – Cô kêu lên tuyệt vọng. Đẹpxtơ đỡ cô xuống thang, rồi họ đi vào thang máy. Đôi mắt Đaydi đờ dại. Khi cái thang máy rình rịch hạ xuống, đột ngột làm khách đi tê đầu gối, thì Đaydi giật bắn người.

Ra khỏi cánh cửa quay tròn của toà nhà chọc trời, nhà triết học thấy mắt hút cô. Cô đã biến đi, để anh bắn khoăn luẩn quẩn một chỗ. Lúc này thì cả những dữ kiện lẫn các con số đều không thể giúp gì cho Đẹpxtơ được.

Giờ đang lúc vắng khách. Anh luồn lách dẻo như con rắn giữa các hòm hàng, châm diều thuốc và ghéch một cẳng chân tê cứng lên cái bếp lò cà khỗ.

Cửa quán bỗng bật mở toang và Đaydi, nửa cười nửa mỉa, hót hải

đi vào, làm hoa quả và kẹo bánh rắc tung khắp đất. Cô lao vào ôm lấy anh.

- Này, anh Giô, em đã lên nóc nhà chọc trời rồi đấy! Ôi, chỗ này của anh ấm áp, dễ chịu, thoải mái biết bao! Em đồng ý lấy anh đấy, anh Giô ạ, khi nào anh muốn.

Nguyễn Việt Long dịch

Chú thích:

(1) 1 phút (foot) = 30.48 cm

(2) Người thợ săn trong thần thoại Hy Lạp, được đặt tên cho một chòm sao

(3) Chủ cửa hàng bách hoá lớn nhất ở Niu-Yooc hồi đầu thế kỉ

(4) 1 pao (pound) = 450 g

(5) Nhà triết học khổ hạnh người Hy Lạp, sống vào thế kỉ I sau CN.

O. Henry

Qua cơn mê

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh: At arms with Morpheus

Tôi không thể hiểu nổi làm thế nào Tom Hopkins lại có thể nhầm lẫn tai hại đến thế, vì lẽ anh đã học nguyên một kỳ tại trường đại học y khoa – trước khi anh thừa hưởng gia tài của bà cô để lại – và lại được xem là giỏi về khoa trị liệu.

Chúng tôi đến thăm nhau buổi tối hôm ấy, rồi Tom lên phòng tôi để nhậu nhẹt và tán gẫu trước khi anh trở về căn hộ sang trọng anh đang thuê. Tôi vừa lên vào phòng bên thì nghe Tom hát ra:

-Billy này, mình muốn uống một chút kí-nin, nếu cậu không thấy phiền hà – Mình cảm thấy ngán ngật ớn lạnh. Có lẽ mình đang bị cảm.

Tôi đáp lại:

-Được. Chai thuốc ở trên ngăn kệ thứ hai. Uống một thìa dầu khuynh diệp ấy đi. Nó trừ khử hết mọi đau nhức.

Sai khi tôi trở lại, chúng tôi ngồi bên nhau gần lò sưởi rồi rút thuốc ra hút với nhau. KHOảng tám phút sau, Tom ngã người ra, dần dần khụy xuống. Tôi chạy ngay vào để xem xét cái tủ thuốc. Tôi gầm lên:

-Cái thùng cả dẫn hết mức! Thử xem tiền bạc giúp gì được cho cái đầu của mày!

Trong tủ thuốc là chai đựng nha phiến với cái nắp đã bật ra sau khi Tom mở nó. Tôi lúng ra được một anh bác sĩ y khoa trẻ ngụ ở tầng trên, rồi nhờ anh đi mời ông bác sĩ già Gales, ngụ cách đây hai khu phố. Tom Hopkins quá giàu nên không thể để một mình bác sĩ trẻ tài năng còn đang lên chăm sóc cho anh được.

Khi ông Gales đến, chúng tôi chạy chữa cho Tom theo đủ phương án đắt tiền đến mức mọi phương tiện y khoa cho phép. Sau khi đã cho anh uống các loại thuốc mạnh, chúng tôi cho anh dùng liên tục mấy liều ci-trát caffeine, rồi cho anh uống cà phê, rồi hai đứa hai bên xóc anh đi qua đi lại. Ông già Gales ngắt véo anh, tát vào mặt anh, làm việc tận lực để xứng đáng với tám ngàn phiếu to lớn mà ông thấy không xa. Anh bác sĩ trẻ tặng cho Tom một đá nên thân, rồi bảo chữa với tôi:

-Không dừng được. Trong đời tôi chưa bao giờ được đá một nhà triệu phú. Tôi có thể không có cơ hội nào khác.

Sau một hai giờ, bác sĩ Gales bảo tôi:

-Anh ấy sẽ khỏi. Nhưng phải giữ anh ấy tỉnh trong vòng một giờ. Anh có thể chuyện trò với anh ấy, thỉnh thoảng lay người anh. Khi mạch và nhịp thở của anh ấy trở lại bình thường thì có thể cho anh ngủ. Giờ tôi để anh ấy cho anh chăm sóc.

Thế là còn lại có mình tôi với Tom, được để nằm trên ghế bành. Anh nằm không một chút động cựa, mắt nửa nhắm nửa mở. Tôi bắt đầu công việc giữ cho anh thức. Tôi nói:

-Này bạn già, bạn vừa qua một cơn hú hồn. Có giáo sư y khoa nào

đã từng xởi lởi nhận xét là chữ n-h-a-p-h-i-ế-n không thể nào đánh vần như k-í-n-i-n không, nhất là với liều lượng nguyên một viên? Mình không muốn giũa bạn nhiều khi bạn chưa đứng dậy được. Nhưng đáng lẽ bạn nên làm được sĩ, Tom à, bạn có đủ tiêu chuẩn tuyệt vời để ra toa bán thuốc.

Tom nhìn tôi với nụ cười mỉm đại khờ. Anh thì thầm:

-B'ly, mình cảm thấy như con chim sâu bay vòng quanh vô số bông hồng rực rỡ. Đừng quấy rầy. Muốn ngủ đây.

Rồi trong vòng hai giây đồng hồ anh thiếp ngủ. Tôi lắc vai anh, nghiêm khắc:

-Này, Tom, không ngủ được đâu! Bác sĩ bảo bạn phải thức trong ít nhất một giờ. Mở mắt ra! Bạn chưa hoàn toàn thoát khỏi nguy hiểm, bạn hiểu chứ? Thức dậy!

Tom Hopkins nặng gần chín chục kí lô. Anh nở thêm một nụ cười sệt sù, rồi lại chìm vào giấc ngủ say hơn trước. Đáng lẽ tôi phải dìu anh đi qua đi lại, nhưng làm như thế đối với tôi không khác nào sai khiến cây kim của nữ hoàng Cleopatra nhảy điệu luân vũ quanh phòng với mình. Hơi thở của Tom đã trở thành tiếng ngáy, trong ca ngộ độc nha phiến đấy là triệu chứng nguy hiểm.

Rồi tôi bắt đầu suy nghĩ. Tôi không thể dựng thân hình nặng nề của anh ta dậy được, tôi phải cố làm đầu óc anh được phấn khích để tỉnh ngủ. “Làm cho anh ta tức giận” là một ý trong hướng ấy. Tôi nghĩ: “Ý tưởng hay, nhưng làm cách nào?”. Cả bộ chiến bào của Tom không hề có một kẽ hở nào để tôi có thể tấn công vào. Thằng bạn của tôi thật đáng quý! Anh ta thật hiền hòa, lại còn là một trang thanh niên đối xử với thiên hạ đẹp hết mức, tế nhị, chân tình, trong sạch như

ánh mặt trời. Anh ta đến từ nơi nào đấy ở miền Nam, vùng mà dân cư vẫn còn lý tưởng và biết cách xử thế. Thành phố New York đầy quyền rũ thế mà không làm anh hư hỏng. Anh ta vẫn còn bản chất tôn thờ phụ nữ theo kiểu cổ lỗ sĩ, việc ấy...Eureka! – tôi nghĩ ra rồi! Trong một hai phút tôi chuẩn bị dàn xếp việc này trong óc tưởng tượng của tôi. Tôi cười khúc khích một mình khi nghĩ đến chơi cái trò này với tên bạn già Tom Hopkins. Rồi tôi nắm lấy vai anh mà lắc thật mạnh đến khi cả hai tai anh cũng lắc lư. Tôi giả vờ chửi bới khinh miệt, chĩa ngón tay chỉ vào mũi anh ta chỉ cách mấy phân. Tôi sắc lẹm gần từng tiếng một:

-Nghe tao đây này, Hopkins. Mày và tao đã từng là bạn thân thiết với nhau, nhưng tao cho mày biết từ nay về sau tao không muốn tiếp cái thằng nào đồn mặt như mày.

Tom không có vẻ gì chú ý cho lắm. Hắn tỉnh queo:

-Chuyện gì vậy, Billy? Quần áo của bạn mặc không vừa à?

Tôi tiếp tục:

-Nếu tao ở trong hoàn cảnh như mày, mà cảm ơn trời phật tao không như mày, tao nghĩ tao không còn dám nhắm mắt mà ngủ. Cô gái mà mày bắt chờ đợi võ vàng ở dưới miền Nam ấy – cô gái mà mày đã quên kể từ khi mày có tiền rủng rỉnh trong túi, giờ ra sao rồi? Mày biết tao muốn nói gì. Trong khi mày còn là tên sinh viên y khoa kết xác thì cô ấy còn xứng với mày. Nhưng bây giờ, mày đã là triệu phú, tình đời đổi thay! Tao không biết cô nghĩ sao về hạng người mà cô vẫn tôn thờ - mấy trang thanh niên miền Nam ấy. Hopkins, tao lấy làm tiếc phải nói ra mấy việc này, nhưng mày đã che đậy kỹ quá và đóng trò tài quá đến nỗi tao không dám tin là mày lại có thủ đoạn hèn hạ như thế.

Tội nghiệp cho Tom! Tôi cố gắng lắm mới nhìn được cười khi thấy anh cố vùng vẫy khỏi ảnh hưởng của nha phiến. Anh ta đang phần nộ rõ ràng, và tôi không trách anh. Tom có tính nóng nảy của dân miền Nam. Hai mắt anh giờ đã mở ra, sòng sọc một hai tia lửa. Nhưng nha phiến vẫn còn làm lú lẫn trí óc anh và cột lưỡi anh lại. Anh lắp bắp:

-L-lộn xộn...Tao s-sẽ băm thây mày...

Anh cố nhấc người lên khỏi chiếc ghế bành. Với trọng lượng thân hình của mình, bây giờ anh ta yếu ớt lắm. Tôi lấy một tay đẩy anh ngã vật xuống ghế. Anh ta nằm đấy, trợn trừng như con báo trong một cái bẫy.

Tôi thì thăm với chính mình: “ Thế là giữ hẩn tỉnh được một chút, cái thằng khờ già!” Tôi đứng dậy, đốt cái ống điếu, vì tôi cảm thấy cần hút thuốc. Tôi đi vòng quanh một chút, tự khen ngợi mình về ý tưởng tuyệt diệu kia.

Tôi nghe tiếng ngáy. Tôi nhìn lại. Tom lại ngủ tiếp. Tôi tiến đến, nện một quả đấm vào cằm anh ta. Anh nhìn tôi, hiền lành và vô tư như một anh ngốc. Tôi nhai cái ống điếu của mình để tiếp tục nặng lời với anh ta. Tôi lảng mạ:

- Tao muốn mày khỏi bệnh để cút khỏi đây càng sớm càng tốt. Tao đã nói cho mày biết tao nghĩ về mày như thế nào. Nếu mày còn chút liêm sỉ, mày nên suy nghĩ cho kỹ trước khi mày còn muốn thử giao du lần nữa với lớp người thanh lịch.

Tôi khịt mũi:

-Cô ấy là một người con gái nghèo, phải không? Có phần quá vô vị, quá quên mùa đối với bọn mình kể từ khi mình có tiền phải không? Mày cảm thấy xấu hổ đi với cô ấy trên Đại lộ Sô Năm phải không?

Hopkins, mày là thằng đốn mạt gấp bốn mươi lần cái thằng đốn mạt. Ai màng đến tiền bạc của mày chứ? Tao không màng. Tao biết chắc cô ấy không màng. Có lẽ nếu mày không có tiền, mày sẽ là một con người khá hơn. Với tiền bạc, mày là tên khốn khiếp, và – tôi nghĩ câu này mới là đòn đau – mày đã ruồng rẫy một con tim chung thủy. (Ai đời anh bạn cố tri Tom Hopkins lại ruồng rẫy một con tim chung thủy!) Tao muốn tống khứ mày ra khỏi đây càng sớm càng tốt.

Tôi quay lưng lại Tom, nháy mắt với tấm gương soi. Tôi nghe tiếng anh ta cử động, và tôi quay lại thật nhanh. Tôi không muốn cả thân hình gần chín mươi kí lô nhào lên tôi từ sau lưng. Nhưng Tom chỉ xoay người một ít, đưa một tay lên che mặt. Anh ta nói ít tiếng, rõ ràng hơn lúc trước:

-Tao không thể...nói với mày...theo cách ấy...Billy, ngay cả nếu tao nghe thiên hạ đặt...đặt điều về mày...Nhưng khi tao có thể...đứng dậy...tao sẽ bẻ cổ mày...đừng quên...

Tôi cảm thấy một chút xấu hổ lúc ấy. Nhưng làm thế là để cứu Tom. Sáng ngày hôm sau, khi tôi giải thích, hai chúng tôi sẽ cười xòa với nhau về chuyện này.

Trong khoảng hai mươi phút, Tom chìm xuống trong cơn ngủ mê mệt, êm đềm. Tôi bắt mạch anh, nghe ngóng nhịp hô hấp của anh, rồi để yên cho anh ngủ. Mọi việc đều trở lại bình thường, và Tom đã qua cơn hiểm nguy. Tôi đi vào phòng bên và ngã vật xuống giường.

Khi tôi tỉnh dậy sáng hôm sau, tôi thấy Tom đã thức dậy trước tôi, ăn mặc chỉnh tề. Anh ta trở lại hoàn toàn là con người của chính mình trừ các dây thần kinh có phần run rẩy và cái lưỡi còn cứng đờ.

Tom suy tư:

-Mình thật là ngu quá. Mình còn nhớ khi mình uống thuốc, mình nghĩ cái chai kí-nin ấy coi kỳ cục làm sao ấy. Bạn phải cực khổ lắm để cứu mình phải không?

Tôi bảo với anh ta là không. Trí nhớ anh ta dường như quá yếu với mọi sự việc. Tôi kết luận là anh không còn nhớ gì đến các nỗ lực của tôi nhằm giữ cho anh được tỉnh táo, nên quyết định không cần giải thích. Tôi nghĩ vào lúc nào khác, khi anh đã khỏi hẳn, hai chúng tôi có thể đùa cợt với nhau về việc này.

Khi Tom chuẩn bị ra đi, anh dừng lại ở cánh cửa đang mở, bắt tay tôi:

-Cảm ơn nhiều lắm, ông bạn tâm giao, đã cực nhọc nhiều vì mình, và cảm ơn về mấy điều bạn nói. Bây giờ mình đi xuống phố để đánh điện cho cô bé.

O. Henry

Quà tặng của những nhà thông thái

Một đồng tám mươi bảy xu, đúng như vậy. Hàng ngày, cô cố gắng tiêu thật ít tiền khi đi chợ. Cô đi loanh quanh tìm mua thứ thịt và rau rẻ nhất cho bữa ăn hàng ngày, ngay cả lúc cảm thấy hết sức mệt mỏi cô vẫn cố tìm kiếm. Tiết kiệm được đồng nào hay đồng đó.

Della đếm lại số tiền ít ỏi một lần nữa. Không hề có sự nhầm lẫn, chỉ có một đồng tám mươi bảy xu, và ngày mai sẽ là lễ giáng sinh.

Cô sẽ không thể làm gì hơn, chỉ còn cách ngồi xuống và khóc mà thôi. Ở đó, trong một căn phòng nhỏ, tồi tàn, cô đang nước nỡ.

Della sống trong căn phòng nhỏ nghèo nàn này với chồng của cô, James Dillingham Young, ở thành phố New York.

Họ có một phòng ngủ, một phòng tắm và một nhà bếp. James Dillingham Young may mắn hơn cô vì anh ấy có việc làm. Tuy vậy đó không phải là một công việc kiếm được nhiều tiền. Tiền thuê căn phòng này chiếm gần hết lương của anh ấy. Della đã cố gắng rất nhiều để tìm một công việc nhưng vận may đã không mỉm cười với cô. Tuy nhiên, cô rất hạnh phúc khi ôm Jim , James Dillingham Young, trong tay mỗi khi anh trở về. Della đã ngừng khóc. Cô lau khô mặt rồi đứng nhìn một chú mèo xám trên bức tường đồng màu với

nó bên cạnh con đường tối ngoài cửa sổ.

Ngày mai là Noel và cô chỉ còn một đồng tám mươi bảy xu để mua cho Jim, Jim của cô, một món quà. Cô muốn mua một món quà thật sự có ý nghĩa, một thứ có thể biểu hiện được tất cả tình yêu cô dành cho anh.

Della chợt xoay người chạy đến bên chiếc gương treo trên tường.

Mắt cô sáng lên.

Cho đến bây giờ, gia đình James Dillingham Young chỉ có hai vật quý giá nhất. Một thứ là chiếc đồng hồ vàng của Jim. Chiếc đồng hồ này trước đây thuộc sở hữu của cha anh ta và trước nữa là ông nội anh ta. Thứ còn lại là mái tóc của Della.

Della thả nhanh mái tóc dài óng mượt xuống lưng. Thật tuyệt đẹp, không khác nào như một chiếc áo khoác đang choàng qua người cô.

Della cuộn tóc lên lại. Cô đứng lặng đi rồi thút thít một lát.

Della bước chậm rãi qua các cửa hàng dọc hai bên đường rồi dừng lại trước bảng hiệu "Madame Eloise". Tiếp cô là một phụ nữ mập mập, bà ta chẳng có một chút vẻ "Eloise" nào cả. Della cất tiếng hỏi: "Bà mua tóc tôi không?"

"Tôi chuyên mua tóc mà", bà ta đáp và bảo: "Hãy bỏ nón ra cho tôi xem tóc của cô đi".

Suối tóc nâu đẹp tuyệt vời buông xuống.

Hai mươi đồng" bà ta định giá, bàn tay nâng niu mái tóc óng ả.

"Hãy cắt nhanh đi! và đưa tiền cho tôi" Della nói.

Hai giờ tiếp theo trôi qua nhanh chóng. Cô tìm mua quà cho Jim trong các cửa hiệu trong niềm vui khôn tả. Cuối cùng cô cũng chọn được một thứ. Đó là một sợi dây đồng hồ bằng vàng. Jim rất quý chiếc đồng hồ của mình nhưng rất tiếc là nó không có dây. Khi Della

trông thấy sợi dây này cô biết rằng nó phải là của anh và cô phải mua nó.

Cô trả hai mươi mốt đồng để mua và vội vã trở về nhà với tám mươi bảy xu còn lại.

Đến nhà, Della ngắm mái tóc cực ngắn của mình trong gương và nghĩ thầm: "Mình có thể làm gì với nó đây?". Nửa giờ tiếp theo cô nhanh chóng chuẩn bị mọi thứ. Xong Della lại ngắm nghía mình trong gương lần nữa. Tóc của cô bây giờ toàn những sợi quăn quăn khắp đầu. "Chúa ơi, mình trông như một con bé nữ sinh ấy!". Cô tự nhủ: "Jim sẽ nói gì khi thấy mình như thế này?".

Bảy giờ tối, bữa ăn được chuẩn bị gần xong. Della hồi hộp chờ đợi, hy vọng rằng mình vẫn còn xinh đẹp trong mắt Jim.

Thế rồi cửa mở, Jim bước vào. Anh ấy trông rất gầy và cần có một cái áo khoác mới. Jim nhìn chằm chằm vào Della. Cô không thể hiểu được anh đang nghĩ gì, cô sợ. Anh ta không giận dữ, cũng chẳng ngạc nhiên. Anh đứng đó, nhìn cô với ánh mắt kỳ lạ. Della chạy đến bên Jim òa khóc: Đừng nhìn em như thế, anh yêu. Em bán tóc chỉ để mua cho anh một món quà. Tóc sẽ dài ra mà. Em phải bán nó thôi, Jim à. Hãy nói "Giáng sinh vui vẻ", em có một món quà rất hay cho anh này!".

"Em đã cắt mất tóc rồi à?. Jim hỏi.

"Đúng thế, em đã cắt và bán rồi, vì vậy mà anh không còn yêu em nữa? em vẫn là em mà!", Della nói.

Jim nhìn quanh rồi hỏi lại như một kẻ ngớ ngẩn: "Em nói là em đã bán tóc à?"

"Đúng, em đã nói vậy, vì em yêu anh! Chúng ta có thể ăn tối được chưa, Jim?"

Chợt Jim vòng tay ôm lấy Della và rút từ túi áo ra một vật gì đấy đặt lên bàn. Anh nói: "Anh yêu em, Della, dù cho tóc em ngắn hay dài. Hãy mở cái này ra em, sẽ hiểu tại sao khi này anh sẽ sờ đến vậy". Della xé bỏ lớp giấy bọc ngoài và kêu lên sung sướng, liền sau đó những giọt nước mắt hạnh phúc rơi xuống. Trong đó là một bộ kẹp tóc, những chiếc kẹp dành cho mái tóc óng ả của Della. Cô đã mơ ước có được nó khi trông thấy lần đầu tiên qua cửa kính một gian hàng. Những cái kẹp rất đẹp và rất đắt tiền. Bây giờ chúng đã thuộc về cô nhưng tóc cô thì không còn đủ dài để kẹp nữa!

Della nâng niu món quà, mắt tràn đầy hạnh phúc. "Tóc em sẽ chóng dài ra thôi Jim", nói xong cô chợt nhớ đến dây đồng hồ vàng định tặng cho Jim và chạy đi lấy.

Đẹp không anh? Em đã tìm kiếm khắp nơi đấy, giờ thì anh sẽ phải thích thú nhìn ngắm nó hàng trăm lần mỗi ngày thôi. Nhanh lên, đưa nó cho em, Jim, hãy nhìn nó với sợi dây mới này".

Nhưng Jim không làm theo lời Della. Anh ngồi xuống vòng tay ra sau đầu mỉm cười nói: "Della, hãy cất những món quà này đi. Chúng thật đáng yêu. Em biết không, anh đã bán chiếc đồng hồ để mua kẹp cho em. Giờ thì chúng ta có thể bắt đầu bữa tối được rồi em yêu

O. Henry

Sau 20 năm

Viên cảnh sát đi dọc theo đường phố, trông anh ta có vẻ gì nghiêm trọng. Đây là con đường mà ông ta đã đi tuần tra mỗi ngày. Không có gì để cho ông ta phải chú ý đến cả. Bây giờ đã 10 giờ đêm, trời khá lạnh. Vào giờ này đường phố chỉ còn lác đác một ít người đi đường vội vã về nhà. Trời mưa lất phất và gió quất vào mặt lạnh buốt.

Viên cảnh sát dừng lại nhìn vào từng cánh cửa, xem chừng các cửa hiệu đã bắt đầu dọn dẹp và đóng cửa. Thình thoảng ông ta dừng bước và nhìn trước ngó sau dọc theo con đường. Viên cảnh sát khu vực này đúng là một mẫu thanh niên đẹp trai, mạnh khỏe và rất tích cực trong công việc giữ gìn an ninh trật tự cho khu phố.

Dân chúng trong khu phố này cũng chấp hành luật lệ nghiêm chỉnh. Họ trở về nhà sớm vào ban đêm. Người ta có thể thấy rõ ánh đèn sáng trong mỗi cửa hiệu hoặc nhà hàng nhưng ngay cả những khu thương mại, kinh doanh người ta cũng đóng cửa rất đúng giờ.

Bỗng nhiên, viên cảnh sát đột ngột đứng lại. Bên một cánh cửa hiệu chìm trong bóng tối, một gã đàn ông đang đứng im lặng. Khi viên cảnh sát bước tới gần, gã lên tiếng:

- Chào thầy đội ! Xin lỗi thầy nhé ! Tôi đang đợi một người bạn. Hai

mười năm về trước chúng tôi đã hẹn với nhau là sẽ gặp nhau ở đây đêm nay. Có lẽ thầy đội ngạc nhiên lắm phải không ? Tôi xin giải thích để thầy rõ nếu thầy muốn. Khoảng chừng 20 năm về trước, nơi đây là một cửa hàng ăn. Phải rồi, tên gọi là "Nhà hàng Joe Brady mập" bởi vì lão chủ cửa hàng này rất to béo, mập mạp...

Viên cảnh sát ngắt lời:

- Nhà hàng đó vẫn còn ở đây 5 năm về trước.

Nói xong, ông ta đứng sát vào gã đàn ông và nhìn kỹ vào mặt gã. Bên cánh cửa đầy bóng tối, ông ta cũng thấy rõ gã có khuôn mặt vuông và đôi mắt rất sáng. Một vết sẹo trắng bên mắt phải. Ở chiếc cà vạt có đính một hạt kim cương khá lớn.

- Hai mươi năm về trước, một đêm nọ... gã đàn ông nói. Tôi đã ăn cơm tối nơi đây với bạn tôi: Jimmy Wells. Hắn là một thằng bạn rất tốt của tôi, có thể nói là một người bạn rất tốt trên cuộc đời này. Tôi và hắn đã lớn lên ở đây, thành phố New York thân yêu và chúng tôi đã xem nhau như hai anh em. Hồi đó tôi mười tám và Jimmy, hai mươi. Sau bữa ăn tối đó, tôi đi về miền Tây. Tôi đã tìm được việc làm tốt và thành công lớn. Còn Jimmy, không có ai có thể bắt buộc hắn rời khỏi New York bởi vì hắn cho rằng New York là nơi lý tưởng nhất để sinh sống. Chúng tôi đồng ý và tin tưởng rằng: chúng tôi sẽ gặp lại nhau 20 năm sau tại đây. Chúng tôi nghĩ rằng: Sau 20 năm chúng tôi sẽ biết được thân thế, sự nghiệp của chúng tôi và tương lai chờ đón chúng tôi như thế nào !

Viên cảnh sát nói:

- Câu chuyện thật thú vị ! Một thời gian thật là dài để gặp lại nhau. Trong thời gian đó, anh có biết tin tức gì về ông bạn của anh không ? Khi anh đang làm ăn ở miền Tây ?

- Vâng, có ạ ! Lúc đầu chúng tôi cũng biên thư cho nhau. Nhưng sau một vài năm, chúng tôi ngưng liên lạc. Ôi, miền Tây thật rộng lớn. Tôi đã đi khắp nơi và đi thật nhanh. Nhưng luôn luôn, tôi cũng nghĩ rằng tôi sẽ gặp lại bạn tôi: Jimmy - Hấn là một con người nghiêm túc, đúng đắn nhất thế giới. Hấn sẽ không bao giờ quên đêm hẹn hò này của 20 năm về trước. Tôi đã đi suốt hàng ngàn cây số để về đây đúng hẹn đêm nay và tôi sẽ rất sung sướng nếu hấn cũng đến đúng hẹn như tôi.

Gã lôi từ túi áo ra một chiếc đồng hồ khá đẹp, mặt đính những hạt kim cương lóng lánh.

- 10 giờ kém 3 phút ! Đúng 10 giờ đêm 20 năm về trước, chúng tôi đã nói lời "Tạm biệt" tại nơi đây.

Viên cảnh sát đột ngột hỏi:

- Trong thời gian ở miền Tây, anh thành công lắm phải không ?

- Vâng, đúng vậy ! Tôi hy vọng rằng thằng bạn Jimmy của tôi chỉ thành công một nửa của tôi là được. Hấn chậm chạp hơn tôi. Tôi đã phải phấn đấu dữ dội lắm mới thành công. Tại New York, con người không thể thay đổi cuộc sống được dễ dàng. Ở miền Tây, người ta biết phải làm gì để kiếm được nhiều lợi nhuận.

Viên cảnh sát bước đi vài bước và nói:

- Tôi phải đi đây... Tôi mong rằng anh bạn sẽ gặp lại ông bạn cũ. à ! Nhưng nếu ông bạn của anh không đến đúng hẹn đêm nay, anh có ròi đây không ?

- Không, tôi sẽ chờ ít nhất là nửa tiếng đồng hồ. Nếu Jimmy còn sống, tôi tin rằng hấn sẽ đến đây đúng giờ. Thôi, chào thầy đội !

- Chào anh bạn !

Viên cảnh sát bước đi, vừa đi vừa nhìn vào những dãy phố đang

đóng cửa im lìm.

Mưa gió lạnh buốt càng nặng nề hơn. Một vài bóng người vội vã bước nhanh trên đường phố, cố tìm những lối đi ít mưa tạt, gió lùa. Gã đàn ông vẫn đứng ở chỗ cánh cửa mờ tối để chờ đợi người bạn cũ. Gã có vẻ sốt ruột, đôi mắt nhìn suốt các con đường và kiên nhẫn chờ. Đã quá 20 phút... Bỗng một bóng người cao lớn khoác áo choàng dài băng nhanh qua đường hướng thẳng về phía gã đàn ông đang chờ đợi và lên tiếng hỏi:

- Có phải anh Bob đấy không ?

Gã đàn ông reo lên:

- Có phải anh đấy không ? Jimmy Wells ?

Người cao lớn mới đến vội nắm lấy hai bàn tay Bob, tức gã đàn ông đang chờ đợi và nói:

- Đúng rồi, Bob đây rồi ! Tôi tin rằng tôi sẽ tìm thấy anh ở đây nếu anh còn sống. 20 năm thật là thời gian dài. Nhà hàng ăn ngày xưa đã không còn nữa Bob nhỉ ! Nếu còn, chúng ta sẽ ăn với nhau một bữa cơm tối đêm nay. Thế nào ? Miền Tây đã đem lại cho bạn nhiều chuyện tốt đẹp chứ ?

- Ừ ! Miền Tây đã cho tôi đủ thứ mà tôi muốn. Ồ ! Jimmy ! Anh thay đổi quá nhiều. Tôi không ngờ anh lại cao lớn hơn hẳn ngày xưa như thế ?

- Vâng, tôi có phát triển thêm chút ít sau khi tôi được 20 tuổi.

- Ở New York, anh làm ăn có khá không, Jimmy ?

- Cũng tạm tạm thôi ! Tôi làm việc cho Thành phố này. Nào, đi Bob ! Chúng ta sẽ tìm một chỗ để nói chuyện về những năm tháng đã qua...

Hai người sánh vai nhau bước đi. Gã đàn ông từ miền Tây trở về bắt

đầu kể chuyện về cuộc đời gã. Người cao lớn kia, lắng nghe đầy vẻ quan tâm, cổ áo choàng của anh ta kéo lên che kín tai.

Đến một góc đường có ánh đèn sáng chiếu ra từ một cửa hiệu, cả hai người đều quay nhìn kỹ vào mặt nhau. Gã đàn ông tên Bob đột nhiên dừng bước và kéo cánh ta ra khỏi vòng tay của người cao lớn kia. Gã la lên:

- Anh không phải Jimmy Wells ! 20 năm thật dài nhưng không thể thay đổi hẳn một gương mặt, một cái mũi của bạn tôi ngày xưa.

Người cao lớn mỉm cười bí hiểm và nói:

- Phải rồi, nhưng đôi khi thời gian có thể thay đổi một người tốt thành người xấu. Anh Bob ạ ! Anh đã bị tôi bắt giữ 10 phút rồi đó ! Cảnh sát ở Chicago đã biết là anh đến New York đêm nay. Họ yêu cầu chúng tôi theo dõi anh. Anh hãy theo tôi, ngoan ngoãn là tốt ! Nhưng trước hết, tôi cho anh xem cái này. Anh có thể đến sát ánh đèn sáng cạnh cửa sổ kia để đọc cho rõ. Mảnh giấy này do một viên chức Cảnh sát tên Jimmy Wells gửi đến cho anh đây !

Tên Bob mở mảnh giấy, tay gã bỗng run lên khi đọc những dòng chữ trên đó:

"Bob ! Tôi đã đến đúng giờ hẹn tại chỗ. Tôi đã thấy rõ khuôn mặt mà cảnh sát Chicago muốn bắt giữ. Tôi không muốn đích thân bắt anh. Vì vậy tôi gửi đến một cảnh sát viên khác gặp anh để làm nhiệm vụ. Chào Bob !

Jimmy Wells".

O. Henry

Sự ra mắt ngắn ngủi của Tindý

Nếu bạn không biết “Quán ăn bình dân và Nhà hàng gia đình” của Bôglơ thì đó là một thiệt thòi của bạn. Bởi vì nếu bạn nằm trong số người may mắn xưa nay vẫn ăn uống sang trọng thì hẳn bạn sẽ thích thú được biết nửa kia của nhân loại tiêu thực phẩm ra sao. Còn nếu bạn thuộc về cái nửa mà hoá đơn thanh toán do người hầu bàn đem tới là cả một biến cố, thì ắt bạn phải biết quán Bôglơ, vì ở đây bạn nhận được cái xứng với túi tiền của bạn, ít ra là về mặt số lượng. Quán Bôglơ nằm ngay trên trục chính của khu vực tư sản, tại phố Brao Giôn và Rôbinxơn cùng Đại lộ số Tám. Trong quán có hai dãy bàn, mỗi dãy sáu chiếc. Trên mỗi cái bàn có một cái giá xếp những lọ đựng đủ món gia vị. Từ cái lọ đựng tiêu bạn có thể lắc ra được một đám mây không mùi vị và u u sầu sầu như bụi núi lửa. Bạn đừng trông đợi tí gì ở cái lọ đựng muối cả. Dù có là một con người có khả năng ép được dòng nước mật lò dò từ loại củ cải đồ nhạt thối, ý chí của bạn cũng bị thui chột một khi bạn có dịp moi muối từ những cái lọ của quán Bôglơ. Ngoài ra, trên mỗi bàn có một bầu chứa món nước chấm giả danh tuyệt mỹ làm “theo công thức pha chế của một

bạc quý nhân Ấn Độ”.

Ngồi ở quầy thu tiền là tay Bôglơ lạnh lùng, hăm tãi, chậm chạp, tàn tệ, chuyên quơ tiền của bạn. Đằng sau đồng tấm xỉa răng, ông ta trả lại tiền thừa cho bạn, thu hoá đơn của bạn lại và phun vào mặt bạn, như cóc phun, một câu về thời tiết. Tốt hơn hết là bạn đừng vượt quá khuôn khổ một sự đồng tình với thông báo khí tượng của ông ta. Vì không phải là chỗ bạn bè của Bôglơ, mà chỉ là khách ăn một chốc lát của ông ta, bạn và ông ta có thể không gặp lại nhau cho đến khi nào có tiếng tù và gọi đi ăn của thiên sứ Gabriel. Cho nên hãy cầm lấy số tiền ông ta trả lại và xéo đi... đằng quỹ nào thì xéo cho rảnh. Đây là cái triết lí của Bôglơ.

Những nhu cầu của khách ăn quán Bôglơ được đáp ứng bởi hai cô hầu bàn và một giọng nói. Một cô hầu bàn tên là Aylin. Cô ta người cao, đẹp, hoạt bát, duyên dáng và đã thạo lối đùa cợt. Còn họ của cô? Ở quán Bôglơ này cần quái gì đến tên họ, cũng như cần quái gì đến bát nước rửa tay sau khi ăn cơ chứ.

Tên của cô hầu bàn kia là Tindý. Việc gì cứ phải nhất thiết gọi là Matinđa (1) nhỉ? Xin hãy nghe lần này cho rõ nào: Tindý, Tindý. Tindý người lùn bè bè, mặt xấu và quá lo lắng đến việc làm vừa lòng mọi người, đến việc làm vừa lòng mọi người. Bạn hãy nhắc lại câu nói cuối một vài lần, để hiểu cái ý nghĩa của sự lặp lại.

Giọng nói của quán Bôglơ là vô hình. Nó phát ra từ bếp và chẳng tỏ ra độc đáo hay đặc sắc gì cả. Nó là một giọng nói vô học, bằng lòng với việc đơn thuần lặp lại những tiếng hô món ăn do các cô hầu bàn xướng lên.

Nhắc lại một lần nữa rằng Aylin đẹp có làm bạn phát chán không? Giá cô ấy được khoác bộ quần áo vài trăm đôla và gia nhập đoàn

diễn hành lễ Phục sinh, và giá bạn được trông thấy cô ấy, nhất định bạn sẽ vội vã thốt ra những lời kia.

Khách ăn quán Bôglor là nô lệ của cô. Cô có thể phục vụ được sáu bàn liền một lúc. Những người đang vội thì nén sự sốt ruột của mình để sung sướng ngắm nhìn dáng đi lanh lẹ và thân hình kiều diễm của cô. Những người đã ăn xong còn ăn nữa để có thể tiếp tục ở trong vòng hào quang những nụ cười của cô. Mọi người đàn ông đến đó - mà khách cũng chủ yếu là đàn ông - đều cố gây ấn tượng với cô.

Aylin biết trao qua đổi lại rất thành công những câu đùa dí dỏm với một tá người ăn một lúc. Và mỗi một nụ cười của cô, như những tràng đạn ghém, găm vào biết bao nhiêu là trái tim. Đồng thời trong lúc ấy cô vẫn thực hiện những chiến công xuất sắc là đem các món thịt lợn xào đậu, những món hầm, trứng tráng, xúc xích với nước chấm từ lúa mì và đủ mọi thứ khác trong lập là, trong chảo, ở thể dựng đứng và thể nằm ngang. Bằng tất cả những yến tiệc kiểu ấy, cộng với sự tán tỉnh và đối đáp hóm hỉnh, quán Bôglor đại loại cũng gần như biến thành một phòng khách thượng lưu, với Aylin trong vai bà Rêcamiê (2).

Nếu những khách thoáng ghé qua đã bị quyến rũ bởi Aylin diễm lệ, thì những người thường xuyên lui tới say mê cô biết chừng nào. Vô số tranh chấp đã diễn ra trong số các khách quen của quán. Tối nào Aylin cũng được hẹn hò. Ít nhất một tuần hai lần có người đưa cô đi rạp hát hoặc đi nhảy. Một đáng nam nhi béo tốt mà cô và Tindý gọi riêng với nhau là “lợn thiện” đã tặng cô chiếc nhẫn ngọc lam. Một người khác biệt hiệu là “tắm” làm việc trên chiếc xe chuyên sửa chữa của hãng máy kéo đã toan biểu cô một con chó xù hể khi nào người

anh anh ta vớ được hợp đồng chuyên chở ở Đại lộ số Chín. Còn người đàn ông vẫn ăn món sườn trơ xương với rau bina và nói rằng anh ta làm nghề mua bán cổ phần chứng khoán đã mời cô đi xem “Pacxiphan” (3) với anh ta.

- Tớ chẳng biết nơi ấy ở đâu, - Aylin tâm sự với Tindý, - nhưng mà bao giờ phải có nhẫn cưới nằm trên ngón tay đã thì tớ mới cất công may quần áo đi đường, tớ nói có phải không nào?

Thế còn Tindý thì sao?

Trong quán Bôglơ nghi ngút hơi, lao xao tiếng nói chuyện và thơm mùi bắp cải có một tấn bi kịch của cõi lòng. Tindý, với cái mũi thô, bộ tóc màu cỏ khô, da mặt có tàn hương, thân hình bở sứt cạp thì chẳng có ai nhòm ngó đến cả. Chẳng một người đàn ông nào dõi mắt theo cô mỗi khi cô đi lại trong nhà hàng, chỉ trừ đôi khi họ sáng mắt lên nhìn đồ ăn cô mang tới vì bụng đói còn cào. Chẳng ai trêu ghẹo cô để cô vui vẻ nhập vào cuộc trao đổi ồ ạt gồm toàn những lời dí dỏm. Chẳng ai lớn tiếng “cưa” cô mỗi sáng như họ vẫn thường làm với Aylin, bằng cách trách nàng, khi món trứng được bưng đến chậm, rằng đêm qua nàng đi chơi với những anh bồ tốt số nào. Không ai tặng cô chiếc nhẫn ngọc lam hoặc mời cô làm một chuyến đi đến cái nơi “Pacxiphan” xa xôi, huyền bí bao giờ.

Tindý là một cô phục vụ tốt nét nên cánh đàn ông chịu đựng được cô. những người ngồi ở bàn cô phục vụ nói năng ngắn gọn với cô bằng những trích dẫn trong thực đơn, rồi sau đó rướn giọng lên những gam ngọt ngào, thi vị để hùng hồn phát ngôn với người đẹp Aylin. Họ ngo nguẩy trên ghế để nhìn ngang nhìn ngửa, bỏ qua cái dáng lù đù của Tindý mà tìm kiếm Aylin, để vẻ đẹp của nàng có thể biến trứng và thịt muối của họ thành cao lương mỹ vị.

Tinđy bằng lòng với địa vị lao công không người tỏ tình, miễn sao Aylin nhận được sự tán dương và ái mộ. Cái mũi thô trung thành với cái mũi Hy Lạp xinh xắn. Cô là bạn của Aylin, cô sung sướng được thấy Aylin ngự trị các trái tim và kéo sự chú ý của giới đàn ông khỏi món bánh luộc đang bốc khói hay món bánh kem trứng với chanh. Nhưng ở sâu dưới những nốt tàn hương và bộ tóc màu cỏ khô, những kẻ xấu xí nhất trong chúng ta cũng đều mơ đến một hoàng tử hay một công chúa sẽ đến đón riêng ta, chứ không phải vì một ai khác.

Một buổi sáng, Aylin đi làm với một bên mắt hơi thâm tím, khiến Tinđy lo lắng đến mức tưởng như có thể chữa được bất kì bệnh mắt nào.

- Một thằng cha du côn, - Aylin giải thích, - đêm qua lúc tớ đang đi về nhà ở góc phố Hai mươi ba và Đại lộ số Sáu, thì hán ta sấn đến rồi giở giọng tán tỉnh. Tớ lạnh lùng cho hán nghỉ khỏe, đã tưởng hán lên lút rút lui, ai dè hán theo tớ đến tận phố Mười tám, rồi lại giở cái giọng ba lẳng nhăng ra. Chà! Tớ mới cho hán một cái tát vào bên mắt. Thế là hán làm tớ tím bầm chỗ mắt này đây. Nom có khiếp lắm không, hả Tin? Tớ chỉ lo anh Nicônxon trông thấy thôi. Quãng mười giờ anh ấy lại đây uống trà và ăn bánh mì rán đấy.

Tinđy vừa lắng nghe bạn vừa lặng đi vì mừng rỡ. Chẳng có người đàn ông nào theo đuổi cô bao giờ. Vào bất kì giờ nào trên cả hăm bốn tiếng cô cũng an toàn khi đi ngoài phố. Sung sướng cái nỗi gì khi có một người đàn ông bám theo và vì tình yêu mà làm tím bầm một bên mắt thế kia!

Trong số khách hàng của quán Bôglơ có một thanh niên tên là Xiđócxơ, làm ở hiệu giặt là. Anh Xiđócxơ mảnh người và có bộ tóc

màu sáng, tựa hồ như vừa mới được sấy khô queo và được phết hồ cứng. Anh ta quá nhút nhát, không dám mong đến sự để ý của Aylin, vì thế nên anh ta thường ngồi ở bàn của Tindy và đắm mình vào sự yên lặng cùng món cá luộc.

Một hôm trước khi đến đây ăn, anh Xiđócxơ đã uống bia. Lúc ấy trong tiệm chỉ có hai ba người khách. Khi anh Xiđócxơ đã đánh chén xong món cá của mình, anh liền đứng dậy, quàng tay qua eo lưng Tindy, trắng trợn hôn cô một cái rõ to rồi bước ra phố. Anh khinh miệt phẩy tay về phía hiệu giặt và rào cẳng bước đến khu vực giải trí ở dãy hiên có vòm cuốn, bỏ tiền xu vào các máy tự động để nhập cuộc vui chơi.

Trong giây lát Tindy chờ người ra. Cô sực tỉnh khi Aylin dứ dứ ngón tay vào cô một cách tinh quái và nói:

- Chết nhé, Tindy, thế mà ghê thật! Cô nàng ma mãnh ời! Chả mấy chốc rồi bà nằng nết mấy chàng của tôi. Tôi phải để mắt đến bà mới được, lệnh bà ạ.

Một tia sáng loé lên trong trí óc đang rộn ràng của Tindy. Trong khoảnh khắc, từ một kẻ ái mộ ngoan ngoãn, vô hi vọng, cô đã bước lên hàng chị em với Aylin toàn năng, dòng dõi của Eva. Giờ cô cũng đã là người thu hút đàn ông, là cái bia của thần Ái tình, là cô gái Xabin (4) phải cảnh giác khi người La Mã tiệc tùng chè chén. Đàn ông đã thấy eo lưng của cô đáng ôm và đôi môi của cô đáng hôn. Cái anh chàng Xiđócxơ dường đột si tình kia dường như đã thực hiện trên cô một tiết mục màu nhiệm của nghệ thuật giặt là lấy ngay. Gỡ bỏ vẻ ngoài xấu xí như lớp vải bao bố của Tindy, anh ta đã giặt giũ, đã hong khô, đã phết hồ và đã là nó, rồi trả lại cho cô dưới dạng vải thô mỏng tang phủ lên chính bản thân thần Vệ nữ.

Những nốt tàn hương trên má Tindy chìm vào ráng màu ửng hồng. Cả Xiécxê (5) và Pxysê (6) cùng long lanh nhìn bằng đôi mắt sáng của cô. Ngay đến chính Aylin cũng chưa từng được ôm và được hôn công khai như thế trong tiệm.

Tindy không thể giữ được điều bí mật tuyệt vời này được lâu. Lợi dụng lúc vắng khách, cô tiến lại bàn thu tiền của Bôglơ. Mắt cô sáng lấp lánh, cô cố không để cho lời nói của mình có vẻ kiêu hãnh và huênh hoang. Cô nói:

- Hôm nay một vị khách đã xúc phạm đến em. Ông ấy ôm ghì ngang lưng và hôn em.

- Thế kia à? - Bôglơ hỏi, vẻ mặt đã lột bỏ lớp vỏ giáp chuyên chú kinh doanh xưa nay. - Từ tuần tới, mỗi tuần cô sẽ được nhận thêm một đôla nữa.

Đến bữa ăn thường lệ sau đó, khi Tindy bước ra trước những khách hàng cô đã quen, cô nói với từng người một cách khiêm tốn, như thể phẩm giá của mình không cần phải phóng đại:

- Hôm nay, một vị khách đã xúc phạm đến em ở tiệm này. Ông ấy đã vòng tay quàng lấy lưng em và hôn em.

Khách ăn đón nhận tin này theo nhiều cách khác nhau: người thì tỏ ra không tin, người thì chúc mừng, người thì lại tới tập trút lên cô những lời đùa tếu từ trước đến giờ chỉ dành cho một mình Aylin. Trái tim Tindy nở ra sung sướng, vì rốt cuộc cô đã thấy những ngọn tháp của lâu đài tình ái nhô lên nơi chân trời, phía cuối của vùng bình nguyên xám xịt mà lâu nay cô vẫn lang thang.

Hai ngày liền anh Xiđơcxơ không lại. Trong thời gian ấy Tindy đã xác định bản thân một cách chắc chắn rằng mình là một cô gái đang được tán tỉnh. Cô mua các dải băng, sửa sang lại mái tóc cho giống

hết như của Aylin và thắt eo chặt lại hai in-sơ. Cô mang trong lòng một nỗi lo hồi hộp và dễ chịu rằng biết đâu anh Xiđócxơ sẽ ập vào bất thành lình và giương súng lục bắn cô. Chắc là anh yêu cô đến mất trí, mà những người tình cảm mãnh liệt thì hay ghen tuông mù quáng lắm!

Ngay cả Aylin cũng chưa bị bắn bằng súng lục bao giờ. Thế là Tindy mong rằng anh ấy sẽ không bắn cô, vì cô luôn luôn là người bạn chung thủy với Aylin, cô không muốn át thanh danh của bạn mình. Mãi bốn giờ chiều ngày thứ ba anh Xiđócxơ mới tới. Ở các bàn chẳng có khách khứa nào cả. Tít phía cuối tiệm Tindy đang xúc mù tạt vào các lọ, còn Aylin thì đang cắt những chiếc bánh làm tư. Anh Xiđócxơ đi đến chỗ họ đang đứng.

Tindy ngẩng lên nhìn thấy anh ta, cô há hốc miệng và áp chặt cái thìa xúc mù tạt vào nơi tim. Chiếc nơ màu đỏ đang ở trên mái tóc cô. Cô đeo trên cổ biểu tượng của thần Vệ nữ trên Đại lộ số Tám: chiếc dây chuyền hạt cườm xanh lơ với hình trái tim bạc lung lẳng.

Anh Xiđócxơ đỏ mặt lúng túng. Một tay anh thọc vào túi quần, tay kia thọc vào cái bánh bí ngô ngon lành.

- Cô Tindy này, - anh ta nói, - tôi muốn xin lỗi cô về việc làm của tôi tối hôm nọ. Thực tình mà nói, tôi đã uống đến mức bí tỉ, chứ không thì ai lại làm như thế. Lúc tỉnh táo, không bao giờ tôi lại có thái độ như vậy với phụ nữ. Cô Tindy ạ, tôi mong rằng cô sẽ tha lỗi cho tôi. Xin cam đoan với cô là tôi không đời nào làm như vậy nếu tôi hiểu được mình đang làm trò gì và không quá say đến như thế.

Bày tỏ một cách lịch sự sự hối hận của mình rồi, anh Xiđócxơ lui ra khỏi quán, trong lòng đinh ninh rằng lỗi lầm của mình đã được sửa chữa.

Nhưng đằng sau tấm bình phong tiện lợi, Tindý đã gục mặt xoài ra bàn, giữa những đầu mẩu phó mát và tách cà phê. Cô oà lên nức nở, sụt sùi và trở về với miền bình nguyên xám xịt, nơi những kẻ mũi thô và tóc màu cỏ khô như cô vẫn lang thang. Cô giật tung chiếc nơ màu đỏ quăng xuống sàn. Cô khinh bỉ thậm tệ Xiđócxơ, cô đã làm tưởng cái hôn của anh ta là cái hôn của chàng hoàng tử khai sơn phá thạch, bắt những chiếc đồng hồ ngủ quên phải chạy, bắt đám tiểu đồng tung tăng rộn rã trên con đường đến chốn thần tiên. Nhưng đấy chỉ là cái hôn say rượu và vô tình, vương quốc mộng mơ không bị đánh thức bởi hiệu lệnh giả: cô mãi mãi vẫn chỉ là Người Đẹp đang ngủ.

Nhưng chưa phải là đã mất tất cả. Cánh tay Aylin đang quàng lên cô, và bàn tay rục đỏ của Tindý quờ quạng giữa đám đầu mẩu phó mát cho đến khi nó tìm được nắm tay ấm áp của bạn cô.

- Thôi đừng buồn Tindý ạ, - không hiểu rõ tâm trạng của cô, Aylin cất tiếng. - Cái đồ mặt củ cải, choắt như cái kẹp quần áo Xiđócxơ ấy có đáng gì. Hắn ta không phải bậc nam nhi quân tử, nếu không thì hắn đã chẳng phải vác mặt đi xin lỗi./.

Nguyễn Việt Long dịch

Chú thích:

(1) *Tindý* là tên gọi tắt thân mật hoặc suồng sã của *Matinđa*.

(2) Bà *Récamie* (*Récamier*, Jeanne - Françoise) (1777 - 1849), người bạn chung thủy của *Satôbriăng*, nổi tiếng về vẻ kiêu diễm và phòng khách thượng lưu ở *Pari* thời đó.

(3) Tên một vở nhạc kịch của *Vecne* với nhân vật chính là *Pacxiphan*

(4) Tên một bộ tộc ở Ý bị người La Mã chinh phục vào thế kỉ 3 trước Công nguyên

(5) Xiécxê : trong thần thoại Hy Lạp là nữ phù thủy, chúa tể đảo Ea, có tài biến đàn ông thành lợn

(6) Pxysê : trinh nữ đẹp tuyệt trần trong thần thoại Hy Lạp, được cả thần Ái tình say mê và thần Vệ nữ ghen

O. Henry

Tay Súng Tay Đàn

Dịch giả: T.K.Sơn

1.

Khi chán ngấy cuộc sống buồn tẻ đơn điệu ở nông trại, tôi liền nói với bố tôi:

- Con muốn đi xa bố ạ

- Mà muốn đi đâu? - Bố tôi gắt.

- Con tính về miền Tây. Hiện nay có nhiều dòng người đổ xô về đây tìm vàng. Con hy vọng....

- Mà điên rồi à? - Bố tôi ngắt lời. - Sao mà không ở nhà mà kế nghiệp tao. Đó chỉ là một nơi hoang dã, vô luật pháp. Người ta chỉ có thể đào được mỏ vàng. Còn mà giỏi lắm chỉ được mấy hòn đá cuội. Tôi chỉ có ý cho bố tôi biết thế thôi, chứ thực ra thì tôi đã quyết cả rồi. Tuổi trẻ là tuổi bay nhảy, quanh quẩn xó nhà hoài cũng chán. Mà tôi đã hơn 20 tuổi đầu rồi, có phải là con nít đâu (!). Tôi lẳng lặng bỏ vào nhà trong lấy ra hai chiếc túi hành lý trong đựng ít quần áo, vài quyển sách và số tiền tôi dành dụm bấy lâu:

- Mà đi thật à? - Bố tôi nghiến răng.

Rồi chẳng nói chẳng rằng, ông vùng vằng đứng dậy vớ ngay chiếc

ghế đang ngồi ném mạnh vào tôi. Nhưng tôi kịp ù té chạy ra ngoài, đầu còn ngoái lại chào:

- Thừa bố, con đi!

2.

Tôi vừa ra được đường cái thì nghe vắng lại tiếng vó ngựa lóc cóc lẫn tiếng đàn Banjo tình tang. Thong thả tiến lại phía tôi, một cỗ ngựa xe ngựa tàng, chẳng mui mái gì. Chú ngựa chẳng lấy gì làm mập mạp và có vẻ chẳng mấy sung sức. Ngồi bệch trên xe là một thanh niên dong dỏng, áo quần bẩn thỉu, râu tóc bờm xờm. Bộ mặt dầu dầu, gã như đang thất tình hay chán ngán điều gì. Gã vừa đàn vừa nghêu ngao hát:

Một mình từ nơi xa tít xa
Cây đàn xinh xắn vác trên bờ vai
Về nơi đây lang thang phát phơ
Đi tìm cô bé trót yêu lâu rồi....

- Này anh bạn, làm ơn cho tôi quá giang với. Tôi nói lớn.

Gã dừng hát, ngơ ngác nhìn tôi một hồi rồi ra dấu mời tôi. Tôi tức thì nhảy tót lên xe, ngồi đối diện với gã. Lúc này nhìn kỹ hơn tôi thấy bên hông gã còn lù lù một khẩu súng cũ mèm. Cái cổ đầy ghét bẩn đeo một trái tim xinh xắn bằng gỗ màu đen nhánh. Trên quả tim khắc khuôn mặt một thiếu nữ.

- Cậu về đâu thế? - Tôi hỏi

- Tôi về miền Tây - Gã lừ khừ đáp, miệng ngáp ngáp

- Vậy hai ta đồng chí hướng - Tôi hớn hở - Tên tôi là James, James Kelly. Cậu quê quán ở đâu.

- Tôi chỉ là một tên ma cà bông không cha không mẹ, không cửa không nhà - Gã nhún vai - Tôi sống nay đây mai đó với chú ngựa kia

và chiếc giày làm bạn. Cứ gọi tôi là John.

Tôi để ý mỗi lần hắn nói, miệng gã lại tỏa ra một mùi hương không lấy gì làm dễ chịu. Có lẽ đã lâu gã chưa hề súc miệng. Thực ra, chỉ cái áo bẩn thỉu của gã cũng phát ra một mùi gần gần thế.

- John này, nếu muốn cậu có thể đọc mấy cuốn truyện của tôi giải khuây.

Tôi mở túi hành lý, lấy ra cuốn Don Quichotte của Cervantes thân mật đưa cho John

- Truyện này thế nào, cậu kể cho nghe được không. John cầm ngược cuốn sách, lật lật vài trang rồi ra vẻ ngượng nghịu. Thú thực tôi không biết đọc.

- Cậu mù chữ à? - Tôi trố mắt

- Vâng. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, tôi chưa bao giờ cắp sách đến trường. Có lần tôi ráng tự học nhưng đành chịu vì không sao nuốt nổi những nét chữ loằng ngoằng. Tôi thấy học bắn súng còn dễ hơn.

- Cậu bắn súng hẳn cừ lắm. Tôi đắm đắm nhìn khẩu súng của John.

- Tạm tạm - John cười cười.

- À này nghe cậu hát hay hết ý - Tôi vỗ vai John - Đề nghị cậu hát lại coi nào.

- Được thôi, John cầm chiếc đàn ôm vào lòng, gảy gảy mấy nốt nhạc êm tai rồi ngêu ngao cất tiếng:

Một mình từ nơi xa tít xa

Cây đàn xinh xắn vắt trên bờ vai

Về nơi đây lang thang phát phơ

Đi tìm cô bé trót yêu lâu rồi.

Khi chẳng biết còn bao xa, tôi bùi ngùi vì sắp phải chia tay với người bạn mới quen song đáng mến.

- John này, chẳng mấy chốc anh em mình sẽ phải xa nhau. Tiếc là chú ngựa quèn của cậu không thể đưa chúng ta đi được mãi. Mong còn gặp lại cậu ở miền Tây hoang dã

- Đừng lo, John cười cười, cái cười tinh ma. Thực tình có được người bạn đường học thức như cậu tôi rất thích. Hai ta sẽ bên nhau suốt quãng đường thiên lý. Tôi đã có cách.

Cách gì thì tôi chưa biết. Xe chúng tôi lê thêm quãng nữa thì từ xa phóng đến một cỗ xe trông thật bảnh chọe hai ngựa kéo. Cỗ xe sắp tới gần thì, trước sự ngạc nhiên của tôi, John bỗng nhảy xuống chặn đường, rút súng bắn chỉ thiên hai phát.

Đoành ...

Đoành ...

Mấy chú ngựa sợ hãi hí vang rồi đứng im.

- Tất cả xuống xe! - John gầm gừ.

Lời ra lệnh của John tức thì có hiệu nghiệm. Gã đánh xe mặt xám xanh, luống cuống nhảy tót xuống, hai tay giơ lên. Rồi liền đó, trong xe bước xuống một người đàn ông trạc tuổi ngũ tuần, tướng người bộ vệ cùng hai ả tiểu thư đĩnh đạc trong những bộ xiêm y lộng lẫy. Tất cả đều có bộ mặt nơm nớp trước họng súng dữ dằn như bẻ ngoài du thủ du thực của John.

- Cảm phiền quý ông quý bà đổi hộ cho anh em chúng tôi chiếc xe. John dứ dứ súng vào đầu gã đàn ông bộ vệ. Đường còn xa mà cỗ xe của chúng tôi lại dở chứng.

- Lên xe ngay James - John quay sang tôi - Mang theo cả chiếc Banjo nữa đấy.

- Lẽ nào..... John - Tôi ngập ngừng.

- Chẳng sao đâu - John cười hì hì - Bọn nhà giàu mất cái này đã có

khỏi tiền mua cái khác. Chỉ tội nghiệp cho bọn nghèo chúng mình. Tôi không còn cách nào khác hơn là nghe theo lời John. Thực ra trong thâm tâm tôi luôn đồng ý những chuyện như thế này. Thế rồi, bỏ mặc chiếc xe cà rịch cà tàng và bọn người kia lại bên đường, chúng tôi phóng ngay lên cỗ xe ác chiến vừa sắm được đông tuốt. Trên cỗ xe mới còn có chiếc rương nhỏ trong đựng ít quần áo, một số nữ trang và vài ngàn đô la. Vì thế trên đường chúng tôi tha hồ ghé lại mua sắm những thứ cần thiết cho một chuyến đi xa. John còn mua thêm đạn dược và hai khẩu súng lục loại tốt nhất.

- Phải sẵn sàng vì có thể gặp những tên vô lại... - John chột cười lên thoải mái - Cả bọn da đỏ nữa, vớ vẫn là chúng lột da đầu như chơi.

3.

Thay nhau điều khiển chiếc xe, tôi và John cùng nhau chia sẻ những vui buồn trên đường dài ngàn dặm. Với cái thẳng tôi lúc ấy, đó là cả cuộc hành trình đầy gian truân mà trước đó tôi không hề lường trước được. Quên sao được những con đường gồ ghề đầy sỏi đá làm chiếc xe cứ xóc lên xóc xuống, khiến mình mẩy tôi muốn rã rời. Quên sao được cái lúc vượt qua sa mạc mênh mông nóng như thiêu đốt, bụi tung mù trời. Họng khô tới nỗi khó nuốt được nước bọt. Mà đâu chỉ một hai tiếng đồng hồ. Phải mất ngót nửa ngày trời dằng dặc mới thoát khỏi cái sa mạc quái quỷ ấy. Và còn nhiều cái khổ khác nữa. Nhưng may thay, điều tôi lo lắng nhất đã không xảy ra, vì nếu xảy ra thì giờ này tôi chẳng còn ngồi đây để mà kể chuyện đời cho các bạn (!) Đó là lúc đi vào miền núi đồi, tiến vào đất nước thù nghịch của người da đỏ thích lột da đầu làm kỷ niệm. Suốt đêm tôi chỉ mơ thấy mình là cái xác ghê rợn với chiếc đầu đỏ hồng đầy máu không một mảnh da. Chỉ John là bình chân như vại. Có lẽ anh đã quá quen

thuộc với cảnh chết chóc cũng nên. Vâng, rất may chuyện đó đã không đến với chúng tôi. Phải chăng những truyền thuyết về tính man rợ của thổ dân da đỏ là thêu dệt quá đáng?

Nơi đầu tiên mà cỗ xe mệt mỏi của chúng tôi dừng bánh là thị trấn Bò Vàng. Đó là thị trấn tương đối sầm uất trên một vùng đất rộng lớn, bằng phẳng. Phía xa là con sông tươi mát uốn mình qua những ngọn núi cao hùng vĩ, tạo nên một cảnh thật tuyệt. Bản thân cái tên Bò Vàng cũng đã tạo cho khách xa một ấn tượng thật thoải mái. Hai bên đường chúng tôi đi qua những nhà thờ lớn nhỏ, hầu hết đều cất bằng ván. Quán xá khá nhiều. Phố phường đông kẻ qua lại trong những bộ y phục nhiều màu sắc. Nhìn chung nơi đây cũng dễ chịu, trái với ý nghĩ ngô nghê của tôi trước kia rằng miền Viễn Tây chỉ gồm bọn giang hồ, dân anh chị tứ phương. Tuy nhiên tôi vẫn cảm thấy điều gì không ổn treo lơ lửng dưới bầu trời xanh biếc của thị trấn này.

- Thôi anh em chúng ta uống gì đỡ khát rồi tìm chỗ nghỉ ngơi đi.

John cho xe đỗ lại trước một quán rượu cũng có tên là Bò Vàng.

Chắc xưa kia vùng này nhiều bò lắm - tôi nghĩ. Quán khá đông. Từ các bàn cho đến quầy hầu như kín chỗ, ồn ào lời ăn tiếng nói chen lẫn những tiếng cười ngật nghẻo về đủ mọi chuyện trên đời kể cả chuyện tìm vàng, điều tôi đang theo đuổi.

- Bọn tôi từ phương xa mới đến, không rõ dân tình ở nơi đây thế nào?

Ở quầy, nóc cạn một hơi mấy cốc bia thật tuyệt, chúng tôi vui vẻ bắt chuyện cùng ông chủ quán, một người có thân hình béo phì nặng nề.

- Thị trấn này có vẻ tươi vui đấy ông nhỉ?

- Ô` vâng, có lẽ thế - Ông ta nhún vai cười đáp - Thực ra thì nơi đâu cũng có những vui buồn của nó.

- Nghĩa là sao ông chủ? - John lại hỏi.

Anh vừa dứt lời thì ông chủ quán chợt sa sầm lại. Vẻ khiếp sợ hiện rõ trên gương mặt của ông.

Tất cả mọi thực khách trong quán cũng thế. Im bật. Sững sờ. Khiếp sợ ...

John nhìn ra bên ngoài cửa. Có chuyện gì xảy ra vậy???

4.

Anh vừa dứt lời thì ông chủ quán chợt sa sầm lại. Vẻ khiếp sợ hiện rõ trên gương mặt của ông. Tất cả mọi thực khách trong quán cũng thế. Im bật. Sững sờ. Khiếp sợ ...

John nhìn ra bên ngoài cửa. Chúng tôi cũng quay nhìn ra. Có chuyện gì xảy ra vậy???

Lù lù bước vào một gã đàn ông cao lớn, tướng mạo dữ dằn với đôi mắt cú vọ lạnh như băng, bộ râu hàm lởm chởm, áo quần bạc phếch đầy cát bụi. Vết sẹo dài trên trán và hai khẩu súng đeo hai bên hông càng làm tăng thêm sự dữ dằn của hắn. Hắn xăm xăm bước thẳng đến quầy. Lúc này, tất cả khách khứa, trừ chúng tôi, thấy đều tự động bỏ ra ngoài, vẻ sợ hãi ra mặt.

- Dạ thưa ngài dùng chi? - Ông chủ quán khúm núm thưa với người khách mới.

- À hai thằng ranh kia, sao còn dám đứng đây - Hắn chìa đôi mắt cú vọ vào chúng tôi - Muốn trêu gan tao hả?

Nói chưa dứt câu, hắn lấy cánh tay vạm vỡ phang mạnh vào người khiến tôi té nhào ra sau, đầu va mạnh vào thành bàn đau tê tái.

- Quân khốn kia, sao mày dám dở trò ngang ngược - John bất bình, mặt anh đỏ gay.

- Cả mày nữa - Hắn cười gằn với John - Mày cũng lo cút khỏi nơi đây

ngay. Tao đến đâu thì tất cả ở đó phải cút hết.

- Chính mày mới phải cút khỏi đây - John nhổ toẹt nước bọt vào mặt hắn.

- Ái chà thằng khốn nạn, mày dám hả? - Lấy vai áo chùi chùi mặt, hắn gầm gừ - Tao truyền cho mày phải luồn dưới háng tao ngay, bằng không thì mày sẽ phải đấu súng với tao.

- Đấu thì đấu, ta sợ gì - John vỗ mạnh vào khẩu súng bên hông anh, vẻ đầy tự tin.

- Thôi đừng, John ơi - Tôi vội vàng kéo vai John - Can cậu. Cậu nên nghĩ lại thì hơn. Cậu có mệnh hệ gì thì...

- Mặc tôi James - John vẫn tỉnh bơ - Tôi chơi súng không tồi đâu.

- Cậu cho tôi xin - Cả ông chủ quán cũng chen vào - Cậu còn trẻ người non dạ, lại từ xa mới đến nên chưa biết uy danh ngài Ben đây. Nhưng mặc ai can ngăn, John vẫn bước theo tên Ben ra ngoài. Tôi có cảm giác đau khổ là trong chốc lát nữa thôi mình sẽ mất đi vĩnh viễn người bạn quý đã chia sẻ cùng tôi trên bao dặm trường.

- Tao sẽ quăng đồng xu lên - Tên Ben khinh khỉnh bảo John - Đồng xu vừa chạm đất thì rút súng.

- Thằng nhãi này điên rồi - Mọi người tụ tập bên ngoài nhìn John xì xầm - Đấu súng với Ben Thọ là rước lấy cái chết. Chắc nó mới từ trên trời rơi xuống nên không biết tài bắn nhanh như chớp của Ben Thọ.

Trước sự lo lắng tột cùng của tôi, John quả quyết bước ra đường, đổi mặt cách Ben Thọ chừng chục bước. Hắn ta lạnh lùng cho tay vào túi áo móc ra một đồng xu. Giây phút này người tôi ướm đầm mồ hôi, tim tôi cơ hồ muốn vỡ tung. Một màu không khí bao trùm lên mọi vật. Nhếch mép cười, Ben Thọ quăng đồng xu lên. Đồng xu vừa rơi

xuống chạm đất thì hầu như cùng lúc ấy một tiếng súng chát chúa vang lên.

Đoàng.....

Cả không gian im lặng. Tim tôi tưởng đã vỡ trăm ngàn mảnh. Cả John và Ben Thọ đều ở trong tư thế chĩa súng vào nhau.

Từ họng súng của John bay ra một làn khói, nhưng súng của đối thủ thì không ...

Thế rồi một tích tắc sau, thân hình to lớn của Ben Thọ đổ vật xuống. Chuyện ai không ngờ. Từ giữa ngực tên hung bạo, máu phun ra có vòi. Hắn giãy giụa vài cái rồi im hẳn, đầu ngẹo sang một bên. Mắt hắn còn mở trừng trừng như kinh ngạc về điều vừa xảy đến.

Hắn đã chết !

- Trời John ... - Tôi xúc động chạy tới ôm chầm lấy John - Tôi không ngờ ...

- Thì tôi đã bảo cậu là tôi chơi súng không tòi đầu mà - John cười, hồn nhiên như chưa có chuyện gì xảy ra.

- Tôi cứ tưởng cậu sẽ mất mãi mãi. Theo cậu gần tháng nay vậy mà giờ tôi mới biết tài năng trác tuyệt của cậu.

- Tài như cậu ít ai bì kịp - Mọi người cũng hồ hởi xúm quanh John.

- Cậu có biết là cậu vừa hạ được Ben Thọ, tay súng cự phách của miền Tây không? Hắn đã cướp đi mạng sống bao người. Tài hắn chỉ kém Bill Scott. Tên này và đồng bọn vẫn là mối đe dọa của chúng tôi.

- Thế không có ai coi việc an ninh ở đây sao? - John hỏi

- Có, có chứ - Một người trông có vẻ vai vế vùng này đáp - Nhưng có cũng như không vì ai cũng khiếp sợ chúng. Chính người cầm đầu an ninh trước đây đã bị Ben Thọ cho sang thế giới bên kia với hàng chục phát đạn vào người.

- Đề nghị cậu giúp chúng tôi thành lập một nhóm dân quân biết sử dụng súng thành thạo - Ông ta khẩn khoản - Chúng tôi xin hứa sẽ chịu mọi phí tổn và tiếp đãi cậu như thượng khách.

Thực ra tôi và John chỉ muốn nghỉ ở đây rồi sau sẽ đi xa hơn để tìm vàng. Song, trước tình cảnh của thị trấn này cùng sự khẩn nài hết lời của dân chúng, John đã không thể từ chối.

Thế là từ đấy chúng tôi trở thành công dân của thị trấn Bò Vàng, nơi con người lãng tử của John sẽ gắn bó suốt quãng đời còn lại của anh.

5.

Việc hạ được Ben Theo khiến John từ một người khách vô danh trở nên tiếng tăm khắp vùng. Mọi người khâm phục nhắc đến tên anh. Đến đâu anh cũng được chào đón nồng hậu. Phải nhận rằng nếu John cứ để đầu tóc bờm xờm, mình mẩy hơi hám thì khó mà hấp dẫn được ai. Song từ khi về đây, cách sống của anh đã thay đổi nhiều. Nhờ siêng năng tắm rửa luôn, tóc tai chải chuốt, ăn vận đàng hoàng, trông anh bảnh trai ra phết. Thành thử chẳng bao lâu, thêm với tài đàn hay bắn giỏi đã khiến cho cõi lòng của lắm tiểu thư phải rung động. Nhiều cô tới thăm hỏi anh luôn.

Vậy mà lạ chưa, trước ánh mắt mời mọc đầy tình tứ của các kiều nữ, John vẫn hoàn toàn dửng dưng. Chẳng lẽ anh chàng này lại kén cọ đến thế ư? Song là bạn thân, được ở bên John luôn nên tôi cũng hiểu ra. Nhiều lần tôi thấy anh ngồi một mình, tay nâng niu quả tim gỗ luôn đeo ở ngực không bao giờ rời, mắt đắm đắm nhìn người thiếu nữ khắc trên đó, vẻ mặt u buồn, đôi khi khéo mắt rưng rưng. Thì ra trong anh có một tâm sự buồn.

" Ngày trước tôi có yêu Susan, một thiếu nữ xinh đẹp thùy mị - một

ngày kia John thổ lộ với tôi - nhiều chàng trai sang trọng ngỏ lời muốn lấy nàng làm vợ nhưng Susan vẫn một lòng tha thiết yêu tôi, một tên đói rách không cha không mẹ, một chữ bẽ làm đôi không biết. Mỗi tình chúng tôi đang say đắm thì Susan đột ngột qua đời ... Nàng yên nghỉ trong một nghĩa trang nhỏ gần dòng sông Missouri êm ả. Từ đó trở đi tôi sống một cuộc đời lang thang và thề không bao giờ còn yêu ai nữa ..."

Sau nhiều tháng trời được sự huấn luyện tận tình của John, thị trấn Bò Vàng có được một đội dân quân khá tinh nhuệ gần ba mươi người. Thấy đều là những thanh niên tình nguyện, trong đó có tôi. Sự có mặt của dân quân làm cướp cạn vùng này giảm đi rõ rệt.

Riêng với John, thấy bóng anh là tên vô lại nào sắp giở trò cũng phải nhanh chân chuồn mất. Cái chết của Ben Thợ ngày nào vẫn còn là nỗi ám ảnh của bọn chúng. Nhưng có điều John chưa hài lòng là vẫn chạm trán với Bill Scott.

Qua lời kể, được biết băng đảng của chúng gồm sáu tên, đặc điểm: một tên chột mắt, một tên da đỏ, một tên cao lêu nghêu gần hai thước. Mấy tên kia không có gì lạ. Đặc biệt Bill Scott có gương mặt thật đẹp trai, trí thức đến nỗi không ai biết trước không thể ngờ đây là một tên cướp giết người không gớm tay. Bọn chúng đều là những tay súng thiện nghệ mà trộm hơn cả chính là Bill Scott. Có người bảo hắn thừa sức bắn trúng con ruồi bay cách xa trăm thước. Hắn về khiếp sợ hắn nên thuê dật thế thôi, nhưng có thể ghi nhận tài cầm súng của Bill Scott chắc phải ngang ngửa với John chứ chẳng chơi (!).

Chúng cướp bóc hết vùng này sang vùng khác, mỗi nơi lâu lâu ghé một lần. Bọn chúng đã thăm viếng nhà nào thì nhà nấy phải mau

mau lo nộp đủ yêu cầu của chúng, trái lời thì chỉ có nước hồn lìa khỏi xác. Nói chung, đây là một băng cướp lợi hại, không phải loạt cướp vặt tầm thường.

Cuối cùng John cũng được toại nguyện. Một sáng kia, đúng một năm sau cái chết của Ben Thọ, có mấy người dân quân và cả ông chủ quán Bò Vàng hối hả chạy đến tìm John hiện băng cướp của Bill Scott đang hiện diện đầy đủ tại quán này và đang cưỡng hiếp Nancy, con gái ông. Oái ăm thay, chính lúc ấy John vừa lên cơn sốt xong. Nước da xanh xao, trông anh sút đi thấy rõ. Vậy mà John vẫn tỏ ra vô cùng hăm hở khi nghe tin ấy. Đang trên giường bệnh, anh ngồi bật dậy ngay. Dù số quân đông hơn hẳn song chúng tôi không dám khinh địch vì đối phương nổi tiếng là những tay súng có hạng. Bởi thế, để tránh thiệt mạng tối đa cho anh em, kế hoạch John đề ra là phải đánh bất ngờ, đánh úp chúng.

Cái khó cho chúng tôi là trong tay bọn cướp còn có Nancy. Chúng có thể dùng nàng làm vật chắn khiến chúng tôi không dám bắn. Tóm lại, một trận đánh ác liệt sắp diễn ra. Trong trận đánh này nhiều người trong chúng tôi phải hy sinh. Đối với nhân dân thị trấn Bò Vàng này, ngày đó đã đi vào lịch sử và sống mãi trong ký ức. Tôi xin kể lại toàn bộ diễn biến trận đánh ấy ...

" Sau khi nhanh chóng bố trí nhiều tay súng mai phục trên các ngã đường, quyết không cho tên cướp nào chạy thoát, John cùng tôi và tám người khác kéo ngay đến ngôi nhà lớn bên kia đường đối diện với quán Bò Vàng, chờ bọn cướp ló ra là giáng đòn phủ đầu. Chúng tôi chưa kịp ổn định vị trí thì từ trong quán, cả sáu tên của băng cướp lục đục kéo ra. Đây là lần đầu tiên tôi và John thấy tận mắt những tên cướp khét tiếng kia. Thành phần của chúng đúng như lời kể. Tên da

đỏ có bộ mặt thật đáng sợ. Chiếc mũi khoằm to xù của hắn dễ làm liên tưởng đến những con kên kên chuyên rửa xác chết. Bản thân hắn cũng lột da đầu nhiều người cũng nên. Tên chột lại càng chẳng đẹp để gì. Chiếc băng đen bịt kín chiếc mắt hư cùng chiếc môi sứt và những vết sẹo chằng chịt trên mặt hắn làm hắn thật ghê tởm. Kẻ nào yếu bóng vía chẳng tài nào dám nhìn, sợ đêm về mơ. Đó là hai tên có bề ngoài thật khó ưa nhất. Những tên kia tương đối đỡ hơn. Song nói chung đều giống nhau ở điểm là toát ra vẻ sát khí lạnh lùng, ngoại trừ Bill Scott. Trời, người như thế lại là tướng cướp ư? Với vóc người đầy đặn, cân đối mà lại thêm gương mặt vô cùng trí thức, đẹp trai, phải nói hắn thừa sức chinh phục trái tim nhiều phụ nữ. Hắn lại xuất thân từ gia đình danh giá hẳn hoi. Vậy mà.....

Chúng tôi ai nấy đều chuẩn bị vào trận. Nhưng quái ác thay, điều chúng tôi lo ngại đã đến. Kề cạnh Bill Scott chính là cô Nancy xinh đẹp trong bộ quần áo rách tả tơi. Bị tên cướp ôm chặt, nàng khóc sướt mướt. Thì ra cưỡng hiếp nàng xong, chúng vẫn chưa muốn buông tha. Ôi giá không vướng Nancy thì chúng tôi đã khắc vào bọn côn đồ những loạt đạn căm thù ngay tức khắc. Tình thế thật khó xử ...

- Các bạn cứ để tôi. Nhìn bọn cướp chuẩn bị lên ngựa đi - John ra hiệu cho chúng tôi đừng bắn gì.

Thế rồi chĩa ngay súng về phía quân thổ phỉ, John lấy cò.

Đoàng...

Đoàng ...

Hai tiếng súng vang lên ...

Vừa đặt lên mình ngựa, tên cao kều và gã độc nhãn rơi ngay xuống ngựa. Hai phát đạn cực kỳ chính xác của John đã loại khỏi vòng

chiến đấu hai tên vô lại. Riêng tên chột bị đạn xuyên qua con mắt lành thành thủng hẳn phải về châu trời với đôi mắt mù hoàn toàn! Bị bắn bất ngờ, mấy tên kia lập tức rút súng bắn xối xả về hướng xuất phát những viên đạn sát hại đồng bọn chúng, khiến chúng tôi vội vàng náu mình. Người qua đường nhón nháo. Một cụ già bị đạn lạc chết ngay. Thừa lúc ấy, bọn cướp phóng ngựa bỏ chạy. Hai tên chạy một đầu, tên da đỏ chạy đầu khác. Riêng Bill Scott siết chặt Nancy lôi vào quán.

Phải công nhận bọn cướp chiến đấu rất ngoan cường. Trên đường đào tẩu chúng đã bị anh em dân quân phục sẵn hai bên đường truy kích liên tiếp. Với hai tên chạy một hướng, những phát đạn đầu của anh em đều trật trong khi đó chúng vẫn bình tĩnh bắn trả, giết chết bốn dân quân. Song ngày tàn của chúng cũng đã đến. Khi chúng cố gắng chạy thoát ra vùng đồi núi thì bắt đầu xơi đạn. Một tên bị lung sọ bởi viên đạn của Mark Doighs, tay súng khá nhất trong đám dân quân. Tên kia dù không xơi đạn vào đầu nhưng cũng lãnh gần chục phát vào mình. Hắn lì lợm ôm ngựa chạy miết rồi mới chịu gục chết bên bờ sông.

Tên da đỏ thì sao ?

Thực tôi chưa thấy ai ghê ghớm như hắn. Thân hình đầm máu vì hàng loạt đạn hắn vẫn cố bắn trả, hạ sát ba dân quân. Sau đó hắn còn nhận thêm nhiều phát đạn nữa, đưa tổng số đạn đi vào người hắn hơn hai mươi viên!

Thân thể tên da đỏ chỉ còn là một đồng thịt rách nát. Thế mà hắn còn gắng chạy thêm quãng nữa rồi mới chịu buông mình xuống ngựa. Các dân quân tưởng hắn đã chết, tiến lại gần thì hắn dốc hết tàn lực bóp cò, giết thêm một mạng người nữa xong mới chịu chết hẳn. Như

vậy, để hạ được ba tên bỏ chạy, chúng tôi đã thiệt hại mất tám người. Nhưng đó chưa phải là tất cả. Để tiêu diệt trọn ổ bọn chúng, chúng tôi đã phải trả một giá đắt hơn nhiều ..."

Tôi xin quay sang Bill Scott.

" Sau khi kéo Nancy vào lại trong quán, hấn, một mặt lấy nàng làm vật che chắn, mặt khác xả đạn như mưa về phía chúng tôi. Còn chúng tôi lại không làm gì khác hơn là ngồi im chịu trận. Cựa cựa một chút là nát sọ như chơi. Rất may là những viên đạn của tên cướp không chạm vào ai.

- Sớm muộn Bill Scott cũng phải thua - John nói, song có thể kết cục không đơn giản.

Theo tôi, có khả năng xảy ra một trong hai điều: hoặc là Bill Scott buông súng quy hàng, hoặc là hấn sẽ buộc đối phương để hấn cùng Nancy ra đi mà không ai dám bắn theo. Điều thứ nhất khó xảy ra đối với một tên cướp sừng sỏ như hấn. Nhưng đúng như John dự tính, sự việc lại diễn ra theo hướng khác.

- Tao không ngờ vùng này dám trở mặt phản tao - Bill Scott nói lớn, giọng đầy căm giận - Tao sẵn sàng thả con bé ra với điều kiện đưa nào đã xách động bọn bay phải đấu súng với tao. Dưới vòm trời này chỉ nên có một con đại bàng.

- Được rồi - John lẩm bẩm - Năm ngoái cũng ngày này, cũng tại chốn này, Ben Thọ đã bỏ mạng thì nay đến lượt mày.

- Đừng John! - Sợ John nhận lời đấu súng, tôi vội vàng can ngăn - Đừng quên cậu vừa sốt xong. Bình thường cậu có thể chơi với hấn, song lần này chỉ cần tay cậu kém nhay đi một chút thôi.

- Đừng lo, James - John vẫn bình tĩnh như ngày nào - Đây cũng là điều hay vì nếu thoát được, hấn sẽ gây lại băng đảng khác và chúng

ta chỉ thêm mệt.

- Hay là ... - Biết không thể nào ngăn được John, tôi đề nghị - Hay là khi hai người sắp vào cuộc, chúng tôi sẽ đồng loạt xả đạn vào người hắn.

- Không được đâu - John lắc đầu - Rõ ràng Nancy trong tay hắn, hắn có thể thoát đi dễ dàng. Nhưng hắn không làm thế, nên ta cũng phải tỏ ra là kẻ biết chơi.

Và anh lên tiếng nhận lời đấu súng với Bill Scott. Như lần trước với Ben Thọ, một lần nữa cả không gian lại đắm chìm trong im lặng. Có thể nghe thấy tiếng ruồi bay. Tất cả nín thở nhìn John và Bill Scott rời vị trí lừng lững bước ra đường. Cả hai đều mang vẻ nghiêm trọng, mắt ghòม ghòม nhau. Dù hoàn toàn tin tưởng vào John tôi vẫn thấy lo. Song như bao người khác, tôi chỉ biết bất lực câm lặng, chờ đợi. Hai tay súng từ từ bước vào vị trí đối mặt, cách nhau hai mươi bước. Sự căng thẳng đã lên đến tột độ. Trống ngực tôi đập thành thịch.

Thời gian như dừng lại ...

Đất trời như muốn vỡ tung ...

Và rồi nhanh như chớp, hai đối thủ cùng rút súng ra. Đoàn ... Một âm thanh xé tai vang lên, tưởng chừng như tiếng nổ của đất trời.

- Bill Scott đã chết! - Mọi người hét to.

Thực vậy, một giây sau vang lên cái âm thanh xé tai ấy, thân hình Bill Scott đổ nhào xuống. Mặt hắn đầy máu. Hắn đã trúng đạn vào đầu.

Còn John vẫn đứng nguyên, tay buông thõng khẩu súng đang nhắm khoi. Đối thủ của anh hoàn toàn nằm bất động. Thế là tàn đời một kẻ tàn bạo. Thế là xóa sổ một băng cướp sừng sỏ. Mối đe dọa lớn nhất của thị trấn Bò Vàng từ nay không còn nữa. Nụ cười rạng rỡ sung sướng nở rộ trên mặt bao người.

Nhưng niềm vui ấy không trọn vẹn, không bao giờ trọn vẹn. Phải, mọi người vừa đổ bu quanh xác Bill Scott thì John ôm ngực lão đảo ngã gục.

Trời ơi, anh cũng trúng thương. Thì ra một viên đạn của Bill Scott cũng bay ra cùng lúc với John và trúng đích. Tôi bàng hoàng chạy đến bên John. Từ ngực anh máu tuôn ra như suối. Quả tim John luôn đeo nơi ngực bị thủng một lỗ tròn, viên đạn ác nghiệt của tên cướp đã đi xuyên qua nó và đi vào ngực John. Qua gương mặt nhợt nhạt và hơi thở yếu ớt của John, tôi biết anh chẳng sống bao lâu nữa.

- Ôi John của tôi - Tôi nước mắt.

- Bạn James yêu quý ... - John thều thào trăn trối - Tôi sắp ra đi... từ lâu tôi muốn gặp lại Susan. Sau khi tôi chết, bạn hãy đem trái tim tôi luôn đeo bên ngực đến đặt lên mộ nàng..., có lẽ tôi đã sống không tòi..., thưở còn sống, Susan luôn mong tôi được rạng rỡ với đời.

6.

Đến nay, John đã an nghỉ ở vùng đất này được 10 năm. Gót chân phiêu lãng của anh mãi mãi đứng lại nơi đây. Những vòng hoa tưởng nhớ thường xuyên được mọi người đặt lên mộ anh.

Mười năm rồi ... Vậy mà tôi cứ ngỡ như ngày hôm qua ...

Trên quãng đời còn lại của tôi có thể sẽ thêm nhiều bạn nữa, có thể sẽ thêm nhiều kỷ niệm. Nhưng tôi tin chắc rằng người bạn tuyệt vời nhất đời tôi là John, những kỷ niệm tuyệt vời nhất đời tôi mãi mãi vẫn là những ngày tháng ngắn ngủi được sống bên cạnh chiếc xe ọp ẹp năm xưa, áo quần bẩn thỉu, tóc tai bù xù, anh cầm ngược cuốn Don Quichotte mà lật lật ...

Giờ đây, khi John đã vĩnh viễn sang thế giới bên kia gặp lại người

con gái của lòng mình, tôi tưởng chừng vẫn còn nghe đâu đây giọng
ấm áp của anh ngày nào cùng tiếng đàn Banjo réo rắt:

Một mình nơi xa tít xa

Cây đàn xinh xắn vác trên bờ vai

Về nơi đây lang thang phát phơ

Đi tìm cô bé trót yêu lâu rồi....

Theo " THE ADVENTUROUS COWBOY"

O. Henry

Tên cảnh sát và bản thánh ca

Xôpi trần trở trên chiếc ghế trong quảng trường Mađixơn. Khi ban đêm ngổng trời kêu to, khi những người phụ nữ không có áo da hải cẩu trở nên dịu dàng với chồng, và khi Xôpi trần trở trên chiếc ghế của y trong quảng trường, thì ta có thể tin rằng mùa đông đang tới. Một chiếc lá vàng rơi vào lòng Xôpi. Đó là tấm danh thiếp của nàng Sương muối. Nàng Sương muối rất tử tế với những kiều dân trú ngụ thường xuyên trong quảng trường Mađixơn và dịu dàng báo cho họ biết cuộc viếng thăm hàng năm của mình. Tại các ngã tư đường phố, nàng trao tấm thiếp của nàng cho chàng Gió Bắc, người hầu ở toà lâu đài Ngoài Trời, để báo cho những cư dân sống trong toà lâu đài đó chuẩn bị sẵn sàng.

Xôpi nhận thức được rằng đã đến lúc tự mình phải tham gia vào một uỷ ban kì quặc, uỷ ban Kế hoạch và Ngân sách, để chống lại những điều khắc nghiệt sắp xảy ra. Vì thế, y trần trở trên chiếc ghế của y. Tham vọng nghỉ ngơi mùa đông của Xôpi không lớn lắm. Y không tính đi du lịch ở Địa Trung Hải và cũng chẳng hề mơ tới những bầu trời miền Nam êm ái ru ta ngủ hoặc được rập rình trôi trên vịnh

Vêduyvian (1). Ba tháng ở đảo Bléc-oen là niềm mơ ước khát khao trong lòng y. Ba tháng ở đảo Bléc-oen sẽ được đảm bảo chắc chắn về nơi ăn, chốn ở, có bạn bè dễ chịu, được yên ổn thoát khỏi chàng Gió Bắc, thoát khỏi những gã áo xanh (2). Ba tháng đó tựa như đối với Xôpi là niềm mong ước tha thiết nhất.

Đã bao năm nay, cái nhà tù trên đảo hiếu khách đó là nơi cư trú mùa đông của y. Mỗi mùa đông, cũng như những đồng bào Niu Yoóc may mắn hơn của Xôpi đi mua vé đến bãi biển Pam hoặc Riviera (3), thì y lại có những xếp đặt; tính toán giản đơn cho cuộc nghỉ ngơi mùa đông hàng năm của y ở đảo Bléc-oen. Và bây giờ, thời gian đó đã lại đến. Đêm trước, lúc nằm ngủ trên chiếc ghế cạnh vòi phun nước trong quảng trường cổ kính, với ba tờ báo chủ nhật chia ra lót dưới người, cuốn quanh mắt cá chân và phủ ngang bụng, y vẫn không chống nổi với khí trời lạnh lẽo. Cho nên, trong óc Xôpi, hòn đảo Bléc-oen hiện lên sừng sững và đúng lúc. Y rất khinh bỉ sự cứu tế được mệnh danh là lòng từ thiện đối với những kẻ được cấp dưỡng ở trong thành phố này. Theo Xôpi, ngay Luật pháp cũng còn êm ái hơn Lòng từ thiện. Có vô số hội, ban, viện từ thiện mà y có thể đến xin được một chốn ở xuềnh xoàng, một miếng ăn đạm bạc. Nhưng đối với lòng kiêu hãnh của Xôpi, những của bố thí để lại một dư vị đắng cay. Mỗi ân huệ nhận được ở bàn tay từ thiện, nếu ta không trả được bằng tiền thì phải trả bằng lòng tự trọng. Như Xêda có Brutút, mỗi chiếc giường bố thí, mỗi miếng bánh mì đều phải trả bằng sự xoi mói cá nhân, riêng tư. Vì vậy, tốt hơn hết hãy là người khách của Luật pháp. Dù nằm dưới bàn tay luật lệ, người ta cũng chẳng bận bịu xen vào việc riêng của một người có tư cách.

Đã quyết định phải tới đảo Bléc-oen, Xôpi tức khắc bắt tay thực hiện

niềm khao khát. Có nhiều cách dễ dàng để làm việc này. Cách thú vị nhất là ăn một bữa thịnh soạn tại một khách sạn sang trọng nào đó, và sau khi tỏ rõ là không có tiền trả, tất sẽ được dẫn tới cảnh sát một cách êm ả, không ồn ào. Một viên quan toà thạo việc sẽ nhất định giải quyết nốt phần còn lại.

Xôpi rời chiếc ghế, ra khỏi quảng trường, đi lang thang, vượt qua ngã tư rải nhựa rộng mênh mông nằm giữa đại lộ Brót-uê và đại lộ Năm (4). Y đi ngược lại đại lộ Brót-uê, rồi dừng lại trước cửa một hiệu ăn rục rờ ánh đèn, đó là nơi ban đêm tụ họp những cửa ngon vật lạ được chọn lọc kĩ càng nhất.

Trên con người Xôpi, y tự tin từ chiếc khuy áo thấp nhất trở lên. Y đã cạo râu, chiếc áo lịch sự, chiếc nơ đen kiểu thắt sẵn gọn gàng là của một bà truyền giáo cho y vào ngày lễ Tạ ơn (5). Nếu Xôpi tới được một cái bàn trong hiệu ăn, thoát khỏi những con mắt quan sát chặt chẽ, thì y chắc chắn sẽ thành công. Cái phần y phô bày ở phía trên mặt bàn sẽ không làm người hầu bàn nghi ngờ chút nào cả. Một con vịt trời quay, Xôpi nghĩ thầm, đúng là món thích hợp, một chai rượu Cheblít, rồi đến pho-mát Kerenbót, một tách con cà phê và một điều xì-gà. Một đũa xì-gà là đủ. Tổng số tiền sẽ không quá cao khiến nhà hàng phải có những biện pháp cực đoan, tuy thế bữa ăn phải làm sao cho no nê và thoải mái để bước vào cuộc hành trình tới chỗ ẩn náu mùa đông.

Nhưng khi Xôpi vừa bước qua cửa, cặp mắt của người đứng đầu nhóm hầu bàn chú ý ngay đến chiếc quần đã sờn và đôi giày cũ kĩ, mòn vẹt của y. Những bàn tay mạnh mẽ và sẵn sàng đã xoay người y lại, đẩy y, lặng lẽ và mau lẹ trở lại vỉa hè; như vậy, đã cứu được con vịt giò bị đe dọa thoát khỏi cái số phận hẩm hiu.

Xôpi rời khỏi đại lộ Brött-uê. Con đường dẫn tới hòn đảo Bléc-oen hấp dẫn bằng một bữa ăn tựa như không dành cho một tay sành ăn. Phải tìm cách khác để ngồi tù vậy.

Ở góc đại lộ Sáu, ánh đèn điện và các loại hàng hóa trưng bày khéo léo ở tủ kính một cửa hiệu trông thật là quyến rũ. Xôpi nhặt một hòn đá, đập mạnh vào mặt kính. Người ta chạy xô đến góc phố đó, một tên cảnh sát dẫn đầu. Xôpi đứng yên, hai tay đút túi, mỉm cười nhìn những chiếc khuy đồng lấp lánh. Tên cảnh sát nóng nảy hỏi:

- Đứa đập vỡ kính đâu?

- Ông không nghĩ là tôi cũng có thể dấn dấp đến việc này chứ? – Xôpi hỏi lại, mĩa mai, nhưng thân mật như một kẻ chào đón vận may đã tới.

Trong ý nghĩ của tên cảnh sát, hắn từ chối việc tiếp nhận Xôpi, thậm chí chỉ là một đầu mối thôi. Kẻ đập vỡ kính không đứng lại để trò chuyện với người thừa hành pháp luật. Hắn phải trốn ngay chứ. Tên cảnh sát nhìn thấy một người ở giữa đường đang đuổi cho kịp chuyển xe. Hắn rút dùi cui, tham gia vào cuộc chạy đua. Đã hai lần không thành công, Xôpi ngập ngừng bỏ đi, trong lòng chán ngán.

Phía bên kia đường có một hiệu ăn vẻ không kiêu kì, thích hợp với những dạ dày to và những túi tiền nhỏ. Đĩa ăn quá dày, nhưng khăn giải bàn lại quá mỏng. Căn phòng đặc những người, nhưng xúp lại loãng. Đôi giày “tổ cáo”, cái quần “phô bày” của Xôpi mang vào nơi này không bị phản đối Y ngồi vào một bàn, tiêu thụ bít-tết, bánh nướng, bánh phồng, bánh chả, rồi y tiết lộ cho người hầu bàn biết là y không hề có một xu dính túi. Xôpi nói:

- Bây giờ thì có việc đấy, đi gọi cảnh sát đi. Đừng để một người lịch sự phải chờ đợi.

- Vớ anh bạn thì chẳng cần cảnh sát đâu, – người hầu bàn nói, giọng ngọt như mía lùi và ánh mắt tươi như rượu anh đào trong cốc cốc-tai (6) Manhattan. - Nào, Côn!

Hai người hầu bàn gọn gàng quăng Xôpi nằm nghiêng về phía bên trái trên cái vỉa hè vô tình. Y đứng dậy, duỗi hết khớp xương này đến khớp xương khác như người thợ mộc mở cái thước gấp, rồi y phúi quần áo. Việc bị bắt tựa hồ chỉ là một giấc mơ hoa. Hòn đảo như quá xa xôi. Một tên cảnh sát đứng trước cửa hiệu thuốc cách đây hai nhà, cười và bước về phía cuối phố.

Đi qua năm dãy nhà thì Xôpi mới lấy lại được can đảm để ve vãn việc bị bắt. Y đại dốt tự cho cơ hội lần này là “dễ ăn”. Một người phụ nữ trẻ, dáng điệu giản dị, có vẻ hài lòng đang đứng trước tủ kính, vui vẻ ngắm cảnh bày những cái cốc đựng xà phòng cạo râu và các bình đựng mực. Cách tủ kính hai thước là một tay cảnh sát to lớn; điệu bộ nghiêm khắc, đang tựa vào cái vòi nước.

Xôpi dự định sẽ đóng vai một “tay chơi” bỉ ổi, khả ố. Về lịch sự, có giáo dục của nạn nhân của hắn, cùng với tay cảnh sát tận tâm đứng gần đã cổ vũ Xôpi tin rằng ngay lập tức móng vuốt êm dịu của chính quyền sẽ tóm lấy tay y và đảm bảo chắc chắn cho y chỗ cư trú mùa đông ở đúng hòn đảo nhỏ bé, hòn đảo nhỏ bé đến chật hẹp ấy.

Xôpi kéo cho thẳng chiếc nơ kiểu thắt sẵn của bà truyền giáo cho y, phanh cổ tay áo ra, kéo chiếc mũ nghiêng nghiêng ngang tàng, khép nép đi về phía người phụ nữ trẻ. Y liếc mắt đưa tình, đột nhiên đằng hắng, e hèm, cười làm duyên, rồi mặt dạn mày dày giở đủ mọi điệu bộ vô liêm sỉ, bỉ ổi của một “tay chơi”. Xôpi thấy tay cảnh sát đang nhìn mình chằm chằm. Người phụ nữ trẻ bước xa mấy bước, rồi lại chăm chú vào những cái cốc đựng xà phòng cạo râu. Xôpi bước

theo, bạo dạn tiến sát gần, nâng mũ lên và nói:

- A, Bêđêliơ? Em có muốn đến giải trí trong sân nhà anh không?

Tay cảnh sát vẫn chăm chú quan sát. Người phụ nữ trẻ bị chòng ghẹo đó chỉ cần vẫy một ngón tay là Xôpi được thực sự lên đường (7) tới chỗ ẩn náu trên đảo. Xôpi đã tưởng tượng đến cái cảm giác ấm áp dễ chịu ở trong đống cảnh sát. Người phụ nữ trẻ nhìn vào mặt Xôpi, đưa tay ra nắm lấy tay áo y.

- Có chứ, anh Maicơ ạ, – cô ta vui vẻ nói. – Em định bảo anh sớm hơn cơ, nhưng tay cảnh sát đang để ý đấy.

Cô ta bám lấy Xôpi như cây leo bám vào cây sồi, hai người đi qua chỗ tên cảnh sát. Số mệnh tựa hồ đã định cho y tự do.

Tới góc phố, Xôpi giẫy khỏi cô bạn, chạy đi. Y dừng lại ở một khu mà về ban đêm đường phố sáng rực rỡ nhất và những trái tim, những lời thề nguyện và những tiếng đàn nhạc nhẹ tênh tênh nhất tràn đời. Đàn bà mặc áo lông thú, đàn ông mặc áo khoác ấm áp đang đi lại vui vẻ trong làn gió đông. Xôpi chợt sợ hãi cảm thấy như có một thứ thần chú ghê gớm khiến y không thể nào bị bắt. Ý nghĩ đó làm y khiếp sợ, thấy một tên cảnh sát đang đường bệ đi lại trước một rạp hát sáng trưng, y chợt nghĩ tới “hành vi làm mất trật tự đường phố”. Y đứng trên vỉa hè, bắt đầu la hét rất to bằng cái giọng khàn khàn của y, lười riu lại như kẻ say rượu. Y nhảy nhót, hò hét, kêu gào, làm đủ mọi trò náo động trời đất.

Tên cảnh sát quay cái đuôi cui, quay lưng về phía Xôpi và kẻ với một người dân:

- Đó là một gã thuộc đội Yây. Hân reo mừng trận thắng, đã cho đội trường đại học Hátphót xoi “trúng”. Có âm ỉ đấy nhưng không hại gì. Chúng tôi đã được chỉ thị cứ để mặc họ.

Thất vọng, Xôpi liền ngừng những hành động gây huyên náo không có kết quả. Cảnh sát không bao giờ tóm y sao? Y thấy rằng hòn đảo tựa như một thiên đường không thể nào đạt tới được. Y cài khuy chiếc áo mỏng để chống lại gió lạnh.

Trong một hiệu bán xì-gà, y thấy một người ăn mặc lịch sự đang châm điếu thuốc, ánh lửa lập loè. Lúc bước vào hiệu, người đó để chiếc ô lụa ở cạnh cửa. Xôpi vào trong cửa hiệu, cầm chiếc ô, rồi chậm rãi bước ra. Người đang châm thuốc vội vã đuổi theo. Người đó nghiêm giọng nói:

- Chiếc ô của tôi.

- Ờ, thế à? – Xôpi cười khinh bỉ, thoá mạ việc ăn cắp vặt rồi cố ý thay đổi để dùng. – Tôi đã ăn cắp cái ô. Cái ô của anh! Tại sao anh không gọi cảnh sát? Có một người đứng ở góc phố đấy.

Chủ nhân cái ô bước chậm lại, Xôpi cũng bước chậm theo và cảm thấy vận may có lẽ một lần nữa lại không đến với y. Tên cảnh sát tò mò nhìn hai người.

- Tất nhiên, - chủ nhân cái ô nói, - đó là... ờ, ngài biết là có những sự nhầm lẫn... Tôi... Nếu đó là chiếc ô của ngài, tôi mong ngài tha lỗi... Tôi nhặt được trong một hiệu ăn vào sáng nay... Nếu ngài nhận ra đó là chiếc ô của ngài, tại sao... Tôi mong ngài sẽ...

- Tất nhiên đó là của tôi, – Xôpi tai ác nói.

Cái người không còn ô nữa rút lui. Tên cảnh sát vội vã đến giúp đỡ một phụ nữ tóc hung, dáng người cao, mặc chiếc áo biểu diễn nhạc kịch đang đứng ở phố bên kia chờ tàu điện cách hai dãy nhà đang tiến đến gần.

Xôpi đi về hướng đông, qua một đường phố bị đào tung lên để sửa chữa. Y ném chiếc ô vào một cái hố, nguyên rửa bọn mang dùi cui,

đội mũ sắt. Bởi vì, y muốn rơi vào tay họ, thì họ coi y như một ông vua không thể nào lại làm những điều gì gọi là sai trái được.

Cuối cùng, Xôpi tới một đại lộ yên tĩnh ở phía đông, nơi mà ánh sáng lờ mờ, tiếng động yếu ớt. Y quay mặt về phía quảng trường Mađixơn, vì bản năng hướng về nhà vẫn tồn tại, ngay cả khi “nhà” chỉ là một chiếc ghế ngoài quảng trường.

Y đến một con đường cụt của một khu yên tĩnh lạ thường. Ở đây có một ngôi nhà thờ cổ kính, kì dị, đứng tách rời ra, hai bên có cây hòi. Ánh sáng êm dịu lọt qua một cửa kính màu tím, phía trong đúng là có một người đang chơi đàn ống, đang nhẹ nhàng lướt tay trên phím đàn để chuẩn bị biểu diễn cho thật chắc tay và chủ động bài thánh ca vào ngày lễ chủ nhật sắp tới. Tiếng nhạc êm ái vọng đến tai Xôpi làm y dán chặt người vào những thanh sắt uốn thành hoa ở hàng rào sắt. Vàng trắng ở trên cao, trong sáng và êm ả; rất ít người và xe cộ qua lại; những con chim sẻ kêu chiêm chiếp buồn ngủ ở dưới mái hiên, trong một khoảnh khắc, nơi này có vẻ như một nghĩa địa miền quê. Bản thánh ca bay ra ngoài giữ chặt y lại bên hàng rào sắt. Y đã biết bản thánh ca này vào những ngày mà cuộc đời y còn bao gồm những thứ như tình mẹ và hoa hồng, tham vọng và bè bạn, những ý nghĩ trong sáng và những chiếc cổ áo sạch sẽ.

Trạng thái tâm hồn y hoà với ngôi nhà thờ cổ kính đã gây ra trong lòng y một sự thay đổi đột ngột và kì lạ. Y thoáng kinh sợ nhìn thấy cái vực thẳm mà y đã sa xuống, nhìn thấy những ngày nhục nhã, những ham muốn tầm thường, những niềm hi vọng đã chết, những năng lực tiêu tan, những động cơ thấp hèn đã tạo nên cuộc đời y. Và cũng đúng lúc đó, cõi lòng Xôpi rung động đáp ứng với trạng thái tâm hồn mới lạ này, y quyết định phải đấu tranh mạnh mẽ, ngay tức

khắc với số mệnh tuyệt vọng của y. Y sẽ vượt ra khỏi cảnh tối tăm, y sẽ trở lại con người cũ của y, y sẽ chiến thắng cái xấu đang chiếm lĩnh con người y. Hãy còn kịp, y vẫn còn tương đối trẻ. Y sẽ làm sống lại tham vọng sôi nổi ngày xưa và quyết tâm không rời bỏ tham vọng ấy nữa. Những nốt nhạc trang nghiêm và dịu dàng đã dấy lên trong lòng y một cuộc cách mạng. Ngày mai, y nhất định đi vào khu trung tâm thành phố lúc nào cũng ồn ào để tìm việc làm. Một người làm nghề nhập cảng lông thú có lần đã cho y một chân lái xe. Ngày mai, y sẽ tìm ông ta, xin làm việc đó. Y sẽ là một con người làm được một việc gì trên thế gian này. Y sẽ...

Xôpi cảm thấy có một bàn tay nắm lấy cánh tay y. Y quay phắt lại, nhìn thẳng vào khuôn mặt bè bè của một tên cảnh sát.

- Anh làm gì ở đây? – Tên cảnh sát hỏi.

- Không làm gì cả. – Xôpi đáp.

- Thế thì theo tôi! – Kẻ thừa hành pháp luật nói.

...

- Ba tháng tù ngồi ở đảo. – Viên quan toà trong phiên toà tiểu hình sáng hôm sau tuyên án./.

Chú thích:

(1) *Vêduyvan*: một vịnh đẹp ở nước Ý.

(2) *Chỉ những tên cảnh sát.*

(3) *Riviera*: miền bờ biển ở phía đông nam nước Pháp và tây bắc nước Ý.

(4) *Đại lộ Năm*: đại lộ sầm uất, sang trọng nhất ở Niu Yoóc. Khu trung tâm của thành phố Niu Yoóc là Manhattan có 12 đại lộ chạy dọc suốt bắc nam và 250 phố chạy từ đông sang tây. Tất cả những đường này

đều gọi theo số, không có tên nào khác. Đặc biệt có một đại lộ lớn khác hẳn những đường phố khác, chạy chéo từ đông bắc qua tây nam, gọi là đại lộ Brôt-uê, dài vừa đúng 21 cây số

(5) Ngày lễ Tạ ơn: ngày lễ Tạ ơn Chúa vào ngày thứ năm trong tuần cuối cùng của tháng 11

(6) cốc-tai: loại rượu pha bằng nhiều thứ rượu khác nhau.

(7) Nguyên văn bằng tiếng Pháp: en route.

O. Henry

Tên Trộm Hoàn Lương

Viên cai ngục đến xưởng giày trong nhà giam, nơi Jimmy Valentine đang cần mẫn khâu mũi giày, để đưa anh ta lên phòng giám đốc. Ở đây, viên giám đốc nhà giam giao cho Jimmy tờ lệnh được tha vừa được ngài Thống đốc Tiểu bang phê chuẩn sáng nay. Jimmy thờ ơ cầm lấy tờ giấy, không nói gì. Anh bị kêu án bốn năm và đã ở đây được mười tháng. Đối với một người quen biết rộng như Jimmy thì cái án ấy chẳng bõ bèn gì, "xoay" một cái là ra ngay !

Ông Giám đốc nhà giam nói :

- Thế nào, anh Valentine ? Sáng mai anh được ra rồi đấy. Hãy tự răn mình và tỏ ra là một người đàn ông chân chính. Tôi biết tự thâm tâm anh không phải là người xấu. Hãy thôi đừng trộm két sắt nữa và cố sống cho nghiêm chỉnh xem nào.

- Thưa ngài, tôi ư ? Tôi trộm két sắt ư ? - Jimmy trở mắt, ngạc nhiên hỏi.

Ông Giám đốc cười :

- Thôi đi ! Hừ, không với chẳng có. Thế cái vụ ở Springfield ai làm ? Tại sao anh phải vào đây ? Anh thì chạy tội là giỏi nhất !

Jimmy vẫn tỉnh bơ chối :

- Ái chà ! Không đâu, thưa ngài. Tôi chưa bao giờ đặt chân tới Springfield cả.

Ông Giám đốc nhà giam để dài cười, quay sang bảo người cai ngục :

- Cronin, anh đưa cậu ta về phòng. Báo chuẩn bị đồ đạc phóng thích cho cậu ta và bảy giờ sáng mai đưa cậu ta đến đây. Valentine ! Hãy nhớ lời tôi nhé !

Bảy giờ mười lăm phút sáng hôm sau. Valentine đứng trước cửa nhà giam. Anh mặc một bộ complet cắt thật vụng về, chân mang đôi giày cứng nhắc thường phát cho những người tù được phóng thích.

Hồi nãy, viên thư ký nhà giam đưa cho anh một vé tàu và năm đô-la với hi vọng của nhà nước rằng với số tiền ân huệ ấy, anh sẽ có thể làm lại cuộc đời trở nên một công dân lương thiện. Ông Giám đốc nhà giam mời anh điếu xì gà rồi bắt tay thật chặt.

Valentine, người tù số 9762, được vào sổ như sau : " Lệnh tha của Thống đốc" .

Thế là Jimmy Valentine đường hoàng trở về với những con đường đầy ánh nắng.

Chẳng màng đến tiếng chim hót líu lo, đến cành lá xanh tươi đang vẫy gọi bên đường, đến hương hoa thơm ngát từ khu vườn gần đấy, Valentine đi một mạch đến quán ăn. Tại đây, anh tận hưởng hương vị tuyệt vời của tự do bằng cách chén sạch nguyên con gà quay vàng rộm, uống cạn chai vang trắng, rồi khoan khoái phì phà điếu xì gà đắt tiền, đắt hơn nhiều so với điếu của viên Giám đốc nhà giam vừa tặng. No nê, thỏa mãn, anh nhàn tản đi đến nhà ga, điệu nghệ búng đồng xu con vào chiếc nón của người hành khách mù đứng trước sân ga, rồi nhanh nhẹn lên tàu. Ba tiếng đồng hồ sau đó, anh xuống tàu ở

một ga nhỏ hiu quạnh, nằm gần ranh giới tiểu bang. Dừng chân ở quán cà phê mang tên Mike Dolan, Jimmy bước vào thân mật tay bắt mặt mừng ông chủ quán đang đứng sau quầy.

Ông chủ quán nói :

- Xin lỗi cậu, Jimmy, tớ không thể xoay sở sớm hơn được. Có ý kiến phản đối việc tha cậu ở Springfield nên tay Thống đốc Tiểu bang rét quá suýt nữa hẳn thôi không giải quyết đấy. Thế nào, khỏe chứ ?

Jimmy cười :

- Khoẻ. Có chìa khóa cho tôi không đấy ?

Cầm lấy chìa khóa, Jimmy lên lầu, ra mái căn phòng nhỏ phía sau. Đồ vật trong phòng vẫn y nguyên. Trên sàn nhà vẫn còn hột nút áo của ông Chánh thanh tra Ben Price, lúc ông ấy cùng đám cảnh sát dưới quyền ập vào túm lấy anh.

Hạ chiếc giường xếp xuống, Jimmy mở ngăn bí mật trong vách, lấy ra chiếc vali bám bụi. Anh thận trọng đặt lên bàn, mở nắp, rồi đứng im, khoan khoái ngắm bộ đồ nghề mở két sắt độc nhất vô nhị của anh, bộ đồ nghề mở két hữu hiệu nhất miền Đông nước Mỹ. Nó đầy đủ các cơ phận, làm bằng loại thép cứng nhất, thiết kế theo mẫu mới nhất. Nào khoan, nào đục, nào kẹp, nào kèm, có một số bộ phận do đích thân Jimmy vẽ kiểu. Anh rất tự hào về bộ đồ nghề này. Anh đã phải trả hết 900 đô để đặt làm theo ý riêng của mình ở một chỗ chuyên làm dụng cụ cho giới giang hồ.

Nửa giờ sau, Jimmy xuống lầu, ra cửa. Giờ đây, anh mặc bộ complet vừa vặn, kiểu mới, tay xách chiếc vali.

Người chủ quán nháy mắt, hỏi :

- Đi làm sớm thế ?

- Làm gì ? - Jimmy ra bộ ngờ ngác, - Ờ hay, cái cậu này. Tôi chỉ là

một nhân viên công ty bánh ngọt và chế biến lương thực New York đấy, nhớ chưa ?

Người chủ quán gật lia lịa, rồi rít mời Jimmy uống rượu, nhưng anh từ chối, Jimmy không bao giờ uống rượu.

Một tuần sau ngày Valentine, người tù số 9762, được phóng thích, một vụ trộm lớn được tiến hành rất khéo ở Richmond, bang Indiana. Không một dấu vết để lại. Hai tuần sau, lại thêm một vụ khác. Lần này chiếc két bị trộm là loại hiện đại nhất, có gắn cả thiết bị báo động chống trộm, thế mà cánh cửa dày cộm của nó vẫn bị mở toang như người ta mở cửa sổ đón gió hè. Vụ trộm này xảy ra ở Logansport, số của cải bị mất trộm trị giá khoảng 1500 đô, trong tủ còn có nhiều hồi phiếu và tiền xu lẻ nhưng không hề bị tên trộm mó tay vào. Cảnh sát bắt đầu quan tâm, nhưng mãi đến vụ trộm ở ngân hàng Jefferson City, số thất thoát lên cao, thì ông Chánh thanh tra Ben Price mới chịu xuất quân. So sánh dấu vết tại hiện trường, ông phát hiện ngay một nét tương tự về phong cách thực hiện của các vụ án. Ông tuyên bố :

- Chính thằng Jimmy Valentine chứ không ai khác ! Hẳn lại giờ trò rồi đấy. Xem cái núm khóa kia kìa - nó bị kéo tung ra cứ như người ta nhỏ củ cải vào tháng mưa ấy. Kiểu ấy thì chỉ có cái kích hiện đại của thằng Valentine mới làm nổi thôi. Lại xem mấy thanh ngang kia kìa, chỉ khoan có một lỗ là bung ngay thế kia thì ngoài thằng Valentine ra chẳng có ai làm nổi !

Ông Ben Price đã thuộc lòng tính nết Jimmy. Ông nắm cả những thói quen nhỏ nhất của tên trộm tài hoa này qua những lần điều tra vụ cướp ở Springfield vừa qua. Jimmy thường đánh theo lối nhảy cóc. Đánh nhanh, rút lẹ, lẩn đi thật xa, rồi lại ra tay tiếp, lần sau táo bạo

hơn lần trước. Hắn không cần phụ tá. Giới chủ ngân hàng phần nào nhẹ nhõm khi nghe tin ông Ben Price lại lên đường lần theo dấu vết tên trộm quỹ quái ấy.

Một chiều nọ, Jimmy Valentine tay xách vali, xuống xe tại một thị trấn nhỏ, tên là Elmore. Đây là một thị trấn hẻo lánh, cách đường xe lửa xuyên Mỹ trên năm dặm, thuộc bang Arkansas. Trông anh ta như một sinh viên năm cuối bậc đại học, thích thể thao, đang trên đường về quê thăm nhà. Bước chậm rãi trên lề đường lát ván, anh dừng chân ở khách sạn.

Bỗng một thiếu nữ băng qua đường, đi ngang trước mặt anh, rồi rẽ vào căn nhà có treo tấm biển " Ngân hàng Elmore" . Tình cờ cô liếc mắt nhìn anh. Thế là tâm hồn anh như choáng ngợp bởi ánh mắt diệu kỳ ấy, đầu óc bay bổng tận đâu đâu. Anh như đã biến thành một người nào khác. Cô thiếu nữ then thùng cúi gằm mặt, hai má ửng hồng. Chẳng lẽ ở Elmore này, ăn vận như thế, ... đẹp trai như thế, hiếm lắm !

Jimmy vội túm ngay lấy một cậu bé con đang ngồi chơi trên bậc thềm gần đấy, giả vờ đang có ý muốn mua cổ phiếu của ngân hàng ở đây, nên phải hỏi để nắm tình hình. Cứ mỗi câu hỏi, anh ta lại giúi vào tay cậu bé đồng mười xu. Một lúc sau, cô gái đi ra, lần này không thèm để mắt đến chàng trai tay xách vali vẫn còn đứng đấy.

Jimmy nháy mắt, hỏi cậu bé :

- Hình như là cô Polly Simpson đấy phải không?
- Không đâu, chính là cô Annabel Adams đấy chứ. Bố cô ấy là chủ ngân hàng này.

Jimmy đến khách sạn gần đấy, đăng ký mượn phòng với tên Ralph Spencer. Anh nhẩn nha ở quầy tiếp tân, gởi chuyện với anh nhân

viên khách sạn, nói cho anh ta hay rằng mình muốn ở lại thị trấn Elmore này để làm ăn bằng việc kinh doanh giày, liệu có sống nổi không ?

Người nhân viên tiếp tân nhìn về bên ngoài bánh bao của Jimmy ra dáng kính nể. Anh ta nhiệt tình cho biết :

- Vâng, mở hàng giày ở đây sống lắm ! Hiện ở đây chưa có nơi nào kinh doanh giày cả. Trước nay mặt hàng này chỉ được bày bán ở cửa hàng tạp hóa và vật tư ở đằng kia. Việc kinh doanh buôn bán tại đây đang có chiều hướng phát triển khá. Hi vọng rằng sau khi cân nhắc thiệt hơn, ông sẽ quyết định lập nghiệp ở đây. Dân cư nơi đây hiền và hiếu khách lắm !

Jimmy cười :

- Vâng. Cảm ơn nhiều. Tôi sẽ ở lại vài ngày xem sao. Ồ, không cần gọi bồi làm gì, tự tôi xách lấy được rồi.

Thế là Ralph Spencer, con phượng hoàng thoát xác cất cánh lên cao từ đồng tro tàn của người tù Valentine - đồng tro tàn phát xuất từ ngọn lửa tình nồng cháy qua lần đầu gặp gỡ. Jimmy quyết định lập nghiệp ở thị trấn nhỏ tên Elmore này. Hiệu giày của anh hoạt động tốt, có lãi.

Về mặt quan hệ xã hội, Jimmy cũng thành công không kém, anh quen biết nhiều, và hơn cả, sở nguyện của anh cũng đã thành.

Annabel Adams nay là bạn anh và tình cảm của anh dành cho nàng ngày càng say đắm.

Đến cuối năm ấy, có thể tóm tắt hoàn cảnh sống của chủ hiệu giày Ralph Spencer như sau : anh được hầu hết cư dân trong thị trấn tin yêu, cửa hàng giày của anh ngày càng thịnh vượng. Trên tất cả, anh vừa đính hôn với cô Annabel Adams và đám cưới sẽ cử hành trong

hai tuần nữa. Ông Adams, chủ ngân hàng Elmore, bố vợ tương lai của anh, rất hài lòng với chàng rể quý. Phần Annabel, cô yêu anh bao nhiêu thì quý trọng anh chừng ấy. Lúc này, Ralph Spencer gần như là thành viên chính thức của gia đình Adams. Ngày nào anh cũng đến chơi nhà bố vợ và nhà cô chị của Annabel.

Một hôm, Jimmy ngồi viết thư cho một người bạn ở St. Louis :

Billy thân mến,

Tớ muốn tới thứ tư tới đây, lúc chín giờ, cậu đến quán Sullivan ở Little Rock gặp tớ. Nhờ cậu giúp cho một việc. Ngoài ra, tớ muốn tặng cậu bộ đồ nghề của tớ. Tớ biết cậu khoái muốn chết khi có được một bộ như thế, làm bộ khác phải mất hơn nghìn đô-la là cái chắc. Billy ạ, tớ đã bỏ nghề rồi - được hơn năm nay. Hiện tớ đang có một cửa hàng, một cuộc sống lương thiện và hai tuần nữa tớ sẽ làm đám cưới với một cô gái tuyệt diệu nhất trên đời này. Cậu biết không ? Tớ đã nhận thức rằng chỉ lương thiện mới sống đời được, và tớ đã nhất quyết từ nay sẽ không tơ hào của ai một đồng xu nhỏ. Cưới vợ xong, tớ sẽ bán tất rồi dọn về miền Tây sinh sống, chỉ ở đấy mới hi vọng tớ sẽ không bị quấy rầy vì những tai tiếng cũ của mình. Tớ nói thật đấy ! Vợ tớ đúng là một nàng tiên. Nàng tin ở tớ hết lòng và chính vì thế tớ sẽ cố hết sức không làm một điều gì để phụ lòng tin ấy. Nhớ đến quán Sully s nhé. Tớ cần cậu lắm, và tớ sẽ đem bộ đồ nghề đến cho cậu.

Bạn cậu,

Jimmy

Vào tối thứ hai ấy. lúc Jimmy đang ngồi viết những dòng cuối cùng gửi cho bạn, thì Ben Price ngồi lắc lẻo trên chiếc xe ngựa thồ chạy đến Elmore. Đến nơi, ông lặng thinh, kín đáo rào quanh một vòng để

nắm tình hình qua chiếc gương trong cửa hàng tạp hóa nằm đối diện với tiệm giày của Ralph Spencer. Ông chăm chú quan sát thật kỹ dung mạo và dáng điệu của ông chủ trẻ. Ben Price thích thú cười :
- Thế đấy, Jimmy, chú mày lại sắp đi cưới con gái chủ ngân hàng cơ đấy !

Sáng hôm sau, Jimmy đến dùng điểm tâm bên nhà vợ. Hôm nay, anh định đi Little Rock để sắm sửa mấy món đồ chuẩn bị cho đám cưới và mua một món quà thật đáng giá cho Annabel. Kể từ lúc định cư ở Elmore đến nay, đây là lần đầu tiên anh rời thị trấn đi xa. Có lẽ không hề gì, vì tính từ vụ " làm ăn" cuối cùng đến nay đã ngót một năm rồi. Điểm tâm xong, cả nhà Annabel đều kéo nhau đi tiễn chân Spencer - ông Adams, Annabel, cả cô chị của Annabel cùng hai cô gái nhỏ mới lên năm và lên chín. Họ đến khách sạn nơi Jimmy ở để anh lấy hành lý - chiếc vali dạo ấy. Rồi tất cả kéo nhau đến ngân hàng. ở đấy, xe ngựa đang chờ Jimmy cùng với người xà ích tên Dolph Gibson để đưa anh ra ga. Ông Adams mời chàng rể quý vào ngân hàng chơi chốc lát, ông muốn khoe mọi người chiếc tủ sắt hiện đại ông vừa cho lắp đặt xong dưới tầng hầm. Đám nhân viên ngân hàng cúi chào anh răm rắp.

Đấy là một két sắt khá lớn được gắn chìm vào vách. Cửa tủ rất chắc chắn, mỗi lần quay tay nắm là ba thanh thép lớn đâm sâu, gắn chặt vào vách tủ. Trên cửa còn có cả núm khóa hẹn giờ tự động. Ông Adams phổng mũi giải thích những tính năng hiện đại của chiếc két sắt cho chàng rể quý, nhưng anh ta tỏ ra không quan tâm lắm. Hai bé gái, cháu May và Agatha, con gái của người chị Annabel, tỏ vẻ thích thú lắm. Chúng trở mắt nhìn lớp thép bóng loáng, mấy núm điều khiển tròn xoe trên cửa.

Trong khi mọi người đang lắng nghe ông Adams giải thích về cách đóng mở cửa, Ben Price từ từ bước vào, ông ta tì tay lên mặt quầy bình thần nhìn quanh. Cô nhân viên đến hỏi, ông đáp đang chờ người quen.

Bỗng có tiếng phụ nữ la thất thanh, không khí hoảng hốt bao trùm lấy khu hầm để tủ sắt. Nhân lúc người lớn đang ham chuyện, cô bé May, chín tuổi, đùa nghịch đẩy Agatha vào trong tủ rồi đóng sập cửa lại. Cô bé còn bắt chước ông ngoại, kéo tay khóa rồi vặn mấy núm điều khiển trên cửa.

Ông Adams vội nhào đến chụp lấy tay nắm lay mạnh, nhưng muộn rồi. Ông hét hoảng kêu lên :

- Chết rồi ! Không tài nào mở được. Lại chưa kịp chỉnh số hện giờ mới chết!

Người mẹ thất đảm hét hớn.

Ông Adams run rẩy trấn an con gái :

- Giữ bình tĩnh đi nào ! Agatha cháu ơi ! - Ông cố gọi thật lớn - Cháu nghe ông nói không ?

Trong bầu không khí im lặng đến ngột thở, mọi người nghe rõ tiếng khóc la của cô bé đang bị nhốt trong hầm tối.

Người mẹ khóc nức nở, cuống quýt lên :

- Ôi, phải làm gì kia chứ! Hãy phá cửa ra ngay !

Ông Adams thất vọng, lắc đầu :

- Con ơi, phải đến mãi Little mới có người mở được loại cửa này.

Ông Ralph Spencer, ta phải làm sao đây ? Con bé đến chết mất !

Trong ấy ngộp lảm và đầy bóng tối nữa, con bé đến chết vì khiếp sợ thôi !

Người mẹ lúc này như phát cuồng lên, chị đập mạnh đôi tay yếu ớt

vào cánh cửa thép nặng nề dày cộm như muốn phá tung nó ra để cứu con mình. Có người hoảng quá, định lấy cốt mìn phá cửa. Nhưng làm như vậy thì còn gì cháu bé bên trong. Annabel ngược mắt nhìn Jimmy, ánh mắt khẩn khoản đầy hi vọng. Hi vọng, vì đối với nàng, người yêu của nàng có thể làm được tất cả, ngay cả những điều kỳ diệu nhất.

- Anh Ralph, hãy giúp chị ấy đi anh.

Jimmy nhìn sâu vào mắt nàng, miệng nở một nụ cười khó hiểu. Đối với anh, yêu cầu của nàng chính là mệnh lệnh của trái tim anh. Anh nói :

- Annabel, em hãy cho anh đoá hồng trên áo em.

Cô bối ngỡ, không tin vào tai mình, nhưng vẫn đưa tay gỡ lấy cánh hồng trên áo, trao cho người yêu. Jimmy cẩn thận cài cánh hồng vào túi, rồi bắt đầu xắn tay áo. Chính qua hành động xắn áo ấy, nhân vật Ralph Spencer đã chết, và tên trộm tài danh Jimmy Valentine đã trở dậy từ đồng tro tàn quá khứ.

Anh nói ngắn, gọn :

- Mọi người tránh ra hết đi !

Anh mở toác chiếc vali mang theo. Và từ lúc ấy đối với anh, chung quanh như không có ai. Bằng những hành động rất chính xác, nhanh gọn, anh lấy đồ nghề ra, sắp xếp theo thứ tự sử dụng, vừa làm vừa huýt sáo nho nhỏ. Đây là một thói quen cố hữu của anh lúc đang " hành sự" . Mọi người nhìn anh trân trối.

Chỉ một phút sau, mũi khoan nhỏ của Jimmy ăn thật ngọt vào cánh cửa thép. Mười phút sau, cánh cửa mở toang. Anh đã phá cả kỷ lục chính anh lập nên qua các lần mở trước.

Cô bé Agatha té xỉu trong vòng tay mẹ. Không việc gì.

Jimmy Valentine cầm lấy áo khoác vắt trên ghế đi nhanh ra cửa. Anh nghe có tiếng kêu " Anh Ralph !" thật thân thương nhưng xa vắng làm sao. Anh vội bước đi.

Bỗng có người chặn lối anh đi.

Jimmy cười, vẫn nụ cười khó hiểu ấy :

- A, xin chào ông Ben. Ông đã đến đây ư ? Thôi ta đi nào, đến mãi bây giờ tôi mới thấy được rằng cuộc sống thật phù du vô ích.

Nhưng ông Ben Price cứ đứng yên. Ông ta nói :

- Ông Ralph Spencer, ông nhầm rồi đấy ! Tôi không hề quen ông.

Hình như xe đang chờ ông ngoài ấy ?

Nói xong, ông quay lưng đi thẳng.

O. Henry

Thái Tử, tình yêu và thời gian

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh: The Caliph, Cupid and the clock

Thái Tử Micheal của xứ Valleluna ngồi trên băng ghế ông ưa thích trong công viên. Không khí mát lạnh của đêm tháng Chín giục giã cuộc sống trong ông như một loại rượu vang quý hiếm, bổ dưỡng. Các băng ghế không đầy, vì những người thường thơ thẩn trong công viên, với dòng máu đặc quánh, đã nhanh nhẩu bay về nhà để trốn tránh cái se lạnh của đầu thu. Tiếng phong cầm thổi than và lao nhao ở đường bên. Trên những con đường chung quanh, xe cộ rì rầm, những con tàu thét rống như là hổ và báo. Vàng trắng vừa mới nhô lên khỏi những mái nhà phía đông. Trẻ em cười đùa nô giỡn quanh vòi nước. Phía trên các ngọn cây, cái tháp của một nhà công sở cũ kỹ mang một đồng hồ với cái mặt to, tròn, chiếu dạ quang. Đôi giày của Thái Tử Micheal đã rách nát đến nỗi thợ sửa giày với tay nghề khéo nhất cũng không làm gì được. Mấy anh rách rưới cũng phải từ chối mọi thương thảo về quần áo của ông. Râu ria lổn nhổn đã mọc hai tuần mà không cạo, xám và nâu và đỏ và vang-lục – như thể mỗi người trong ban đồng ca của một vở hài kịch đã đóng góp râu của họ cho ông. Không một ai có chút tiền trên cõi đời này lại

mang một chiếc mũ tồi tàn như mũ của ông.

Thái Tử Micheal ngồi trên băng ghế ông ưa thích và mỉm cười. Ý nghĩ tản mạn của ông là ông đủ giàu để mua tất cả mấy ngôi nhà kề sát nhau, to kênh, với cửa sổ sáng đèn, nằm đối diện ông. Với mỗi trọc phú Manhattan, ông không hề kém họ về vàng bạc, ngựa xe, châu báu, những tuyệt tác mỹ thuật, bất động sản và hec-ta. Thế giới xã hội, thế giới nghệ thuật, giới chính trị, sự tung hô, bất chước, sự nghiệp, vui thú, vinh quang – tất cả đang chờ đợi Thái Tử Micheal của xứ Valleduna bất kỳ khi nào ông muốn nhận. Nhưng ông chỉ nhận ngồi trong bộ đồ rách rưới và tồi tàn trên băng ghế công viên. Vì ông đã hưởng mọi quả ngon của cái cây cuộc đời và rồi, sau khi ném được vị đắng trong miệng, đã bước ra khỏi Vườn Địa Đàng một thời gian để thay đổi không khí cho gần với con tim của thế giới không cầu kỳ nhưng vẫn đều nhịp đập.

Những tư tưởng này lan man trong đầu óc Thái Tử Micheal, khi ông mỉm cười dưới bộ râu đa sắc màu. Thoải mái nhàn nhã như thế, ăn mặc như kẻ nghèo nàn nhất trong số những người khát thực trong công viên, ông thích tìm hiểu nhân văn. Ông tìm thấy niềm vui thú trong lòng vị tha hơn là trong tài sản của ông, trong địa vị của ông, và trong tất cả những ngọt ngào đậm đà nhất của cuộc đời. Ông tìm thấy niềm an ủi và thỏa mãn để giúp xoa dịu những khổ đau của con người, để ban ân huệ cho những người xứng đáng và cần được cứu trợ, để làm những người bất hạnh lóa mắt vì những món quà bất ngờ và lạ lùng của vinh quang hoàng gia chân chính, tuy nhiên vẫn được ban bố theo cách khôn ngoan và đúng mức.

Và khi đôi mắt Thái Tử Micheal nhìn lên mặt đồng hồ vĩ đại tỏa sáng trên tòa tháp, nụ cười của ông, tuy vẫn có vẻ vị tha, pha chút ít nét khinh khi. Ông có những tư tưởng lớn, và luôn lắc đầu nghĩ đến sự nô lệ của thế giới đối với những mốc đo Thời Gian. Ông luôn buồn bã khi thấy con người đi đi lại lại trong vội vã và lo âu, chỉ vì bị hai thanh kim loại mỏng khổng chế.

Rồi có một người trai trẻ đi đến, ngồi trên băng ghế thứ ba. Trong nửa giờ anh nóng ruột nhấp nhồm hút xì-gà, rồi anh ngược nhìn cái mặt đồng hồ tỏa sáng trên hàng cây. Rõ ràng là anh đang lo lắng, và Thái Tử buồn rầu nhận thấy là việc này có liên quan sao đấy với hai chiếc kim thời gian đang nhích chậm chậm. Thái Tử đứng dậy và đi đến băng ghế của anh trai trẻ. Ông nói:

-Tôi mong anh thứ lỗi vì tôi bắt chuyện với anh, nhưng tôi nhận thấy anh đang bị xáo trộn trong tâm tư. Nếu có thể bào chữa một phần cho sự đường đột, cho tôi tự giới thiệu tôi là Thái Tử Micheal, người sẽ kế vị ngai vàng vương quốc Valleluna. Tôi muốn cải trang để không ai nhận ra, như anh thấy hiển nhiên từ bề ngoài của tôi. Tôi vẫn có lòng muốn ban bố trợ giúp cho những người tôi thấy đáng được trợ giúp. Có lẽ nếu anh và tôi cùng có những nỗ lực chung thì nguyên do gây khổ sở cho anh sẽ được khắc phục.

Anh trai trẻ rạng rỡ nhìn lên Thái Tử. Rạng rỡ, nhưng vẫn giữ nếp nhăn vì hoang mang giữa đôi lông mày. Anh cười, và ngay cả lúc ấy nếp nhăn vẫn còn. Nhưng anh chấp nhận việc đánh lạc hướng chú ý của anh trong khoảnh khắc. Anh nói vui vẻ:

-Hân hạnh được gặp ông, Thái Tử. Vâng, tôi có thể thấy ông đang cải trang để che giấu tung tích. Cảm ơn ông đã ngỏ ý giúp tôi, nhưng

tôi không nghĩ ông có thể chen vào để giúp tôi được. Đây là chuyện riêng, xin ông hiểu cho, nhưng cũng xin cảm ơn ông.

Thái Tử Micheal ngồi xuống kế bên anh trai trẻ. Ông thường bị từ chối, nhưng không lấy làm phật ý. Cử chỉ và ngôn ngữ lịch sự của ông không cho phép. Ông nói:

-Đồng hồ là gông cùm của nhân loại. Tôi đã quan sát thấy anh cứ nhìn chăm chú cái đồng hồ ấy. Cái mặt nó là mặt của kẻ độc tài chuyên chế, các con số đều giả tạo như trên tấm vé số, hai kim là hai bàn tay của kẻ lừa đảo chỉ tổ làm anh phá sản. Tôi mong anh hãy dứt ra khỏi những trói buộc nhục nhã của nó và đừng để cho các món đồng và thép vô cảm ấy theo dõi những hoạt động của anh.

-Bình thường tôi không để như thế. Tôi mang một đồng hồ trừ khi tôi ăn mặc rách rưới chói lọi.

Thái Tử thiết tha:

-Tôi biết rõ bản chất con người như tôi biết về cây cỏ. Tôi là bậc thầy về triết lý học, là học giả nghệ thuật, và bụng tôi chứa cả một kho kiến thức. Không có mấy bất hạnh thế tục nào tôi không thể hóa giải. Tôi đã đọc gương mặt của anh, và thấy trên đấy tính lương thiện, cao cả cũng như là sâu khổ. Tôi xin anh hãy nhận nơi tôi lời khuyên hoặc sự giúp đỡ. Không nên lừa dối sự thông minh tôi nhìn thấy trên gương mặt của anh bằng cách phán đoán khả năng của tôi qua hình thức bên ngoài.

Anh trai trẻ lại liếc nhìn cái đồng hồ rồi nhú mày. Anh lại chăm chú nhìn căn nhà gạch đỏ bốn tầng trong dãy nhà đối diện với anh.

Những rèm cửa đã được kéo xuống, và ánh sáng từ nhiều căn phòng chiếu lờ mờ qua đấy.

-Chín giờ kém mười!

Anh trai trẻ than thở, với cử chỉ bồn chồn náo nức. Anh quay lưng về ngôi nhà rồi bước đi.

-Dừng lại!

Thái Tử ra lệnh với giọng cứng cỏi đến nỗi con người buồn khổ phải xoay người lại với nụ cười nửa miệng. Anh lẩm bẩm:

-Tôi chờ cô ấy thêm mười phút rồi thì tôi sẽ đi.

Rồi anh nói lớn cho Thái Tử nghe:

-Tôi đồng ý với ông về mọi việc mọi đồng hồ đều gây rối reng, ông bạn à, và nên thêm cả phụ nữ vào đấy nữa.

Thái Tử trầm tĩnh:

-Ngồi xuống. Tôi không đồng ý thêm như thế. Phụ nữ là kẻ thù tự nhiên của đồng hồ, và do đấy họ là đồng minh của những ai muốn được giải phóng khỏi những con quái vật ấy – quái vật chỉ muốn đo những điên rồ của chúng ta và hạn chế những vui thú của chúng ta. Nếu cho đến giờ anh còn tin tôi, tôi mong anh kể cho tôi nghe câu chuyện của anh.

Anh trai trẻ ngả hẳn người trên băng ghế, cười ngật ngổ. Anh nói với giọng kính cẩn trong chế nhạo:

-Thưa Đức ông, tôi sẽ kể. Đức ông có nhìn thấy căn nhà kia không – căn có ba cửa sổ sáng đèn ấy? Việc là thế này, lúc sáu giờ tôi đứng trong căn nhà ấy với một người con gái mà tôi...tôi đã đính hôn. Tôi đã làm chuyện quấy, Thái Tử thân yêu ạ. Tôi đã là một tên không ra gì, và cô ấy đã nghe người ta nói về tôi. Dĩ nhiên là tôi muốn cô tha thứ. Đàn ông chúng ta luôn luôn muốn phụ nữ tha thứ cho mình, có phải thế không hở Thái Tử?

Cô ấy bảo tôi: “Em cần thời gian để suy nghĩ. Có một điều chắc chắn

là: hoặc là em sẽ hoàn toàn tha thứ cho anh, hoặc em sẽ không bao giờ muốn trông thấy mặt anh nữa. Không có chuyện nửa vời”. Cô ấy bảo: “Đúng tám giờ rưỡi, anh có thể nhìn lên khung cửa sổ giữa của tầng trên cùng. Nếu em muốn tha thứ cho anh, em sẽ treo một khăn quàng lụa màu trắng nơi cửa sổ này. Anh sẽ biết là mọi chuyện sẽ như cũ, và anh có thể đến tìm em. Nếu anh không thấy chiếc khăn quàng tức là mọi chuyện giữa chúng ta sẽ chấm dứt mãi mãi”.

Anh trai trẻ kết luận một cách cay đắng:

-Đấy là lý do tại sao tôi cứ mãi nhìn cái đồng hồ. Thời gian để tín hiệu của cô ấy xuất hiện đã qua đi hai mươi ba phút trước. Bây giờ ông còn thắc mắc tại sao tôi có hơi buồn khổ không, hờ Thái Tử Rách Rưới Râu Rìa của tôi?

Thái Tử Micheal nói với giọng đều đều, từ tốn:

-Tôi cần nhắc lại cho anh là phụ nữ là kẻ thù tự nhiên của đồng hồ. Đồng hồ là quỷ dữ, phụ nữ là ân huệ. Có thể là tín hiệu ấy chưa xuất hiện.

Anh trai trẻ than thở, tuyệt vọng:

-Không bao giờ có chuyện như thế, trong vương quốc của ông. Ông không biết Marian, dĩ nhiên là ông không biết cô ấy đâu. Cô ấy luôn luôn đúng giờ, đúng từng phút. Đấy là nét tốt đầu tiên của cô đã thu hút tôi. Giờ tôi đã nhận được chiếc găng tay để hôn từ giã thay vì khăn quàng. Đáng lẽ lúc 8 giờ 31 phút tôi đã phải biết là vô vọng. Tôi sẽ đáp chuyến tàu lúc 11 giờ 45 đi về miền Tây. Tôi sẽ ở tại trang trại của Jack, thêm vào đấy là rượu giải sầu. Chào ông...à... Thái Tử.

Thái Tử nở một nụ cười bí ẩn, hiền từ, thông cảm và níu lấy tay áo chàng trai. Ánh sáng long lanh trong đôi mắt ông đang dịu lại thành một làn mây mỏng, mơ màng hơn. Ông trang trọng:

-Anh chờ ở đây cho đến lúc đồng hồ gõ. Tôi có tài sản, quyền lực và kiến thức hơn phần lớn nhiều người khác, nhưng khi đồng hồ gõ tôi lại thấy sợ. Anh ở đây với tôi cho đến lúc ấy. Cô ấy sẽ thuộc về anh. Lời phán của một Thái Tử kế vị ngai vàng vương quốc Valleluna bảo đảm cho anh. Vào ngày cưới của anh tôi sẽ tặng anh 100.000 đô la và một lâu đài bên bờ sông Hudson. Nhưng không được có cái đồng hồ nào trong ấy – chúng chỉ muốn đo những điên rồ của chúng ta và hạn chế những vui thú của chúng ta. Anh có đồng ý như thế không? Anh trai trẻ vui tươi:

-Dĩ nhiên rồi, đồng hồ chỉ gây phiền toái thôi – luôn luôn tích tắc và ngân nga và khiến ta ăn tối muộn.

Anh liếc nhìn cái đồng hồ trên nóc tháp. Hai kim chỉ chín giờ kém ba. Thái Tử Micheal nói:

-Tôi nghĩ tôi cần ngủ một chút. Cả ngày đã làm tôi mệt mỏi rồi. Ông xoa người trên băng ghế với cách như thể đã từng ngủ ở đây. Ông nói với giọng sệt sù:

-Anh sẽ tìm thấy tôi tại công viên này mỗi buổi tối khi khí hậu thích hợp. Đến gặp tôi khi anh đã chuẩn bị xong hôn lễ, rồi tôi sẽ trao anh tám ngàn phiếu cho khoản tiền ấy làm quà cưới.

Anh trai trẻ nghiêm trang:

-Cảm ơn Đức ông. Không có vẻ gì là tôi sẽ cần tòa lâu đài bên bờ sông Hudson ấy, nhưng tôi cũng xin cảm ơn lòng tốt của Đức ông.

Thái Tử Micheal chìm vào giấc ngủ mê mệt. Chiếc mũ nhàu nát của ông lăn từ trên băng ghế xuống đất. Anh trai trẻ nhặt nó lên, đặt lên trên khuôn mặt nhem nhuốc, xếp đôi chân thư giãn thô kệch vào vị trí thoải mái hơn. Anh nói: “Tên quỷ sứ tội nghiệp!”, rồi kéo hai vạt áo tả tơi che kín ngực Thái Tử.

Tiếng ngân nga bắt đầu từ nóc tháp lúc hai kim chỉ đúng 9 giờ. Anh trai trẻ lại thở dài, quay nhìn lần cuối ngôi nhà, xem như để từ bỏ mọi hy vọng – và rồi anh ta reo lên những tiếng phạm thánh trong nỗi vui mừng thiêng liêng.

Từ khung cửa sổ giữa trên cao, tín hiệu của sự tha thứ và hạnh phúc sắp đến đang phát phơ, phần phật, la đà như tuyết, tuyết vời.

Một công dân đang đi đến, phục phịch, thoải mái, vội rảo về nhà, không biết gì đến những khoái trá đến từ chiếc khăn quàng lụa phát phơ đối diện hàng rào của công viên đèn mù mờ. Anh trai trẻ hỏi:

-Xin ông làm ơn xem giờ cho tôi.

Người công dân, khôn ngoan xoay người để chiếc đồng hồ được an toàn, rút nó ra xem rồi tuyên bố:

-Tám giờ hai mươi chín phút rưỡi.

Vừa lúc, theo thói quen, ông nhìn lên cái đồng hồ trên nóc tháp, rồi tiếp:

-Ơ kìa! Cái đồng hồ ấy đi nhanh nửa giờ. Lần đầu trong sáu năm trời tôi thấy nó chạy sai. Đồng hồ của tôi chưa bao giờ sai lấy...

Người công dân đang nói vào khoảng không. Ông quay lại và thấy vị thánh giả của ông trở thành một bóng đen mờ dần, bay về hướng căn nhà với ba khung cửa sổ còn sáng đèn.

Vào buổi sáng, hai người cảnh sát đi tuần trong công viên. Khung cảnh vắng lặng ngoại trừ một thân người rách rưới đang nằm xoải, ngủ mê mệt trên một băng ghế. Họ dừng lại nhìn. Một người nói:

-Đấy là Mike Nghiện. Hắn ngã bần đần mỗi đêm. Bạn thân của công viên trong hai mươi năm nay. Có thể là đến gần cuối cuộc đời rồi

Người cảnh sát kia nhìn vào vật gì đấy nhàu nát dòn cứng trong bàn tay của người say ngủ.

-Quái lạ! Hắn thò ra một tờ giấy năm mươi đô. Mình muốn biết nhãn hiệu hắn hút là gì.

Và rồi “Cộc, cộc, cộc!”. Cây dùi cui của thực tại gõ vào gót giày của Thái Tử Micheal xứ Valleduna.

O. Henry

Thợ cắt tóc kể chuyện

Người đưa thư nhún mình vào chiếc ghế với dáng vẻ như có ý xin lỗi, vì tia nhìn trịch thượng và khinh rẻ của ông thợ cắt tóc. Ông ta thật là dữ dằn, lạnh lùng và tự tin, lại còn nhìn thiên hạ bằng thái độ miệt thị. Tóc Người Đưa Thư đã được cắt ngắn bằng tông-đơ hôm trước. Ông thợ cắt tóc hỏi nhỏ nhưng với giọng đầy nguy hiểm:

- Cắt tóc hờ?

- Cạo râu.

Ông thợ cắt tóc nhướng đôi lông mày, phóng một tia nhìn khinh rẻ về nạn nhân của ông, rồi quật chiếc ghế ngã nằm xuống sau âm thanh cọt két rồi tiếng đánh ầm vang dội.

Ông ta với lấy chiếc lọ đựng kem và bàn chải, ném cho Người Đưa Thư tia nhìn khinh khi muôn thuở, rồi khịt mũi quay đi về hướng vòi nước. Rồi ông quay lại, trằm lên nạn nhân thụ động một tấm vải thùng thình, và với bàn tay không thương xót quệt một khối kem cạo râu có mùi ngọt ngọt lên miệng anh khách. Rồi ông bắt đầu kể chuyện, ông hỏi:

- Đã từng đến Seattle, lãnh địa Washington, chưa?

- Người Đưa Thư cố vùng vẫy trong đám kem:

- - Bơ lúp-a-lúp-bơ lúp.

Rồi anh lắc đầu một cách yếu ớt.

- Tôi cũng chưa. Nhưng một đứa em trai của tôi tên Bill có một vườn cam, cách thành phố St. John của bang Florida chín dặm. Đây chỉ là một sợi tóc chẻ trên cổ anh; nó mọc sai chỗ. Đôi lúc huýt-ky khiến tóc mọc như thế. Huýt-ky là thứ ghê gớm. Ông có uống Huýt-ky không?

Cả mặt Người Đưa Thư chỉ còn một con mắt là không bị kem phủ, nên anh cố gửi một tín hiệu nói “không” lên dây thần kinh

thị giác ở đây, nhưng ông thợ cắt tóc đã quá nhanh nhẹn khéo léo lấy bàn chải phết một nhát phủ xà phòng lên nốt con mắt ấy. Ông tiếp tục:

- Đứa em tôi hay nát rượu. Hắn uống huýt-ky nhiều hơn bất cứ ai ở Houston, nhưng không bao giờ say. Hắn có một ghế trong hiệu của tôi, nhưng tôi phải cho hắn đi. Bill có tính khí tuyệt vời. Khi hắn đã uống rượu đến mức không chịu thêm được nữa thì hắn ngừng uống. Chỉ hai con mắt của hắn biểu lộ cho thấy điều ấy. Đôi mắt dường như trở thành đùng đục, tanh tanh, và không còn xoay trở được trong cái đầu của hắn. Khi Bill muốn nhìn qua một bên, hắn thường dùng mấy ngón tay để xoay hai tròng mắt hắn một chút về hướng hắn muốn nhìn. Hai con mắt hắn y hệt như mấy cửa sổ tròn anh thấy trên nóc vòm nhà bưu điện. Anh có thể nghe Bill thở dốc bên kia đường khi bụng hắn đã đầy rượu. Hắn có thể cạo cho người ta khi say cũng tươm tất như khi tỉnh.- Dao cạo có làm ông đau không?

Người Đưa Thư cố đưa một tay khoác ra hiệu chối bỏ mọi cảm giác đau đớn, nhưng con mắt lạnh lẽo của ông thợ cắt tóc đã bắt được cử động và ông lấy nguyên sức nặng của thân hình mình đè lên bàn tay

ấy , ép dẹp nó xuống chiếc ghế. Ông ta tiếp tục:

- Tôi luôn để ý thấy rằng khách của Bill đông gấp 4 lần khách của tôi, ngay cả khi hấn lăm rượu như thế. Thiên hạ cứ đến 3, 4 lần mỗi ngày, ngồi chờ hấn để đến lượt mình trong khi ghế của tôi lại trống vắng. Tôi không hiểu nổi tại sao như thế. Bill có khách nườm nượp đến nỗi hấn không có thì giờ đi ra ngoài cửa hiệu, nhưng hấn giữ một hũ rượu to trong phòng sau, cứ cách vài phút là hấn chui vào đấy để làm một hóp.

“ Một ngày kia tôi để ý thấy một ông vừa ra khỏi ghế cắt tóc là có hành động khác thường, người lão đảo khi bước ra ngoài. Một hai ngày sau, cửa hiệu đông khách từ sáng đến tối, và một ông khách trở lại 3 lần đòi cạo râu cho ông trong buổi xế chiều. Vài ngày kế tiếp, có cả một đám khách đầy trong cửa hiệu, rồi còn có cả một đám người xếp hàng theo hè phố dài ra cho đến hai ba nhà kế bên. Hôm ấy Bill kiếm được 9 đô. Tối ấy có ông cảnh sát đến dựng tôi dậy, bảo là tôi phạm tội mở quán rượu không giấy phép. Hình như hơi thở của Bill nồng nặc mùi huyết-ky đến nỗi mỗi ông khách sau khi được nó cạo trở nên hưng chí và giới thiệu bạn bè mình đến đấy để cạo râu. Tôi tốn mất 300 đô để thoát khỏi cái nạn ấy, rồi sau đấy không bao lâu tôi phải tổng Bill đi Florida.

Ông thợ cắt tóc tóm lấy nạn nhân qua vành tai và tổng cái đầu ngả qua bên kia. Ông tiếp tục:

- Có lần tôi được gọi đến đường Piney để cạo một người chết. Dân thợ cạo không thích việc này, tuy mỗi lần họ kiếm được 5 đến 10 đô. Đây là số 1908 đường Piney. Tôi đi khoảng 11 giờ tối. Tôi tìm ra con

đường, rồi bắt đầu đếm từ góc phố cho đến khi tôi tìm ra số 1908. Tôi có dao cạo, kem vôi chai lọ đựng trong một chiếc hộp dành cho công việc như thế. Tôi đến gõ cửa căn nhà. Một ông già mở cửa, mắt ông nhìn xuống chiếc hộp dụng cụ của tôi. Ông nói: " Ông đến đây rồi phải không? Thế thì mời ông lên lầu, ông ấy ở căn phòng bên tay phải. Không có ai ở với ông ấy cả. Ông không có bạn bè hoặc thân nhân nào trong thành phố; ông ấy chỉ mới đến thuê phòng ở đây khoảng 1 tuần nay.

Tôi hỏi: " Ông ấy... việc xảy ra đã bao lâu rồi?"

ông già đáp: " Tôi đoán chừng một giờ."

Tôi thấy nhẹ nhõm vì cạo cho xác chết luôn luôn dễ hơn là vôi xác đã chết lâu thành lạnh cứng. Tôi đi vào căn phòng, vặn ngọn đèn lên. Xác người đàn ông được đặt nằm trên giường. Ông ta vẫn còn ấm, bộ râu của ông ta đã mọc ra khoảng được 1 tuần. Tôi bắt đầu làm việc, và trong nửa giờ đồng hồ tôi cạo sửa cho ông ấy sạch đẹp đến nỗi ông sẽ hài lòng hết mình nếu ông còn sống. Rồi tôi đi xuống dưới nhà và gặp lại ông già.

Ông già hỏi tôi: " Thành công thế nào?"

Tôi đáp: " Tốt. Ông ấy bây giờ trông được lắm. Ai trả tiền đây?"

Ông già đáp: " Hôm qua ông ấy đưa tôi 30 đô để gửi cho thân nhân của ông ấy ở Alabama. Tôi nghĩ tiền công của ông là lấy từ khoản tiền này."

Tôi nói: " Thù lao là 5 đô."

Ông già đưa tôi 5 đô. Tôi đi về nhà mà thấy hoàn toàn thoả mãn về công việc mình làm.

Đến đây, ông thợ cắt tóc chộp lấy chiếc ghế, ném nó dựng đứng lên, giật tấm vải choàng ra, vùi hai bàn tay trong mái tóc của Người Đưa

Thư và nhổ ra một dúm, đấm đấm nện nện, lắc cái đầu qua lại dữ dội, rồi khẽ rít một cách mỉa mai:

- Dừng còn nguyệt quế không?

Người Đưa Thư gật đầu một cách ngu xuẩn, nhắm hai mắt lại và cố nhớ ra, nhưng vô hiệu, một câu kinh cầu nguyện.

Ông thợ cắt tóc kể tiếp:

- Ngay hôm sau, tôi có nghe một tin. Dường như có một ông qua đời ở số 1908 đường Piney không lâu trước khi một ông ở nhà kế bên uống thuốc độc. Người ở nhà ông uống thuốc độc mời bác sĩ đến, còn thân nhân người chết trong nhà kia đi kêu thợ cạo. Điều nực cười là cả ông bác sĩ và tôi đều bị nhầm lẫn nên đi đến nhầm địa chỉ. Ông bác sĩ đi đến nhà người chết và gặp vị bác sĩ gia đình lúc ấy chuẩn bị ra về. Ông không bỏ phí thì giờ để hỏi han, mà lấy ra cái bơm dạ dày, nhét vào họng người chết rồi lo bơm chất độc ra. Trong lúc ấy tôi lại lo cạo cho người uống thuốc độc còn sống đang nằm chờ bác sĩ. Và đoạn chết cười nhất là sau khi ông bác sĩ đã bơm ra mọi thứ thuốc khỏi dạ dày người chết mà ông bác sĩ gia đình nọ đã cho uống, người chết bỗng mở mắt, ngồi dậy rồi ăn bíp-tết với khoai tây. Việc này làm ông bác sĩ nổi xung lên, nên ông và ông bác sĩ có cái bơm dạ dày xông vào đấm đá nhau, rồi cả hai cùng ngã lăn xuống cầu thang và làm cái giá treo mũ vỡ thành từng mảnh vụn.

Người Đưa Thư hỏi một cách e dè:

- Còn cái ông đã uống thuốc độc thì ra sao?

- Ông ấy à? Dĩ nhiên là ông ấy chết, nhưng chết với khuôn mặt cạo chỉnh tề đẹp trai không ai bằng.

O. Henry

Thợ cắt tóc phiêu lưu

Dịch giả: Diệp Minh Tâm

Nguyên tác tiếng Anh :Barber shop adventure

Khi Người Đưa Thư bước vào hiệu cắt tóc hôm qua, các ghế đã đầy khách, và trong một giây phút ngắn ngủi anh cảm thấy phấn khởi vì hy vọng rằng mình có thể thoát nạn, nhưng đôi mắt của ông thợ cắt tóc, vô hồn và thăm thẳm, đã dán lấy anh. Ông ta nói:
-Kế tiếp là anh.

Ông thợ cắt tóc nói với tia nhìn quỷ quái, và Người Đưa Thư buông mình vào chiếc ghế cứng được đóng đinh chặt vào tường, với một cảm giác vô vọng. Anh nhìn ra ánh nắng một đổi, rồi ghim một tờ giấy ghi địa chỉ của anh vào chiếc kim cà vạt, phòng khi chuyện tồi tệ nhất có thể xảy ra, rồi sắp xếp thế ngồi trong chiếc ghế. Anh cho ông thợ cắt tóc biết là anh không cần cắt tóc, và đáp lại anh nhận một tia nhìn lạnh lùng ra vẻ không muốn tin và pha lẫn sự khinh thường. Chiếc ghế bị ném ngửa xuống, kem cạo râu được trộn, và khi cái bàn chải chết người thành công trong việc làm ngưng trệ mọi giác quan nghe, thấy và ngửi, Người Đưa Thư chìm vào tình trạng như bị ngất đi.

Ông thợ cắt tóc kể:

-Nói về mấy cái đầu hói (ông ta làm như thể chưa có ai nói về đầu hói cả!), khiến tôi nhớ lại có lần một tên bợm đã chơi tôi một vỏ ngay tại Houston đây. Anh biết đấy, không gì trên thế giới này có thể làm một cái đầu hói mọc tóc được cả. Có nhiều thứ được bán ra trên thị trường với mục đích ấy, nhưng nếu cái gốc đã chết rồi thì không có thứ nào làm nó hồi sinh được. Một ngày mùa thu vừa rồi, có một người đến để nhờ tôi cạo. Đầu của ông ta hói và láng trơn như một cái tách uống trà. Mọi thứ thuốc bổ dưỡng trên thế gian này đều không thể làm mọc một cọng tóc nào trên một cái đầu như thế. Tôi chưa gặp ông lần nào, nhưng ông nói ông làm chủ một bãi xe tải ngoài ngoại ô thành phố. Ông đến khoảng ba lần để cho tôi cạo rồi nhờ tôi cho ông một món thuốc gì đấy để giúp tóc ông mọc lại. Đến đây, ông thợ cắt tóc với tay ra sau lấy một đoạn băng dính. Rồi ông ta cắt sườn một đường trên cái cằm của Người Đưa Thư và đắp miếng băng dính lên đấy. Ông kể tiếp.

Khi khách hàng hỏi mua thuốc làm mọc tóc trong một cửa hiệu cắt tóc thì thế nào họ cũng có. Anh có thể pha một thứ thuốc gì đấy để khách hàng dùng thử trên đầu, phải một thời gian lâu ông ta mới nhận ra là thuốc không công hiệu. Trong thời gian ấy ông ta sẽ tiếp tục đến nhiều lần cho anh cạo.

Tôi nói với khách là tôi đã chế ra một công thức giúp đầu hói nhất cũng mọc tóc được, nếu dùng kiên trì. Nên tôi viết ra một công thức, rồi bảo ông nhờ một hiệu y dược pha chế mà đừng cho ai biết, vì tôi định sẽ lấy bằng sáng chế và sản xuất đại trà. Công thức gồm một số

chất vô hại, ít muối tartar, dầu hạnh nhân, cồn nguyệt quế, nước hoa hồng, nhựa trầm hương, và vài thứ khác. Tôi viết ra một cách ngẫu nhiên khi tên một chất nào đấy hiện ra trong đầu tôi, nên chỉ nửa giờ sau tôi không thể nhớ được mình đã viết những gì. Ông ta cầm lấy bản công thức, trả tôi một đô rồi đem đi pha chế tại nhà thuốc.

Trong tuần ấy ông trở lại hai lần cho tôi cạo râu, ông bảo ông đang kiên trì dùng thuốc tôi cho. Thế rồi trong hai tuần kế ông không đến nữa. Một buổi chiều ông đến, giờ mũ ra, và tôi muốn ngã ngửa khi thấy tóc đã bắt đầu mọc trên đầu ông. Đám tóc thật là đẹp, thế mà hai tuần trước đấy đầu ông còn sỏi láng như cái nắm cửa.

Ông bảo tôi ông rất hài lòng với thuốc của tôi, đương nhiên là thế. Trong khi tôi đang cạo cho ông, tôi cố nhớ lại những chất mà mình đã viết ra cho ông, nhưng tôi không tài nào nhớ mấy liều lượng, mà còn quên luôn cả phân nửa số chất tôi đã dùng. Tôi biết rằng do may rủi tình cờ tôi đã viết ra một công thức làm mọc tóc, và tôi biết thêm rằng công thức này đáng giá cả triệu đô la. Nếu làm cho mấy cái đầu láng mọc tóc lại thì nó sẽ có giá hơn bất kì mỏ vàng nào. Nên tôi quyết định tôi phải nắm được công thức này.

Khi ông ta sắp đi, tôi lơ đãng hỏi ông ta: “Ông Plunket, nhân tiện đây, tôi đã đánh mất cuốn sổ tay ghi công thức làm mọc tóc, giờ tôi muốn pha ra ít chai. Nếu ông có mang theo bản công thức tôi cho ông, tôi muốn chép nó khi ông đang ở đây.”

Có thể tôi đã để lộ vẻ quá lo lắng, vì ông ta nhìn tôi giây lát rồi cười phá lên: “À há! Tôi không tin là ông đã chép công thức này từ đâu cả. Tôi tin là ông đã vô tình ghi đúng một công thức có hiệu quả và giờ ông không thể nhớ được. Tôi không đến nỗi ngây thơ như ông tưởng. Cái công thức thuốc mọc tóc này là cả một gia tài, mà lại là

gia tài lớn nữa! Tôi muốn giữ công thức này để kiếm ai đấy cần mua nó để làm ăn.”

Ông ta định bước đi , nên tôi kêu ông vào phòng sau, nói chuyện với ông cả nửa giờ.

Cuối cùng thì tôi thương lượng với ông và mua lại công thức ấy với giá 250 đô tiền mặt. Tôi đến nhà băng xin rút tiền từ trương mục mà tôi để dành định cất một căn nhà. Ông ta trả lại bản công thức tôi đã cho và ký một tờ cam đoan từ chối mọi quyền lợi dính dáng đến nó. Ông cũng đồng ý ký một giấy xác minh hiệu lực của chất thuốc đã giúp ông mọc tóc trong hai tuần.

Ông thợ cắt tóc bắt đầu có vẻ đờm buồn, đưa mấy ngón tay vào trong cổ áo của Người Đưa Thư rút ra một cục áo, và chiếc cúc bay ra ngoài cửa rơi xuống đường cống. Ông kể tiếp.

Ngày hôm sau tôi gửi đơn đến Washington xin cấp bằng sáng chế cho công thức mọc tóc của tôi, rồi dàn xếp với một hãng dược phẩm lớn ở Houston để lo việc phân phối thị trường cho tôi. Trong mắt tôi có một triệu đô la. Tôi trang bị một phòng hóa để tự tôi chế ra món thuốc, vì tôi không muốn để một ông dược sĩ hoặc bất kỳ ai khác biết có thứ gì trong đấy, rồi để cho mấy ông dược sĩ vô chai và dán nhãn. Tôi ngưng việc cắt tóc để dành hết thời gian vào món thuốc mọc tóc.

Ông Plunket đến tìm tôi một hai lần trong hai tuần kế, và tôi thấy tóc ông vẫn đang mọc rất tốt. Chẳng bao lâu tôi đã có một số thuốc với giá vốn khoảng 200 đô, sẵn sàng tung ra thị trường. Rồi ông Plunket

hứa sẽ đến một ngày thứ Bảy trao cho tôi tờ giấy xác minh để tôi cho in ra tờ quảng cáo mà tôi định sẽ cho tràn ngập cả nước.

Ngày thứ Bảy, khi tôi đang pha món thuốc chờ ông ta đến thì cánh cửa mở, rồi ông Plunket bước vào. Ông ra xem chừng tức giận lắm.

Ông la lối: “Xem này! Chất thuốc của anh làm sao mà như thế này?”

Ông giở mũ ra, và cái đầu của ông lảng và trụi như quả trứng.

Ông ta thô lỗ nói: “Tóc tôi rụng quách hết rồi. Cho đến sáng hôm qua nó còn mọc, sau đấy nó bắt đầu rụng, đến sáng hôm nay cóc còn một sợi nào cả.”

Tôi xem xét đầu của ông, quả thật không còn bóng ma một sợi tóc nào nữa. Ông ta tức giận hỏi: “Thuốc của anh tích lợi cóc gì khi nó làm tóc mọc rồi lại rụng tuyệt như thế?”

Tôi nói: “Khổ cho tôi quá, ông Plunket à, đừng nói cho ai biết về việc này nếu không ông làm tôi phá sản mất! Tôi đã đổ hết tiền của mình để đầu tư vào thứ thuốc mọc tóc này, giờ tôi cần thu lại vốn. Nó đã giúp ông mọc tóc, ông cho tôi tờ giấy xác minh như thế và giúp tôi bán phần thuốc đã pha chế. Ông đã đi trước 250 đô, nên ông cần giúp tôi thoát ra.”

Ông ta vẫn còn giận điên lên, ngắt lời tôi, bảo rằng tôi lường gạt ông ta và dọa sẽ vạch trần sự thật về thứ thuốc này, đại loại như thế.

Cuối cùng ông đồng ý là nếu tôi trả thêm 100 đô cho ông, ông sẽ cho tôi tờ giấy xác minh là thuốc giúp mọc tóc mà im đi việc nó làm rụng hết tóc sau đấy. Nếu tôi cso thể bán mớ thuốc tôi đã chết với giá 1 đô rưỡi một chai thì tôi có thể hoàn vốn.

“Tôi phải đi vay tiền để chi cho ông, sau đấy ông trao cho tôi tờ giấy xác minh.”

Người Đưa Thư hỏi, cố giữ giọng để không gây phật ý:

-Ông có bán hết được thuốc không?

Ông thợ cắt tóc ném cho anh một tia nhìn khinh khi chế nhạo rồi nói với một giọng mỉa mai:

-Có chứ, tôi bán được hết. Tôi bán được đúng năm chai. Rồi mấy người mua, sau khi đã kiên trì dùng trong một tháng, quay lại đòi tiền cả. Không một ai đã dùng mọc được một sợi tóc nào cả.

-Ông lý giải thế nào về việc thuốc ấy đã giúp tóc ông Plunket mọc lại được?

Ông thợ cắt tóc nói với một giọng đầy nguy hiểm khiến Người Đưa Thư phải rùng mình:

-Tôi lý giải thế nào đây? Tôi lý giải thế nào đây? Để tôi nói cho anh nghe tôi lý giải thế nào. Một ngày nọ, tôi đến tìm nơi ông Plunket cư ngụ ở ngoài ngoài ô. Tôi hỏi cái ông đi ra ở cổng gặp tôi. Ông ta hỏi lại: “Ông Plunket nào?”

Tôi nói: “Cái ông Plunket ngụ ở đây này.”

Ông ta bảo: “Cả hai đã dọn đi rồi.”

Tôi hỏi: “Anh nói “cả hai” nghĩa là thế nào?” Và rồi tôi bắt đầu nghĩ ra, tôi hỏi: “Hai ông Plunket ấy hình dáng như thế nào?”

Ông ta bảo: “Họ giống nhau như hai giọt nước. Họ là anh em sinh đôi, không người nào có thể phân biệt được ai là ai nếu chỉ nhìn bề ngoài hoặc nghe giọng nói. Chỉ có một sự khác biệt là một ông có cái đầu hói như quả trứng, còn ông kia đầu đầy cả tóc.”

Ông thợ cắt tóc đội một cốc còn nguyệt quế, để chảy xuống vạt áo phía trước của Người Đưa Thư.

-Bây giờ tôi lý giải như thế đây. Cái ông Plunket đầu hỏi đến hiệu tôi lần này, cái ông có tóc đến lần khác, nhưng tôi không thể phân biệt được ai là ai.

O. Henry

Tiền Và Thần Tình yêu

Nghe có tiếng xe hơi đậu, ông Anthony Rockwall - nhà công nghiệp, chủ hãng xà phòng Eureka nay đã nghỉ hưu - ngẩng lên, nhìn qua cửa sổ phòng đọc sách. Thấy người hàng xóm ở kế bên phải - lão quý tộc G.Van Schuylicht Suffolk Jones - bước xuống xe, ông tức cười. Như thường lệ, vừa chạm mặt pho tượng Ý thời Phục hưng đặt trước tiền sảnh dinh cơ của ông, lão quý tộc lại nhăn tít cái mũi khoằm khoằm lại.

Cựu hoàng xà phòng lắc đầu: "Khó chịu với cái bức tượng cổ ấy làm gì cơ chứ; phải lão đừng để ý, ta đã tặng nó cho viện bảo tàng rồi... Hè tới đây, ta sẽ cho sơn lại ngôi nhà này, không biết lúc ấy cái mũi vệt của lão còn chun tới đâu nữa!".

Vươn vai đứng dậy bước ra cửa phòng, với cái giọng rền vang như chuông vỡ, ông gọi to: "Mike!"; và khi nghe có tiếng đáp, ông bảo: "Nói với con trai ta, có đi đâu thì cũng phải vào đây một lúc đã, nhé!". Và, khi con trai ông - một tay xóc xóc xâu chìa khóa trong túi quần, tay kia vò đầu nhưng quần áo vẫn thơm tắp - bước vào, ông đặt tờ báo sang một bên, soi mói nhìn anh. Đột nhiên, ông hỏi:

- Richard, xà phòng con vẫn dùng, con trả thế nào?

Richard bối rối. Mới ra trường, về nhà chưa đến sáu tháng, chưa hiểu hết tính khí của ông già, anh lúng túng cứ như một cô gái khi đến dự buổi khiêu vũ đầu tiên trong đời.

Anh lắp bắp:

- Đâu chừng... sáu đô la một tá, bố à!

- Còn quần áo con vẫn mặc?

- Dạ... cỡ sáu mươi đô; cũng vừa phải thôi...

Ngồi nhồm dậy, vẻ dứt khoát, ông già bảo:

- Con thuộc giới thượng lưu. Bố nghe nói giới trẻ thượng lưu vẫn xà phòng loại hai mươi bốn đô một tá, và quần áo chúng mặc không thứ nào dưới một trăm đô; con đâu có thiếu tiền, tội gì phải dè sẻn!

Hiện nay, không phải vì tư vị mà bố vẫn xà phòng Eureka loại cũ; đó là loại tốt nhất đấy. Đừng có vì hà tiện mười xu mà đi mua loại xà phòng tồi; đối với thanh niên ở thế hệ của con, với vị trí xã hội như con, xà phòng loại năm mươi xu một bánh thì cũng cho là được đi. Bố đã nói, con thuộc giới thượng lưu; người ta vẫn thường nói là phải phấn đấu cả ba đời mới chen chân được vào giới đó, bố không tin như vậy. Cũng như dầu để nấu xà phòng, tiền bạc bôi trơn tuốt; tiền bạc sẽ đặt con vào giới thượng lưu. Nói không quá đáng chứ, nhờ có tiền, bố mới là bố, bố thô lỗ, bố cục mịch không khác mấy lão ở kế nhà mình, vậy mà bố còn phải vãi tiền ra mới được xem là cùng giới với họ...

- Cũng có thứ mà tiền không làm được đâu, bố à! – Richard rầu rĩ đáp.

Ông già tỏ ra phật ý:

- Thời buổi này mà con còn nói vậy à? Bố sẵn sàng đánh cuộc đấy.

Con cứ thử tra từ đầu đến cuối quyển đại từ điển bách khoa xem, có thứ gì mà con không mua được bằng tiền không; bố đổ con đấy...

Về bút rút, Richard đáp:

- Có đấy bố; có một thứ mà không tiền bạc nào mua được.

Ông Anthony kêu lên:

-Thật vậy sao? Đâu, con nói thử đi, có thứ gì mà tiền bạc không thể mua được đâu nào?

Richard lắc đầu.

Ông già quạu:

-Bố kêu con vào là vì chuyện ấy đấy; từ hai tuần nay bố để ý thấy hình như con có chuyện gì không ổn. Có gì mà phải buồn cơ chứ. Bố chỉ nhón tay một cái là thu được ngay mười một triệu đô la trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, không tính của chìm. Nếu con muốn, chiếc du thuyền Rambler thả neo trong vịnh kia sẽ là của con; đổ than vào, chỉ cần hai ngày là con có thể tắm biển ở Bahamas...

Richard hiểu ý ông già muốn nói gì; anh nói giọng uể oải:

- Bố đoán gần đúng rồi đấy.

- A! - ông già nheo mắt, reo lên- Vậy thì nói đi, cô ta tên gì nào?

Richard đi đi lại lại quanh phòng; ông già tuy hay lớn tiếng nhưng coi bộ từng trải, dễ gần, có thể trút bầu tâm sự được.

Thấy Richard không trả lời, ông già lại đoán:

- Con chưa biết tên cô ta à; sao không hỏi? Bố tin là cô ta ngã vào vòng tay con ngay ấy chứ! Con có tiền này, đẹp trai này, lịch thiệp này, tay con không hôi mùi xà phòng này, con có học này... cô ta còn muốn gì nữa, hả?

- Con không có cơ hội gần gũi cô ấy. – Richard rầu rĩ đáp.

- Cơ hội...- Ông già kêu lên: - Sao không tạo cơ hội? Mời cô ta đi dạo

ở công viên, đưa cô ta về nhà sau khi xem lễ, đón cô ta sau buổi hòa nhạc... Ôi dào, cơ với chả hội!

- Bố không biết ấy chứ... trong tầng lớp cô ta, giờ giấc sát sao lắm, được sắp đặt trước hàng mấy ngày... Không cưới được cô ấy, đối với con, thị trấn này chẳng khác gì chốn ngục tù u ám... Con không viết thư cho cô ấy được đâu, làm như vậy không được đâu!

- Thôi đi, ý con muốn nói tiền bố cho con chưa đủ để mua một hai giờ trò chuyện tay đôi với cô ta chứ gì?

- Trễ rồi bố à! Trưa ngày kia là cô ấy đi châu Âu học trong hai năm. Ngày mai con sẽ gặp riêng cô ấy được ít phút. Lúc này cô ấy đang ở nhà bà dì ở Larchmont, con không đến đó được, nhưng cô ấy đã nhận lời cho con đi taxi đến đón cô ấy ở ga xe lửa trung tâm lúc 8g30, từ đó tụi con phải đi thật nhanh đến rạp Wallace. Mẹ cô ấy và mấy người nữa sẽ đợi sẵn ở đó để cùng vào xem kịch với tụi con. Bố thử nghĩ, trong hoàn cảnh ấy, với sáu, bảy phút, con làm sao nói chuyện được với cô ấy, nói được gì nào? Rồi trong khi xem kịch hoặc cả sau đó nữa, còn cơ hội nào để con bày tỏ với cô ấy đây? Không, không còn cơ hội nào nữa đâu! Tiền bạc của bố không giúp gì được đâu, không mua được phút nào đâu! Nếu mua được, hẳn người giàu đã bỏ tiền ra mua để được sống lâu hơn... Từ bây giờ cho đến lúc cô ấy lên đường, không hy vọng gì kiếm ra thời gian để gặp riêng cô ấy được đâu!

Ông Anthony nheo mắt:

- Được rồi, được rồi, Richard. Giờ thì con có thể xuống câu lạc bộ chơi được rồi đấy. Bố hy vọng là con không quá si ngốc đến mức quên cả vui chơi... À, thỉnh thoảng con cũng nên vào đèn thấp vài nén nhang cầu thần Mazuma phù hộ... - Ngừng một chút, ông tiếp -

Tất nhiên là con không thể dùng tiền mua thêm thời gian cho mình hoặc ra lệnh cho thời gian ngừng trôi, nhưng bố thì đã nhiều lần bố trông thấy Thần Thời gian vấp té đập cả chân khi bước qua mấy cái mỏ vàng đấy!

Tối đó, lúc ông già đang đọc tờ báo buổi chiều thì cô Ellen tới; chẳng mấy chốc, cuộc chuyện trò giữa hai anh em đã xoay quanh chuyện thằng cháu si tình.

Ông già che miệng ngáp:

- Nó nói với tôi cả rồi, và tôi cũng đã nói với nó là tiền bạc của tôi là để lo cho nó, nhưng nó không tin là tiền bạc có thể lo được. Nó nói tiền bạc cũng chẳng ích gì. Nó nói là dù cho có cả chục ông triệu phú cùng xúm vào cũng không thể nào lay chuyển nổi các ước lệ xã hội...

Cô Ellen nóng nảy:

- Anh Anthony này, anh đừng nói đến chuyện tiền bạc nữa, có được không! Đối với tình yêu chân thành thì tiền bạc có ý nghĩa gì cơ chứ! Anh phải biết, tình yêu có sức mạnh vạn năng. Phải chi nó chịu nói sớm sớm một chút... Em biết, cô ta không từ chối thằng Richard nhà mình đâu. Giờ thì trễ quá rồi, thằng bé đâu còn dịp nào để ngỏ ý với cô ta nữa chứ! Tiền bạc của anh làm sao mua được hạnh phúc cho nó!

Tám giờ tối hôm sau, cô Ellen lục trong chiếc hòm mọt đục, lấy ra một chiếc nhẫn vàng trông là lạ, đem đến cho Richard. Cô bảo:

- Đây là chiếc nhẫn mẹ cháu để lại cho cô. Mẹ cháu nói là nó đem lại may mắn trong tình yêu, và dặn cô trao lại cho cháu khi nào cháu tìm được người yêu. Tối nay, cháu nhớ đeo vào tay...

Richard thành kính cầm chiếc nhẫn, ước vào ngón tay út; nó hơi lỏng, vào quá đốt thứ hai một tí mới dừng lại. Với phong thái chừng

chạc của một người đã trưởng thành, anh cởi nhẫn ra, cất vào túi áo vét, xong, anh quay điện thoại gọi taxi.

Tám giờ ba mươi hai phút, anh nhìn thấy Lantry đứng lẫn trong đám đông trước cửa nhà ga. Thấy anh, cô gái nói nhanh:

- Mình phải nhanh nhanh lên mới được, đừng để mẹ phải đợi lâu!
- Tới rạp Wallace, càng nhanh càng tốt. – Richard ra lệnh cho tài xế.

-

Theo đường Bốn mươi hai, xe đỗ ra đại lộ Broadway, xuôi theo làn đường dành riêng cho xe con. Đến đường Ba mươi tư, Richard đập vai tài xế, bảo dừng lại. Anh xin lỗi cô bạn, xuống xe:

- Tôi bị rớt chiếc nhẫn. Chờ tôi một phút, tôi thấy chỗ nó rơi rồi. Nhẫn mẹ tôi để lại, để mất... tôi không đành lòng...

Chưa đến một phút, anh đã quay trở lại, chiếc nhẫn trên tay.

Nhưng, trong khoảng thời gian chưa đến một phút đó, không biết từ đâu, một chiếc xe to kèn đã đậu chắn ngay phía trước chiếc taxi.

Tài xế lách sang trái, cố vượt qua, nhưng vướng phải chiếc xe tải chất đầy hàng hóa; anh ta lùi xe, tính lách sang phải, lại đụng nhằm chiếc xe chở bàn ghế tử giường lớn ngổn đậu ở phía sau, lái xe không biết đã bỏ đi đâu; hết đường xoay trở, tài xế rửa thềm trong bụng, ôm vô-lăng chịu trận giữa cái mớ xe cộ vô ý thức đó.

Cô Lantry nóng nảy giục:

- Đi đi chứ, trễ quá rồi!

-

Richard nhồm lên, nhìn quanh. Cả một rừng xe – nào taxi, nào xe tải, xe con, xe tải nặng... đậu bít cả giao lộ mệnh mông nơi các con đường Ba mươi tư, đại lộ số Sáu, đại lộ Broadway cắt nhau; đã vậy, từ các đường nhánh, xe cộ cứ ùn ùn đổ tới, cản sau xe trước chạm

cản trước xe sau, cả cửa xe cũng bị ép cứng, không tài nào mở ra được.

Richard ngồi xuống, lắc đầu:

-Mình bị kẹt xe rồi. Ít ra cũng phải cả tiếng đồng hồ mới giải tỏa được cái mớ bòng bong này... Cũng tại tôi, phải chi chiếc nhẫn không rớt thì đâu đến nỗi...

Cô Lantry hỏi:

- Chiếc nhẫn đâu, anh cho xem...Tôi không trách anh đâu; vả lại tôi chỉ lo mẹ mong, chứ kịch thì cũng chẳng có gì đáng để xem...

Mười một giờ tối. Cửa phòng ông Anthony có tiếng gõ. Đang nằm trên giường xem dở quyển truyện phiêu lưu, ông già quát:

- Vào đi!

Đó là cô Ellen. Cô nói, không giấu nổi vẻ náo nức:

- Anh Anthony, tụi nó đính hôn rồi; cô ấy nhận lời cầu hôn của thằng Richard nhà mình rồi!...Tụi nó kẹt xe suốt hai tiếng đồng hồ, và thằng bé nhà mình đã không bỏ lỡ cơ hội...

Ngừng một chút để thở, cô nói tiếp:

- Nào, anh Anthony, giờ thì anh hết khoe của nhé! Chỉ cần một biểu tượng của tình yêu, chỉ cần một chiếc nhẫn tượng trưng cho tình yêu chân thành, chung thủy cũng đủ để thằng Richard nhà mình tìm thấy hạnh phúc... Tiền bạc thì làm sao bù được với tấm chân tình kia chứ!

Ông Anthony ngắt lời:

- Đủ rồi, đủ rồi; chỉ cần thằng bé đạt được ý nguyện là tôi mừng rồi. Tôi đã bảo, nếu nó cần thì tốn kém bao nhiêu tôi cũng không tiếc...

Cô Ellen cố cãi:

- Nhưng thử hỏi trong chuyện này, tiền bạc có đem lại được điều gì tốt đẹp không?!

Ông Anthony Rockwall dài giọng:

- Thôi nào, cô em; tôi đang đọc đến chỗ tên cướp bị đắm tàu đây này; để xem tiền bạc có thể cứu hẩn thoát chết đuối được không...

Cô để tôi đọc hết chương này đã, có được không?

Chuyện đến đây là hết. Tự thâm tâm, tôi mong là độc giả cũng hài lòng với hạnh phúc của Richard. Tuy nhiên, tôi nghĩ, nói gì thì nói, tỏ tường ngành ngọn vẫn hơn.

Sáng hôm sau, trước dinh cơ ông cựu hoàng xà phòng xuất hiện một người mặc áo ngắn tay, thắt chiếc cà-vạt xanh lốm đốm; anh ta rung chuông và được mời ngay vào phòng đọc sách.

Vớ tập ngân phiếu trên bàn, ông Anthony xé một tờ:

- Đây, năm ngàn tiền mặt, thưởng cho anh về khoản dầu để nấu xà phòng...

Kelly, người mặc áo ngắn tay, nói:

-Tôi còn phải xuất thêm ba trăm đô ngoài kế hoạch nữa đó: thuê thêm chiếc xe hàng với mấy chiếc taxi hết năm đô, chiếc xe tải nặng và mấy chiếc tải nhẹ mất mười đô. Mấy người chạy mô-tô đòi mười đô, đội bốc vác đòi hai mươi đô. Cảnh sát giao thông quát tôi nặng nhất, hai người trước, mỗi người năm mươi đô; hai người sau, một người hai mươi, một người hai mươi lăm... nhưng... họ cũng làm ra trò đấy chứ, ngài Rockwall? Cũng may mà ngài Thị trưởng không nhìn thấy cảnh kẹt xe... Chẳng tập dượt gì mà giờ giắc đầu đó khít rim; đúng hai tiếng đồng hồ, không sai chạy lấy một giây...

- Một ngàn ba trăm đô, anh cầm lấy. Thưởng thêm cho anh một ngàn, còn ba trăm là để bù vào số tiền túi của anh. Anh không chê tiền chứ, anh Kelly?

- Tôi áy à? Cứ có tiền thì bắt tôi làm mọi tôi cũng làm.

Ông Anthony gọi giật lại khi Kelly vừa ra đến cửa:

- Tôi quên hỏi, ở chỗ kẹt xe, anh có trông thấy một chú bé bụi bặm, trần truồng, giương cung bắn vãi ra bốn hướng không?

Kelly ngơ ngác:

- Sao, ông nói sao? Bắn tên vãi ra ấy à? Dààà... tôi không thấy, nhưng nếu có hẳn nó đã bị cảnh sát bắt nhốt từ trước rồi...

-Để gì bắt được nó – ông Anthony cười - Thôi chào anh, Kelly!

O. Henry

Xuân về trên thực đơn

Nguyên tác :Spring à la carte

Đây là một ngày tháng Ba.

Không bao giờ, nên nhớ là không bao giờ bạn viết như thế khi bắt đầu một mẩu truyện. Không có câu mở đầu nào tệ hại hơn nữa. Như thế là thiếu sáng tạo, đơn điệu, khô khan, và có thể rồi chỉ có gió... Nhưng trong hoàn cảnh này, câu trên lại có thể được người đọc chấp nhận. Vì lẽ, câu văn sau đây, đánh lẽ có thể được dùng để khánh thành mẩu truyện, lại quá cường điệu và đường đột nếu ta dửng dưng trước mắt người đọc mà thiếu sự chuẩn bị.

Sara đang khóc trên bản thực đơn của cô.

Cứ nghĩ đến một cô gái New York nhỏ nước mắt trên một bản thực đơn!

Để lý giải việc này, cho phép bạn đoán là có thể do tâm hèm không có trong thực đơn, hoặc là cô đã thề trong mùa Chay Tịch (thời gian 40 ngày trước lễ Phục Sinh, khi nhiều tín đồ Ki-tô thực hiện nghi thức tôn giáo gồm nhịn ăn và tỏ lòng sám hối về tội lỗi của mình) là sẽ không đụng đến món kem lạnh, hoặc là cô đã lỡ gọi món hành, hoặc là cô đã có một bữa ăn thịnh soạn. Rồi khi mọi giả thuyết này đều

không đúng, xin bạn vui lòng để câu chuyện được tiếp tục.

Cái ông, đã tuyên bố rằng thế giới chỉ là một con sò mà ông có thể dùng thanh gươm để tách nó ra, thì có thể gây tiếng vang lớn hơn là do ông có thực tài. Tách hai mảnh vỏ của con sò bằng gươm thì chẳng khó gì cả. Nhưng có khi nào bạn thử tách con sò trên cạn với máy đánh chữ không?

Sarah đã cố tách vỏ sò bằng vũ khí của cô. Không biết gì về tốc ký, cô không thể tham gia vào vũ trụ của những tài năng mà bạn thấy thường đi ăn trưa với đồng nghiệp của họ trong thời gian xe điện ngầm bãi công. Cô chỉ là thư ký đánh máy làm việc tự do trong những nghề kỳ lạ chuyên lo ghi chép.

Thành tựu sáng chói và danh giá nhất trong việc Sarah đấu giá với đời là sự dàn xếp với nhà hàng Schulenberg's - một cái tên Đức. Nhà hàng này nằm kế cận toà nhà có phòng mà cô thuê trọ. Một buổi tối nọ, sau một bữa ăn đáng giá 40 cent gồm năm món (được dọn ra cho khách nhanh như khi bạn ném năm quả bóng vào ông da đen), Sarah mang đi bản thực đơn. Nó được viết bằng nét viết thảo, hầu như không ai đọc ra đây là chữ Anh hay chữ Đức, mà cách viết lại lộn xộn đến nỗi nếu bạn không cẩn thận thì bạn có thể bắt đầu bữa ăn bằng cây tăm xỉa răng, rồi đến bánh ngọt, rồi đến món súp và ngày trong tuần. (Người phương Tây bắt đầu bữa ăn bằng món súp, thường là “súp trong ngày” nếu là trong nhà hàng, cuối cùng là bánh ngọt. Vì thực đơn viết lộn xộn nên thứ tự các món ăn bị đảo lộn và lại viết không rõ ràng nên món “súp trong ngày” bị đọc thành “ngày trong tuần”).

Ngày kế, Sarah cho Schulenberg xem một tờ thực đơn hoàn chỉnh, chữ đánh máy đẹp, với tên các món ăn được sắp xếp đầy hấp dẫn

đúng theo nghĩa vụ của chúng và đặt dưới tiểu tựa thích hợp, từ các món ăn nhẹ đến việc không nhận trách nhiệm về áo khoác và dù của khách.

Schulenberg xem như được thực sự là công dân Mỹ ngay tại chỗ, nhờ việc chỉnh sửa ngữ pháp và chính tả trên bản thực đơn của ông ! Sarah đạt được thoả thuận với ông. Cô sẽ đánh máy thực đơn cho hai mươi mốt bàn trong nhà hàng - một bộ thực đơn mới cho mỗi bữa ăn tối, thực đơn mới cho các bữa ăn sáng và trưa khi món ăn có nhiều thay đổi hoặc khi tờ thực đơn cũ đã nhăn nheo. Để bù lại, mỗi ngày Schulenberg cung cấp cho Sarah ba bữa ăn do một anh bồi – đầy hăng hái hết mức có thể - mang đến tận phòng trọ. Mỗi buổi chiều, Sarah sẽ nhận một bản nháp thực đơn viết bằng bút chì, thảo ra những gì mà Định Mệnh sẽ dành cho thực khách vào ngày hôm sau.

Hai bên đều hài lòng với thoả thuận này. Bây giờ thực khách của Schulenberg biết món mình ăn có tên gọi là gì, tuy đôi lúc vẫn còn hoang mang do chính bản chất lồi thoi của các món ăn ấy. Còn Sarah thì được ngày ba bữa trong mùa đông lạnh lẽo, vô vị, và chính yếu đây là điều cô cần.

Một ngày, bản niên biểu thời tiết dối trá cho là mùa xuân đã đến. Mùa xuân sẽ đến khi nó phải đến. Tuyết của Tháng Giêng vẫn còn cố chấp bao phủ trên đường phố. Các đàn óc-gan vẫn còn chơi khúc nhạc về mùa hè, với bao âm điệu rộn rã của Tháng Mười Hai. Mọi người bắt đầu ghi chú ba mươi ngày trước để nhớ mua áo mùa Phục Sinh. Những người gác đàn đã đóng vòi hơi nước (hơi nước nóng được bơm vào hệ thống ống dẫn đến các phòng để sưởi ấm). Và khi những việc như thế xảy ra, ta có thể biết rằng thành phố vẫn còn bị

mùa đông siết chặt.

Một buổi chiều, Sarah run rẩy trong phòng ngủ lịch sự của cô; toà nhà được sưởi, được quét dọn kĩ càng, mọi tiện nghi đều có; phải nhìn tận mắt mới đánh giá cao được. Cô không có việc gì làm ngoại trừ mấy bản thực đơn của Schulenberg. Sarah ngồi trên chiếc ghế đu làm bằng gỗ cây liễu kêu cọt két, và nhìn ra ngoài cửa sổ. Tấm lịch trên tường khóc với cô không ngớt: “Mùa xuân đã đến, Sarrah, mùa xuân đã đến, báo cho cô biết đấy. Hãy nhìn con số của tôi đây, Sarah, các con số của tôi chỉ về mùa xuân. Cô cũng có các số đo đẹp – các số đo của mùa xuân – nhưng tại sao cô lại nhìn ta cửa sổ buồn bã thế kia?”

Phòng của Sarah nằm ở mặt sau của toà nhà. Khi nhìn qua cửa sổ, cô có thể thấy bức tường gạch đỏ không cửa sổ của một nhà máy sản xuất bao bì trên con đường kế bên. Nhưng bức tường trong suốt như thủy tinh, và Sarah đang nhìn xuống một con đường mòn dài, rợp bóng cây anh đào và cây đu, với hai bên lề lót những bụi mâm xôi và dây hồng dại.

Đội tiền quân đích thực của mùa xuân thì quá tinh tế, tai và mắt ta khó nhận ra. Người khác phải thấy có hoa huệ tây đang nở, sơn thù du, tiếng hót của chim xanh – ngay cả lời nhắc nhở thô thiển kiểu như cái bắt tay vĩnh biệt của kiều mạch và sò biển - trước khi họ có thể dang rộng tay chào đón Nàng Xuân vào vòng tay vô vị.

Vào mùa hè năm trước, Sarah đã đi về miền quê và yêu một nông gia.

Khi bạn viết truyện, không bao giờ bạn nên viết trở về quá khứ theo cách như thế. Đây là thứ nghệ thuật tồi, nó làm què quặt mọi sự chú ý. Phải tiến tới, tiến tới trước nữa.

Một tiếng gõ trên cánh cửa làm tan vỡ những mơ mộng của Sarah về những ngày hạnh phúc ấy. Anh bồi mang bản thảo tờ thực đơn cho ngày hôm sau, do ông giá Schulenberg thảo tay bằng bút chì.

Sarah lưu lại ở trang trại Sunnybrook trong hai tuần. Ở đấy, cô đã yêu WWalter, con trai của nông dân Franklin. Mấy nông dân đã từng yêu và thành hôn rồi trở thành cỏ trong thời gian ngắn hơn. Nhưng anh trai trẻ Walter Franklin là một nhà nông học tiến bộ. Walter đã tán tỉnh và chiếm được con tim của Sarah trên con đường mòn ấy, đầy bóng mát và các bụi mâm xôi. Họ đã ngồi bên nhau và hái các nụ hoa bồ công anh để bện thành vương miện cho mái tóc nâu của cô, và cô đã bỏ lại sợi dây chuỗi của mình ở đấy, bước đi về nhà vung vẩy chiếc mũ rơm trên tay. Họ hẹn sẽ cưới nhau vào mùa xuân - Walter bảo vào lúc có những dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân. Và rồi Sarah đã trở lại thành phố để gõ máy đánh chữ.

Sarah ngồi xuống bên cái máy đánh chữ, luồn một tờ giấy cứng giữa hai trục lăn. Bình thường cô làm khá nhanh, chỉ trong vòng một tiếng rưỡi đồng hồ là cô đánh xong hai mươi mốt bản thực đơn.

Hôm nay thức ăn có nhiều thay đổi hơn bình thường. Các món súp lỏng hơn, không còn có thịt heo trong các món ăn nhẹ, mà lại có rau diếp Nga trong số các món thịt nướng. Tinh thần sang trọng của mùa xuân lan tràn trên khắp bản thực đơn. Thịt cừu, vốn ngay trước đây còn nhảy nhót trên các sườn đồi xanh, đã được khai thác với nước sốt để kỷ niệm các vũ điệu. Bài hát của sò biển, tuy không bị ngậm miệng im tiếng, đã trở nên một khúc thì thầm của mùa xuân. Cái chảo chiên được xếp xó, bất động sau mấy thanh vĩa của lò nướng. Danh sách các món bánh trái cây dài ngoằng ra; các loại bánh nhiều

béo đã biến mất; xúc xích, với tấm áo dày cộm cuốn quanh, không ở nán lại lâu.

Các ngón tay của Sarah nhảnh múa như đàn chuồn chuồn lượn trên mặt nước ao mùa xuân. Cô đánh tên từng món ăn theo thứ tự từ trên xuống dưới, lấy mắt để điều chỉnh chính xác mỗi tên tùy dài ngắn.

Ngay trên các món tráng miệng là danh sách các loại rau. Cà rốt và đậu, măng tây ở trên bánh mì nướng, các loại cà chua và ngô phục vụ quanh năm, đậu ngự, bắp cải - và rồi -...

Sarah đang khóc trên bản thực đơn của cô. Những giọt lệ từ sâu thẳm của mối thất vọng nào đấy dâng lên trong tim cô và trào ra khoé mắt. Cô gục đầu trên cái giá của máy đánh chữ, và các phím chữ canh cách tạo nên khúc đệm khô khan cho những nước nỡ của cô.

Vì cô đã không nhận được thư từ gì của Walter trong hai tuần nay, và món kế tiếp trên bản thực đơn là món rau bồ công anh, bồ công anh trộn với trứng gà đấy – nhưng để ý đến trứng làm gì! - bồ công anh với những nụ hoa vàng chói mà Walter đã dùng để phong cho cô làm nữ hoàng của tình anh và cô dâu tương lai của anh - bồ công anh, quân tiên phong của mùa xuân, vương miện của nỗi sầu thảm của cô – đã gọi lại cho cô về những ngày hạnh phúc nhất.

Thưa quý bà, tôi thách quý bà dám cười nếu quý bà trải qua ba cuộc trắc nghiệm đau khổ này: giả dụ quý bà thấy những nụ hoa hồng mà ông nhà đã tặng bà khi bà trao trọn con tim mình cho ông ấy, giờ được dùng làm món rau trộn với nước sốt Pháp, dọn lên trước mắt bà ở nhà hàng Schulenberg! Nếu nàng Juliet thấy những biểu tượng của tình yêu do chàng Romeo trao tặng bị làm nhục như thế, thì hẳn cô ấy sẽ uống thứ thuốc độc kia sớm hơn là trong tình sử mà Shakespear đã viết!

Nhưng Nàng Xuân quả là ác độc! Nàng cần gửi tín hiệu của mình đến thành phố bao la nhưng lạnh lẽo với toàn đá và sắt. Không có ai để nhờ gửi ngoại trừ anh liên lạc viên rấn rỏi với lớp áo xanh nhám và dáng vẻ khiêm tốn. Anh chỉ là một quân sĩ phiêu lưu, cây dent-de-lion – răng sư tử, theo như giới bồi bếp Pháp gọi. Khi nở, anh giúp đỡ cho tình yêu, lồng lên mái tóc nâu của cô nàng tôi; khi còn non và mọng và còn búp, anh đi vào cái nôi luộc và phát tín hiệu của cô chủ tối thượng của anh.

Dần dần, Sarah cố cầm nước mắt. Cần phải đánh máy xong các bản thực đơn, nhưng, vẫn còn chìm đắm trong cơn mơ lặng lẽ với hoa bồ công anh vàng chói, cô lơ đãng lướt các ngón tay trên bàn phím một lúc, với trí óc và con tim vẫn còn vương trên con đường mòn giữa cánh đồng với anh nông gia trẻ. Nhưng chẳng bao lâu cô đã nhanh chóng trở lại với những đường mòn lát đá của khu Manhattan, rồi cái máy đánh chữ lại lách cách vang lên như chiếc mô tô của cảnh sát đi giải tán đám đình công.

Lúc 6 giờ, anh bồi mang bữa ăn tối đến cho cô và anh đi các bản thực đơn đánh máy. Khi Sarah ăn, với một tiếng thở dài cô gạt qua một bên đĩa rau bồ công anh trộn trứng. Khi những nụ hoa vàng chói thấm đượm tình yêu bị chuyển thể thành mớ rau đen đuôi thấp hèn ấy, những hy vọng mà cô ấp ủ từ mùa hè cũng héo úa, tàn tạ theo. Tình yêu có thể tự nuôi dưỡng nó, như Shakespear đã nói, nhưng Sarah không thể nuốt nổi món bồ công anh vốn khi còn là hoa cảnh đã tô điểm bàn tiệc tinh thần đầu đời được dọn cho tình cảm chân thật của con tim cô.

Lúc 7 giờ 30, đôi vợ chồng phòng bên bắt đầu cãi nhau; người đàn ông ở trên tầng trên đang thử nốt nhạc A trên cây sáo của ông, ga

đốt xuống thấp hơn, ba chiếc goòng than đá bắt đầu xuống hàng – âm thanh duy nhất khiến cái máy hát ghen tức, những con mèo trên hàng rào sân sau bắt đầu rút lui. Với những dấu hiệu này, Sarah biết đây là giờ cô đọc sách. Cô lấy một quyển ra đọc, bắt đầu lang thang cùng với nhân vật chính trong truyện.

Chuông cửa kêu vang. Bà chủ trả lời. Sarah bỏ mặc nhân vật chính, nghe ngóng. Đúng thế, bạn sẽ làm y như cô! Rồi có một tiếng nói mạnh mẽ vang lên từ hành lang bên dưới, rồi Sarah phóng ra cửa, để mặc quyển sách nằm trên sàn nhà.

Bạn đã đoán đúng. Cô chạy xuống đến đầu cầu thang cùng lúc anh nông gia của cô cũng chạy đến đấy, nhảy một bước ba bậc, rồi bắt ngay lấy cô, gặt cả cô, không còn để lại gì cho dân đi mót lúa. Sarah nước nỡ:

- Tại sao anh không viết thư cho em? Tại sao thế?
- New York quả là một thành phố lớn. Tuần trước anh đến tìm em tại địa chỉ cũ. Lúc đấy anh mới biết là em đã dời đi hôm Thứ Năm rồi. Anh cảm thấy an ủi phần nào, vì tránh được ngày Thứ Sáu xui xẻo. Nhưng nó cũng không ngăn anh truy lùng em cùng với cảnh sát và nhiều cách khác, kể từ ngày ấy.

Sarah cả quyết:

- Em có viết thư cho anh!
- Anh không hề nhận được.
- Thế thì làm thế nào anh tìm được em?

Anh nông gia trẻ nở một nụ cười xuân:

- Tối nay anh ghé vào nhà hàng kế bên. Anh không cần biết ai là chủ; vào mùa này trong năm anh chỉ muốn ăn một món rau xanh gì đấy. Anh lướt mắt qua bản thực đơn đánh máy lịch sự ấy để tìm món như

thế. Khi anh đọc xuống qua món bắp cải, anh đánh bật cái ghế ngã chổng chơ, ầm ỹ gọi ông chủ. Ông ấy cho anh biết em ở đây.

Sarah thở phào vui sướng:

- Em nhớ ra rồi. Đây là món rau bồ công anh ghi dưới bắp cải.
- Anh nhận ra nét chữ W nằm cao hơn hẳn các chữ khác do máy đánh chữ của em tạo ra. Chắc đi đâu trên quả đất này anh cũng nhận ra nó!

Sarah ngạc nhiên:

- Sao thế? Trong từ “bồ công anh” không có chữ W!

Anh trai trẻ rút từ túi áo ra bản thực đơn, chỉ vào một dòng. Sarah nhận ra đây là bản thứ nhất cô đánh máy ban chiều: ở góc bên phải vẫn còn một vết nhoè nơi một giọt nước mắt của cô rơi xuống.

Nhưng trên dòng chữ nơi người ta đáng lẽ đọc được tên loại cây trên cánh đồng cỏ, tâm tư vương vấn về các nụ hoa vàng chói đã khiến các ngón tay cô gõ những phím chữ kỳ lạ.

Chen giữa hai món bắp cải và ớt xanh nhồi thịt là món:

“WALTER YÊU DẤU TRỘN TRỨNG LUỘC”

Hết

Conbo 2 : sưu tầm

Nguồn: hanoicenter.com

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 15 tháng 9 năm 2005